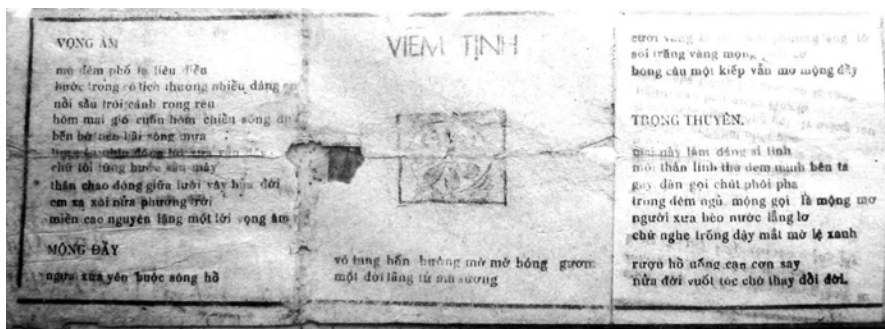


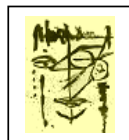
THƯ QUÁN BẢN THẢO

Chủ đề **KHỞI HÀNH VÀ TÔI**

...Sau năm 1975 mình vào Saigon đi kiếm tiền ở khu nhà ga xe lửa cũ đường Lê Lai. Mình vào nhà vệ sinh công cộng ở bên hông nhà ga và thật vui lòng khi thấy một nửa trang báo KH rách bần có thơ của mình. Tâm trạng của mình lúc đó không thể nói được bằng lời. Chắc lúc đó Saigon cũng buồn thê lương như mình. Mình khóc thầm lặng một mình và vuốt thẳng thớm mảnh báo rồi cất cẩn thận vào chiếc bóp cũ... (thư từ Huế)



Số **62** THÁNG 12- 2014



Tìm đọc TQBT với những chủ đề thuộc Di sản văn chương miền Nam :

Số 1-17 : Tuyển tập thơ văn

số 18 : Y Uyên

số 19 : Nguyễn Nghiệp

Nhượng

số 20 : Nguyễn Bắc Sơn

số 21 : Võ Hồng

số 22 : Viết trong khói lửa

số 23 : Vũ Hữu Định

Số 24 : Hoài Khanh

số 25 : Văn thơ xứ Quảng

Số 26 : Nguyễn Nho Sa mạc

Số 27 : Phan Như Thức

Số 29 : Từ Thế Mộng

Số 31 : 3 người viết

Số 32 : Trần Dạ Lý

Số 33 : Tạp chí Ý Thức

Số 34 : Lê văn Trung

Số 35 : Trường xưa

Số 36 : Khuất Đầu

Số 37 : Thư từ Tuy Hòa

Số 38 : Hơi thở đồng bằng

Số 39 : Tạp chí Trước Mặt

Số 40 : Những mùa Giáng

sinh khó quên

Số 41 : Tuyển tập thơ văn

mùa xuân

Số 42 : Mẹ

Số 43 : Cha

Số 44 : Tưởng niệm Thảo

Trường

Số 45 : Mây Viễn Xứ

Số 46 : Doãn Dân

Số 47 : Luân Hoán

Số 48 : Tạp chí Bách Khoa

Số 49 : Lâm Vỵ Thủy

Số 50: Nguyễn Đức Sơn

Số 51: Côi Đá Vàng

Số 52: Khoa Hữu & Nh Tay

Ngàn

Số 53: Tạp chí Văn

Số 54: Ba lô mang theo trên vai

Số 55: Dương Nghiễm Mậu

Số 56: Những Vấn Đề Văn Học

Số 57: Văn chương Blog

Số 58: Tính nhân bản trong

văn chương miền Nam

Số 59: Phùng Thăng

Số 60: Tạp chí sáng Tạo

Số 61: Hiện tượng những nhà

văn nữ

Địa chỉ:

719 Coolidge Strret

Plainfield, NJ 07062

Phone: (908)9308743 (cell)

Email:

tranhaoithu16@gmail.com

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật
Năm 14 TẬP 62, THÁNG 12, NĂM 2014
Chủ đề: Khởi Hành và tôi

Mục lục

Thư tòa soạn /3

Sống và Viết:

Trần Hoài Thư (4) Phạm văn Nhân (10) Như Thương (14).

Phân chủ đề

Viết về KH:

THT: Hành trình Khởi Hành / 26 • Viêm Tịnh: Tuần báo KH cùng nhịp đập chiến tranh / 29 • Nguyễn Miên Thảo: KH và tôi / 32 • Hoàng Ngọc Hiến: Ở thị trấn An Lộc, đọc KH /36 • Từ Hoài Tân: Tôi với KH, thời trẻ / 43 • Phạm văn Nhân: KH trong ký ức/ 47 • Nguyễn Như Mây: Một kỷ niệm với KH / 52 • Mang Viên Long: KH, những năm tháng tuổi trẻ không quên / 54 • Nguyễn Dương Quang: Nửa đêm chợt nhớ bài thơ cũ /58 • Nguyễn Lệ Uyên: KH trong trí nhớ hoang vu / 69 • Trần Hoài Thư: KH và tôi / 74

Diễn Đàn KH

Mặc Đỗ: Mặc cảm Kaki / 92 • Lê văn Chính: Thương xác với nhà văn Mặc Đỗ / 95 • Yên Bằng : Niềm tự hào của người cầm bút trong quân ngũ / 100 • Dương Nghiễm Mậu: tại sao không có một tác phẩm ... / 106

Giới thiệu

TQBT: Khởi hành số cuối cùng /112

Tùy bút của mai thảo /117

Văn trích:

Phạm văn Nhân (170) • Trần Hoài Thư (176) • Đặng

Đình Tòng (184) • Hoàng Ngọc Hiến (194) • Lê Lạc Giao (199) • Lê văn Chính (207 •, Nguyễn Mai (216) • Mang Viên Long (226),

Thơ trích:

Hoàng Ngọc Châu (131) • Ngự Do Thái (139) • Nguyễn Tiếp Tục (148) • Tuệ Sỹ (162) • Tô Thùy Yên (237) • Từ Thế Mộng (239) • Trịnh Cung (240) • Nguyễn Lương Vỹ (242) • Trần Yên Hòa (243) • Thành Tôn (244) • Lê văn Trung (231,245) • Trầm Kha (245) • Yên Bằng (247) • Giang Hữu Tuyên (249) • Nguyễn Miên Thảo (249)

Nhân định văn chương:

Trần văn Nam : Bàn về người lính trong văn chương và văn học đô thị / 254

Mục thường xuyên:

Nguyễn thị Liên Tâm: Nữ sĩ Trần thị Ngh. và ngôi nhà không khóa trái /266

Truyện của Đặng Kim Côn /247 • Lưu Thủy Hương / 280 / • Nguyễn Lệ Uyên / 308 • Khuất Đầu / 323 • Âu thị Phục An /329

Thơ nhiều người: Nguyễn thị Liên Tâm / 342 • Đinh Quý Nhường /343 • Thái Tú Hạp / 345 • / Phạm Cao Hoàng / 347 • Đinh Thắng / 349

Giữa tòa soạn và thân hữu: /350

Hình bìa: Hình chụp lại từ một trang thơ cũ của nhà thơ Viém Tịnh

Địa chỉ Tòa soạn:

719 Coolidge Street, Plainfield, NJ 07062

(908)9308743 (Cell)

tranhaoithu16@gmail.com

THƯ TÒA SOẠN

Số báo kỳ này mang chủ đề “Khởi Hành và tôi” đã vượt ngoài sự tưởng tượng của chúng tôi. Nỗi lo lắng về bài vở thiếu hụt, về tư liệu khó khăn để tìm tòi, về số bạn bè được mời để đóng góp có nhận lời hay không - xem như không còn cần thiết. Bằng chứng là quý bạn đang cầm trên tay một cuốn báo phong phú bài vở tư liệu về một tờ tuần báo văn học mà trước 1975 có rất nhiều ảnh hưởng vào tâm tư tuổi trẻ thời chiến.

Đặc biệt trong số báo kỳ này, chúng tôi cũng sưu tầm và đánh máy 12 bài tùy bút đặc biệt của Mai Thảo đã xuất hiện trên Khởi Hành hầu chia sẻ cùng quý bạn những áng văn tuyệt vời, khó có thể tìm lại, sau năm 1975.

Nhân đây, chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý bạn đã tặng quà lì xì cho tạp chí TQBT sau khi chúng tôi buộc lòng phải kể về tình trạng TQBT qua bài Đình Bản hay không Đình Bản.

Cuối cùng xin quý bạn nhận ở chúng tôi những lời chúc tốt đẹp nhất.

Thay mặt tạp chí TQBT
Trần Hoài Thư

SÔNG VÀ VIẾT

TRẦN HOÀI THU

CÁM ƠN

Trong vòng mấy tháng đầu sau khi Y. bị đột quỵ, tôi thấy mình bị hụt hẫng, hết còn chỗ để bầu vùi.

Tôi có ý định đóng cửa tạp chí Thư Quán Bản Thảo.

Vậy mà, đến giờ phút này, tạp chí vẫn còn sống, càng mạnh hơn bao giờ. Vậy mà, mỗi số báo là mỗi chiếc xe tải, chở nặng những tư liệu tài liệu, bài vở của chủ đề, lúc mà tôi không còn dịp để trở lại Yale hay Cornell nữa.

Tại sao vậy.

Tôi tin là có một sự mẫu nhiệm nào đó.

Ví dụ số báo về Phùng Thăng chẳng hạn. Giữa lúc tôi đang bối rối, mù mờ về tiểu sử của chị, nhất là được nghe là chị và con chết thảm ở Kampuchia sau năm 1975, tôi tự đặt những câu hỏi nhưng không bao giờ nhận câu trả lời.

Thì giữa lúc đó, tức là năm ngoái, trên Net tự dưng xuất hiện một loạt bài ký sự về số phận của 500 người Việt bị quân Kmer Đỏ cấp duồn từ đảo Thổ Châu mang về Miền.

Trong đó kể rõ về tội ác ghê rợn của bọn quỷ, như cảnh tượng chúng trói hai mẹ con lại, rồi đập đầu chôn sống.

Tôi liên tưởng đến câu thơ cuối cùng của bài *Đêm thăm bạn sắp đi ở Di Linh* của Nguyễn Đức Sơn khi ông làm bài thơ về chị:

Rừng và chị ôm nhau chết,

Rõ ràng, bây giờ, không phải là Rừng nữa mà là miền Nam.

Miền Nam và chị ôm nhau chết.

Từ đó, bóng mờ của Phùng Thăng càng ngày càng sáng, để chúng tôi có thể thực hiện một tập báo mà bạn bè thân hữu hết lòng ngợi khen.

Sau đó, hết những may mắn đến may mắn nọ. Số chủ đề về Sáng Tạo rồi số chủ đề về Hiện Tượng Những Nhà văn nữ.

Và giờ đây, là ba cuộn microfilm chứa toàn bộ 156 kỳ báo Khởi Hành này.

Mặc dù không có máy Microfilm reader để mà đọc phim. Nhưng “cái khó bó cái khôn”, cuối cùng tôi cũng tạo nên một dàn máy đã chiến để đọc trên vách, để scan, để đưa vào tập báo mà bạn đang đọc đây.

Đối với hoàn cảnh của tôi bây giờ, đó là phép lạ. Không ai tin nổi là tôi có thể thực hiện được những số chủ đề gai góc như vậy.

Tôi xin được trả lời tại sao. Bởi vì tôi có những người bạn tốt, luôn luôn bên cạnh mình.

Họ đã tạo nên những may mắn mà tôi vừa kể.

Vâng, những trang di sản văn chương trên tạp chí này, không phải là công của chúng tôi mà là công của các bạn đấy.

Xin được hết lòng cảm ơn.

KINH THÀNH CŨ

■ Tằng Viêm Tịnh, Đinh Cường, Nguyễn Miên Thảo,
Từ Hoài Tấn, Thái Kim Lan

Có một buổi chiều nào đó, hình như trời bắt chợt mưa giông, và bầu trời trên Thành-nội, đầy u ám và xám xịt, tôi và bạn, vì cơn mưa đã đuổi chúng ta vào phòng, đã ngồi đối diện trước chiếc bàn con, bằng gỗ quý. Bạn mặc chiếc áo rộng thùng thình, còn dính những vết sơn màu, chiếc quần jeans màu nâu nhạt. Gương mặt bạn gầy hao, trong ánh sáng le lói của buổi chiều sắp dứt lại càng hao gầy hơn. Bạn cúi xuống hỏi:

- S., liệu ở trong đây, bảo đảm cuộc sống của mình không. Mình cần một chỗ để thở, để làm việc. Mình còn tương lai, còn cuộc sống, mình còn bao nhiêu năm để làm nữa. Chả lẽ cứ sống mãi thế này.

Bạn nhìn ra ngoài khung cửa. Mưa gió tạt bên ngoài hành lang. Khu vườn hoa nom tối thăm hơn. Trên sân, có những cánh hoa rụng rơi tã, lác đác trên bờ gạch vàng rêu... Và xa hơn nữa, là những hàng dừa sẫm nhạt, là hàng rào dâm bụt vây quanh, và cách con đường kia, là bờ thành cao, buồn bã. Có điều gì u uất trong lòng tôi, giữa sự vắng lặng, tịch mịch thế này. Tôi nhìn đôi mắt bạn. Một đôi mắt u uẩn vô chừng:

- Tôi có quen một vị linh mục. Ông là hiệu trưởng của một trường trung học. Để tôi về nói với ông. Anh có thể dạy vài giờ.

- Ngôi trường đó ở đâu?

- Cạnh biển và núi...

- Chao ơi đẹp quá.

Và bạn nhìn vào không gian xa vắng. biển, núi, quê hương, mời gọi chúng ta đến. Sóng vỗ, mặt trời và đêm trăng mời gọi ta về. Ta không còn bận bịu, không còn lo âu. Sự sống đâu có phải mỗi ngày chém giết, tranh dành nhau như thế này. Sự sống đâu có phải đối diện với một ám ảnh ghê rợn như thế này. Có buồn không hỡi, những người trẻ tuổi Việt Nam. Hãy về đó, ngôi trường có hàng rào phi lao, cạnh bờ biển. Mỗi đêm, khi thức dậy ta có thể nghe tiếng sóng biển rì rào, và nhận ra con trăng sáng, lung linh trên một vùng mênh mông trời nước. Hãy mở cửa sổ văn phòng trên lầu thượng hứng vào gió biển đêm, và âm thanh ngàn thơ xa vắng, gió biển, và đêm. Hãy lấy gió vẽ, đặt vào nơi trăng chiếu, có màu trắng tô thêm, có màu xanh xao như màu da của thiếu phụ.

Bạn nói như khóc:

- Thế nào tôi cũng phải rời bỏ thành phố này. Huế đối với tôi, như một người tình. Huế săn sóc tôi. Huế an ủi tôi. Huế làm tôi vui buồn, đau khổ. Huế mang tôi hơi thở, mang tôi hơi lạnh, hơi ấm. Huế đem vào con tim tôi bao nhiêu điều yêu dấu nhất. Tôi lớn lên ở Huế, tôi có nhiều người thân yêu ở Huế... Nhưng tôi phải rời bỏ hết để trốn chạy.

Và bạn đứng lên đi về phía khung cửa. Bức tranh vẽ một thành phố đổ nát, những ngôi nhà hoang tàn, những vết đạn loang lổ, những đồng gạch vụn đổ nát, chất ngất sầu mây, những xác người đã gục dưới lớp cỏ xanh um. Và mặt trời đỏ máu và con trăng đỏ huyết và tiếng chó đói tru lên... Bức tranh kia, là con đường mười tám, bên bờ sông xanh lơ, dập dềnh những tà áo trắng học trò, và nghe lòng nao nức như những nhịp guốc điệu dàn bước trên vỉa hè. Một khoảng trời mây trong sáng, đôi mắt người tình như đôi hạt nhãn lòng lay láy, em trở về trong mưa dịu nhẹ, hồn ấp úng tình yêu của tuổi học trò hay mơ mộng em trở về, với chiếc nón bài thơ, nghiêng nghiêng then thò con gái Huế, tôi phải xa. Huế thành

phố của thuở học trò quần xanh áo trắng. Huế của lòng tương tư của kẻ đứng bên ni cầu, một sáng sương muối mênh mang trời nước. Huế và những con đò đã ngủ muộn chiều chẵn và dậy trưa trong sương khói mịt mù. Như vậy, chúng ta lại xa lại trốn bỏ. Trong thời buổi chiến tranh, mỗi người con trai đều là những đứa con hoang, tội nghiệp.

Và bạn đã nhìn đắm chiều trong màn mưa bay ảm đạm đó.

- S. phải giúp mình. Mình phải đi. Mình phải sống không bận bịu lo âu, không kỷ cương, không ước lệ. Mình phải thoát khỏi bốn vách tường, với khẩu hiệu, truyền đơn nhảm chán. Bạn nhìn tôi, nói như khóc:

- Mình chỉ cần cái phòng nho nhỏ, gặm bánh mì, để sống, để vẽ. Mình có thể đi tu luôn... Đó là niềm sung sướng nhất cho mình. Vẽ, mình sẽ vẽ..., ước mong mình mỗi năm, sẽ trình bày một phòng tranh...

Và bạn đã dắt tôi vào, căn phòng ảm tối đó. Bạn sống âm thầm ở đây, bẽ bộn những tranh màu, những ống thuốc vẽ, những quyển sách thơm mùi mực, đầy óc não của các người xưa, và các người đi trước. Ở đó, Van Gogh đã để lại trong cuộc đời bi đát trên một cù lao cô độc nhất. Ở đó, Beethoven đã sống và chết vì âm thanh con tim và vũ trụ. Ở đó là Tolstoi, tóc bạc phơ, ngã xuống trong mỗi cô đơn của cuộc đời người... Tôi đã đứng yên, trong bóng mờ rét lạnh. Tôi đã thấy rõ ý nghĩa của nghệ thuật và cuộc sống. Phải chăng, không còn gì tồn tại vĩnh cửu ngoại trừ nghệ thuật, ngoại trừ công trình sáng tạo của con người.

Bây giờ, bạn đã rời bỏ, để lên một miền cao. Bạn đã không về ngôi trường có căn phòng nhìn ra bờ biển. Bởi vì tôi không làm được điều tôi đã hứa. Không ai trong thành phố này hiểu chúng ta, thương chúng ta, giúp đỡ chúng ta. Chúng ta là những người con hoang... ôi những con ngựa hoang của một thời nội chiến. Những

ước mơ, những hoài vọng, những nỗi áp ú của một thời thanh niên. **Buồn thanh niên đứng co ro phở dãi** (thơ Viên Linh). Tôi đã bắt lực. Tôi không làm gì hơn với mỗi ngày chấp chờn một viễn ảnh đen tối. Tôi đã bỏ Huế như bạn đã bỏ. Nhưng than ôi, tôi là một kẻ lưu đày. Còn bạn, bạn cho tôi được cúi đầu xuống: bạn là một người đầy can đảm, đầy nghị lực...

Huế, còn gì bây giờ đây. Hay là của đồ vỡ điều tàn, của cầu gãy, của hố chôn, của xác người, của kinh thiên động đất, của đạn cà nông, của bom lửa, của đạn AK, của giải phóng, của tự do... Huế, Huế, chúng ta bỏ đi. Bỏ hết đi cả. Con trai, đi đánh giặc. Con gái, về thành phố xa, làm đĩ, làm tình nhân, làm vợ, làm sỏ Mỹ, làm ca sĩ, làm... Các em về, chạy trốn Huế rồi. Các anh đi, trốn bỏ Huế rồi... Các nắm mồ, đã xanh màu cỏ, những nỗi đau thương đã vơi chút nào rồi. Họa chăng, có giòng sông ngàn đời lặng yên kia, mỗi lần một kẻ trở về nhìn xuống giòng sông, thấy lại những giòng nước mắt. Ở đằng xa, lũ quạ đen chấp choạng gọi hồn.

Bây giờ, chắc bạn đã vẽ được nhiều bức tranh. Tôi bỗng nghĩ đến một người họa sĩ trẻ, lặn lội lao đao ở chốn quê người. Một căn phòng nhỏ, những ngày rách nát, và còn gì nữa, do cuộc đời của những con ngựa hoang. Bây giờ, bạn, người nghệ sĩ chân chính, chúc bạn đầy đủ nghị lực để lên đường.

(trích Khởi Hành số 67 ngày 20-8-1970)



Sống lại một thời dĩ vãng

Phạm Văn Nhàn

Kể từ khi “ Tủ sách Di Sản Văn Chương Miền Nam” được hình thành do Thư Ấn Quán và tạp chí văn học Thư Quán Bản Thảo chủ trương cho đến hôm nay, phải nói, cũng nhờ đến bạn bè trong nước hỗ trợ, tìm kiếm những trang sách, trang báo mà chúng tôi tin là còn có trong dân gian.

Quả thật như vậy.

Mặc dù có một thời gian dài, khi chị Yến còn khỏe mạnh, anh chị Trần Hoài Thư cứ phải lái xe đi đi lại lại hoài tới những thư viện Mỹ ở phía đông bắc Hoa Kỳ để sao chép những trang sách, trang báo về làm tư liệu, trong đó có biết bao nhiêu là những sáng tác một thời của anh em cầm bút trước 1975. Dù tìm kiếm những tư liệu trong các thư viện Hoa kỳ, nhưng cũng chưa thể là đủ hết. Còn về những tác giả trong nước, có người cũng không nhớ và không còn giữ bản thảo nào. Thế mà, sau một thời gian tìm kiếm, Thư Ấn Quán cũng hình thành được 4 bộ sách: Văn Trong Thời Chiến, dây cộm, mỗi bộ trên dưới 600 trang.

Rồi sau đó là những tập Thơ. Từ thơ tự do cho đến lục bát. Việc làm của Thư Ấn Quán đã làm nên một tủ sách “DSVCMN”. Việc đọc giả, bạn bè ca ngợi việc làm đó, đã là một điều khích lệ cho anh em chủ trương làm để giữ gìn bản sắc văn học miền Nam khỏi bị mai một.

Tuy nhiên, có những thứ mà nhiều khi trong thư viện lưu trữ của Mỹ tìm không có, nhưng lại có trong những chồng sách cũ trong dân gian. Nhưng dân gian thì rộng

và bao la quá, có ai để tâm tìm kiếm? Ngoại trừ một dịp bất ngờ nào đó. Như trường hợp tập thơ in chung của nhiều tác giả: *Tiếng Thơ Miền Trung* phát hành vào năm 1956 .

Nhớ lại, ngày anh Từ Thế Mộng còn sống, có nhờ tôi và anh Trần Hoài Thư đi tìm giùm tập thơ ấy. Sau những lần tìm kiếm trong các thư viện của Mỹ và hỏi thăm bạn bè, *Tiếng Thơ Miền Trung* vẫn không thấy và không ai còn lưu giữ. Ngay cả năm tác giả trong tập thơ cũng không còn giữ nó. Nhưng khi anh Từ Thế Mộng qua đời, thì bỗng nhiên, tập thơ đó lại được nhà thơ Lê Ký Thương có dịp đi lang thang tìm thấy nó qua một người gánh sách cũ đi bán. Một điều lý thú là tập thơ đó lại chính là tập thơ của anh Từ Thế Mộng, có cả triện son đỏ chói của anh đóng vào những trang thơ của anh trong tập *Tiếng Thơ Miền Trung*. Có lẽ vào năm 1956 khi phát hành tập thơ, Từ Thế Mộng đã ký và đóng dấu tên mình để tặng cho ai đó. Mấy mươi năm sau họ đem đi bán giấy vụn, và Lê Ký Thương vô tình thấy và mua lại. Gởi qua cho Thư Ấn Quán in lại để gởi đến cho những tác giả có đóng góp trong tập *Tiếng Thơ Miền Trung*. Riêng bản gốc mà nhà thơ Lê Ký Thương tìm thấy cùng với những tập thơ do Thư Ấn Quán in, tháng 4/2014 tôi về Việt Nam mang về cho vợ con anh Từ Thế Mộng. Trong ngày giỗ của anh tại Phan Thiết, tập thơ (bản gốc và những tập thơ mới in lại được trang trọng để lên bàn thờ của anh). Các anh em cầm bút cũ ở Phan Thiết nhìn tập thơ mà bùi ngùi trong ngày giỗ của anh Từ Thế Mộng.

Tuy nhiên, có một điều tôi còn thấy bùi ngùi hơn, phải nói là “mũi lòng” hơn nữa là khác, khi anh Trần Hoài Thư gợi ý với tôi làm số chủ đề cho Thư Quán Bản Thảo số 62, lấy ý : *Khởi Hành Và Tôi*. Tôi gọi phone cho nhà thơ Viêm Tịnh, ở Huế. Viêm Tịnh gợi ngay cho tôi với THT nửa trang báo cũ của Khởi Hành, không có

ngày, tháng, năm. Trên nửa trang báo Khởi Hành ấy lại có đi ba bài thơ của anh. chính anh thấy nó từ một nơi mà anh viết như sau:.... *Sau năm 1975, mình vào Sài Gòn đi kiếm tiền* (chắc vào Sài Gòn để kiếm việc làm - NV) *ở khu nhà ga xe lửa cũ trên đường Lê Lai, mình vào nhà vệ sinh công cộng ở bên hông nhà ga và thật mũi lòng thấy một nửa trang báo Khởi Hành rách bần có thơ của mình...*

Ngay lúc đó anh vuốt trang báo lại cho phẳng thơm, rồi xếp lại cất trong bóp 39 năm trôi qua, hôm nay anh gởi trang báo đó qua cho chúng tôi. Làm sao không mũi lòng khi chính anh (Viêm Tịnh) thấy thơ mình trong một nhà cầu công cộng. Và, làm sao không mũi lòng khi chúng tôi nhận được nửa trang báo này. Hôm nay, có dịp TQBT 62 với chủ đề như vậy, nửa trang báo Khởi Hành làm sống lại trong anh vui buồn lẫn lộn.

Cũng phải nói là cảm ơn ai đó đã bỏ lại mảnh giấy báo như bao nhiêu tờ giấy báo khác và vô tình chính Viêm Tịnh thấy được khi cần “giải quyết” vấn đề sinh lý trong nhà cầu. Có buồn không? Buồn lắm chứ! Có vui không? Vui lắm chứ ! Vì đó là trang báo có in thơ của mình (VT).



(1/2 trang báo Khởi Hành có ba bài thơ của Viêm Tịnh)

Còn nữa, với tuần báo Khởi Hành, độc giả ai cũng biết

đó là tuần báo của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội. Nhưng mấy ai (nếu là hội viên) còn giữ thẻ hội viên này. Người bạn, nhà thơ Huỳnh Hữu Võ, ở Phan Rí, nghe TQBT làm số chủ đề về KH, anh gởi ngay ra cho chúng tôi thẻ hội viên của anh, mà anh đã cất giữ hơn 40 năm qua. Dù chữ trên thẻ hội viên có mờ, nhưng độc giả TQBT hôm nay cũng nhìn thấy được thẻ hội viên HVNSQĐ ngày nào.



(Thẻ Hội Viên Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội)

Còn nhiều nữa, nếu nói về Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam trước 1975, mà Thư Ấn Quán đã in và phát hành, cũng còn có những tập thơ văn mà chúng tôi cũng như bạn bè đã vô tình tìm thấy gởi đến chúng tôi để in và lưu trữ. Mục đích làm thẻ nào để khỏi mai một: một nền Văn Học đích thực của một Miền Nam vậy.

BÁNH ĐẬU NGŨ CỐC

Như Thương

Rất may mắn, gia đình chúng tôi sau những năm tháng chiến tranh mất mát vẫn còn đầy đủ một người mẹ gồng gánh, một người cha vắng nhà và 8 đứa con nít. Mỗi lần Tết đến, chúng tôi lại thấy mẹ chúng tôi loay hoay với việc mua các thứ đậu ngũ cốc về, ngồi tỉ mỉ lượm từng hạt sạn còn sót trong những hạt đậu bé tí xíu ấy, vo thật sạch, phơi nắng cho ráo và rang chúng trên lửa riu riu. Chúng tôi thấy làm lạ lắm vì từ thuở bé đến giờ, chúng tôi được ăn Tết với tất cả những món bánh mứt do mẹ chúng tôi làm, nhưng chưa bao giờ có món bánh này hết cả.

Gần Tết, có lẽ trong số các bà nội trợ của vùng tôi ở không có ai rảnh về những gian hàng chạp phô bán các loại đậu bằng mẹ tôi! Người đã rào quanh hết các sạp hàng để tìm cho được loại đậu ngon vừa ý. Tôi thì thấy hạt đậu nào cũng giống hạt đậu nào, miễn là nó xanh mướt, đen thui, đo đỏ tùy theo loại đậu mà thôi. Và khi bỏ vào miệng cắn thử một hạt nghe tiếng - cóc - dòn rùm là được, có nghĩa là hạt đậu đã được phơi khô kỹ lưỡng dưới ánh nắng mặt trời chứ không bị mắc mưa rồi phải sấy khô.

Nếu nó được gọi là bánh, thì tôi không đồng ý chút nào hết, nhưng chẳng biết nó sẽ được gọi là gì khi vật liệu được làm bằng bột ngũ cốc, nhào với đường và mật ong, ép vào khuôn rồi nướng lên, nhưng cuối cùng chiếc bánh thật là khô khốc và cứng ngắt (chứ không mềm

như những chiếc bánh làm bằng đậu xanh - là loại bánh khi ngậm vào thì cảm giác mịn tan dần ngọt lịm dưới lưỡi). Dường như chưa bao giờ có ai làm ra hay nghĩ ra một loại bánh như thế hết cả, duy chỉ có mẹ tôi !

Những chiếc bánh ngũ cốc ấy phát xuất từ trái tim thương yêu chồng. Nó đã vượt ngàn trùng, trèo đèo, lội suối, băng rừng đi theo mẹ tôi để đến với ba tôi, người đã đi học tập cải tạo ở những trại tù không có địa chỉ mà chỉ có một tên gọi như là một bí danh vì chúng thường có những chữ viết tắt A, B, C hay con số đi kèm theo tên gọi của nó.

Tôi là người chị cả trong tất cả 8 anh chị em, tôi cảm thấy dường như mẹ tôi nhìn thấy hình ảnh của ba tôi khi mua về từng ký đậu khô và khoe rằng: Đậu mới hái, không hôi mốc, đậu hạt lớn, đậu xanh lòng đỏ bùi và bở ... ngon và bổ lắm. Mẹ tôi đã chăm chút từng bịch đậu xanh, đậu đỏ, đậu đen, đậu trắng, đậu ván như thể người đã mua được một vật gì đó quý giá lắm. Mẹ dành ... một tay mẹ rang đậu, chứ không để chúng tôi rang vì sợ chúng tôi rang không khéo sẽ bị quá vàng thì hết chất bỏ đi hay còn hơi sống thì ba chúng tôi ăn sẽ bị đau bụng, để một tay mẹ lựa sạn còn sót lại trong đậu, một mình mẹ xay đậu nhuyễn và mịn, dường như mẹ không tin rằng những đứa con gái của mẹ cũng biết làm những công việc con con như thế được.

Tôi sẽ nói sơ qua về cái lò nướng bánh bằng thiếc và hình vuông ngộ nghĩnh ấy một chút. Nó đã theo mẹ tôi suốt quãng đời kiếm tiền tần tảo nuôi chồng trong tù và nuôi 8 đứa con sau năm 1975 vì tất cả những món bánh mẹ tôi làm ra bán để kiếm tiền đều phải đi qua chiếc lò nướng bánh ấy hết cả. Giá tiền mua cái lò nướng bánh ấy bao nhiêu thì bọn con nít chúng tôi không biết được, nhưng chỉ thấy rằng sau mỗi lần nướng bánh xong, thì nó được ngồi chễm chệ trên 4 viên gạch lỗ xây nhà màu đỏ đỏ để nền đất ẩm của cái chòi tranh - là chỗ ở của gia đình chúng tôi- không làm rỉ sét cái thùng nhôm

quý báu hái ra tiền ấy.

Bốn viên gạch ấy đã là những vị khách đặc biệt của chúng tôi, vì làm gì mà kiếm được 4 viên gạch ngói đỏ chói trong một căn nhà nền đất lợp lá dừa nước, vách cũng làm bằng lá dừa nước, cửa sổ và cửa cái của căn nhà được làm bằng phen tre đan và dùng sợi dây như sợi dây cột trâu ngoài đồng để cột cửa như thể là then cài cửa đóng!

Căn nhà đã che nắng cho chúng tôi, nhưng đã không che mưa và không che bóng trắng ngà được.... Mùa mưa đến chúng tôi đội nón lá trong nhà và cũng lấy nón lá đội cho cái thùng nướng bánh ấy nữa (để nước mưa không làm rỉ sét nó). Những đêm trăng tròn thì kê lá của vách nhà bị chúng tôi lén moi thêm lỗ cho rộng thêm ra để nằm ngủ ngắm trăng qua bờ mương, bờ chuối, hàng dừa của xóm giềng!

Mỗi khi nướng bánh, cái nhiệt độ cần thiết cho mỗi loại bánh được mẹ tôi đo bằng kinh nghiệm dày dặn của một người thợ nướng bánh lâu năm, chỉ cần đưa bàn tay vào lò là mẹ tôi biết độ nóng vừa đủ để nướng từng loại bánh (vì mỗi loại bánh cần một độ nóng ban đầu khác nhau, chỉ có đến lúc bánh đã chín bột rồi thì tất cả mọi loại bánh đều phải bớt lửa nhỏ xuống để cho vàng mặt bánh mà không làm khô ruột bánh đi).

Khi còn nhỏ, mỗi lần nhìn thấy bàn tay gân guốc của mẹ tôi đưa vào lò nướng bánh để đo nhiệt độ, tôi đã ngây thơ nghĩ rằng có lẽ vì những đường gân nổi lên như vậy cho nên mẹ tôi đã đo được chính xác hơn bàn tay con nít chúng tôi ! Nhưng đến khi lớn lên, tôi mới hiểu đó là những đường gân của một đời lặn lội, vất vả...



Phác thảo của Thân Trọng Minh

Có ai đó định nghĩa được hai chữ Tần Tảo của một người đàn bà một cách đầy đủ không? Tôi nghĩ rằng không. Mỗi người mẹ đi trên một con đường tần tảo riêng của mình, nhưng nó vẫn là con đường của những xoay trở và chịu đựng trong trăm ngàn nẻo đường cay đắng. Tất cả vẻ đẹp và bình an trong cuộc sống được tạo nên do sức mạnh từ tình yêu của người phụ nữ cho mái ấm gia đình - đó là định nghĩa của riêng tôi về hai chữ Tần Tảo.

Sau cái lò nướng bánh phải kể đến ông Táo để nướng bánh đậu ngũ cốc! Thôi thì, những ông Táo ở nhà quê đã từng làm khổ chúng tôi biết bao nhiêu, bởi vì chúng tôi là những người sống ở thành thị, thế rồi gặp thời buổi nhiều nương loạn lạc, nên đã trôi giạt về đây sống ẩn mình dưới rặng tre làng, nhánh lúa trĩu nặng ngậm sữa dòng dòng ngọt lịm và với những tấm lòng, trái tim chân thật như củ khoai, cục đất thì làm sao chúng tôi có thể biết hết được những sinh hoạt và cách sống như dân

quê ở ruộng đồng, vườn tược.

Củ lá dừa - Cái tên của bó lá dừa ấy cũng ngộ nghĩnh như tên một đứa con trai hay con gái ở nhà quê: Con Cúi. Làm sao để bó một nắm lá dừa vừa đủ chặt vì bó lá dừa mà lỏng quá hay chặt sẽ làm ngọn lửa bị tắt ngúm trong khi nấu. Dùng một cái ống bằng đồng để chong khu thổi lửa thì mới thấy thấm thía hai chữ thổi bếp nấu cơm. Miệng thì vừa thổi, mắt thì nhắm tít lại để bụi tro của lá dừa không bay vào mắt - có khi chúng tôi thổi không khéo, thì bị khói cay bay ngược trở lại đến phát khóc! Ai đánh con cúi giỏi thì nồi cơm nấu sẽ mau chín vì lửa đều và không phải ngồi thổi lửa hoài. Riêng tôi, dĩ nhiên là đánh con cúi chẳng bao giờ giỏi rồi vì mỗi lần ngọn lửa sắp tắt ngúm trong bếp là tôi đã tháo tung bó lá dừa ra để ngồi chụm từng cọng lá dừa để giữ lửa cho chắc ăn! Do đó, khi bó lá dừa, tôi chẳng cần để ý là nên bó làm sao để thành con cúi hoàn hảo nữa vì trước sau gì tôi cũng tháo tung nó ra từng cọng lá mà.

Một nguồn nhiên liệu khác nữa được chúng tôi sử dụng để nấu bếp là dùng những bẹ dừa phơi khô. Trời sinh ra cây dừa có lẽ là kiếp mặt vụn hay sao ấy, để con người sử dụng chúng hết tất cả từ gốc đến ngọn, từ cây, trái đến hoa, từ khi nó còn sống đến khi nó bị đốn ngã đi. Không bỏ sót một mảnh nào nơi cái thân gầy guộc thẳng đứng suông đuột nhưng ngạo nghễ ấy cho đến cái rễ nằm sâu dưới đất. Cái gánh củi bẹ dừa đã từng oằn vai tôi đi hết những bờ mương quanh co trong những khu vườn đầy cây trái, hàng dừa, hàng chuối để về được đến sân phơi củi. Lại còn phải chặt những bẹ dừa ấy thành những khúc củi ngắn ngắn như ... những khúc đời may rủi của chúng tôi !

Khúc đời may mắn giống như là những khúc củi trời cho ngay thẳng và khúc củi cong queo giống như là ngày tháng chúng tôi đi vòng vòng với gánh củi, đi mãi vẫn không đến được ước mơ giản dị mà mình ao ước: đừng phải gánh củi nữa, sẽ có than hồng trên bếp lửa

như những năm tháng trước đó. Khổ nhất là vào những ngày mưa, những bẹ dừa bị dẫm nước mưa nên trĩu nặng vai chúng tôi hơn đi qua bờ mương, bờ đê trơn trượt và phải cần thời gian phơi lâu hơn thì mới có củi để chụm. Có lần, tôi đã trượt chân té và cả gánh củi đã trôi bèo bồng theo dòng nước của con mương cạn. Tôi đứng nhìn những bẹ dừa trôi mà lòng buồn vô hạn rồi đứng khóc ngon lànhchẳng buồn vớt chúng lên ! Những khúc bẹ dừa đã dẫm nước mưa, nay dẫm thêm nước sông và có lẽ trong hồn chúng dẫm thêm nước mắt của tôi nữa thì cũng đành trôi theo số kiếp vậy thôi

Kể đến là *cái bếp trấu*. Lại thêm một cái tên mới nữa của ông Táo ở nhà quê, cái tên mà trong sách vở học trò của tôi chẳng bao giờ biết đến, nhưng tôi đã phải học cách dộng lò trấu (dường như nó là từ ngữ của văn nói chứ không phải là của văn viết) .

Tôi đã ngồi ngắm cái kỳ công lần đầu tiên của tôi dộng được một lò trấu từ những vỏ trấu vàng, nham nhám, vỡ đôi sau khi xay thóc thành gạo. Phải dộng lò trấu làm sao cho trấu đứng bao quanh như cái bờ thành trong cái khuôn một cách dễ dặt. Chỉ Lạy Trời khi ngọn lửa đầu tiên bắt trấu trong lò rồi thì sẽ cháy theo cái khuôn trấu ấy, nếu không thì những vỏ trấu sẽ đổ xuống hết như một tòa lâu đài sụp đổ trong lòng tôi! Vì như thế có nghĩa là cách dộng lò trấu của tôi không đúng rồi!

Làm sao để ngọn lửa cháy vòng quanh cái khuôn trấu ấy đổ rục trong thân lò, làm sao để một lò trấu mà nấu vừa chín được nồi cơm, nồi canh và ấm trà để đi ruộng thì đúng là một cô gái nhà quê thật sự! Chúng tôi chỉ có một cái lò trấu duy nhất để nấu nướng tất cả mọi thứ. Cái nghèo nó cũng được thể hiện trong bếp núc như thế đấy. Giá của một cái lò trấu mắc hơn là một ông Táo bình thường của đất sét nung vì nó được đúc bằng xi măng và sườn được làm bằng những cọc sắt cho bền. Nó chỉ được sử dụng khi cần nấu một nồi cơm, canh, một ấm trà thật lớn để đi ra ruộng chứ không phải để

nấu một nồi com và một món nước mắm kho quẹt !
Cuối cùng là ngọn lửa của *những miếng gạo dừa khô* cháy bùng lên giữa đêm khuya như lửa trại! Đây là nguồn nhiên liệu xa xỉ nhất của chúng tôi vào thời ấy. Lá dừa thì có thể đi xin trong những vườn dừa hàng xóm được, con củi bẹ dừa cũng đi lượm mót được trong những vườn dừa hoang hay vườn dừa có chủ, nhưng trấu và gạo dừa thì phải mua.

Tiền - Vạn bất đắc dĩ cần tiền để mua món gì đó, thì mẹ tôi lại ngồi đếm đi đếm lại xem còn bao nhiêu tiền trong túi. Đồng tiền nào xài được hôm nay và đồng tiền nào phải để dành cho ngày mai, dầu phải ăn ít hơn hay là không ngon cho ngày hôm nay để ngày mai còn có cái gì đó mà ăn! Ngày hôm qua đi chợ mua được miếng thịt mỡ nấu canh, thì ngày kế tiếp sẽ có món canh cải trời chay ở ngoài vườn (không còn thịt mỡ nữa). Thế cũng qua bữa com canh mắm muối mà bọn trẻ chúng tôi vẫn húp xum xụp ngon lành.

Những chiếc bánh đậu ngũ cốc đã phải đi qua hết ngần ấy loại ông Táo để thử nghiệm xem loại củi nào có thể dùng để nướng bánh. Cuối cùng chỉ có ngọn lửa của củi gạo dừa mới làm nên chiếc bánh có cái tên ngộ nghĩnh ấy mà thôi vì củi gạo dừa cho ra lửa âm giống như than sau khi đã cháy bùng lên.

Sau đó mẹ con chúng tôi lại loay hoay tưởng tượng về chiếc bánh sẽ thành hình như thế nào. Nói sao cho hết cạn cùng những đêm ngày của 9 mẹ con tôi (chỉ với một món bánh đậu ngũ cốc mà thôi, còn những món thức ăn khác nữa để đem đi thăm nuôi ba tôi thì chưa nói đến). Ép bột đậu rang đã trộn đường và mật ong vào khuôn bánh đậu xanh bằng nhôm sao cho vừa đủ chặt để chiếc bánh không bị bê ra sau khi nướng chín rồi là một nghệ thuật, vì sức ép của bọn con nít tụi tôi thì lại quá yếu, do đó chiếc bánh sẽ bị lỏng lẻo và dễ bị nứt làm đôi sau khi nướng. Do đó, chúng tôi ép khuôn đầu tiên và mẹ tôi kiểm tra lại từng chiếc bánh xem vừa đủ chặt hay

chưa trước khi nướng. Bọn con nít chúng tôi thì lấy làm khoái chí vì việc làm bánh này giống như trò chơi trẻ con với cái nắp chai xá xí được nhào nặn với đất cát thuở còn bé!

Bây giờ nhắm mắt lại, tôi vẫn còn mừng tượng được những đêm khuya thấp đèn dầu trong căn nhà lá, mẹ con chúng tôi xúm xít nhau với chiếc lò nướng và những chiếc bánh đậu. Mỗi đứa một công việc chỉ ngoại trừ những đứa nhỏ thì đã đi ngủ sớm. Đứa thì trộn bột đậu rang với đường, rồi nhào với mật ong đến mỗi nhừ cả tay. Đứa thì lo chùi khuôn bánh nướng sau mỗi vĩ bánh được ra lò! Tội nghiệp nhất là đứa đứng gần với đồng gáo dừa cháy hừng hực. Đứa thì lo gấp những miếng gáo dừa sau khi đã cháy rụi (chỉ còn lại những mảnh gáo mỏng đỏ đỏ như than hồng) trên và dưới lò nướng bánh cho thật đều lửa và liên tục....vừa làm vừa nghe tiếng lửa reo và tiếng ếch nhái ngoài rung kêu ồm ộp vang rân giữa đồng không mông quạnh trong đêm khuya.

Ngoài trời, những vuông ruộng năm ngoan ngoãn giữa những bờ đê ngoằn ngoèo và vườn tược thì tối om om. Vào những đêm trăng tròn thấp thoáng những mái tranh, mái rạ của xóm giềng bên kia bờ chuối, hàng dừa bỗng nhiên gần gũi nhau hơn. Lúc ấy trông những mái tranh hiền lành một cách lạ lùng. Chúng tôi ở trong nhà nghe gió thổi phàn phật qua phen lá. Nhìn những bụi tro lem luốc trên khuôn mặt buồn ngủ của các em tôi bên cạnh ngọn lửa nướng bánh, bất giác tôi thương chúng nó quá. Họa hoằn lắm mới có một chiếc bánh bị vỡ làm đôi thì 8 đứa chúng tôi mới được chia nhau cái bánh bé tí xiu vuông vức chừng 2 cm thơm phức ấy. Cái tò mò của con nít sau những khổ cực đã làm cho chúng tôi cảm thấy chiếc bánh thật ngon lành dầu nó rất cứng!

Mẹ tôi bảo rằng ba tôi có thể ăn chiếc bánh ấy như là một loại lương khô hay có thể ngâm vào nước mà nấu cho đặc và quánh sền sệt lại như cháo hoặc chỉ cần ngâm vào miệng trong khi đi lao động là đủ no lòng!

Chỉ có cách làm khô như thế thì mới có thể để dành lâu được và mới có thể ngâm nước làm thành cháo được! Thế là cái đầu óc non nớt của tôi chẳng biết gọi món ấy là món gì - bánh hay là cháo ? Tại sao bánh lại được gọi là lương khô?

Những chiếc bánh đậu ngũ cốc đã được đóng gói lên đường ra Bắc theo mẹ tôi đi thăm nuôi ba tôi. Ngày xưa khi ba tôi bị đưa ra Bắc để ở tù, ba tôi không được chuẩn bị trước như những chiếc bánh đậu ngũ cốc này đâu. Những chiếc bánh đã được chặt chiu dành dụm từng đồng qua bao ngày tháng, rồi mẹ tôi tặng tiu từ khi hạt đậu còn chưa rang chín, cho đến khi chúng được hình thành là một chiếc bánh hình vuông nhỏ như chiếc bánh đậu xanh của Bảo Hiên Ròng Vàng.

Cuối tháng chạp, lúa ngoài đồng đã gặt xong hết cho mùa gặt cuối năm, mảnh ruộng còn trơ những gốc rạ vàng ngẩn ngẩn và đều đặn. Mặt ruộng lộ ra những đường nứt chạy vòng quanh gốc rạ, thế là tôi thoát nạn với những con đĩa lội phăng phăng dưới nước níu chân tôi mỗi khi ra ruộng. Đàn vịt chạy đồng mãi mê rúc mỏ vào những kẻ nứt ấy sục sạo tìm kiếm những hạt thóc vàng còn rơi rớt vương vãi khắp nơi. Có một vài thửa ruộng gặt mùa trễ, nên việc tháo nước ra khỏi ruộng chưa kịp trọn vẹn, do đó mặt ruộng vẫn còn xâm xấp nước. Thế là lũ vịt lao nhao, bì bõm, lặn hụp với những hạt thóc còn sót lại trong nước bùn. Chúng đùa nghịch với nhau một cách thoải mái và thích thú.

Bây giờ cũng là cuối tháng chạp, nhưng thời gian đã là 20 năm sau. Nhắm mắt lại, tôi vẫn còn thấy hình ảnh của bếp lửa gạo dừa năm xưa cháy đỏ rực trong hồn tôi. Những ánh lửa yêu thương của một gia đình ấm cúng. Dầu nghèo cùng cực nhưng tình thương yêu và đùm bọc lẫn nhau thì tràn đầy. Dầu rất thiếu thốn nhưng đã chia xẻ nhau những khôn khổ để sống còn.

Có ai ngờ được rằng chúng tôi đã được học làm những người dân quê một cách thành thực mau chóng để đảm

mưa dãi nắng với bụi lúa, bờ đê: đầu đi nón lá tôi, áo vá chằng vá đụp đủ màu, quần vo vo xấn xấn lên tận đầu gối, móng chân vàng khè vàng quánh vì ăn phèn chua của đất ruộng, hai bàn chân trần chai gót dày cui mà mới hôm trước vẫn còn lướt là áo trắng học trò với cặp sách trên tay và đôi guốc cao gót tung tăng sân trường! Bước chân ra bờ đê là chào hỏi chú Hai Ổ (vì chú ấy tên là Ổ), chú Ba Phú (người chồng là người con thứ ba trong gia đình và tên là Phú), thím Chín Bánh (vì người chồng của thím tên là Bánh) bên hàng xóm một cách ròn rã như là người đã sinh trưởng và lớn lên ở chốn đồng ruộng ấy.

Và chính từ cái chòi tranh một chái lụp xụp đột trước đột sau ấy, 9 mẹ con chúng tôi đã vượt qua bao nỗi đoạn trường chỉ vì một người: Ba tôi ngược lại, ba tôi ở những nơi thâm sơn cùng cốc nào đó của những trại tù cũng đã âm thầm chịu đựng để sống chỉ vì 9 mẹ con tôi. Đôi khi tôi nghĩ tình yêu của mẹ tôi đối với ba tôi thật lạ kỳ. Chấm chút từng chút một. Nâng niu từng ly từng tí trong mọi thứ, mọi món thức ăn mà mẹ tôi gói ghém, chuẩn bị gồng gánh đem đến cho ba tôi. Dường như mẹ tôi đã nghĩ rằng không ai biết đúng ý ba tôi bằng mẹ tôi hết cả và trên đời trời đất chỉ có một mình mẹ tôi là lo lắng được cho ba tôi mà thôi.

Sau 47 năm làm vợ, không biết mẹ tôi đã làm bao nhiêu món bánh cho ba tôi ăn, nhưng tôi biết chắc rằng món bánh đậu ngũ cốc ấy đã là món bánh tâm đắc nhất của mẹ tôi dành riêng cho ba tôi. Món bánh đã cuu mang hết cả trái tim chung thủy của một người vợ, nó ẩn chứa hết mọi ý nghĩ rằng sẽ cứu sống được chồng mình trên bước đường lưu đầy từ Bắc chí Nam, nó bao hàm một chân lý của riêng mẹ tôi: yêu chồng là yêu như thế đó. Quả thật, mẹ tôi đã yêu ba tôi vô cùng bởi vì trên đường đi thăm nuôi ba tôi, dầu rất đói vì đường xa vạn dặm, mẹ tôi không bao giờ lấy bất kỳ một món gì trong số thực phẩm đem theo cho ba tôi để ăn cho đỡ đói lòng.

Ca dao xưa viết rằng:

Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo

Thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua

Vâng, hình ảnh ấy rất đúng đối với mẹ chúng tôi và có lẽ đúng với tất cả những người vợ đã lặn lội đi thăm nuôi chồng. Đi qua biết bao nhiêu ngọn núi âm thầm đêm ngày, lội qua biết bao nhiêu con sông mà chính mình cũng không biết dòng sông ấy cạn sâu thế nào, trèo qua biết bao nhiêu đỉnh đèo mà mình chưa từng biết tên, dưới điều kiện khí hậu lạnh buốt của núi rừng miền Bắc, cái gió Lào khắc nghiệt của miền Trung hay mưa gió trái mùa của từng địa phương.

Không biết thời tằm mẫn của ba mẹ tôi như thế nào, nhưng cái sâu thẳm trong tình nghĩa vợ chồng sau 47 năm chung sống cho đến ngày mẹ tôi mất quả thật là vô cùng. Mẹ tôi là một người thương con vô biên và yêu chồng vô hạn để hình như khi những chiếc bánh đậu ngự cóc đã ở lại với ba tôi trong rừng sâu, thì hồn xác của mẹ tôi cũng đã ở lại nơi ấy. Mỗi lần mẹ tôi đi thăm nuôi ba tôi về thì gầy guộc, hốc hác, đen đúa hơn và lặng lẽ ít nói đi, dầu vẫn trở lại những ngày tháng buôn bán tảo tần nuôi con thay chồng vắng nhà. Và lúc trở về nhà, mẹ tôi hay khóc thảm sau những chuyến đi thăm nuôi chồng, chứ không bao giờ kể cho chúng tôi nghe đoạn đường mà chiếc bánh đậu đã đi đến ba tôi ra như thế nào. Dường như khi người phụ nữ đau khổ, họ sẽ biết cách che giấu hơn người đàn ông để họ có thể chịu đựng giỏi hơn người đàn ông.

Có lẽ có những người vợ cũng đã từng lê gót chân khắp nơi để tìm chồng trong vòng lao lý - một vòng lao lý nghịch với lẽ thường tình vì vòng lao lý ấy không phải để giam giữ những người phạm tội. Họ cũng đi thăm nuôi chồng như mẹ tôi và cũng đã có những *món bánh yêu chồng* như *món bánh đậu ngự cóc* mà mẹ đã làm

riêng cho ba tôi.

Hắn đã có những người chồng âm thầm tạ ơn *cái cò lặn lội bờ sông* (Ca Dao). Chỉ có con trăng khuyết, vầng trăng tròn soi dọc đường ngược xuôi Nam Bắc, những đêm trường ở bên kia song cửa sổ quạnh hiu của người vợ ngóng chồng, của người chồng nhớ vợ là chứng nhân cho những giọt nước mắt ly tan. Có biết bao tượng đá Nàng Tô Thị đã theo bóng gương đàn gảy gánh của chồng nhưng chưa được mọi người biết đến để ca tụng ngàn đời

Như Thương

PHẦN CHỦ ĐỀ

LTS: Dưới đây là một số bài đóng góp về chủ đề “Khởi Hành và tôi” của bạn hữu từng có bài đăng trên KH.

Xin được thưa rõ, những ý kiến của bài viết không nhất thiết là ý kiến của chúng tôi: tạp chí TQBT.

Trường hợp có sự sai lầm, chúng tôi mong những vị có trách nhiệm liên hệ vui lòng lên tiếng. Chúng tôi sẽ đăng trong số tới.

TQBT

HÀNH TRÌNH KHỞI HÀNH



Chủ nhiệm Chủ bút: Anh Việt Trần văn Trọng dưới mắt hạ sĩ Chóe đăng trên trang báo của số cuối cùng.

Tạp chí Khởi Hành là một tuần báo văn học nghệ thuật của Hội Văn Nghệ sĩ Quân đội QLVNCH, phát hành vào ngày thứ năm hàng tuần, khổ lớn bằng nửa tờ giấy nhật trình. Chủ nhiệm kiêm Chủ bút: Anh Việt Trần văn Trọng. Thư ký Tòa Soạn: Viên Linh.

Số 1 phát hành vào ngày 1-5-1969.

Số cuối cùng là số 156 phát hành ngày 8-6-1972.

Lý do: Không đủ vốn trang trải: Hậu quả của 60 % gói báo gửi đi - nhất là các tỉnh miền Trung, bị trả về vì tình hình chiến sự.

Theo chủ nhiệm Trần văn Trọng, KH được thành hình do sự biểu đồng tình của một số anh em trong Hội mà ông gọi là “đảng văn nghệ kaki” muốn có một tờ báo để “góp mặt với văn đàn - góp ý góp lời trong sự phát triển văn học và nghệ thuật nước nhà.”

Từ số 1 chỉ khoảng mười người cộng tác, đến 6 tháng sau, số người cộng tác lên tới 100 người.

Và số người cộng tác mỗi lúc mỗi tăng, mà chủ yếu là thành phần trẻ tuổi, nhất là sau khi KH mở những mục như Nhật Ký Tuổi Trẻ trong chiến tranh, phỏng vấn tuổi trẻ 1969, thành phố chúng ta đang sống, gặp mặt anh em văn nghệ miền Trung, thơ văn khói lửa, sinh hoạt văn nghệ các miền, phỏng vấn bạn đọc về các tác giả được ưa thích, mỗi tuần đối thoại với một tác giả, v.v...

Những mục này nhằm vào thành phần trẻ có ý thức mà chủ trương của KH đã đề cập trên số báo kỷ niệm một năm.

Nhìn chung, trong hai năm đầu, Khởi Hành chú trọng về văn học nghệ thuật và giải trí nhiều, chẳng hạn có mục thường xuyên là Chuyện Cầm đàn bà của Đặng Trần Huân, hay thỉnh thoảng thực hiện những chủ đề về các tác giả tiền chiến. Trong Thư gửi bạn đọc đăng trên KH số 71 ngày 17-9-70, tòa soạn cũng đã nhìn nhận điều

này:

“trên KH 67, chúng tôi đã nhìn nhận: tờ báo văn nghệ quá. Đây chính là lời báo trước, và từ số 69 lời báo trước ấy được thực hiện. KH đề cập *thường xuyên* hơn những vấn đề xã hội; lên tiếng khi có thể, những điều phải lên tiếng, từ cuộc sống hỗn tạp đưa tới”.

(*thư gửi bạn đọc, KH 71*)

Có thể nói KH là tờ báo qui tụ đông đảo nhất những nhà văn nhà thơ gom đủ thành phần, đủ hạng tuổi, đủ khuynh hướng dị biệt....

Một lý do chính cho sự hưởng ứng đông đảo của giới trẻ là KH dám đăng những sáng tác mà các báo khác không dám đăng. KH chính là nơi an toàn để họ gởi các đứa con của họ mà không ngại bị bầm dập thương tích bởi lưỡi dao, cái kéo, mũi đục của Kiểm duyệt...

Những người viết trẻ nổi tiếng xuất thân hay có bài đầu tiên đăng ở Khởi Hành như Vũ Hữu Định, Nguyễn Bắc Sơn, Ngô Đình Khoa, Nguyễn Dương Quang, Huỳnh Hữu Võ, Nguyễn Như Mây, Đặng Đình Tòng, Nguyễn Hải Chí (tức họa sĩ Chóe), Nguyễn Tôn Nhan, Nguyễn Đạt, Nguyễn Hữu Hiệu, Cao Huy Khanh, v. v...

(THT đúc kết)



VIÊM TỊNH

TUẦN BÁO KHỞI HÀNH CÙNG NHỊP ĐẬP CHIẾN TRANH.

Trong vòng xoáy chiến tranh tâm lý để dành thể chủ động giữa cuộc chiến Quốc Cộng, VNCH đã mưu cầu một thể đứng ổn định trong xã hội bằng rất nhiều báo chí vạch ra ngọn cờ chính nghĩa của chế độ. Để làm rõ mình Tổng Cục CTCT đã tung ra rất nhiều tờ báo của quân đội từ trung tâm huấn luyện đến ngoài xã hội.

Nổi bật hơn cả, chiếm lĩnh thị phần với số lượng độc giả rất ấn tượng từ quân nhân cũng như giới sinh viên, trí thức, kể cả giới tu sĩ cấp tiến thời bấy giờ, sự nổi bật không cần phải thống kê vì mỗi tuần trên các quầy báo khắp bốn vùng chiến thuật Tuần báo Khởi Hành được phát hành đều đặn với số lượng độc giả ổn định. Điều gì trong nội dung của báo đã làm cho một tuần báo sống được, sống khỏe như tuần báo Khởi Hành. Nếu nhìn vào mặt bằng chung của nửa đầu thập niên 70, ta thấy được các báo riêng từng lãnh vực văn học, xã hội, chính trị, thanh thiếu niên, quân đội được điều hành, dàn dựng rất bài bản hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng. Phản hồi lại công sức của người làm báo là họ được có lượng độc giả “nhà” rất trung thành. Điều đó tất nhiên thôi, vì cả miền Nam là một chiến trường quá khốc liệt đối với nhân dân miền Nam, báo chí trở thành một cái phao và người dân níu vào đó để nắm bắt thời sự, để thư giãn trong cuộc sống tất bật và đau đầu một nỗi sợ hãi chiến tranh.

Tuần báo Khởi Hành đi đúng tiêu chí của một tờ báo “dẫn đường” với rất nhiều tham vọng dung chứa nhiều xu hướng chính trị, xã hội, văn chương thơ ca, xoa dịu âu lo luôn đè nặng cuộc sống của mọi tầng lớp độc giả

của Khởi Hành. Nói như vậy không có nghĩa là gán ép Khởi Hành vào nhóm báo văn nghệ vườn, bởi nếu vào lúc đó, một tờ tuần báo của quân đội VNCH, đã huy động, tập trung được rất nhiều văn nghệ sĩ nổi danh trên văn đàn miền Nam, nhiều nhà báo có ngòi bút sắc nét, sâu đậm tư tưởng cộng tác là không phải chuyện dễ làm và ai ra báo cũng làm được. Khởi Hành có những đóng góp thiết thực vào nền văn học miền Nam thời chiến mà không thể không ghi nhận công lao của nhóm chủ biên, mà người chịu trách nhiệm trước dư luận về sự thành bại của tờ báo đó là nhà văn, nhà thơ, nhà báo Viên Linh. So sánh sự tạo hiện tượng trong làng báo nói chung vào thời điểm đó thì khó vì Khởi Hành không phải là một tạp chí văn học thuần túy, mặc dù đó cũng là một mục tiêu lớn của tuần báo. Tôi nhớ là mình làm quen với Khởi Hành vào năm 70 sau khi gặp nhà phê bình văn học Cao Huy Khanh, một gặp gỡ như dòng định mệnh đẩy tới, rồi gắn kết tình bằng hữu cho đến ngày hôm nay. Nhớ lại dãy phòng của Đại khí, Đại báo ở ĐĐ31/k6/70 Thủ Đức cùng nhau thuở đó. Nhớ nhất là khu CLB những buổi vì công tác riêng không ra bãi tập. Là tờ báo của lính nên Khởi Hành không thể tách bạch đứng chuyên hẳn về lãnh vực văn học, nhưng nói vậy không có nghĩa Khởi Hành chỉ chăm vào thông tin chiến sự trên toàn lãnh thổ miền Nam, mà Khởi Hành đã vận dụng văn chương để nói lên tâm trạng u uẩn của người lính đang đi vào chiến tranh, cuộc chiến tranh không mang một lý tưởng thật sự vào thời đó. Qua rất nhiều tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ cộng tác với Khởi Hành đã nói lên được sự thành công của tuần báo Khởi Hành trong giai đoạn cực kỳ khốc liệt ở ngoài những mặt trận, tôi nhớ đã ra Cổ thành Quảng Trị sau khi quân ta tái chiếm. Rất nhiều vết thương đau đớn hằn vào trái tim người lính.

Độc giả trung thành của Khởi Hành thấy được chữ nghĩa của tờ báo mình yêu thích nên họ được biết rất

nhều nhà văn nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học như Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu, Mai Thảo, Tô Thùy Yên, Cao Huy Khanh, Trần Hoài Thư, Nguyễn Lê Uyên, Phạm Ngọc Lư..., từ đó họ tự biết mình đi con đường nào, họ khẳng định bản thân mình với một tinh thần hòa lạc. Cho nên cùng thời như Bách Khoa, Trinh Bầy, Văn Học,... và rất nhiều nhật báo bị dùi đục của nhân viên Sở Phối Hợp Nghệ Thuật hành hạ đến nao lòng thì Khởi Hành như ung dung, nhẹ nhàng bước ra thị trường với những trang báo sạch sẽ kín đầy chữ lớn nhỏ. Tất nhiên Khởi Hành có một cái dù lớn đó là hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội che những cặp mắt cú vọ của những công bộc sở PHNT thế là những bài viết nếu gửi đến nhưng tòa soạn khác chắc rằng không thể đi trọn bài nếu có những đoạn nhạy cảm về chiến tranh hoặc đụng đến những nhân vật cần phải kính nhi viễn chi. Đôi khi nói về những bất công trong xã hội đang oằn mình gánh chịu bom rơi đạn lạc của cả hai phe Quốc Cộng.

Vậy thì tuần báo Khởi Hành dưới danh nghĩa là tờ báo của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị thuộc Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH sao lại đi chệch quỹ đạo của quân đội được, chẳng qua ban biên tập của Khởi Hành “đọc” được những tác giả cộng tác với mình. Bản thân Ban Biên Tập hiểu nỗi lòng của người viết và người viết hiểu khi gửi bài đến tòa soạn thì bài chắc được cho đi. Và cũng vì cái danh của Hội lớn quá cho nên các công bộc hành chính cũng nghĩ là không nên đụng vào tờ báo, họ chọn cho chuyện êm đẹp đôi bên.

Tuần báo Khởi Hành là như vậy đó, theo tôi, người đã có bài đi trên Khởi Hành trước 1975 và sau này nữa của ông Viên Linh.

Viêm Tịnh
Ở Huế tháng 10/2014.

NGUYỄN MIÊN THẢO

KHỞI HÀNH VÀ TÔI

Tôi đến với Khởi Hành đầu tiên không phải bằng thơ mà là một bài tạp bút ngắn viết về những chuyến tàu lửa . Bài tạp bút với nhan đề “Chuyến tàu thân quyền” đăng trên tuần báo Khởi Hành số 14, thứ Năm, 31.7.1969. Bài viết là hồi ức những chuyến tàu tuổi thơ, là mơ ước sự nối liền một đất nước đang chiến tranh, chia cắt.”...Con đường rầy xuyên qua thành phố, xuyên qua cánh đồng cỏ cháy hoang vu, bắc ngang qua dòng sông theo những nhịp cầu ôm ấp. Những khoảng đèo cheo leo. Những núi rừng trùng điệp...nó là hình ảnh nối liền thân thiết, kiên trì, chịu đựng”.

Bài thứ hai tôi đăng trên Khởi Hành là tham gia một chủ đề phỏng vấn mà Khởi Hành phát động “Tuổi trẻ Việt Nam trong chiến tranh qua văn chương” với một số gợi ý:

1. Trong số những tác phẩm VN hiện nay, bạn có tìm thấy một nhà văn nào viết về tuổi trẻ mà bạn cho rằng gần với bạn nhất.

2. Bạn vui lòng kể sơ lược tác phẩm đó, hay cho biết nhân vật tuổi trẻ (trong tác phẩm) bạn ưa thích.

3. Nếu không tìm được một tác phẩm nào, bạn nghĩ gì về tuổi trẻ của bạn trong đời sống này. Một tuổi trẻ chưa được phản ánh qua văn chương ?

4. Bạn đang sống ở vùng nào? Bạn là ai? Làm gì ? Không khí ở đó có phải dành cho tuổi trẻ bạn ao ước ?

5. Bạn có điều gì muốn nói thêm về tuổi trẻ, ngoài phạm vi cuộc phỏng vấn này ?

Tôi tham gia cuộc phỏng vấn ở 3 gợi ý cuối với nội dung bài viết nhan đề “Tuổi trẻ, một tác phẩm của con cháu chúng ta,” mà theo tôi hiện tại chưa có một tác phẩm văn học nào phản ánh hết vóc dáng của tuổi trẻ VN mà hy vọng ở thì tương lai với “một tuổi trẻ không bị mua chuộc, một tác phẩm mà máu xương, nước mắt, gương giáo, thù hằn, súng đạn và chủ nghĩa đầy dẫy trong từng dòng, từng câu, từng chữ sẽ bị mất hẳn khi đóng lại trang sách cuối cùng.” (KH số 27, ra ngày 30.10.1969).

Mãi đến Khởi Hành số 32 ra ngày thứ Năm, 4.12.1969 tôi mới được đăng bài thơ đầu tiên và duy nhất trên KH. Đó là bài thơ “Từ núi rừng Lục Tuyết” gồm 107 câu, thơ năm chữ được đăng trang trọng ở trang 11, bài thơ được đóng khung nửa trang phía dưới. Bài thơ này sau năm 1975 tôi chỉ còn nhớ vài ba đoạn tưởng không tìm lại được, không ngờ bài thơ được chọn đăng trong tuyển tập những nhà thơ miền Nam thời chiến do nhà thơ Trần Hoài Thư tuyển chọn, Thư ấn quán xuất bản.



(KH số 32, sưu tập bởi THT)

Trong một dịp vào thư viện Sài Gòn tìm tư liệu chuẩn bị cho tuyển tập nhà thơ Thái Ngọc San tôi

đã chép lại bài thơ và các bài viết của mình như đã nói ở trên. Cũng trong dịp này,tôi đã đọc lại hầu hết các báo văn học miền Nam như Sáng Tạo, Bách Khoa,Văn,Trình Bày, Văn Học, Đối Diện, Văn Đề, Nghệ Thuật v.v... . Riêng tuần báo Khởi Hành tôi đọc gần như trọn bộ và đã chép lại nhiều bài thơ của bạn bè như một mối duyên văn. Do viện cớ luật bản quyền người đọc không được phô tô,sao chụp các tác phẩm kể cả của chính tác giả vì các bài viết thường đều ghi bút danh chứ ít ai ghi tên thật thì làm sao xác nhận đó là tác phẩm của mình.Thế là phải chép tay.Tôi đã chép được hàng trăm bài thơ của bạn bè thân quen còn truyện ngắn thì đành chịu.Xin liệt kê một số tác giả và tác phẩm: Tô Nhược Châu “Lời cho vợ con trước giờ hành quân”; Cao Thoại Châu “Cám ƠN và xin lỗi một người” (số 8 ra ngày 19.6.1969), Nguyễn Duy Hiền “Nhật Ký” (số 15, ngày 7.8.1969), Nguyễn Tịnh Đông “Đêm Tôi”; Võ Quê “Tình thơm hoa bưởi” (số 19 , 4.9.1969), Định Giang “Nói với con trai đầu lòng” (số 20, ngày 11.9.1969), Nguyễn Như Mây “Đêm mộng du ngoài ruộng muối” (số 21 ngày 18.9.1969), Trần Doãn Nho “Trên Lung Hòa Bình” (số 24 ngày 9.10.1969), Tuệ Sỹ “Sơ Huyền”; “Nhớ tuổi vàng” (số 27 ngày 30.10.1969), Nguyễn Bắc Sơn “Chiến tranh Việt Nam và tôi” (số 28 ngày 6.11.1969), Trầm Kha “Dấu vết” (số 30 ngày 20.11.1969), Hạ Đình Thao “Sau giấc chiêm bao” ; Ngân Thương “Một lần trăm năm”, Nguyễn Lương Vy “Sông Bạch”, Trần Dạ Lữ “Giới Nghiêm”(số 31 ngày 27.11.1969), Hoàng Ngọc Châu “Anh chỉ còn trái tim” (số 35 ngày 25.12.1969), Từ Hoài Tấn “Niềm im lặng kinh hoàng” (số 37 ngày 8.1.1970), Đức Phổ “Bài ca trong một sớm mai” (số 46 ngày 26.3.1970). Trong số những tác giả và tác phẩm này,bài thơ của nhà thơ Cao Thoại Châu khá dài gồm 13 khổ,mỗi khổ 4 câu thơ 7 chữ; bài thơ của nhà thơ Từ Hoài Tấn làm thể thơ tự do gồm 8 phân đoạn với 65 câu. Những bài thơ dài như vậy

phải chép mất cả buổi. Đặc biệt tác giả Trầm Kha chính là Trung úy VNCH Nguyễn Văn Đồng, một trong 76 liệt sĩ hy sinh tại Hoàng Sa năm 1974 trong trận đánh với quân xâm lược Trung Quốc.

Đã qua bao năm vật đổi sao dời, nhưng những tác giả và tác phẩm trên tuần báo Khởi Hành vẫn còn tồn tại, vẫn có chỗ đứng trong đời sống văn học trong nước cũng như ở nước ngoài. Khởi Hành dù là một tờ báo văn học do quân đội VNCH quản lý nhưng tập hợp một số lượng đông đảo những người làm thơ viết văn thập kỷ 60, 70 thế kỷ trước, không phân biệt người trong hoặc ngoài quân đội, không phân biệt chính kiến, khuynh tả hay khuynh hữu mà chỉ chú trọng giá trị sáng tạo văn học của tác phẩm. Đây là công lao to lớn của Khởi Hành đối với nền văn học nước nhà./.

HOÀNG NGỌC HIỀN

Ở thị trấn An Lộc, đọc “Khởi Hành”.



Ở thị trấn An Lộc, tỉnh Bình Long, thuộc Vùng 3 Chiến Thuật, chỉ có một sạp bán báo duy nhất đặt bên bờ đường Quốc Lộ Mười Ba, đầu một con dốc đổ xuống Chợ Mới. Sạp bán báo duy nhất ấy, cũng chỉ bày bán tạp chí Văn, Bách Khoa (với số lượng rất ít, mua trễ là không có), vài cuốn tiểu thuyết thời thượng, tuyệt nhiên không có một tờ nhật báo nào, cũng không có tạp chí

Khởi Hành. Sạp nhỏ, đơn sơ, nhưng chủ nhân căng một sợi giấy thép, dùng những cái kẹp gỗ treo tạp chí Văn và Bách Khoa lên, trông rất hấp dẫn. Vào thời điểm 1968, 1969, tạp chí Khởi Hành là một tờ tuần báo của hội Văn nghệ sĩ Quân Đội, do Trung Tá Trần Văn Trọng (nhạc sĩ) chủ nhiệm chủ bút, nhà văn Viên Linh thư ký tòa soạn. Sạp bán báo này bán thuốc lá Mỹ (Malboro, Pallmall, Salem) hình như được tuôn ra từ căn cứ sư đoàn 1 không kỵ Hoa Kỳ đóng tại Quán Lợi, là chính. Sách báo chỉ là phụ, nhưng chủ nhân tôi không có thì giờ tìm hiểu là ai, đặt được hàng bán mấy tạp chí như vậy, cũng rất là điều đáng quý. Hễ mỗi lần tôi có dịp ghé sạp báo, tôi có cảm tưởng như tôi đang đứng trước sạp báo ở chợ Tân Định, hay sạp báo ở góc đường Pasteur& Hiền Vương, quận 3 Saigon. Tự nhiên, tôi có cái cảm giác ấy, một chút hương vị Saigon, thủ đô văn hóa văn học của Miền Nam tự do. Ấy vậy mà tôi cũng không thể ghé đó thường xuyên được, bởi lúc đó tôi là Trung đội trưởng thuộc Đại Đội 399, một đại đội cơ động của Tiểu Khu Bình Long, đi hành quân suốt. Thời điểm ấy, sau trận tổng công kích Mậu Thân 1968, nên Bình Long luôn bị đặt trong tình trạng “nguy hiểm”. Đêm thì đi kích, có khoảng một thời gian dài hơn sáu tháng, tôi toàn ngủ đường, ngủ rừng, ngủ chợ, ngủ dưới đường mượn công viên Tao Phùng,... không biết đến cái phòng ở trọ là gì!!! Thỉnh thoảng mới có một ngày đại đội ứng chiến, lợi dụng một lúc nào đó có thể tạt vào sạp báo. Có bữa Văn, Bách Khoa đều đã hết! Rồi có một thời gian dài đại đội đi đóng đồn Tân Hưng, một đồn ở xã Tân Hưng cách Quốc Lộ Mười Ba về phía tây hơn 15 cây số đường rừng, hầu hết là rừng cao su mệnh mông, trải dài tới tận biên giới Việt Miên. Riêng tạp chí Khởi Hành tôi đọc được do có khi đi phép về Saigon, vợ vội tờ ở sạp báo đem đi, hoặc do một người bạn nào đó có được, đọc xong, đưa cho. Thú thật, lúc đó, tôi lo sống trước đã, lo làm tròn trách nhiệm một người lính

chiến trước đã; nên có tạp chí đọc, hay không có, không quan trọng, không tha thiết, không mong đợi. Có thì đọc, không có thì thôi. Có lẽ ly cà phê, thuốc Salem mỗi buổi tối, nhất là ở đồn Tân Hưng quan trọng hơn nhiều! Đôi khi, đọc xong thấy cho một người bạn nào đó, hoặc ném vào xó xỉnh nào đó, cũng có khi xé ra đốt lửa hun khói đuổi muỗi trong hầm ở đồn Tân Hưng, nhất là vào những đêm mưa gió, căn hầm ẩm ướt, u ám, nỗi buồn của những người lính như chúng tôi, tưởng dâng cao lên đến tận trời!

Vậy mà đôi khi tôi cũng có thể ngồi xuống viết một truyện ngắn. Tôi không viết được như anh Trần Hoài Thư. Anh viết trong lúc chờ trực thăng bốc đi ở phi trường. Anh viết khi ngồi uống cà phê ở quán. Anh viết ở giữa cuộc hành quân.... Tôi thì không viết được như thế. Tôi chỉ có thể viết trong lúc thật rảnh rang, như một hôm nào đại đội không đi hành quân, tôi ngồi trên tấm sạp gỗ, lấy ba lô làm bàn, mới lấy giấy bút ra viết được. Cả đại đội 399 không một ai biết tôi ngồi viết văn như thế đó. Không ai biết tôi là người lính cầm bút viết văn gửi cho Khởi Hành& Văn. Và cũng chẳng cần ai biết! Do vậy, tôi viết được rất ít, đâu như trong khoảng thời gian gần 5 năm ở An Lộc, tôi chỉ viết được năm, sáu truyện ngắn. Gửi đi, tôi cũng không quan tâm có được đăng hay không nữa. Đăng hay không đăng, không quan trọng, không thành vấn đề! Dường như chỉ cần tôi ngồi ở đó, vừa uống cà phê, vừa hút thuốc Salem, vừa nhìn một khoảng trời xanh bên kia xã Tân Hưng, vừa viết. Viết được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Thế thôi! Thế là đủ rồi! Bởi biết mình sẽ ra sao trong cuộc hành quân tới?

Tôi cũng đọc tạp chí Văn, Bách Khoa, như đọc Khởi Hành. Thi thoảng như thế. Qua mấy tạp chí ấy, tôi nhận xét thấy có rất nhiều người lính cầm bút viết văn như tôi, chúng tôi ở khắp các chiến trường, trên bốn vùng chiến thuật của Việt Nam Cộng Hòa, viết và gửi bài viết về Saigon, cho các tạp chí ấy: Chu Trầm

Nguyễn Minh và Thành Tôn (Cùng đại đội 11 Khóa 25 Thủ Đức với tôi), Hồ Minh Dũng, Mường Mán, Nguyễn Kim Phượng, Trần Doãn Dân, v. v... . Còn nhìn thấy bài viết của họ, là còn tin chắc họ còn hiện hữu trên chiến trường. Chợt cảm thấy một cái gì hụt hẫng khi đọc tin người lính cầm bút tử trận, như khi biết về Y Uyên, Doãn Dân... Đọc tạp chí Khởi Hành, tôi nhận thấy dường như tạp chí này qui tụ hầu hết các người lính viết văn từ bốn vùng chiến thuật, nên đây ấp những chất liệu sống. Với cái nhìn chủ quan của tôi, Khởi Hành về mặt chất liệu sống thực tế, vượt xa các tạp chí Văn, Bách Khoa, Văn Học, kể cả Sáng Tạo trước kia! Tôi thường đọc Khởi Hành ở quán Biên Thủy, vào những buổi trưa nắng lớn, có lẽ tôi thường rảnh rang vào lúc đó. Nhìn nắng lớn đổ xuống Quốc Lộ Mười Ba, nắng mênh mông trên những cánh rừng cao su, tôi có cảm giác nắng ấy ấm cúng vô cùng, đẹp vô cùng! Xa An Lộc, một trong những gì tôi nhớ nhất, đó là nhớ nắng ở đây! Mầu nắng ở miền đất cao nguyên biên giới này vàng rực, ấm áp, tưởng chừng như không nơi nào có!

Đặc biệt, tại An Lộc, tỉnh Bình Long, chỉ có một mình tôi là người lính cầm súng viết văn! Nhìn quanh, tôi không thấy một người bạn văn nào hết. Đơn độc chỉ có một mình tôi! Chung quanh, cũng chẳng ai biết tôi viết văn hết! Tôi thường nghĩ tới những nơi khác, như Tuy Hòa, Qui Nhơn, hình như ở những nơi ấy, có nhiều người lính viết văn ở gần nhau. Tôi biết Trần Hoài Thư ở sư đoàn 22 ngoài đó, anh gần với Doãn Dân, Lữ Quỳnh, Trần Huy Thọ, Nguyễn Kim Phượng...(?), chắc đôi khi gặp gỡ, ắt vui biết mấy! Còn có thể trao đổi một vài tin tức văn nghệ, mời nhau điều thuốc, ly cà phê, tô mì, có thể vài chai 33,...? Còn tôi, ở thị trấn An Lộc này, thì không. Không có một người bạn văn chương nào ở gần tôi! Phải, riêng tôi, chỉ riêng tôi một cõi trời riêng biệt, xa xôi, đầu chỉ cách Saigon, thủ đô Việt Nam Cộng Hòa 110 cây số thôi! Nhưng Quốc Lộ Mười Ba

mù bụi đỏ, chung quanh rừng nổi rừng. An Lộc, Bình Long, như một “ốc đảo” trên quê hương. Quốc Lộ Mười Ba chạy từ Saigon qua Bình Dương, Lai Khê (Căn cứ Sư Đoàn 5 Bộ Binh), Tân Khai, rồi chạy tới quận lỵ nhỏ bé Chơn Thành của tỉnh Bình Long. Nơi đây là giao lộ của hai quốc lộ Mười Ba và Mười Bốn. Quốc Lộ Mười Bốn từ Tây Ninh đổ qua, chạy xuyên rừng già tới quận Lý Đồng Xoài, tỉnh Phước Long; rồi xuyên rừng tới Bù Đốp, Bù Na, Bù Đăng. Mấy nơi này nằm ở phía Nam tỉnh Phước Long. Phước Long cũng là một “ốc đảo”, ốc đảo thứ hai của Vùng Ba Chiến Thuật! Quốc Lộ Mười Bốn chạy tiếp nữa sẽ tới Đức Lập, tỉnh Quảng Đức, Ban Mê Thuột, Pleiku, Kontum... Đoạn đường từ Chơn Thành đến Đồng Xoài của Quốc Lộ 14 không sử dụng được, bởi đường rất xấu, hai bên toàn rừng già gai góc, rất nguy hiểm. Chỗ này đổ xuống chiến khu C của Quân Đội Cộng-sản Bắc Việt!!!

Sau hơn một năm ở đại đội 399, tôi được chuyển về Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu, giữ chức vụ Sĩ quan Tham Mưu Hành Quân/ Phòng Ba. Tại đây, tôi mới có nhiều thì giờ nghiên cứu địa hình tỉnh Bình Long, cũng như nghiên cứu vị trí chiến thuật của tỉnh. Tôi không thể ngờ được rằng An Lộc, Bình Long, bị vây cả ba mặt: Một mặt biên giới Việt Miên, một mặt chiến khu Dương Minh Châu, Tam Giác Sắt; và một mặt chiến khu D. An Lộc nhìn về hướng nào cũng thấy địch! Xung quanh tỉnh, nhiều nơi là những cánh rừng thấp, rừng già, nhiều nơi hoang vu, mênh mông. Việt Cộng ẩn trốn ở những nơi ấy. An Lộc không là “ốc đảo” thì là cái gì? Cũng vậy, Phước Long là “ốc đảo” thứ hai của Vùng Ba Chiến thuật, bởi Quốc Lộ Mười Bốn không còn là con đường liên lạc giữa Saigon và thị trấn Phước Bình được nữa! Có lần, trong chỗ riêng tư, tôi thưa chuyện này với Tham Mưu Trưởng Tiểu Khu, Thiếu tá Tiêu Thuận, ông nhún vai nói: “Ta bị Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn Ba đặt vào cái thế phải chiến đấu cho đến chết nếu như Việt Cộng

tấn công An Lộc!”

Tôi sống như thế đó, chiến đấu như thế đó, ở vị trí hoàn cảnh như thế đó. Tiểu Khu Bình Long thường xuyên bị Việt Cộng pháo kích hỏa tiễn 122 ly. Bình Long thường xuyên bị đặt trong tình trạng nguy hiểm, nghĩa là bị đe dọa. Đơn vị thường tăng phái cho Tiểu Khu là một trung đoàn Bộ Binh, thường là Trung Đoàn 9 Sư Đoàn 5 của Trung Tá Mã Sanh Nhơn. Thử hỏi, như thế, tôi có thể quan tâm được gì nhiều hơn về các tạp chí Văn, Bách Khoa, và Khởi Hành? Hình như trong suốt thời gian gần 5 năm sống ở đây, tôi chỉ viết được chừng 5 hay 6 truyện ngắn. Có hai truyện đăng trên tạp chí Văn (số 127 & 134). Có chừng ba truyện đăng trên Khởi Hành: Con Say (Khởi Hành số 73, ra ngày 1.10.1970), Viên Đạn Định Mệnh (Khởi Hành số 154 ra ngày 24.5.1972), Một Chút Trống Rỗng (không nhớ số)... Nhưng có thể nói những truyện ấy toàn là việc thật, người thật, xảy ra tại tỉnh Bình Long này, chúng tôi chỉ có đổi danh tính đi thôi. Chúng tôi không hư cấu những truyện ấy....

Tất cả những tạp chí Văn, Khởi Hành, Bách Khoa mà tôi có được và đọc trong thời gian này, đều lưu lạc hoặc mất hết, bởi không mang tính chất quan trọng, đối với tôi, lúc ấy. Mặc dầu tôi biết rằng đó là những chỗ cho chúng tôi phát biểu tư tưởng một cách hoàn toàn tự do: có những bài văn, bài thơ mang tính phản chiến vẫn được đăng như thường, ngay cả trên Khởi Hành, tạp chí của hội văn nghệ sĩ quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Quả thật, Miền Nam Việt Nam chúng ta là một miền đất của tự do, nhất là tự do tư tưởng! Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa hoàn toàn tôn trọng tư tưởng con người. Tôi thiết nghĩ rằng mặc dầu thời gian chúng tôi được hưởng quyền tự do ấy không được dài lâu, nhưng cảm thấy thật thoải mái, thật hạnh phúc. Chứ không như Miền Bắc Việt Nam, 20 năm ấy (1954-1975) hoàn toàn không có tự do, không có văn học, không có một hiện tượng nào hết, nhóm Nhân Văn Giai Phẩm

mới nổi lên , đã bị bóp chết, trù giập! Và Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày nay, sau gần 40 năm rồi, vẫn chưa có tự do tư tưởng, vẫn chưa có một nền văn học đích thật, vẫn chưa có một hiện tượng văn học đáng kể nào!

Bây giờ, cuối năm 2014, chúng tôi nhìn lại cái thời điểm 1968-1972, ở thị trấn An Lộc, Bình Long, đọc tạp chí Khởi Hành, cũng như đọc Văn, Bách Khoa, đối với cá nhân chúng tôi, chỉ xem như một niềm vui nhỏ, một hạnh phúc nhỏ, nhỏ nhoi như khi ngồi uống một ly cà phê nghe nhạc ở quán Biên Thùy, hay ở quán mì Tứ Hải. Quán Biên Thùy trống trải, cửa sổ rộng, có thể nhìn thấy những chuyến trực thăng lên xuống ở phi trường, bốc mù bụi đỏ một khoảng trời. Ở tiệm mì Tứ Hải, nhìn xuống con dốc đỏ xuống Chợ Mới, chờ hoàng hôn lịm tắt, chuẩn bị dẫn trung đội đi kích đêm. Đọc hay không đọc Văn, Bách Khoa, Khởi Hành, đối với tôi, không có gì quan trọng hết. Ngay cả cầm bút viết truyện gửi về các tạp chí ấy, cũng không quan trọng. Bởi không có gì quan trọng hơn, đối với tôi, lúc ấy là cầm súng chiến đấu, hầu làm tròn trách nhiệm của một người lính, của một cấp chỉ huy nhỏ (khởi đầu là trung đội trưởng, rồi đại đội phó, có lúc xử lý thường vụ đại đội trưởng), hơn mọi thứ khác. Quả thật, lúc ấy, tôi cần phải sống, cần chiến đấu, cần lau phải lau khẩu súng cá nhân của mình và những băng đạn của mình, quan trọng hơn nhiều là đọc Khởi Hành và viết cho Khởi Hành!!!

Có thể nói, với hơn một trăm số (chính xác là 156 số, với hơn 700 hội viên, in trên 5 ngàn ấn bản, phát hành rộng rãi toàn quốc), tạp chí Khởi Hành của hội văn nghệ sĩ quân đội đã tạo ra một “hiện tượng đặc thù” của 20 năm (1954-1975) văn học Miền Nam Việt Nam.

Từ Hoài Tấn

Tôi với Khởi Hành, thời trẻ

Sau Tết Mậu Thân (1968) lớp tuổi chúng tôi phần đông đều dính luật tổng động viên của chế độ VNCH. Vì đa phần học trẻ năm do tình trạng chiến tranh, nhất là những người phải sanh đẻ trong khi tản cư như cha mẹ tôi. Do vậy khi về ổn định lại cuộc sống, làm giấy tờ cho con cái đi học, để lĩnh lương thường là khai thêm tuổi để được truy lĩnh (công chức, lính tráng thời đó – một người làm đủ nuôi cả nhà – con nhiều thì được trợ cấp càng nhiều). Cha tôi đi vệ quốc đoàn thời gian rồi về đi lái xe thuê. Làng quê những năm đầu 1960 vẫn còn yên bình – chỉ khoảng sau đó vài năm – từ khoảng 1963 trở đi hay chính xác là từ khi quân đội Mỹ đổ quân (1965) cuộc chiến lan tỏa về các vùng quê, và chúng tôi để bảo đảm việc học phải thiên cư lên phố thị ở trọ đi học.

Chúng tôi đã có tác phẩm đăng rất sớm ở tạp chí Văn (Trần Phong Giao làm thư ký tòa soạn), Nghệ Thuật (Mai Thảo chủ biên), Vấn Đề (của ông Vũ Khắc Khoan), Bách Khoa (của ông Lê Ngô Châu), Trình Bày (của nhà văn Thế Nguyên), Tuổi Ngọc (của nhà văn Duyên Anh) ... và ít nhiều tạo dựng được một lớp cây viết trẻ ở Huế thời ấy. Một số tên tuổi thời ấy như Lê Bá Lăng (đã mất), Hồ Minh Dũng, Mường Mán, Nguyễn Ngũ, Cao Huy Khanh, Nguyễn Miên Thảo, Trầm Kha, Võ Quê, Lê Văn Ngăn, Ngân Thương, Lê Nhược Thủy ... Hiện nay một số đã ra nước ngoài sinh sống, một số còn lại trong nước, nhưng tất cả bằng cách này hay cách khác vẫn còn viết được – trong đó có tôi. Và lớp người ấy có lẽ những ai sinh cùng thời cũng đã biết.

Tuần báo Khởi Hành ra sau các tạp chí văn học nêu trên – Khởi Hành số 1 ra mắt độc giả vào ngày 01-5-1969. Chúng tôi lại có thêm một sân chơi nữa. Các bạn tôi lúc này phần lớn đã bước qua trường bộ binh Thủ Đức, ra trường đi khắp cả 4 vùng chiến thuật của quân đội VNCH. Tuần báo Khởi Hành trên danh nghĩa là tờ báo của quân đội VNCH, chủ nhiệm là một ông Đại Tá nhạc sỹ nhưng tất cả thơ văn đăng tải trên đó thường mang nội dung văn học phản ánh tâm trạng của thanh niên trong thời chiến: không thích chiến tranh, mong muốn hòa bình, những chia ly vì chiến loạn. Tờ báo theo cảm nhận của tôi không nặng tính chất tuyên truyền, chính trị - mà trọng tâm là các tác phẩm văn học có giá trị. Anh Viên Linh là thư ký tòa soạn, thuộc lứa tuổi đàn anh của chúng tôi có lẽ cũng từng đọc qua thơ văn chúng tôi trên các báo văn nghệ thời đó, nên bài vở chúng tôi gửi đến tòa soạn đều được đăng lên báo. Anh Viên Linh chọn bài khá thoáng nên tờ báo Khởi Hành là nơi tụ họp của bằng hữu chúng tôi hàng tuần qua các trang viết về cuộc sống, tình yêu, thân phận con người trong cuộc chiến tranh khốc liệt. Tôi nghĩ các nhà biên niên sử về văn học nước nhà cần tham khảo và nghiên cứu về nền văn học miền Nam Việt Nam khoảng 1954 – 1975 qua báo Khởi Hành thời ấy.

Tôi đăng trên Khởi Hành cũng khá nhiều, thơ và truyện ngắn – hiện nay chỉ có vào Thư viện tổng hợp TP. HCM mới kiếm được – tôi không còn giữ lại được vì qua mấy năm đi tập trung học tập, cha tôi ở nhà đã hiến cho chính quyền ở quê làng toàn bộ tủ sách của tôi gom góp từ thời niên thiếu đến khi trưởng thành – khoảng hơn ngàn đầu sách và tạp chí văn nghệ. Sau này một số anh em quen biết còn giữ được một ít chuyển cho tôi. Tôi lấy vài bài tuyển lại in trong tập thơ đầu xuất bản tại Sài Gòn (tất nhiên là đã qua biên tập của nhà xuất bản).

Tôi có một bài thơ đăng trên Khởi Hành không biết số

mấy, năm nào, tôi còn giữ được bản thảo dưới đây:

HẠN MỘT NGÀY RIÊNG

*Hẹn sẽ quay chân về bến
Uống giữa đêm trắng cốc rượu tàn
Say ngất một trời riêng cỗi
Chờ trăm năm bước sang xuân*

*Thương ta cội nguồn đã lạc
Thương em chiều xế bên ngàn
Quay lưng xuôi về chốn khác
Mở cánh cho sâu bay sang*

*Sương trắng ngày xưa mờ mịt
Ai về chân bước lang thang
Lời hát vang mùa cô tịch
Thương trắng xế tuổi mơ màng*

*Lòng hẹn yêu người đến chết
Hôm qua sao thấy ngõ ngang
Bồi trên vai buồn đã nặng
Bồi trên đầu mây nghe giăng*

*Bước xuống đôi lòng đã mới
Chân quay trong giấc bụi mù
Em còn trông chờ nơi đó
Ta về giữa một chiều thu
Cúi đầu hôn môi lá cỏ
Cây tình nở trái xanh mơ*

*Ta đón nường vào ly rượu say
Chông chênh mộng giọt tình đầy
Thả hồn qua vùng mây trắng
Trăm thu mấy thuở sum vầy*

*Thanh xuân bỏ quên bờ giậu
Chim tình bay đến mang đi
Ta ngắt lời hoa vừa nhú
Ta viết một lời lệ si*

*Lướt mây trùng dương cánh lã
Mộng người tội lỗi vân vi
Ơi nường từ nay thôi đã
Kính thành xưa nhớ quên đi*

Thời trẻ của tôi với Khởi Hành – dĩ nhiên là tôi cũng động viên, học Trường Sĩ quan trừ bị Thủ Đức, cũng ra đơn vị nhưng may mắn là ở đơn vị tham mưu chuyên môn nên không phải ra chiến trường. Tuổi trẻ chúng tôi thời ấy chỉ mong muốn và ước vọng hòa bình, mau qua hết chiến tranh nhiều đau thương và mất mát. Những tác phẩm văn thơ của chúng tôi diễn đạt tâm tư ấy đồng thời với thân phận của con người trong cuộc chiến, không có chút phân biệt rạch ròi về chủ nghĩa hoặc chế độ. Vì vậy Khởi Hành đối với tôi là một diễn đàn văn học nghệ thuật hơn là một công cụ tuyên truyền tâm lý chiến của chế độ.

Sau 1975, tôi ở lại trong nước, nghe nói anh Viên Linh vẫn còn duy trì báo giấy ra liên tục ở nước ngoài. Nhưng với tôi Khởi Hành là kỷ niệm một thời trẻ nhiều màu sắc văn học đáng nhớ.

Từ Hoài Tấn
X. 2014

Phạm Văn Nhân

KHỞI HÀNH TRONG KÝ ỨC



40 năm đã đi qua. Khoảng thời gian khá dài của một đời người, ngồi nghĩ lại có quá nhiều thăng trầm trong cuộc sống. Cuộc sống đời thường sau tháng tư năm 1975 lầy lắt, chạy ăn hàng ngày. Rồi cuộc sống quân ngũ sau 10 năm cầm súng, để rồi cũng chẳng ra làm sao. Ngồi ôn lại trên nhiều khía cạnh mà cuộc đời đã trải qua, có một điều tôi không quên được, đó là bạn bè văn nghệ ngày nào. Sau tháng tư, một chín bảy mươi năm vắng mặt. Nhưng, hôm nay, sau gần 40 năm đi qua, bạn bè hội tụ gần như đầy đủ. Cho dù cũng có vài người bạn, người anh đã bỏ cuộc chơi. Còn hầu hết vẫn còn, đa số còn ở trong nước.

Hôm nay, bỗng dưng có một cái gì đó, viết về một cái gì đó mà Trần Hoài Thư gợi ý với tôi. Sau 61 số báo TQBT đã bước qua ngưỡng cửa năm thứ 14, bao nhiêu số báo chủ đề đã ghi lại một dấu ấn tốt trong lòng người đọc. Thì hôm nay, tại sao chúng ta không làm, không viết về Tuần báo Khởi Hành. Trần Hoài Thư nói với tôi như vậy. Vâng, Tuần báo Khởi Hành phát hành vào mỗi

ngày thứ năm hàng tuần. Đáng viết lắm chứ. Tờ báo không hẳn là của quân đội, không hẳn là của cục Tâm Lý Chiến; mặc dù KH là của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội. Hình như nó đứng riêng biệt vươn ra ngoài nề nếp, khuôn khổ của một tờ báo tuyên truyền. Cho nên sau bao nhiêu năm phát hành, Khởi Hành đã đi vào tâm thức của những độc giả miền Nam trước 1975. Khởi Hành có thể nói sánh ngang tầm với những tờ báo văn học nghệ thuật có tiếng một thời như Văn, Văn Học, Bách Khoa..v..v..Cho nên, viết về Khởi Hành theo tâm thức của mỗi người đến với tờ báo này, mà anh Trần Hoài Thư đưa lên cái ý để chúng ta nghĩ về Khởi Hành. Đó là: **Khởi Hành Và Tôi**. Một đề tài thoáng. Viết theo cảm tính của mỗi người, nhất là những anh em trong quân đội đã dành cho tờ báo này qua những tình cảm gắn bó, mà mỗi tuần nếu có dịp về thành phố.

Ai cũng biết, Khởi Hành là tuần báo của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội (HVNSQĐ). Do Đại Tá Trần Văn Trọng, tức nhạc sĩ Anh Việt làm chủ nhiệm. Sau năm 1969, những bạn tôi rủ rê tôi vào Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội. Đòi lính chiến có thời giờ đâu mà hội với hè. Mặc dù sau này tôi biết HVNSQĐ có lúc lên đến 7,8 trăm hội viên là khác. Nhớ lại lúc còn ở Bình Định, khoảng năm 1969 gì đó, tôi với Trần Hoài Thư hay lang thang về phố (Qui Nhơn) vô tình quen với anh em anh Hùng, có một sạp báo trên đường Phan Đình Phùng. Một con đường ngắn thật ngắn nằm giữa đường Gia Long và Phan Bội Châu. Lần nào hai đứa chúng tôi cũng đến sạp báo này, ngồi chơi và xem báo “cọp”. Ở đây có đủ loại báo. Nhật báo và các báo văn học nghệ thuật khác nữa. Không biết Trần Hoài Thư có còn nhớ sạp báo của Hùng ngày nào không nhỉ? Nơi đây, chúng tôi thấy có tờ báo Khởi Hành với khuôn khổ bằng nửa tờ nhật báo xếp lại đặt trên sạp bên cạnh các tạp chí văn học khác..

Khởi Hành, dù là một tờ báo của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội, nhưng với sự chăm sóc của nhà thơ Viên Linh như là thư ký tòa soạn đã trở thành một tạp chí văn học thuần nhất và bán như tất cả các tờ báo văn học nghệ thuật khác xuất bản ở Sài Gòn. Nó tách biệt ra khỏi báo chí quân đội, như Tiền Tuyến (Nhật Báo) và Chiến Sĩ Cộng Hòa (tuyên truyền).

Khởi Hành có mặt hầu hết trên mọi miền đất nước, từ địa đầu giới tuyến cho đến tận Cà Mau. Có điều chúng tôi không biết với một tờ báo mà anh em cầm bút trong quân đội có nhiều cảm tình khi đến với Khởi Hành từ tháng 5 năm 1969 đó thì bỗng dừng đến năm 1972 thì đình bản. Một dấu hỏi rất lớn với tôi cho mãi đến hôm nay chưa giải đáp được cho nghi vấn của tôi. Tại sao? Tôi không biết! Ngay cả thời điểm hôm nay; vì có lần tôi nghe anh Trần Hoài Thư nói với tôi là anh Viên Linh cho biết thời điểm trước 1975 Khởi Hành có tuần in tới 10.000 số. Một con số lớn cho một tờ báo văn học.

Trở lại khi còn đóng quân ở Qui Nhơn, khi Trần Hoài Thư không bận hành quân, hai đứa tôi tuần nào cũng đến sạp báo của Hùng vừa tán ngẫu với cô em gái của Hùng vừa xem báo “cọc”. Một năm sau, hai đứa tôi rời khỏi Qui Nhơn mỗi đứa đi mỗi nơi. Tôi đổi về Tháp Chàm rồi sau này ra Dục Mỹ không còn xem báo “cọc” tại sạp báo của Hùng nữa, mà phải tới nhà sách để mua. Thứ năm Khởi Hành phát hành ở Sài Gòn, nhiều khi tới nhà sách ngày sau cũng chưa có báo, vì tình hình đường xá bất ổn, xe đò chưa ra. Đành phải chờ qua những ngày sau. Nhưng dù gì, đối với Khởi Hành, một tạp chí của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội đã qui tụ hầu hết anh em lính cầm bút trên nhiều thể loại sáng tác hội tụ về đây. Ngay cả những người ngoài quân đội với những bài nhận định văn học rất chuẩn.

Khác với những tờ báo văn học khác, Khởi Hành dám đi những sáng tác của những cây “bút lính” viết từ chiến trường, dám nói lên cái thân phận, nỗi chán chường và mong muốn có hòa bình và cũng nói lên thân phận, không phải chỉ riêng cho mình mà còn viết về thân phận của người dân trong vùng giao tranh nữa. Những truyện ngắn, những bài thơ đã đi trên Khởi Hành mà nhiều người nghĩ rằng đó là những lỗi viết “phản chiến”. Một lỗi viết “cấm kỵ” trong một chính quyền đang có chiến tranh, và đương đầu với “đấu tranh chính trị” về văn hóa với phía bên kia. Chỉ có Khởi Hành là dám đi, không như những tờ báo văn học cùng thời chưa chắc đã dám đi những bài viết có tính “phản chiến” ấy vì sợ “hệ lụy” đến tờ báo của mình. Và chắc chắn là sẽ bị lưỡi dao kiểm duyệt gọt dũa, không tha. Cho nên trong những tờ tạp chí văn học thời ấy những truyện ngắn cũng đã bị đục bỏ từng đoạn. Nhưng Khởi Hành thì không thấy? Không biết có “cái lưng” nào đứng đằng sau của tờ báo của “HVNSQĐ” hay không? Nhưng dù gì với tuần báo Khởi Hành đã đi vào tâm thức của người lính như tôi trong suốt gần mấy năm. Mặc dù tôi chỉ là người viết “amateur” không như người bạn ăn của tôi là anh Trần Hoài Thư và cũng là người lính như tôi. Anh có thể viết lúc nào cũng được. Không có giấy thì viết trên bao thuốc lá, rồi về nhà viết lại. Mà nhà ở đâu, THT nhỉ?

Với Khởi Hành, buồn viết một truyện chơi cho vui, năm 1970, nói lên tâm trạng của tôi, và những người dân trong cuộc chiến, nghĩ về những cuộc hành quân của bọn Tây Lê dương đối với dân tôi trong những năm chiến tranh Pháp Việt, trở thành một ấn tượng trong tôi, để rồi vào lính, hành quân trong vùng mất an ninh, tôi không muốn người lính của tôi lại dẫm chân như bọn lính Lê dương ngày nào. Tôi cũng quên hẳn cái truyện đó, gởi cho KH đọc nhất một truyện, và cũng không để ý. *Nào ngờ anh Trần Hoài Thư tìm đâu đó thấy được*

cái truyện của tôi viết và gửi cho tôi, như một món quà.

Thế mà từ năm 1969 (xem báo KH cộp) tại sạp báo của anh em anh Hùng ở Qui Nhơn, sau đó vào Tháp Chàm một năm sau, rồi năm 1970 ra Dục Mỹ, tuần nào cũng mua KH về đơn vị đọc. Một chồng Khởi Hành để trong phòng ngủ tiểu đoàn của tôi. Cuối tháng 3 năm 1975 lo toan đủ thứ cho một Tiểu đoàn Khóa sinh di tản, thì những tờ báo KH cũng như những chứng từ của tiểu đoàn đều để lại, không tiêu hủy. Không biết đơn vị nào của phía bên kia tiếp quản đơn vị của tôi (di tản), thế nào họ cũng thấy những tờ báo KH này. Họ, bộ đội Bắc Việt nghĩ gì, khi họ đọc?

Thế rồi, qua Mỹ định cư, Khởi Hành lại tái bản, gửi cho anh Viên Linh vài ba cái truyện, anh đi, như một sự góp mặt ngày nào đó trước 1975, dù ít, nhưng với tôi, Khởi Hành vẫn là một tờ báo mà tôi hằng trân quý.

■■■■■■■■■■

NGUYỄN NHƯ MÂY

MỘT KỶ NIỆM VỚI KHỞI HÀNH

1. “Đêm mộng du ngoài ruộng muối” là bài thơ lục bát đầu tiên của tôi được anh Viên Linh chọn đăng trên tuần báo Khởi Hành. Nhưng kỷ niệm làm tôi nhớ mãi đến giờ là lần đầu tiên gặp anh Viên Linh ngay tại nhà in của Khởi Hành ở đường Phạm Ngũ Lão- Sài Gòn sau đó một thời gian ngắn theo lời nhắn của anh (qua anh Nguyễn Bắc Sơn).

đêm mộng du ngoài ruộng muối

NGUYỄN NHƯ MÂY

em treo một lượt bốn mùa
lá cây tàn quạnh đánh thua tóc người
núi non nầy hồng xanh tươi
đầu chân nẩy lác óm mưa ngâu sâu
trời còn nọt, chát trắng cao
nửa đêm em mộng du vào quê hương

em thông dong bốn phía trời
cương xưa thả lỏng gọi mời phiêu du
quanh em hồn đã thiên thu
tay thoả gốc rễ nghệ và cánh mơ
trời chiều lạ bước ngàn ngơ
bên sườn núi lạnh, bãi thơ cháy bằng
anh vin cành gió, mộng lung
bay qua, bãi thấy mặt mường lá rơi

xuống xe còn vịn nón cời
Chân trên bờ cát lòng phơi phơi hồng
đu em ra giữa dòng sông
mấy con nước lác chảy rờn dĩa xưa

ôm hôn người — tựa trời mưa
và mê hôn cả nỗi chua xót đời

đầu sông, một cánh bèo trôi
hỏi ra mới biết xác tôi đặt ở.

(KH 21, năm 1969, THT sưu tầm)

2. Chính từ hôm gặp ấy, anh Viên Linh đã đưa tôi vào “thăm” nhà máy in báo. Tiếng máy chạy xình xịch, mùi mực in, mùi giấy báo... với không khí nóng bỏng của Sài Gòn thời chiến tranh ấy đã vô tình chớm nở một thiện cảm trong tôi- một thanh niên mới lớn đang bắt đầu yêu thích nghề làm báo, làm văn nghệ. Nó đã theo tôi đến tận bây giờ, dù nay tôi đã 66 tuổi, vẫn rất thích được sống và hoạt động hết mình cho báo chí, văn nghệ.

3. Khởi Hành là một tờ tuần báo bán chạy ở miền Nam thời ấy cùng với tạp san Văn. Nó là một diễn đàn cho tất cả những người cầm bút trong và ngoài quân đội. Tôi không bị đi lính vì thuộc diện hoãn dịch gia cảnh. Nhưng với tình cảm ấy, tôi đã nhiều lần vào Sài Gòn để tìm mua cho đủ hết các số Khởi Hành để về đóng tập. Việc biết cách xén giấy, đóng chỉ, làm bìa dày, vẽ trình bày cho sách báo là do tôi học được trong những lần la cà ở các nhà xuất bản, nhà in...trong đó có nhà in của tuần báo Khởi Hành.

Lúc ấy, với tôi, anh Viên Linh và tờ Khởi Hành đã “vô tình” đưa tôi vào thế giới của các tòa soạn, nhà máy in sách, báo, tạp chí với tiếng máy in chạy xình xịch, mùi mực in, mùi giấy... đã làm tôi “say” để rồi sau này, do cuộc đời đưa đẩy, tôi đã gắn bó rất nhiều với nghề làm báo.

4.

Cảm ơn Khởi Hành và anh Viên Linh về tất cả những gì mà tôi “học” được qua những lần gặp gỡ, lắng nghe anh tâm sự, giải thích về nghề làm báo, làm thơ. Nay, mỗi lần có dịp đi ngang qua đường Phạm Ngũ Lão (Sài Gòn) là tôi hay dừng lại vài phút để hút một điếu thuốc, tưởng nhớ về một địa chỉ văn nghệ đầu tiên trong đời mình.

Phan Thiết, 11h ngày 20/ 10/ 2014

KHỞI HÀNH,

NHỮNG NĂM THÁNG TUỔI TRẺ KHÔNG QUÊN...

Tạp Bút
MANG VIÊN LONG



Sau hơn 45 năm, bây giờ ngồi mà nghĩ lại - tôi nhớ, truyện ngắn đầu tiên của tôi đã được đăng trên tuần báo Khởi Hành là *“Tuy hòa, những ngày mưa”*, vào ngày 3 tháng 12 năm 1970. Sau đó là truyện *“Một ngày cô độc”* và tiếp theo là những bài tạp bút...

Tuần báo Khởi Hành với khổ lớn, trình bày lạ và đẹp - nội dung phản ánh kịp thời những sinh hoạt văn học nghệ thuật trong tuần, với phần nhiều sáng tác của những người viết trẻ; đạo ấy là một tờ tuần báo văn học lôi cuốn tôi và đông đảo bạn bè vào mỗi cuối tuần chờ đợi ở các hiệu sách báo!

Trong thời gian cộng tác, tôi chưa có dịp vào Saigon để ghé tòa soạn Khởi Hành thăm người chủ biên là nhà thơ Viên Linh, cho dầu thư nào gửi cho anh, tôi cũng đều “*hy vọng sẽ được gặp anh sớm*”!

Giữa năm 1971, tôi xuất bản tập truyện thứ ba - tập “*Phố Người*”, thì ngay sau đó, trên Khởi Hành có bài “*điểm sách & nhận định*” của anh Cao Huy Khanh - một cây bút chuyên viết tiểu luận và phê bình cho tuần báo KH được bạn đọc tin tưởng. Việc làm của KH đã cho tôi thêm niềm tin tưởng và quý mến, bởi KH đã luôn quan tâm đến những người viết trẻ ở xa Saigon như chúng tôi... Tôi đã viết thư riêng cho anh Viên Linh bày tỏ cảm nghĩ, và nhân tiện, nhờ anh chuyển lời cảm ơn đến anh Cao Huy Khanh...

Sau khi KH đăng tải bài tạp bút đầu tiên “*Tiếng đồn chị Sáu có duyên*” của tôi, anh Viên Linh đã có thư riêng đề nghị “*Long hãy viết gửi về KH những bài tạp bút như thế nhé - KH đang rất cần...*”. Tôi chỉ nhớ bài tạp bút tiếp theo ở KH là “*Ngó ra Hòn Yến ba lần*”(...). Nhờ sự góp ý, động viên của anh Viên Linh, tôi đã viết “*Đa tình con mắt Phú Yên*” và dành thời gian nhiều hơn cho thể loại này từ đó,

Một dịp được gặp lại nhà văn Võ Phiến ở quê nhà Qui Nhơn, anh đã “khen” bài tạp bút đầu tiên ấy, và đã ngỏ ý “mình sẽ “mượn” bài của Long khi tái bản tập tạp bút nhé?”. (trong bài tạp bút “*Tiếng đồn chị Sáu có duyên*” tôi đã bắt đầu bài viết từ câu ca dao ở Xứ Nẫu là “*Tiếng đồn chị Sáu có duyên/ Đồng Nai đi cười một thiên mồm mòi/ không tin giở quả ra coi/ rau răm ở dưới, mồm mòi ở trên*” - có đề cập đến chuyện ăn mồm mòi ở quê tôi - Bình Định, lại có “*đụng chạm*” đến ...chuyện “*ăn mồm mòi*” của anh Võ Phiến). Dịp này, tôi mới hiểu thêm được “*cái tài*” làm báo và biên tập nội dung của anh Viên Linh - người chủ biên có “*tầm nhìn*” sâu rộng và chuyên nghiệp, đã luôn tạo cho KH một “*nét riêng*” rất mới!

Năm 1972 - một lần vào Saigon ghé thăm tòa soạn Văn (và Văn Đề) - tôi đã đến toà soạn KH nằm cùng đường phố Phạm Ngũ Lão nhưng bên kia số lẻ. Anh Viên Linh thuở ấy còn rất trẻ, đẹp trai, cởi mở và chân tình - nên tôi đã rất “thoải mái” trò chuyện cùng anh những cảm nhận về KH, cũng như tâm sự về đời sống “tĩnh lẻ”, về bạn văn Tuy Hòa, về quan niệm sáng tác - nhất là dòng “*văn học phản kháng*”. (sau này tôi có viết rõ trên trang VN/ TT bài “*Văn chương phản kháng & tình thế hiện tại*” do anh đảm trách). Trong lúc đang trò chuyện, một người đàn ông dáng dấp thấp, da ngâm đen, tờ báo cuộn lại dặt vào túi quần sau - trông rất “phong trần” bước vào. Anh Viên Linh trao đổi vài câu với anh ta, tôi không nhớ rõ - rồi anh ta vội vàng bước đi. Tôi cười: “Thưa anh, là ai vậy?” - “Anh Trần Tuấn Kiệt đó mà - Long chưa gặp sao?” - “Chưa...”. Thì ra, người đàn ông tôi vừa tình cờ “gặp” được là nhà thơ Trần Tuấn Kiệt mà tôi đã ngưỡng mộ từ lâu! Tôi chợt có ý nghĩ: Với anh Viên Linh thì giữa “người” và “thơ” theo sự tưởng nghĩ của tôi (trước khi gặp), là không có gì khác; nhưng với trường hợp anh Trần Tuấn Kiệt, thì... “khác nhau một trời một vực”! Đọc thơ Trần Tuấn Kiệt - tôi cứ hình dung anh là một con người có dáng gầy cao, da dẻ trắng thư sinh, và...Thì ra, chỉ vì tôi đã “thiên vị & định kiến” (quá chủ quan) khi đọc thơ (hay văn) của tác giả, nên mới ngỡ ngàng đến vậy!

Sau biến cố 75 - tôi không còn một tập sách báo nào, nên những bài đã đăng trước đó ở KH (hay các tạp chí khác) đều không nhớ! Thịnh thoảng, vài bạn văn tình cờ gặp ở đâu đó trong mớ sách báo cũ được bày bán dọc hè phố Saigon, đã mua về và photo cho tôi khi thấy có bài. Có cô bạn văn vào thư viện trường đại học đang giảng dạy, ngẫu nhiên “thấy có bài” tôi, đã scan cho tôi ngay sau đó (...). Một nhà thơ chưa hề gặp ở tận Cần Thơ xa xôi, đã “mày mò” trong mớ báo cũ còn lại, cũng đã photo gửi cho tôi một số bài trên Tuổi Ngọc và Phổ

Thông. Chính truyện ngắn “*Mấy ngày trước Giáng Sinh*” của tôi đăng ở tạp chí Văn số đặc biệt GS năm 1974 - anh Trần Hoài Thư cũng “nhặt” được ở một thư viện, rồi in gởi cho tôi giữ “làm kỷ niệm”! Và mới trung tuần tháng 10 này thôi, một nhà thơ trẻ đồng hương đang sống và làm việc tại Saigon, trong lúc “tìm kiếm” báo cũ rải rác ở nhiều nơi để làm luận văn, cũng “tìm thấy” truyện “Bóng Mây” của tôi trong tờ Thời Tập (Viên Linh chủ trương) - đó là “*Tuyển Tập Nhà Văn Trẻ*” đã giới thiệu Phạm Thiên Thư, Nguyễn Mộng Giác, Ngụy Ngữ, Trần Hoài Thư, Cung Tích Biền, Nguyễn Đạt, Nguyễn Tôn Nhan, Phù Hư, Nguyễn Mai, Hoàng Ngọc Tuấn, Phạm Cao Hoàng, Mang Viên Long (...) nên đã photo nguyên tập gởi “tặng” như một món quà quý!

Một thời tuổi trẻ đã tản mát, thất lạc, hư hao như vậy - nhưng tôi tin, trong tâm trí mỗi người những kỷ niệm sâu đậm của cái “thuở ban đầu” êm đềm, và thơ mộng ấy sẽ chẳng bao giờ mất, và mãi mãi sẽ được trân trọng...

Quê nhà, tháng 10 năm 2014
MANG VIÊN LONG

NGUYỄN DƯƠNG QUANG

NỬA ĐÊM CHỢT NHỚ BÀI THƠ CŨ

*Tuổi già ngồi nhớ vu vơ
xa xưa ... một cõi đời Thơ chiến trường.*



tranh Nguyễn Hải Chí (nguồn: Khởi Hành)

Trước 1975, tôi làm thơ rất ít, thường chỉ chép tặng hay đọc cho bạn bè nghe trong những giờ rảnh rỗi của đời lính, ai gọi là “nhà thơ” thì thường thấy hổ thẹn, không dám nhận. Thấy thơ mình “đơn giản quá, nhẹ quá”, tôi không dám gởi cho báo nào cả.

Tuy nhiên có một trường hợp đặc biệt: bài thơ *Đêm kích dưới chân đồi Pá* được đăng trong *Khởi Hành* số 29 (theo trí nhớ). Đặc biệt, vì không do tôi gửi báo mà do bạn bè gửi và đặc biệt vì đó là bài thơ duy nhất của tôi được đăng báo.

Thơ thời lính chiến và bài thơ trên báo Khởi Hành

Tháng 8/1968, tôi rời Trường Bộ Binh Thủ Đức về Tiểu khu Bình Thuận. Trước đó, khi còn ở quê nhà Dran, cách Đà Lạt 36km, một quận lỵ nhỏ phủ đầy sương, đẹp và buồn. Sau giờ dạy học, là trưởng ban văn nghệ và thủ quân đội túc cầu của quận, tôi thường xuyên tổ chức các buổi trình diễn văn nghệ và đá banh, ít để ý đến chuyện thơ văn. Tuy vậy, tôi cũng có giờ rảnh để đọc Kim Dung, Phổ Thông, Tiểu Thuyết Thứ Bảy... (ông ngoại tôi đặt mua dài hạn nhiều tạp chí và mua đủ các bộ truyện Kim Dung).

Những ngày trước khi xa Dran, tôi không biết Sao Trên Rừng đã mọc lên ở đây (Nguyễn Đức Sơn), họa sĩ Đinh Cường đã từng có ở đây nhiều bức tranh rất đẹp, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã từng đến bưu điện Dran gửi thơ cho Dao Ánh và nhà văn, nhà thơ Trần Hoài Thư cũng đã qua thời thơ ấu ở Dran.

Giữa năm 1969, mẹ cô bé mười sáu tuổi bán rau ở chợ Duồng (quận Hòa Đa, Bình Thuận), tôi bỏ Ban 3 BCH Hành quân liên Chi khu Bắc Bình Thuận ở Sông Mao, xin ra tác chiến, về một Đại đội Biệt Kích Mỹ đồng hóa ĐPQ đóng đồn ở ngã ba Duồng (nơi Phạm Cao Hoàng viết bài thơ *Bạch tiên tôi ở ngã ba Duồng* được nhiều người yêu thích). Qua anh trai cô bé, tôi được cho ở trọ nhà nàng trong những ngày nghỉ phép hay khi rảnh việc quân. Nàng đẹp, hiền hậu chân quê. Tình tôi và nàng mới vừa nhen nhúm thì mẹ nàng sợ tên sĩ quan lỵ lợm trong khi con gái mình còn quá nhỏ nên gởi nàng lên Di

Linh ở với chị. May mà không hiểu sao một năm sau bà gọi con gái về lại và nhận tôi là rể.

Ở chung nhà, tôi thấy Phạm Cao Hoàng hay ngơ ngơ ngẩn ngẩn làm thơ, chép vào một quyển vở học trò (đôi khi tôi lên đọc mấy bài thơ tình trong quyển vở PCH bỏ quên ở nhà khi đến lớp dạy). Lúc ấy tôi cũng đang ngẩn ngơ vì nàng bị mẹ gởi lên tận vùng núi Di Linh, bao nhiêu là nhung nhớ vì cách xa. Tôi viết được hai câu:

*Với tay cao hết sức mình
núi cao nguyên xuống để nhìn thấy em*

rồi đưa cho PCH xem, PCH gật gù: “Ông làm thơ được đấy chứ! Làm tiếp đi”. Được khen, tôi vui lắm và từ đó rập tâm làm thơ.

Thơ tình thì chỉ hai câu trên là bí, “hết sức mình rồi”. Đêm giao thừa 1969 – 1970, tại đồn đóng quân, tôi viết bài thơ lính đầu tiên *Đêm cuối năm viết cho má*, rồi tôi viết tiếp một số bài trong năm 1970.

Lần hồi, tôi quen thêm Từ Thế Mộng, Nguyễn Thanh Trinh (Đoàn Thạch Biền), Nguyễn Lê Tuân, Huỳnh Hữu Võ, Tô Duy Thạch, Đài Nguyên Vu, Cao Nhật Vũ ở Phan Rí, Nguyễn Bắc Sơn, Lê Văn Chính ở Phan Thiết và tập thể gia nhập làng văn thơ địa phương Bình Thuận dù mình là nghiệp dư nhất.

Trong những lần đọc thơ, ca hát lúc họp mặt bạn bè văn thơ, Nguyễn Lê Tuân hay đọc bài *Đêm cuối năm viết cho má* của tôi, giọng nghẹn ngào, mắt rung rung nghe thật cảm động. Cũng cảm động không kém khi một số lính trong tỉnh lại thuộc bài *Chiều trên rừng trong mật khu Lê Hồng Phong*. Riêng bài này, tôi đã chép tặng Đại úy Đặng Trung Đức, Tiểu đoàn trưởng TĐ 1, TrĐ 44, SĐ 23 Bộ Binh mà tôi quen trong dịp đội bóng của Đại

đội tôi đã giao hữu với đội bóng TĐ1/44 mà tôi và Đ/U Đức là cầu thủ của hai bên. Nhận bài thơ, Đ/U Đức tặng lại cho tôi 100 trái mìn claymore để tăng cường phòng thủ đơn vị và về sau có người cho tôi biết Thiếu tá Đức đã tử trận ở Kontum, khi lấy xác trong túi anh còn bài thơ này. Hình ảnh trẻ trung, say mê thơ và đàn hát của anh Đức tôi vẫn còn nhớ.

Một hôm, Huỳnh Hữu Võ đưa cho tôi tờ *Khởi Hành* số 29, bảo mở ra xem. Tôi thật bất ngờ khi thấy bài thơ *Đêm kích dưới chân đồi Pá* được in ở góc trên một trang bên phải, đặc biệt có tranh minh họa của họa sĩ Nguyễn Hải Chí vẽ một thiếu nữ có mái tóc dài bồng bềnh thật dễ thương. Tôi hỏi “ Ông gửi phải không?” Huỳnh Hữu Võ không đáp, chỉ cười.

Làm sao nói hết nỗi vui khi cầm tờ *Khởi Hành* số 29 trên tay? Tôi như một đứa trẻ bất ngờ được quà. Tôi nhảy múa hò reo. Chiều đó tôi đãi ra trò bạn văn nghệ, vừa lai rai, vừa đọc, ngâm thơ, đàn ca sáo thổi. Nói thêm về chuyện đàn ca sáo thổi: dù tôi ở đơn vị tác chiến, Quận/ Chi Khu Trưởng Hòa Đa, Bình Thuận giao cho tôi đội văn nghệ và đội bóng đá của quận. Kịch thì có lính, ca và vũ có lính và nữ sinh Trung học do giáo sư dạy môn Triết Nguyễn Thanh Trịnh tiến cử, có lúc tôi đưa cả nhà thơ Phạm Cao Hoàng lên sân khấu hát với lời giới thiệu là ca sĩ Hoàng Phúc. Phạm Cao Hoàng làm thơ, ngâm thơ và hát đều hay cả.

Khởi Hành số 29 ở chung với tôi đến ngày di tản. Sau ngày cải tạo về, anh vợ tôi cho hay đã đốt hết *Khởi Hành* chung với *Văn*, *Bách Khoa*, *Thời Tập* và mấy trăm bản nhạc, một số tập nhạc vì sợ...

Sau 1975, số phận những bài thơ thời chiến

Suốt mấy năm đời lính, tôi cũng như nhiều người làm

thơ trong QLVNCH, cũng như hạ sĩ quân y Tiểu Khu Bình Thuận, hội viên Hội Văn nghệ sĩ Quân đội Nguyễn Văn Hải (Nguyễn Bắc Sơn, trước là Thông dịch viên Biệt kích Mỹ):

*Đi hành quân rệu rã vẫn mang theo
mang trong đầu những ý nghĩ trong veo...*

cả khi cải tạo về, tôi cũng vẫn “trong veo”:

*Cải tạo về lên non phát rẫy
vợ lo phe phẩy, ta tiêu phu
độc lập, tự do, hạnh phúc nhất
vừa làm chủ vừa làm bí thư*

*Tả xung hữu đột tan cây cỏ
phút chốc một vạt Đông Trường sơn
súng đạn thua rồi, nay trận rửa
chiến chinh, chinh chiến ta coi thường...*

Suốt một năm đầu tôi phải ăn bám vợ, cứ nửa tháng một lần nàng vào rừng tiếp tế cho tôi gạo, mắm, thuốc lá. Thực phẩm thì tôi có thừa nhờ một làng cá trắng dưới con suối nhỏ kề bên chòi lá của tôi. Tôi phá núi trồng khoai lang “thành công tốt đẹp”: bụi nào cũng có củ nhưng thường nhỏ rí hay sùng. Sau đó, nhờ có người giới thiệu, tôi bỏ rẫy đi buôn phân bón. Chỗ phân xác cá nhiều và tốt nhất lại là Bình Thuận. Tôi lại có rất nhiều dịp về “chiến trường xưa”, gặp lại bạn thơ, lính cũ.

Một ngày khoảng đầu thập niên 80 của thế kỉ trước, tôi được mời tham dự đám cưới con gái đầu của nhà thơ Từ Thế Mộng tại nhà anh ở Phan Thiết. Tại đây, ngoài hát giúp vui đám cưới còn có mục đọc thơ. Sau khi Nguyễn Bắc Sơn đọc bài *Nhị hồng*, Từ Thế Mộng gọi tôi và giới thiệu luôn tựa đề bài thơ phải đọc *Chiều trên rừng trong*

mật khu Lê Hồng Phong. Tôi sợ quá, lỡ có ông cán bộ hay công an nào trong đám khách trên trăm người này thì sao? Làm sao tôi còn được lên xuống Đà Lạt – Phan Thiết buôn bán làm ăn? Sợ, nhưng phải liều, vẫn chất lính mà! Nhờ vừa đọc vừa hát (rải trong bài thơ 7 đoạn có 3 câu là các nốt nhạc của bài hát O’Cangaceiro!), tôi được tán thưởng khá nồng nhiệt, khán thính giả vừa vỗ tay vừa la ...không ó. Lúc này chỉ mới vài năm sau “giải phóng”, tôi “cự nự” Từ Thế Mộng, anh cười hết cỡ bảo “Có gì đâu!”.

Ít lâu sau, một hôm tôi theo Từ Thế Mộng, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Như Mây, Lê Nguyên Ngữ đến dự buổi đọc thơ do Hội Văn Học Nghệ Thuật tỉnh Thuận Hải tổ chức (lúc này Thuận Hải chưa tách thành 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận). Tôi nhìn quanh trong hội trường thấy thưa thớt vài “nguy”, một số ít bộ đội, còn lại đa số là cán bộ chắc cũng xuất thân từ bộ đội. Khi được giới thiệu đọc thơ, tôi quyết định “thử phở” cả hội trường và cả tôi bằng bài *Đêm kích dưới chân đồi Pá*, không ngờ lại “thành công tốt đẹp”, bình an vô sự, những tiếng khen nhân văn, nhân bản râm ran.

Từ đó, tôi “hiên ngang” đọc những bài thơ cũ viết trong thời chiến của mình trong nhiều buổi đọc thơ cho dù có người tán thưởng, có người chau mày, nhìn chỗ khác. Tôi vẫn “bình an vô sự”, có lẽ vì số hên.

Năm 1997, Trinh Đường (1921 – 2001), một nhà thơ lớn tuổi từ Hà Nội vào Nam sưu tầm thơ để thực hiện *Một thế kỉ thơ Việt*. Một lần dừng chân tại Đà Lạt, ông tổ chức một “buổi giao lưu thơ đặc biệt” gồm sáu người: một bên là ba sĩ quan cấp tá bộ đội, một bên là tôi, Huỳnh Hữu Võ và Tô Duy Thạch. Cả ba bộ đội đọc một số bài thơ chiến đấu nẩy lửa, phía ba người chúng tôi đọc các bài thơ mình viết trong thời chiến và đọc thêm

thơ của Tô Thùy Yên, Nguyễn Bắc Sơn (Tô Duy Thạch còn nhớ một số đoạn trong bài *Trường Sa hành* và nhất là đoạn I của bài *Chiều trên phá Tam Giang* của Tô Thùy Yên). Kết thúc buổi giao lưu, nhà thơ Trinh Đường tuyên bố: “trong đời tôi đã dự hàng ngàn buổi đọc thơ nhưng hôm nay là buổi đọc thơ tuyệt vời nhất”. Sau đó, ông nói riêng với chúng tôi: *Miền Nam nhân văn, thơ hay lắm, thua là phải*.

Bước ngoặt của số phận những bài thơ thời lính chiến của tôi được đánh dấu bằng việc các anh Trần Hoài Thư và Phạm Văn Nhân thực hiện Bộ sưu tập *Thơ miền Nam trong thời chiến*. Từ đó hầu hết các bài thơ thời chiến của tôi đã được in trong hai tập *Thơ miền Nam trong thời chiến* tập I, II và các số *Thư Quán Bản Thảo*.

Thơ miền Nam trong thời chiến phát hành ở Mỹ, tuy nhiên tiếng vang ở Việt Nam rất lớn. Do số sách chuyển về không nhiều, cũng như một số ít người khác có được bản chính, tôi photo ra cho một số bạn thơ. Tôi có tặng bản photo cả hai tập cho một nhà giáo, nhà thơ dạy môn Văn tại Đại học Đà Lạt để anh nghiên cứu theo lời anh yêu cầu, anh rất thích tuy vẫn thắc mắc là làm sao có chuyện sĩ quan QLVNCH ra lệnh thả nữ Việt Cộng? Tôi cười đoán chắc với anh là không chỉ có mỗi trường hợp Linh Phương mà cả miền Nam còn một số trường hợp khác dù các nữ Việt Cộng ấy không chắc đã đẹp bằng con gái Sài Gòn, hình như anh tin.

Năm 2012, tôi in tập thơ riêng *Đêm ôm đàn uống rượu một mình*. Nhà xuất bản thứ nhất lác đầu, NXB thứ hai bỏ 6 bài trước 1975 và một phụ bản tranh Đinh Cường, NXB thứ ba bỏ hai bài viết sau 1975. Giữ được tất cả các bài thơ trong thời lính chiến, tôi mừng vô hạn. Thế là số phận các bài thơ đời lính trước 1975, các bài tâm huyết nhất, từ *Khởi Hành* đến *Thư Quán Bản Thảo*, đến tập thơ riêng, trở thành “trên cả tuyệt vời” đối với tôi.

Nửa đêm chợt nhớ bài thơ cũ

Tuổi già, ngoài việc lo chống chọi với bệnh tật, chỉ còn lại ký ức: tuổi thơ của mình trong đó có những bài thơ của mình.

Đêm kích dưới chân đồi Pá. Cảm ơn nhà văn, nhà thơ Trần Hoài Thư đã trích, đã nói hộ tôi gần như trọn vẹn trong bài “*Tinh thần bản trong văn học miền Nam*” in trong *Thư Quán Bản Thảo* số 58. Dưới chân đồi Pá, đêm thật im vắng chờ đợi phút giây chết chóc xảy đến, người lính tôi hoàn toàn tự do trút những ý nghĩ chân thật của mình về cuộc chiến lên vỏ bao thuốc lá chờ sáng mai chép lại gửi bạn bè văn thơ đọc. Và bản thảo ấy đến với Khởi Hành, được chấp nhận. Sau này, có thi giờ, được đọc hai nền văn học Nam, Bắc Việt Nam trong các giai đoạn, tôi hiểu đâu là văn chương tự do, báo chí tự do.

Khi được nghe kể lại về cái chết của Chuẩn Úy Nguyễn Văn Uy (nhà văn Y Uyên), bạn đồng khóa Thủ Đức với tôi và cùng về Tiểu khu Bình Thuận : trúng viên đạn đầu tiên anh đã ngã chết, nhưng sau đó, khi thấy cái lon Chuẩn Úy gắn trên nắp túi áo, những người phía bên kia đã trút tiếp lên ngực anh cả một băng đạn, nát hết ngực, tôi hiểu những người đó đã được dạy về lòng thù hận con người đến mức nào! Uy chết cách chỗ tôi chỉ khoảng 40km.

Đêm kích dưới chân đồi Pá. Mìn claymore đã được gài sẵn, súng hòm sẵn, đơn vị tôi nằm rải bên bờ mương khô chờ những người đã được dạy rất kĩ lòng thù hận con người kia “vác hận thù đi xuống”. Riêng tôi còn chờ một thứ khác hơn: ngọn đồi này mai sẽ thành rẫy.

Tôi không có lòng thù hận con người, tôi không thích chiến tranh. Nhưng, tôi đã sống trọn vẹn với chiến tranh, đến 18 giờ chiều 29/4/1975, tại Bãi Sau Vũng Tàu, khi

những người phía bên kia từ trại Chí Linh dày đặc tiến lên đôi cát và Tiểu đoàn ban lệnh Đại đội (vừa tái thành lập sau di tản, ngày 27/4) rút về Bãi Trước, để lại lưng đồi vì không thể lấy xác một thiếu úy và hai binh sĩ chết vì đạn pháo 130 ly từ Long Hải bắn qua suốt ngày 29; đến 9 giờ sáng ngày 30/4/1975, sau khi nghe lệnh phát ra từ Tổng Thống Dương Văn Minh, đại đội tập hợp bên gành đá Bãi Trước, ném hết súng đạn xuống biển, ngậm ngùi chia tay, tìm phương tiện về quê.

Cổ sẽ thấy người nắm tay người. Sau ngày cải tạo về, tôi cũng nắm được một số bàn tay nhưng tôi cũng hiểu vì sao những bàn tay nắm không được chặt.

Một lần gặp nhau, Nguyễn Bắc Sơn đưa cho tôi một bài thơ chép tay tựa là *Ngộ nhận*. Buồn cười là *Ngộ nhận* viết về việc vợ chồng cãi nhau, nhưng tôi chú ý đến đoạn sau:

Xin em ngừng tiếng nói

Hai ta nói lộn lời

Máu của dân ta còn chảy ngược

Bao giờ giọng nói chảy về xuôi?

Giọng nói hai vợ chồng Nguyễn Bắc Sơn chẳng mấy chốc đã chảy về xuôi. Còn giọng nói của dân tộc ta? Mấy mươi năm tôi cố lắng nghe. Lắng nghe. Gần đây tôi cũng thấy vui vì có một tờ báo văn học trên mạng trong nước đã đăng một loạt bài về Văn học miền Nam, đăng bài của Trần Hoài Thu, đăng nguyên văn bài giới thiệu *Thơ Miền Nam trong thời chiến* của nhà phê bình văn học Đặng Tiến... Tôi lại vừa đọc được một bài thơ của nhà thơ cựu bộ đội Trần Mạnh Hảo viết trong một buổi viếng mộ một người em trai trong nghĩa trang Quân đội Việt Nam Cộng Hòa tại Biên Hòa, trong đó có đoạn:

Em nằm đây hóa đất này

Chết cho điều có thật

Là đất nước đắng cay

Anh cảm sung cho điều hoang tưởng

Tôi vừa nghĩ một điều rất tâm thường: khi tất cả mọi người đều cùng nhau bình tâm nhận định thật rõ về những điều có thật và những điều hoang tưởng thì lúc ấy giọng nói sẽ chảy về xuôi.



Lời bày tỏ những ý nghĩ của mình trong một đêm chiến cuộc được *Khởi Hành* phổ biến giới thiệu cho những người đọc tôi nghĩ đa số là những quân nhân trong QLVNCH, xin cảm ơn anh Viên Linh. Những bài thơ trong thời chiến của tôi được *Thư Án Quán*, *Thư Quán Bản Thảo* phổ biến giới thiệu cho những người đọc thuộc đủ mọi thành phần hiện nay ở ngoài và cả trong nước, xin cảm ơn các anh Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhàn, Đặng Tiến. Tôi cũng xin cảm ơn những người bạn đã đánh máy, gởi chuyên giới thiệu thơ tôi đến *Khởi Hành*, *Thư Quán Bản Thảo*: các bạn Huỳnh Hữu Võ, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Lệ Uyên.

Đà lạt, 5 giờ 30 phút 06/11/2014



Bài thơ *Đêm kích dưới chân đồi Pá* trong *Khởi Hành* số 29

ĐÊM KÍCH DƯỚI CHÂN ĐỒI PÁ

*Dù đợi người qua trên lối chết
lạ sao ta thấy rất băng khuâng
có rất nhiều điều thật khó nói
đêm sơ giao sẽ chỉ một lần*

*Cỏ ơi, có thấy ai trên đồi
vẫn thường vác hận thù đi xuống?
mà sao ta thấy cỏ không vui
cỏ lạnh lòng hơn là sương mỏng*

*Cỏ biết không, ta không lòng thù hận
lũ chúng ta một thuở thế thôi
ngày mai cỏ sẽ thành đồng lúa
cỏ sẽ thấy người nắm tay người*

*Đồng lúa ơi, sao đồng lúa gầy
lúa buồn không trong mùa gặt muôn?
chim đã ngủ một trời nào khác
và gió rồi cũng chẳng thấy bay*

*Lúa có nghĩ rằng ngày mai sẽ khác?
súng sẽ dùng để đúc lưỡi cày
mỗi ba trăng lúa vàng tròn hạt
chim sẽ ca và gió thổi lúa say*

*Ta vừa nghĩ một điều rất tâm thường:
ngọn đồi này mai sẽ thành rẫy
bởi lòng người lúc nào cũng đẹp
dẫu tâm thường cũng rất mến thương.*
1970



KHỞI HÀNH TRONG TRÍ NHỚ HOANG VU

bài Nguyễn Lệ Uyên



Ngồi trước bàn phím để viết về Khởi Hành, thật lòng tôi không biết phải viết như thế nào, bởi trong tay không có một tư liệu nhỏ, ngoài những bài viết ít ỏi trên mạng. Bỏ công gần mười ngày tìm lục, gọi điện cho bạn bè từ Quảng Trị đến Cà Mau để cuối cùng được nhận câu trả lời hết sức phũ phàng “*rất tiếc, không giữ được số nào*”.

Việc không ai còn “giữ được số nào” có nhiều nguyên do. Có thể Khởi Hành có khổ giống với một tờ nhứt trình, khó lòng bảo quản, lưu giữ như Sáng Tạo, Văn Nghệ, Hiện Đại hay Văn, Bách Khoa... Nhưng hơn hết là sau năm 75, một dấu mốc kinh hoàng, đã tiêu hủy gần như toàn bộ các sản phẩm văn hóa, giáo dục, nghệ thuật... kể cả con người miền Nam.

Chế độ toàn trị và chính sách chính trị hóa trên mọi lĩnh vực đã phá hủy gần như toàn bộ những giá trị văn hóa đạo đức mà tổ tiên đã dày công xây dựng hàng

ngàn năm. Những gì trái ngược với các luận cương về văn hóa văn nghệ của đảng CS đều bị qui kết là những sản phẩm phản động, nô dịch, đồi trụy... và bị biến thành những ngọn lửa. Cái còn lại hôm nay là những đống tro tàn.

Tuần báo Khởi Hành của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội (VNCH) cũng không tránh khỏi số phận bị thương!

Với 156 số báo KH (số 1 ra ngày 1.5.1969 và đình bản vào ngày 5/6/1972) trong vòng 5 năm, đã tập hợp đông đảo các văn nghệ sĩ tên tuổi trong và ngoài quân đội như một dòng chảy tất yếu của văn học miền Nam.

Nhớ lại những gì đã từng đọc trên Khởi Hành, từ thơ, truyện, biên khảo.v.v. tôi không thể tìm ra những dòng chữ mang hơi hướm tâm lý chiến theo nghĩa của một tờ báo văn nghệ của Hội VNS/QĐ mà ngược lại, tính chất tự do sáng tạo theo đa chiều được đề cao, đôi khi mang chất phản chiến khá dữ dội, như bài thơ Cho chiến trường Đông Dương của Linh Phương, nói về thân phận, về cái chết bi thảm của người lính VNCH trên đất Cambodge, Hạ Lào,, hay bài Từ giã bọn mày, viết về thân phận của những lao công đào binh:

*Từ giã bọn mày mai tao lên núi
Mặc áo lao công đập đá xây thành
Làm bạn vắt mòng chung vui với muỗi
Đắp lũy thông hào chờ cuộc giao tranh
Từ giã bọn mày tao đi nhật nốt
Vỏ đạn đồng rơi rớt giữa quê hương
Từ giã bọn mày tao đi nhật nốt
Dưới ruộng-dưới đồng-những máu-những
xương...
Từ giã bọn mày xin đừng đưa tiễn
Dù một lần tao làm gã tội nhân
Từ giã bọn mày mai tao xuống biển*

Nghe đâu, khi Khởi Hành đăng bài thơ này, báo vừa phát hành thì bị tịch thu toàn bộ?! Nhưng theo Viên Linh tiết lộ với những bạn thân sau này, thì Khởi Hành chưa hề bị tịch thu hay bị kiểm duyệt lần nào.

Với những nội dung như vậy, nếu bài được đi trên Văn, Bách Khoa hay Trình Bày, Vấn Đề... việc bị bôi đen, bị đục xóa hay bị thu hồi là không thể tránh khỏi cho báo chí thời kỳ đó.

Vậy, thì vì lý do gì Khởi Hành cứ một mình một cõ đi tới mà không hề bị một áp lực nào từ phía cơ quan kiểm duyệt khá khắt khe này? Có phải vì nó là tờ báo quân đội hay vì cái mác Đại tá của ông Chủ nhiệm Trần Văn Trọng khiến cơ quan kiểm duyệt chùn tay? Tất nhiên không phải vậy, tôi nghĩ. Sự thắc mắc này khiến tôi phải đắn đo để sau đó gửi đến nhà thơ Viên Linh 7 câu hỏi xoay quanh Khởi Hành về nội dung và cách làm báo văn nghệ của ông, nhưng có lẽ do vấn đề sức khỏe, nên chúng tôi không nhận được bất kỳ thông tin nào.

Báo chí trong thời kỳ chiến tranh bị kiểm duyệt là lẽ đương nhiên, không thể trách và đòi hỏi gì hơn ở Bộ Thông Tin Chiêu Hồi, nhưng như vậy không có nghĩa là Bộ này dành ưu ái cho tờ báo này mà “canh chừng” ở tờ báo nọ.

Cũng thật khó lòng giải thích, khi Viên Linh chọn những bài thơ đầu tay của Nguyễn Bắc Sơn được mùi vị phản chiến, không có lợi cho chánh sách chống cộng đang hồi cao trào, nhưng mặt khác, cũng cho người đọc thấy được sự tự do sáng tạo ở miền Nam là tuyệt đối, được nhà cầm quyền tôn trọng.

Nếu như tạp chí Văn, thỉnh thoảng mở ra vài số về Các Cây Bút Trẻ, hay tuần Báo Nghệ Thuật có Những Người Viết Mới để đăng tải thơ truyện của các cây bút mới bắt đầu bước vào làng văn, thì trên Khởi

Hành, sự phân biệt cũ mới, thành danh hay chưa thành danh, trong hay ngoài quân đội dường như không được đặt ra; có nghĩa rằng tác phẩm có giá trị văn học thì được sử dụng. Đây cũng là niềm tự hào của nhà thơ Viên Linh khi ông trả lời phỏng vấn, có đoạn: “*Từ Khởi Hành trước 1975 sống đến số 156, qui tụ các nhà văn tên tuổi nhất Miền Nam mà tôi biết được: viết truyện dài có những nhà văn vừa kể ở trên; viết trang-mục có Bình Nguyên Lộc, Mai Thảo, Ký giả Lô Răng, Tú Kếu, Võ Phiến; viết truyện ngắn và đăng thơ, hình như không thiếu một ai, từ Nguyễn Thị Hoàng đến Túy Hồng, từ Lý Hoàng Phong đến Phạm Công Thiện, từ Hoàng Trúc Ly đến Phạm Thiên Thư, từ Nguyễn Đức Sơn đến Thảo Trường, viết phê bình có Lê Huy Oanh, Nguyễn Nhật Duật, Huỳnh Phan Anh, Cao Huy Khanh, về tham luận văn triết sử giáo dục và văn hóa có Tam Ích, Nguyễn Hiến Lê, Thạch Trung Giả, Nguyễn Sỹ Tế, về có Tạ Tỵ, Nguyễn Trung, CHOE, dịch thuật có Mặc Đỗ, Trần Trọng San, Nguyễn Hữu Hiệu*”.

Đã hơn 40 năm, sau khi Khởi Hành đình bản vì thời cuộc (chiến tranh lan rộng ở miền Trung, báo tồn đọng đến 8 số không thể phát hành), trong ký ức của kẻ viết bài ngắn này, ngoài các nhà văn tên tuổi cộng tác, Khởi Hành còn là miền đất uơm mầm cho các tài năng trẻ, có một chỗ đứng xứng đáng sau này trên văn đàn miền Nam. Đó là một Nguyễn Bắc Sơn, Vũ Hữu Định, Nguyễn Tôn Nhan... hay như một Cao Huy Khanh với loạt bài Sơ Thảo Văn Học rất có giá trị.

Thời gian thì không bao giờ dừng lại. Những chân giá trị văn chương mà Khởi Hành tạo dựng được trong làng báo văn nghệ miền Nam vẫn luôn được khẳng định. Và dẫu cho tới thời điểm này, khó lòng tìm cho ra một số KH trong tay, nhưng những gì Trần Hoài Thư lặn lội tìm đủ 156 số và chụp Microfilm lưu trữ đủ

để nói lên tính chất nhân văn trong văn chương miền Nam, từ hai phía, từ báo và người chụp lại phim. (1)

Đọc lại những gì Viên Linh viết ở số KH cuối cùng, hẳn nhiên độc giả không ai tránh khỏi cảm giác xót xa cho số phận một tờ báo văn học, nhưng đồng thời cũng khiến ta tự hào bởi sự đóng góp công sức của các nhà văn nhà thơ trong vòng mấy năm ngắn ngủi, để KH sẽ được nhắc mãi trong dòng văn học sử Việt Nam.

Và nhân đây cũng xin được cảm ơn nhà văn Trần Hoài Thư, vì nếu anh không chụp phim và gửi về mấy truyện của tôi đăng trên KH thì có lẽ tôi cũng không tài nào nhớ là KH đã đăng bao nhiêu truyện, tựa truyện và nội dung truyện./

(1) Sự thật là toàn bộ Khởi Hành 156 số được lưu trữ trong 3 cuộn microfilm, và một bạn thơ thân hữu mượn dùm từ Cornell và gửi đến tôi. (THT)

KHỞI HÀNH VÀ TÔI

TRẦN HOÀI THƯ

1. Nhân vật người lính



Khởi Hành số 1 ra mắt độc giả vào ngày 1-5-1969 với chủ đề: “Nhân vật người lính trong văn chương”. Có gì lạ khi tôi nhìn vào cái bìa mà tôi may mắn “chộp” được từ Internet? Đâu có gì. Chỉ có hàng chữ màu vàng sậm nổi bật, chạy dài hai giòòng chiếm cứ. Và những tên tác giả quen thuộc. Có gì lạ? Không. Không có gì. Nó chỉ

được dùng cho việc quảng cáo hay làm tăng vẻ bề thế của tác phẩm hay tờ báo. Người đọc cần nội dung.

Nhưng mà đối với tôi, dù không lạ, nhưng lòng lại dấy lên một nỗi xúc động lạ lùng. Nhân vật người lính trong văn chương chứ không phải trong guồng máy tâm lý chiến, hay đảng, hay trên những cửa miệng đầu môi của lãnh tụ, của đại tướng, trung tướng thiếu tướng. Người lính ở trong văn chương được tô đậm thay vì chỉ là bóng mờ. Người lính ở trong văn chương có thể là hư cấu nhưng ít ra người lính được xem là nhân vật chính thay vì hạng thứ yếu, hạng quân tốt.

Chưa bao giờ tôi để vào tâm trí tôi một tờ tạp chí mà tôi không có cả một số để làm tài liệu như thế này. Tôi nhờ rất nhiều người, nhưng hỏi âm thì ít, nói gì đến hy vọng được mọc xanh? Tôi biết là tôi làm một công việc điên rồ. Yale chỉ cách 100 miles. Cornell cách 300 miles... Nếu mà Y. không bệnh hoạn, thì có lẽ mọi sự đã được giải quyết, cho dù mỗi lần đi là mỗi lần gánh thêm những tai họa mới. Có khi chiếc xe chạy lúi vào đồng tuyết bên đường vì đường đông đá quá trơn trượt, trong khi xe truck thì đâm xầm đến. Có khi xe bị chết máy. Có khi thời tiết xấu, sương mù miền thượng bang NY dày đặc đến nỗi phải mở đèn pha chạy 5, 10 miles một giờ... Nhưng cái giòng máu của tên lính thám kích, xuất thân từ một đơn vị đã sản sinh ra những nhân vật huyền thoại mà chẳng ai biết hay cần biết như hạ sĩ nhất Cày, trung sĩ nhất gốc Nùng Lương văn Tướng, trung sĩ nhất Y Suk, khinh binh Võ Hồng Nga, hạ sĩ Hùng... và đại đội trưởng Hồ văn Hòa – người sĩ quan được thăng cấp nhanh nhất trong quân lực miền Nam (2 tháng thăng hai cấp, từ thiếu úy lên trung úy nhiệm chức và sau đó trung úy thực thụ) do chính tướng Đỗ Cao Trí gắn ngay tại mặt trận... Đó là những nhân vật có thật ngoài đời, mà tôi đã đưa vào các tác phẩm của tôi. Đó là những nhân

vật huyền thoại mà đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ mãi, ghi mãi, hãnh diện mãi, và viết mãi...

Đó. Nhân vật người lính trong văn chương là thế. Hạ sĩ nhất Cày bắt mãi vì quá lâu không được thăng cấp trong khi bọn ở hậu cứ lại được thăng cấp như điều gặp gió, rồi được gọi đi học khóa đặc biệt. Ông chỉ biết tôi đề bày tỏ nỗi bất mãn. Mà tôi thì vô phương. Và cuối cùng ông được thăng cấp từ hạ sĩ nhất lên trung sĩ nhưng kèm chữ cố, khi ông cố cứu một người lính Mỹ bị phục kích trên đèo An Khê... Đây, nhân vật người lính trong văn chương là thế. Chỉ có văn chương mới có thể lột bỏ cái vỏ phù phiếm do từ giường máy, hay các lãnh tụ đầu môi chót lưỡi đề cao... Chỉ có văn chương mới có thể nói về nỗi buồn của người lính khi anh ta nhớ con nhỏ, mẹ già, mà không biết làm sao để mà về thăm... Chỉ có văn chương mới thấy thế nào là sức nặng của mười ngày gạo trên lưng người lính... Văn chương chứ không phải quân sử. Quân sử chỉ dành cho lãnh tụ, tướng lãnh... Những cái chết oanh liệt của tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê văn Hưng, Lê Nguyên Vỹ... được quân sử ghi đậm, làm sao có những người lính thấp hèn được ghi vô như cảnh những người lính Thủy Quân Lục Chiến cùng rút chốt lựu đạn một lượt để cùng nhau tự sát đồng loạt trên bãi biển Thuận An như trong Tháng Ba Gây Súng của Cao Xuân Huy.

Chỉ có văn chương mới dành cho người lính ấy tất cả những trân trọng nhất. .

Chỉ có văn chương mới thật sự trả lại quyền của người lính...

Chỉ có văn chương mới mang đi tiếng nói tận cùng trái tim của những người trẻ tuổi như thế này:

ĐĂNG TRƯỜNG SƠN

NỬA ĐƯỜNG

Me hỏi bao giờ con trở lại
Hơn ba mươi tuổi vẫn phiêu bồng
Chất chiu áo rách cơm hàng xú
Chợt sắt se hồn chợt ước mong

Làng thang sớm đuổi mây đầu núi
Trưa ngủ cùng sông tối giỡn trăng
Quên đi những tháng ngày lưu lạc
Mộng cũng tan theo bước vội vàng

Thân xác con đâu còn của mẹ
(Đầu đã sanh và nuôi lớn khôn)
Đạn súng người ta con giữ chặt
Lầm lũi con đi giữa chiến trường

Tiếng kêu đau xót hay bom nổ
Cây đổ hay người ngã dưới chân
Máu của thù sâu hay của bạn
Quanh con tan tác mảnh da vàng

Me ơi con mẹ còn đâu nữa
Là máy dò hơi súng giết người
Là pháo lao đi bom nổ chậm
Là chờ tan xác kẻ vui tay

Nước mắt đầy trang thư gởi mẹ
Con yêu làm lính ngày mỗi xa
Quê hương rực lửa ngày Tây-Bắc
Nào mái nhà xưa tóc mẹ già.

(nguồn: KH 107)

2. *Chọn mặt gửi con...*

Ai đưa tôi đến chôn này. Vừa cầm súng và cũng vừa cầm viết.

Những năm 1968, 1969, 1970 là những năm tôi viết nhiều nhất. Đó là thời gian mà mỗi bài văn là một chúc thư.

Trong hoàn cảnh mà cái chết như ám ảnh, thì ngòi bút lại càng tuôn trào. Bởi lẽ tôi sợ không còn dịp để mà viết nữa.

Nhưng một câu hỏi là sau khi viết xong, nên chọn báo nào để mà trao đưa con của mình cho độc giả? Bách Khoa?, Văn Học? Trình Bày? Ý Thức? hay Khởi Hành? Vẫn biết rằng, văn chương ở báo nào cũng là văn chương. Nhưng trong thời chiến tranh, khi mà lưỡi kéo của Sở Kiểm Duyệt luôn luôn rình rập trên từng chữ, từng lời từng ý khiến bạn nhiều khi muốn khóc. Vết thương trên thân thể rồi trở thành vết sẹo, thời gian làm ta quên. Nhưng vết thương trên những trang tim óc, được đổi lại bằng máu nước mắt để có chất liệu mà viết, nhưng nói như nhà thơ Phạm Cao Hoàng, những ô đen đúa trên trang chữ giống như những nhịp cầu đen buồn bã, bị đổ gãy đoạn lìa.

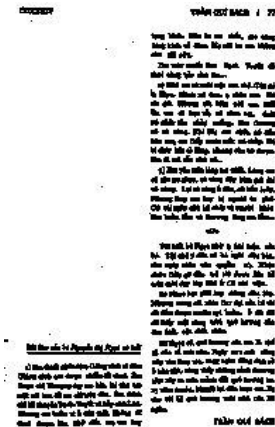
Và cũng vì không muốn cho đứa con của mình bị tra tấn, bị cắt, bị đục, bởi nên tôi phải lựa chọn tờ Khởi Hành để mà trao đứa con của mình cho được an toàn.

Tại sao lại chọn Khởi Hành. Bởi vì tất cả những bài văn hay thơ của tôi đều không bị kiểm duyệt hay sửa một

chữ. Theo tôi, cái nhãn “Hội văn nghệ sĩ quân đội” mà hội trưởng là Đại tá Trần Văn Trọng, “có lẽ” đã khiến những cán bộ thông tin phải chùn tay, hay “ngán” cũng nên. Có lẽ họ nghĩ tờ báo là của nhà binh, mà nhà binh là một tập thể kỷ luật, hay cũng có lẽ, họ không dám đụng vào một tập thể đã hy sinh để bảo vệ họ được an ổn tại Saigon chẳng. Tôi không biết. Nhưng một số bài tôi gởi đến Bách Khoa, được ông Lê Ngô Châu trả lại, viện lý do nếu đăng chắc báo sẽ bị tịch thu. Trong số những truyện được trả lại có truyện Bên Kia Cầu, Tiếng Khóc mà sau này tôi gởi cho KH, mà không bị bôi một chữ.

Có thể nói là tôi đã nương vào tờ Khởi Hành để mà qua mặt các tay cán bộ của Sở Phối Hợp Nghệ Thuật. Khởi Hành chính là một ân nhân bảo bọc các đứa con tôi được an toàn. Chứ không phải như một số bài trên Văn, Bách Khoa, Văn Học hay Trinh Bày.

Đây là một ví dụ điển hình về sự cắt đứt này:



(truyện ngắn Nước Mắt tuổi thơ trên Bách Khoa)

Trong một nước có chiến tranh, việc kiểm duyệt dĩ nhiên là một việc làm cần thiết. Ví dụ những bản tin tiết lộ bí mật quốc phòng chẳng hạn. Bởi vậy, chính quyền mới lập ra một Sở chuyên môn kiểm duyệt sách báo. Nhưng thật tế không phải vậy. Các vị “sát thủ đại hiệp” này, có khi lạm dụng quyền hành đến mức ngu xuẩn.

Phần lớn các truyện của tôi, chiến tranh là đề tài chính. Mà chiến tranh là đồng nghĩa với bom đạn. Nhưng khi viết bom đạn, thì chữ bom bị đục, chỉ còn lại từ đạn chơ vơ.

Một ví dụ khác ở trang truyện “Những cơn mơ cuối năm”. Câu văn gốc như thế này:

..... khi tiếng còi báo động máy bay Mỹ xuất hiện trên bầu trời thành phố,

Sau khi bị kiểm duyệt: (bỏ ba chữ: máy bay Mỹ)

.. khi tiếng còi báo động..... xuất hiện trên bầu trời thành phố,

Trong một quốc gia đang chiến tranh, việc kiểm duyệt dĩ nhiên là một việc làm cần thiết. Ví dụ những bản tin tiết lộ bí mật quốc phòng chẳng hạn. Bởi vậy, chính quyền mới lập ra một Sở chuyên môn kiểm duyệt sách báo. Nhưng thật tế không phải vậy. Các vị “sát thủ đại hiệp” này, có khi lạm dụng quyền hành đến mức ngu xuẩn.

Việc Mỹ oanh tạc miền Bắc là một việc công khai bạch nhật, mỗi ngày phát ngôn viên quân sự đều loan tin. Chuyện rành rành ra đó, mà sát thủ nhà ta lại không biết, đục mấy chữ máy bay Mỹ ra khỏi câu, chỉ để lại những chữ xuất hiện trên bầu trời... Vậy thì đục làm gì chứ. Chẳng lẽ chim chóc xuất hiện hay sao?

Một ví dụ khác là trong một truyện ngắn của tôi trên Bách Khoa, khi tôi viết về một buổi chiều phục kích tại

một bia làng, có nhân vật ông Tướng – người trung đội phó gốc Nùng (tên thật là Lương văn Tướng) mà tôi cho vào trong truyện. Tôi kể về những lệnh lạc khi trung đội đột nhập vào mật khu, và những chỉ thị của tôi qua nhân vật “ông Tướng gốc Nùng”. Tôi viết chữ Tướng với T hoa. Vậy mà ngài sát thủ lại kết tội tôi chơi xỏ một ông tướng nào đó, bôi tất cả những chữ Tướng trong bài văn!

Kể ra như thế để các bạn hiểu về kiến thức trình độ của các ngài cán bộ thông tin Bộ Cắt Đục cũng như về nỗi khó khăn của người lính viết văn. Chúng tôi đã chiến đấu thật sự để bảo vệ họ. Và họ nhân danh sự dốt nát, ấu trĩ, để chém đâm những đứa con tinh thần của chúng tôi không thương tiếc.

Nhưng mà không sao. Chúng tôi có tờ Khởi Hành để nương tựa.

Vâng chỉ có tờ KH tôi mới có thể viết bom đạn, hay ra lệnh ông Tướng trung đội phó của tôi mà không bị bôi đen. Chỉ có tờ Khởi Hành mới dám đăng những truyện mà các báo khác không dám.

Nếu không có tờ Khởi Hành, chắc tôi sẽ không bao giờ có được truyện Bên Kia Cầu(KH 45) hay Nước Mắt (KH 110)để tôi có thể in lại trong tác phẩm của tôi sau này, sau khi báo Bách Khoa trả lại bản thảo vì sợ bị làm khó dễ.

(Xin mời đọc truyện Bên Kia Cầu đăng ở phần sau, để thấy chữ “ông Tướng” nguyên vẹn)

3. Khởi Hành và thơ Linh Phương

Không phải Khởi Hành là nơi an toàn mà chúng tôi - những người thời ấy được xem là những cây bút trẻ - gởi nhờ các đứa con đầy máu lệ của mình. Tác giả bài

thơ “Kỷ Vật Cho Em” - nhà thơ Linh Phương- trong một hồi ký được phổ biến nhiều trên Internet cho biết:

(...) Thực ra, không chỉ bài thơ Kỷ Vật Cho Em làm tốn nhiều giấy mực báo chí, mà còn có 2 bài thơ đăng cùng một số báo trên tờ tuần báo KHÔI HÀNH của Hội Văn nghệ sĩ quân đội Sài Gòn, đó là bài thơ “Bài cho chiến trường Đông Dương” nói về những cái chết của người Việt Nam trên đất Kampuchea, Hạ Lào...và bài “Tử giả Bọn Mày” nói về thân phận của những lao công đào binh. Tôi chỉ còn nhớ 3 khổ thơ của bài này như sau :

*“Tử giả bọn mày mai tao lên núi
Mặc áo lao công đập đá xây thành
Lâm bạn vất mông chung vui với muỗi
Đắp lũy thông hào chờ cuộc giao tranh*

*Tử giả bọn mày tao đi nhặt nốt
Vỏ đạn đồng rơi rớt giữa quê hương
Tử giả bọn mày tao đi nhặt nốt
Dưới ruộng- dưới đồng- những máu- những xương*

*...
Tử giả bọn mày xin đừng đưa tiễn
Dù một lần tao làm gã tội nhân
Tử giả bọn mày mai tao xuống biển
Tay ngoắt nghèo về trọn chữ Việt Nam “*

Khi báo phát hành khoảng một giờ sau thì bị cảnh sát tịch thu tất cả những số báo còn lại. Đây là trường hợp có một không hai vì đây là tờ báo của Hội văn nghệ sĩ quân đội.”

Nhà thơ Linh Phương chỉ nhớ ba đoạn. Dưới đây là cả hai bài thơ anh nhắc được Cornell ra tay tế độ giữ gìn dùm. Xin được chụp và trả lại cho chủ của chúng.

(Khởi Hành số 148 năm 1972)

cho chiến trường việt nam

giọt nước mắt mùa hạ
dưới cánh đồng trẻ thơ
không còn hoa còn lá
chỉ còn mùi máu khô

người Việt Nam nằm chết
da thịt nát bầy nhầy
vì quả đạn Rocket
không còn chân còn tay

người Việt Nam nằm chết
bên kia vùng Hạ Lào
bên đây vùng BenHé!
xác chết chồng lên cao

người Việt Nam nằm chết
trên chiến trường Đông Dương
trên rừng thiêng Cam Bốt
bỏ xứ sở quê hương

hai mươi năm còn gì ?
hở Hà Nội thân yêu
hai mươi năm còn gì ?
hở Saigon thân yêu

từ giả bọn mây

từ giả bọn mây mai tao lên núi
mặc áo lao công đập đá xây thành
làm ban vất mông chung vui với muối
đắp lũy thông hào chờ cuộc phản tranh

từ giả bọn mây tao đi nhặt nốt
vỏ đạn đồng rơi rớt giữa quê hương
từ giả bọn mây, tao đi nhặt nốt
dưới ruộng dưới đồng những **máu xương**

từ giả bọn mây rong chơi ngày tháng,
cùng vợ cùng con cùng mấy con đào
tao lỡ sinh ra một đời lận đận
thế cũng đành, cũng chịu biết làm sao ?

nếu như thương tao bọn mây ở lại
vui với giảng đường đại học ngày thi
nếu như sau này bọn mây có dạy
nhớ kẻ học trò về những người đi

và hãy nói họ chết rồi lâu lắm
từ nhiều năm qua trong cuộc chiến tranh
từ nhiều năm qua vành khăn đỏ trắng
lớp lớp hăng hăng trang điểm tóc xanh

từ giả bọn mây xin đừng đưa tiễn
dù một lần tao làm gã tội nhân
từ giả bọn mây mai tao xuống biển
tay ngoãn ngoèo về trọn chữ Việt Nam

4. Khi chúng tôi lên tiếng...

Bài viết của nhà văn Mặc Đỗ đăng trên Khởi Hành số 12 dưới nhan đề “Mặc Cảm Ka Ki” đã gặp phản ứng mạnh mẽ của những người trẻ viết văn mang đồng phục bấy giờ. Chúng tôi đã sưu tập, đánh máy và đăng lại

toàn bộ bài của nhà văn Mặc Đỗ, hai bài viết của Lê văn Chính và Yên Bằng, thêm một bài của Dương Nghiễm Mậu trên số 85 có liên quan đến vấn đề, dù là bài trả lời câu tuyên bố của tướng Nguyễn Cao Kỳ, bấy giờ là phó tổng thống VNCH đặc trách về văn hóa và giáo dục.

Mục đích để chứng minh Khởi Hành là diễn đàn của một thế hệ trẻ có ý thức. Nếu không có Khởi Hành chắc tiếng nói của chúng tôi không còn nơi để gởi gắm.

Tiếng nói ấy là gì. Là tiếng kêu trầm thống của một thế hệ chẳng may sinh ra trong chiến tranh, lớn lên trong chiến tranh, quay cuồng trong chiến tranh, và bị tù tội đọa đầy sau khi hết chiến tranh.

Tiếng nói ấy là gì. Là phải chạm trán vào một cuộc chiến tương tàn. Cha có thể giết con. Anh có thể giết em. Bạn bè ngồi cạnh nhau trên ghế nhà trường thì sau này trở thành kẻ thù nghịch có thể hạ hê bắn giết nhau. Tiếng nói ấy là gì. Có vui gì đâu để mà nhìn cuộc chiến với hình ảnh chàng từ khi vào nơi gió cát, bụi, nhìn lại xem: Người lính mang trên lưng ba lô 10 ngày gạo đạn dược, thêm sức nặng của lịch sử... Tiếng nói ấy là gì. Là nói lên thân phận của người lính, như nhà văn Dương Nghiễm Mậu đã viết:

Hãy nhìn những người lính chiến, trong cuộc hành quân mang theo rau muống, hãy nhớ tới số lương bổng chết đói họ có, hãy nhớ tới sự chiến đấu kham khổ gian nan mà người lính chiến phải chịu đựng, do đó giải thích rõ họ không chiến đấu vì tiền, vì quyền lợi. Họ nhập ngũ như một bốn phận, họ chấp nhận mọi chuyện sẽ đến, có thể họ đào ngũ nhưng không đi với cộng quân, họ đào ngũ vì nhớ vợ con, thương vợ con, thương cha mẹ già,

hoặc đào ngũ vì một cấp chỉ huy, vì một đơn vị không điều nghệ với họ, chống đối bất công, tham nhũng, bè phái... Tôi nhắc lại: người lính chiến Việt Nam thực đã ở một cảnh ngộ không người lính chiến nào phải chịu đựng, bốn bề họ là kẻ thù, đó cũng là tình cảnh của khối dân tộc này.

(xin đọc bài của DNM trong số này)

Tiếng nói ấy là gì.

Trong khi nhà văn MĐ - chưa bao giờ ném thê nào là đoạn đường chiến binh, thú nhận rằng ông “khoái” lính:

“TÔI KHOÁI NHỮNG NGƯỜI LÍNH VÌ CÁI THÂN PHẬN KHÔNG THỂ TRÁNH ĐƯỢC CỦA HỌ khi họ tới một tuổi nào, ở trong một hoàn cảnh đất nước nào, phải cầm súng để làm tròn một nhiệm vụ.”

Thì ngược lại, Nguyên Sa không khoái mà tra vấn lương tâm mình:

*hãy tha thứ cho ta
hãy tha thứ cho ta
những anh em đã chết
những anh em chết ở bờ ở bụi
những anh em chết ở đồn vắng trong rừng sâu
những anh em chết khi đi di hành
những anh em chết khi đi phục kích
những anh em chết mặt đẹp như hoa
một ngàn lần hơn ta
cũng chết
những anh em học giỏi như thần đồng
một ngàn lần hơn ta*

*cũng chết
những anh em có vợ mới cưới chẵn gối còn thơm
cũng chết
những anh em có người tình viết thư nét chữ còn run
cũng chết
những anh em con cái còn nhỏ hơn con cái ta
cũng chết
những anh em mẹ già còn yếu hơn mẹ già ta
cũng chết
những anh em đáng sống một ngàn lần hơn ta
đã chết
đang chết
và còn chết
hãy tha thứ cho ta*

Nguyên Sa đã xin một sự tha thứ, còn Mặc Đỗ thì không. Trái lại ông tự xem ông như một phán quan, nhận định chuyện đi lính như một bổn phận thiêng liêng cao cả, nhưng ông chẳng thấy một tác phẩm nào nói lên những chàng hào kiệt mà ông khoái ấy. Để rồi cuối cùng ông hỏi chúng tôi:

“Các bạn còn ngại hay các bạn để dành ?”

Vâng, riêng cá nhân tôi: ngại thì không ngại. Một người viết văn phục vụ trong đơn vị thám kích, chuyên môn đi đầu chết đầu, còn sợ ai mà ngại với không ngại. Nhưng làm ơn hãy cho chúng tôi được dịp trở về SG hai tuần lễ để có thì giờ nạp bản, in, phát hành. Xin làm ơn giúp chúng tôi khỏi bị cái hình phạt của dao kéo của Sở Kiểm Duyệt.

Còn để dành thì chịu. Bởi người lính, dù là Tây, Tàu, hay Việt đi nữa, có mấy ai nghĩ rằng mình có cơ may sống sót mà để dành cho tác phẩm của mình. Sống nay

chết mai, viết được là may rồi..Có phải vậy không ?

5. Một lời thú nhận đáng suy nghĩ

Từ lâu, tôi luôn luôn mang câu hỏi: Tại sao thời Sáng Tạo, Thanh Tâm Tuyền đã làm quá nhiều thơ, bài nào bài nấy quá hay, nhưng trong thời chiến thì ông hầu như không làm nổi bài thơ nào.

Thời Sáng Tạo chỉ có 5 năm, trong khi thời chiến đến cả 13 năm nếu tính từ khi từ năm 1962, khi tiếng súng đã thật sự bùng nổ. Ngay cả tập thơ thứ hai: “Liên Đêm Mặt trời tìm thấy” dù xuất bản vào năm 1964 cũng góp toàn những bài thơ ông sáng tác trong thời Sáng Tạo.

Chính ông thú nhận trong bài đầu tiên của loạt bài mang tên Âm Bản trên Khởi Hành số 52 ngày 7-5-1970 là : “Đã lâu lắm rồi tôi không làm thơ. Có đến mười năm. Tập thơ cuối cùng đã làm hồi 1959/1960. Không làm thơ và cũng không đọc thơ.”

Vậy mà nhiều vị phê bình nhận định cứ xem Thanh Tâm Tuyền là nhà thơ của thời chiến.

Nếu bảo ông là nhà thơ của miền Nam thì đúng. Còn nhà thơ thời chiến là hoàn toàn sai lầm.

Có điều, một câu hỏi tại sao?

Tôi không hiểu.

Dù sao, Khởi Hành số 52 là số báo đi vào lịch sử văn học. Nó là chứng từ về một sự bất lực của một kiện tướng thời Sáng Tạo và nói lên sự có mặt ồ ạt, thác lũ của một lớp người trẻ từ khắp mọi miền của đất nước, chứ không phải riêng gì ở thủ đô Saigon như thời Sáng Tạo.

ÂM BẢN

THANH TÂM TUYỀN

Nhà văn Thanh Tâm Tuyền kể từ số này tiếp tục công tác trở lại với KH trong một mục thường xuyên : *Âm Bản*. Âm Bản sẽ là những ghi nhận hằng tuần của ông, mà kỳ mở đầu hôm nay là những ghi nhận về việc *làm thơ*, việc *viết văn*, suy ra từ hai chữ dùng đó. Âm bản mỗi kỳ sẽ được in ra và phổ biến trên trang báo này, nơi đây >

1

Đã lâu lắm tôi không làm thơ. Có đến mười năm. Tập thơ cuối cùng đã làm hồi 59-60. Không làm thơ và cũng không đọc thơ. Nói cho đúng, xem rất nhiều nhưng đọc rất ít. Mà thơ làm ra không để xem mà để đọc. Đọc thầm một mình, đọc cho một người, hay đọc cho nhiều người nghe. Đọc là có tiếng, nghe tiếng dội của những tiếng. (KH số 52 ngày 7-5-1970)

7. Hội Văn Nghệ sĩ quân đội: Độc lập hay là một công cụ của Tổng Cục Chiến tranh Chính Trị ?

Trước 1975 tôi nghĩ Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội là một hội do Tổng Cục Chiến tranh Chính Trị lập ra, chứ không phải là một hội độc lập. Bởi lẽ Quân đội là một tập thể đồng nhất, không cho phép quân nhân gia nhập vào bất cứ một đoàn thể hay đảng phái nào khác ngoài quân đội.

Không phải riêng tôi mà có lẽ hầu hết bạn tôi. Qua những bài gởi về, tất cả người viết đều nghĩ như tôi nghĩ. Và họ đều cho rằng, sở dĩ KH đăng những bài “nặng ký” mà không gặp một trở ngại nào từ phía chính

quyền là nhờ cái thế quân đội của Hội VNSQĐ.

Giờ đây, nhờ sự sưu tầm, tôi mới biết Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội là một thực thể độc lập, được Bộ Nội Vụ cấp giấy phép đăng hoàng:

“Hội VNSQĐ được thành lập ngày 2-6-1967 nhưng mãi đến ngày 2-10-1970 mới được Bộ Nội Vụ cấp giấy phép hoạt động chính thức. Sở dĩ có sự chậm trễ như vậy một phần lớn là do thủ tục điều tra của nhà chức trách kéo dài quá lâu...”

(trích Bản báo cáo tình hình hoạt động của Hội VNSQĐ.... Khởi Hành số 92)

Hội đã làm gì cho Hội Viên, tôi không biết, và cũng chẳng cần biết. Nhưng đọc trên một số báo Khởi Hành thấy thông cáo về dự án “Hợp tác xã kiến ốc HVNSQĐ”, và số người đóng tiền cọc đã lên tới con số 148. Nhưng mà thôi. Chuyện này lạc ngoài chủ đề của tạp chí này rồi. Miễn bàn. Có một điều là Hội đã tạo nên một tờ báo mà tuổi trẻ chúng tôi nương cậy để nói lên tiếng kêu trầm thống của một thế hệ. Thế hệ chiến tranh:

Thế hệ chúng tôi mang đầy vết sẹo
Vết sẹo ngoài thân và vết sẹo trong hồn
Không phạm tội mà ra tòa chung thẩm
Nhận án tử hình ở tuổi thanh xuân
(thơ THT)

DIỄN ĐÀN KHỞI HÀNH

Trên Khởi Hành, có 3 cuộc tranh luận hay phản biện đáng chú ý.

- 1. Cuộc tranh luận về bài viết “Mặc Cảm Ka Ki” của nhà văn Mặc Đỗ. Bài của Lê văn Chính và Yên Bằng.*
- 2. Bài trả lời của nhà văn Dương Nghiễm Mậu về lời tuyên bố của tướng Nguyễn Cao Kỳ, bấy giờ là phó tổng thống VNCH đặc trách văn hóa giáo dục.*
- 3. Cuộc tranh luận về một bài viết đăng trên nhật báo Hòa Bình ngày 5-4-72 của giáo sư Nguyễn văn Trung nhan đề: “Về sự lâm than của một thứ văn chương”.. Bài của Cung Tích Biền (Nhân một bài báo của ông Nguyễn văn Trung - KH 151) và Trần Hoài Thư (Nguyễn văn Trung và những cánh quạ đen bệnh hoạn - KH 153). Rất tiếc chúng tôi không có bài viết của giáo sư Trung nên không thể đăng ra đây cuộc tranh luận này.*

Chúng tôi xin lần lượt đăng lại, như là chứng liệu về văn học sử trong một giai đoạn nhiễu nhương của đất nước, nhưng cũng thể hiện tinh thần dân chủ, tự do đặc biệt trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của miền Nam. (TQBT)



(Khởi Hành số 12 tháng 7 năm 1969)

Tôi đã quá cái tuổi mỗi khi ra đường phải kè kè một tập giấy tờ chứng tỏ “hợp lệ tình trạng quân dịch”. Suốt đời tôi, cho tới nay tôi chưa hề một ngày nào ở trong quân ngũ. Nhưng tôi rất khoái những người lính. Khoái họ không phải qua công việc nhiệm vụ của họ. Ngược lại, tôi vốn rất ghét chiến tranh, ghét những chuyện chém giết, ghét những người chọn phiêu lưu bằng cách làm nghề bắn giết như kiểu những anh lê dương của quân đội Pháp. Tôi khoái những người lính vì cái thân phận không thể tránh được của họ khi họ tới một tuổi nào, ở trong một hoàn cảnh đất nước nào, phải cảm sủng để làm tròn một nhiệm vụ. Tôi nghĩ rằng trong đời người không có hy sinh nào đẹp hơn sự cần rắng của người trai trẻ phải tạm gác tương lai để nhận một nhiệm vụ nguy hiểm mà không có một đền đáp cụ thể nào. Hy sinh cho cha mẹ, anh em, cho vợ con, cho bạn, cho đồng loại đều là những hy sinh có đền đáp cụ thể. Người lính hy sinh cho đất nước chỉ đáp lại một tiếng gọi hết sức trừu tượng, dù không muốn cũng vẫn phải hy sinh. Cái đẹp ở đó. Cho dù sự hy sinh không kết thúc bằng phút giây “đền nợ nước.”

Không hiểu tôi khoái những người lính có phải vì thời tuổi nhỏ tập sách hình đầu tiên mà tôi thích là một bộ bốn năm cuốn lớn đóng tập những số liên tiếp của tuần san (hay bán nguyệt san) *Images de la Guerre* in toàn

hình ảnh về cuộc thể chiến thứ nhất. Những trang giấy láng in *héhogravure* mực màu sépia hay lục đậm. Hình ảnh thời sự trình bày mọi diễn biến của cuộc chiến. Tôi không thích – như số đông thiếu niên khác – hình ảnh những cuộc diễn binh huy hoàng với những thống chế Foch khắc khổ, thống chế Joffre bụng phệ, ngực đầy huy chương, cỡi ngựa đi đầu, hay đứng thẳng trong một thể chào cứng ngắt. Tờ báo thời sự chiến tranh đó in rất nhiều hình ảnh sinh động về đời sống của những người lính thường ngoài mặt trận, ở bệnh viện dã chiến hay ở hậu phương những ngày phép. Mực độ chết người của đề nhất thể chiến chưa đến nỗi kinh khủng lắm, nhưng bộ mặt của chiến tranh ánh lên gương mặt những người lính - nhất là hồi đánh nhau bằng địa đạo dưới mưa tuyết, trong sinh lầy của những chiến hào. Ý thức của tôi hồi đó đã tạm soi sáng đôi chút cho tôi về vô lý của chiến tranh. Tôi ngồi hàng giờ lâu trước những bức hình thảm hại và tôi thấy yêu những con người im lặng hy sinh đó.

Tới thể chiến thứ hai, ý thức có lớn hơn, tôi vẫn thích những hình ảnh chiến tranh loại đó. Có điều khác là lần này không phải chỉ những hình ảnh do người ngoài chụp được, tôi còn đọc những chứng ngôn do chính những người lính viết ra hay do những ngôi bút nhà nghề diễn lại. Thân phận những người lính trong chiến tranh đã được lật lên lật xuống, phô bày khắp mọi mặt. Tôi càng thấy yêu những người lính hơn nữa vì càng thấy thông cảm nhiều hơn.

Tâm trạng yêu lính đó còn thâm thiết bao lần hơn khi những người lính là anh em, bạn hữu, con cháu, đồng bào của tôi. Nhưng tôi hết sức bất mãn, sau nhiều năm theo dõi, không tìm thấy được bao nhiêu những hình ảnh đẹp của người lính Việt Nam trong trận chiến đang tàn hại đất nước này. Tôi phải nói ngay là không đủ

khả năng và phương tiện để đọc hết, xem hết những gì đã được công bố và có một nhận định tuyệt đối. Nhưng tôi phải thành thật mà nói là tôi rất tò mò và rất chịu khó đọc. Tôi nhận xét thấy rằng đại đa số những tài liệu và những sáng tác phẩm đã qua mắt tôi đều nhắm nói lên cái phía công cộng, chính thức của cuộc chiến này, quên mất cái phía riêng tư của từng người lính, cái phía nói lên được cái đẹp của đời lính trước ngoại cảnh thờơ. Những hình ảnh các tướng lãnh đi thị sát – cho dù thị sát những mặt trận ngay hay sau trận đánh – hay những mệnh phụ đầu tóc quá to, quần áo quá đẹp đi thăm thương binh, không nói lên được gì hết đối với đông đảo những người biết thông cảm với người lính, vì họ có thấy đâu cái phần đẹp, đáng yêu kia.

Mào đầu lê thê như vậy rồi, tôi muốn dành phần kết thúc để hỏi thật các bạn văn nghệ sĩ quân đội: Phải chăng các bạn mang mặc cảm, tôi tạm gọi là mặc cảm kaki? Tôi đã đọc, đã nghe, đã xem khá nhiều sáng tác phẩm của các bạn. Thật tình hình ảnh của người lính Việt Nam không ánh lên bao nhiêu trên những nghệ phẩm đó. Tôi còn có cảm tưởng là khi sáng tác các bạn đã muốn *quên* mình là lính. Sáng tác về lính không phải chỉ để ca ngợi lính. Norman Mailer dường như không ca ngợi một câu nào nhưng đọc *“The Naked and the Dead”* ta vẫn thấy yêu thương những người marines lên dền trên sóng hay vui mình trong sinh lầy các hải đảo Thái Bình Dương. Bao nhiêu năm chống giữ miền Nam này những người lính mũ xanh, mũ đỏ, mũ nâu chắc chắn đã tạo nên biết bao nhiêu tài liệu chỉ chờ được khai thác. Nói đâu xa, ngay các bạn – những người “xếp bút nghiên” – cũng là những người lính đáng yêu. Các bạn còn ngại hay các bạn để dành?

Mặc Đồ

(Khởi Hành số 12 tháng 7 năm 1969)

**CHUẨN ỦY LÊ VĂN CHÍNH
THƯƠNG XÁC VỚI
NHÀ VĂN MẶC ĐỖ
VỀ MẶC CẢM KAKI**

Trong Khởi Hành số 12, chúng tôi có đăng tải một bài văn ngắn của nhà văn Mặc Đỗ : Mặc Cảm Ka Ki. Từ Phan Thiết, một bạn đọc của KHI mà cũng là một người cầm bút chiến đấu, chuẩn ủy Lê Văn Chính, còn có bút hiệu là Sương Biển Thuyền, lên tiếng trả lời. Dưới đây là bài trả lời đó.

(trích Khởi Hành số 15 ngày 31-7-1969)



Trong tuần báo KHỞI HÀNH số 12, ở trang 9, nhà văn Mặc Đỗ có viết bài MẶC CẢM KA-KI.

Trong đó, sau khi nói lên một vài lý do làm ông “khoái” lính, nhà văn hỏi là tại sao trong tập thể quân đội có khá nhiều văn nghệ sĩ, mà hình ảnh người lính

V.N. không ánh lên bao nhiêu. Nguyên văn: “Thật tình hình ảnh của người lính V.N. không ánh lên bao nhiêu trên những nghệ phẩm đó,” Đoạn chót, nhà văn hỏi chúng ta: “Phải chăng các bạn mang mặc cảm tôi tạm gọi là Mặc Cảm Ka-ki”.

Thưa tác giả SIU CÔ NƯƠNG, thỉnh mời tiên sinh đọc lại hơn một lần MẶC CẢM KA-KI tiên sinh sẽ thấy rõ tính cách không ổn của những lập luận trong đó và thắc mắc của nhà văn về anh em văn nghệ sĩ quân đội cũng không lạ lùng ngạc nhiên cho lắm.

THỨ NHẤT

Nhà văn viết: “Suốt đời tôi, cho đến nay chưa hề một ngày nào ở trong quân ngũ. Nhưng tôi rất khoái những người lính.

Khoái họ không phải qua công việc nhiệm vụ của họ. Ngược lại tôi vốn rất ghét chiến tranh, ghét những chuyện chém giết, ghét những người chọn phiêu lưu bằng cách làm nghề bắn giết như kiểu những anh lê dương của quân đội Pháp”.

Thưa tác giả SCN, vấn đề không phải là ghét chiến tranh hay thương chiến tranh, thích chém giết hay không thích chém giết nhưng vấn đề được đặt ra là, trong hoàn cảnh và thân phận chúng tôi, những người chưa được hân hạnh trên 40 tuổi để khỏi cảm sùng tể từ những năm sau 1960 có quyền lựa chọn giữa yêu, ghét, thích hay không thích chiến tranh và chém giết hay không. Bao lâu chúng tôi có quyền từ chối, bao lâu chúng tôi có quyền lựa chọn, khi đó, nổi lên điều yêu ghét mới đáng kể, mới thể hiện được bản chất con người của mỗi cá nhân.

Và nữa, như hai lần năm là mười, là tình cảnh chúng tôi chém. giết rất chi thật lực bây giờ khác xa với tình cảnh của những người lính Lê dương ngày xưa.

THỨ HAI

Nhà văn viết: “TÔI KHOÁI NHỮNG NGƯỜI LÍNH VÌ CÁI THÂN PHẬN KHÔNG THỂ TRÁNH ĐƯỢC CỦA HỌ khi họ tới một tuổi nào, ở trong một hoàn cảnh đất nước nào, phải cầm súng để làm tròn một nhiệm vụ.”

Thưa tác giả SCN, cái lối “Khoái Lính” này của nhà văn sao mà “ÁC” thế.

“CÁI THÂN PHẬN KHÔNG THỂ TRÁNH ĐƯỢC CỦA HỌ” có nghĩa là ĐÌNH MỆNH, CÁI SỐ. Và liệu tôi có thể nói “CÁI THÂN PHẬN KHÔNG THỂ TRÁNH ĐƯỢC” khỏi xe Mỹ.

Một đoạn khác, “Tôi nghĩ rằng trong đời người không có hy sinh nào đẹp hơn sự cần răng của người trai trẻ phải tạm gác tương lai để nhận nhiệm vụ nguy hiểm mà không có một đền đáp cụ thể nào”

Vâng, thưa nhà văn “không có hy sinh nào đẹp hơn sự cần răng của người trai trẻ”. Điều này rất đúng, rất đẹp, rất cao cả, nếu nhà văn đang viết về giai đoạn kháng chiến của những người V.N. lên đường chống thực dân Pháp ngày xưa. Tôi nói kháng chiến buổi đầu. Tôi không nói giai đoạn khi mà C.S. phản bội. Còn như hoàn cảnh tế nhị của chiến tranh V.N. bây giờ “sự hy sinh cao đẹp” này bị thương lắm Ông ạ. Vì rằng, rất có thể, chốc nữa đây, thưa nhà văn, chúng tôi sẽ nổ súng vào đầu người cha, người anh em của chúng tôi đây Ông ạ.

THỨ BA

Hồ Đổ viết: “Hi sinh cho cha mẹ, anh em, cho vợ con, cho bạn, cho đồng loại đều là những hi sinh có đền đáp cụ thể. Người lính hi sinh cho đất nước chỉ đáp lại một tiếng gọi hết sức trừu tượng dù không muốn cũng vẫn phải hi sinh. Cái đẹp ở đó”

Thư tác giả SCN

Vậy thì hi sinh cho đất nước chẳng phải là hi sinh cho cha mẹ, anh em, vợ con hay sao. Và “đền đáp cụ thể” là 1 cái hòm, 1 lá quốc kỳ và 12 tháng lương, tôi thấy tất cảđóđược thấy rõ, rất “cụ thể” lắm đấy chứ.

Còn như nhà văn viết “dù không muốn cũng phải hi sinh. Cái đẹp ởđó” Tôi không thấy gì cái gọi làđẹp trong sự cưỡng bách, vì rằng, “không muốn vẫn phải hi sinh”.

THỨ TƯ

Nguyên văn: “Thân phận những người lính trong chiến tranh đãđược lật lên lật xuống, phô bày khắp mọi nơi. Tôi càng thấy yêu những người lính hơn nữa vì càng thấy thông cảm nhiều hơn”

Tôi có quyền nghi ngờ tình yêu và sự thông cảm lính của tác giả khi mà “suốt đời tôi, cho tới nay, tôi chưa hề có một ngày ở trong quân ngũ.”

Cuối cùng nhà văn hỏi: “Phải chăng các bạn mang mặc cảm tôi tạm gọi là mặc cảm kaki”

Thực tình thì chúng tôi không biết thế nào gọi là MẶC CẢM KAKI. Chúng tôi cũng không biết ý của nhà văn cho rằng mặc cảm đó tốt hay xấu. Tự ti hay tự tôn. Nói cách khác, MẶC CẢM này là anh hùng, lương thiện hay tội lỗi, xấu xa vì chém. giết, tham dự chiến tranh.

Và cũng thực tình thì, chúng tôi dửng dưng. Chúng tôi chẳng thấy chúng tôi là cái gì hết. Nếu phải được lựa chọn thì không nói làm gì. Đảng này chúng tôi tham dự không lựa chọn. Chúng tôi đang trong một trò

chơi bó buộc phải theo. Chúng tôi không hãnh diện và cũng không thấy xấu hổ. Nhưng có một điều chúng tôi nghĩ, là không dự phần trong trò chơi chiến tranh kỳ cục này là hơi uổng, thiếu ở mình những kinh nghiệm thích thú.

Ông bảo chúng tôi sao không làm ảnh lên hình ảnh người lính V.N. Thực tình ông muốn chúng tôi làm gì trong tình cảnh chiến tranh tế nhị như V.N. và tình trạng kiểm duyệt hiện nay.

Tôi xin được lập lại đây một lần nữa, đoạn viết trong bài Nhật ký “NÚI TÀ DÒN VÀ DẤU CHÂN UY” đăng trong VĂN số 129, số đặc biệt THƯƠNG NHỚ Y UYÊN để trả lời thay cho những người anh em văn nghệ sĩ trong quân đội trước thắc mắc của ông: Nhà văn VN (đặc biệt hơn những văn nghệ sĩ trong quân đội) trong chiến tranh VN họ thiếu thốn quá nhiều thứ: hoàn cảnh để sống, phương tiện để viết, và nhất là, họ thiếu sự rõ ràng... để phụng thờ, để làm sáng tỏ. Nhà văn VN sống trong sự mù mờ, dường như thiếu tin tưởng ở những lẽ phải để phụng dưỡng, nuôi nấng. Từ một hoàn cảnh như thế, một tâm trạng như thế, nói ra những nhận định của mình, nhất là nói một cách bộc trực, sợ dễ dàng sai lạc và không chừng lại còn đắc tội với lịch sử”

Vậy nên, đúng như Ông nói đã thắc mắc: “Các bạn còn ngại hay các bạn để dành”

Vâng, cả hai đấy Ông ạ. Chúng tôi còn ngại và chúng tôi còn để dành.



(trích Khởi Hành 32)

Trong những lần phải xa thành phố để đi trấn đóng nơi một miền đèo heo hút gió nào, tôi vẫn hằng mơ ước được hình thành một tác phẩm đã hằn sâu từ trong tiềm thức, mà bấy lâu nay do cuộc sống vật vã của một người lính thời chiến đã không cho phép tôi thực hiện. Nhưng rồi sự việc cũng chẳng đi đến đâu trong những lần thay đổi phương vị đó, tôi vẫn phải vùi sâu điều mộng tưởng vào trong trí nhớ, riết rồi phôi pha dần, thành một thói quen cố hữu – Một buổi sáng trời rét căm căm, tôi phải choàng thức giấc dù thân thể rã rời mệt mỏi vì đêm phải đi kích. Tôi phải thức dậy như một điều cần thiết phải có trong một con người. Tôi phải đi rào kềm gai làm cỏ vê, quét dọn phòng ngủ, vệ sinh doanh trại, đào đất vô bao cát, đắp hồ cá nhân... Trưa gài mìn, lắp hệ thống giao thông hào, lau chùi vũ khí... Chiều thực tập tác xạ, báo động, phòng thủ, tập hợp, điểm danh... Đêm phải nôi niêu xoong chảo, ruốt ngựa, mừng mền chắt đây một vai di chuyển khởi đầu chọn địa điểm kín giặc. Suốt đêm không được le lói một ánh đèn, không được hít một hơi khói thuốc vào buồng phổi. Những lúc nghỉ co ro trong bóng tối, tay xoa muỗi rừng bám đầy thân thể, tôi nghĩ mình không thể viết được trong lúc này. Quân đội đã sử dụng người viết văn làm

thơ như một tấm giẻ rách, chỉ biết đơn thuần có kỷ luật và ngày tháng dạn dày đọa xác thân. Thay những nhà văn nhà thơ phải được đặt để đúng chỗ cho họ có thể phát triển nghệ thuật trong một tình thế chiến tranh bi thảm, thì Quân Đội đã vô tình phung phí những tài năng đó. Những bằng hữu tôi đã biết hay chưa biết đã thi nhau gục ngã trên khắp chiến trường. Hoàng Yên Trung – Nguyễn Trí Nhạ - Y Uyên – Lê Tiên Duyên – Phan Trước Viên... đã chết, sự hy sinh một đời cho nghệ thuật. Tôi tiếc thương cho những bông hồng tàn nướo bằng niềm đau xót vô ngần.



Nhà văn Y Uyên

Tôi không được hân hạnh quen anh Mặc Đỗ, nhưng tôi có đọc nhiều tác phẩm của anh, vẫn hằng kính phục anh như bậc đàn anh đi trước trong việc khai phá vườn nghệ thuật hoang sơ của nước nhà. Anh đã đặt thành câu hỏi cho chúng tôi, những người hiện đang cầm bút trong quân ngũ – “ Phải chăng các bạn mang

mặc cảm, tôi tạm gọi là mặc cảm, ka ki”. Tôi không biết anh dùng tiếng mặc cảm ở đây với một dụng ý nào. Mặc bộ quân phục bằng vải ka ki riêng tôi không bao giờ có thể nhen vào một chút mặc cảm, dù là thứ mặc cảm nhỏ nhoi của thân phận người lính giữa phố phường hợp chúng. Như anh đã biết, tới một tuổi nào chúng ta tất cả đều phải lìa xa tương lai để khoác lên mình bộ ka ki đó dưới bất cứ hình thể nào. Có mặc bộ ka ki chúng tôi mới cảm thấy hãnh diện trước bọn người đang hưởng thụ trên xương máu của chúng tôi. Nhà văn, nhà thơ bước chân vào quân ngũ, họ sẽ càng nhận rõ hơn bao giờ hết sự băng hoại của loài người, tác phẩm của họ không đơn thuần được lồng trong hoạt cảnh phố phường – trên một khu chứa điểm hạng sang – trên những building, những công trường... Viết giữa rừng sâu, họ sẽ không còn nghĩ đến hình ảnh tranh sông của dân thành phố. Viết trên núi cao, họ sẽ không còn nghĩ đến lũ vong bản giữa lòng quê hương đặm bạc này. Họ viết âm thầm và tự mình xây dựng lại đời sống trong một sắc thái yêu thương không còn hận thù chồng chất. Viết không phải là đi tìm sự “ĐÚ SỔNG” qua tác phẩm. Viết không cần sự cổ súy, quảng cáo rườm rà của bằng hữu trên một vài tờ báo ruột.

Chiến tranh ở Việt Nam đã được diễn ra trong chiều hướng khác biệt hơn trong cuộc chiến tranh kỳ Đế Nhất và Đế Nhị thế chiến. Trong hai cuộc chiến tranh đó, người lính của cả hai phe đều dành sự thắng lợi về mặt địa dư, trước mặt họ có hình ảnh kẻ thù đối diện. Trái lại cuộc chiến hiện nay ở Việt Nam đã diễn ra trên mọi bình địa, người lính trong cuộc chiến này phải tranh đấu qua mọi hình thức đa dạng của đối phương, chung quanh đều có ẩn hiện kẻ thù, của cùm gông và bội phản.

Nỗi khó khăn đó y như kẻ đánh bài cào trước đối thủ có nhiều xảo thuật. Tôi có quen một anh bạn viết văn, viết thật nhiều nhưng chỉ bỏ đầy ba lô, mỗi lần thuyên chuyển qua đơn vị khác, quân trang quân dụng

quá nặng nề, phải lấy những đứa con tinh thần vất vào sọt rác. Bao nhiêu công trình nghệ thuật đó, lẽ ra phải được phát huy rạng ngời trong sinh hoạt văn hóa hạn hẹp tại Miền Nam này lại bị phung phí một cách quá ư tác hại.

Nhưng tôi hết sức bất mãn, sau nhiều năm theo dõi, không tìm thấy được bao nhiêu hình ảnh đẹp của người lính Việt Nam trong trận chiến đang làm hại đất nước này. Đây chỉ là một ý kiến của riêng anh, của một nhà văn đi trước, của một kẻ đang đứng bên ngoài của vòng đai khói lửa. Nếu có đọc NHÂN VẬT NGƯỜI LÍNH TRONG VĂN CHƯƠNG (Khởi Hành số 1) tôi thấy rằng thực tế không đến nỗi nào về sự bất mãn này lắm trong tư tưởng anh. Hình ảnh đẹp của người lính không thể chỉ hiện lên qua một số tác phẩm giữa lúc hoàn cảnh sáng tác ở Việt Nam quá khó khăn. Tôi đã nhìn thấy hình ảnh đẹp của họ trên khắp cùng đất nước này. Một buổi mai nào trên rừng hoang. Một chiều nào trên núi xám. Một đêm nào trong địa đạo sâu... Hình ảnh người lính trong thành phố chỉ là một chiếc bánh vẽ được bọc bằng một lớp đường thật ngọt. Trên địa hạt nghệ thuật, sở dĩ người cầm bút trong quân ngũ chưa tặng được hình ảnh đẹp hiện thực của người lính cũng có nhiều nguyên nhân, mà nhân tiện bài này tôi xin được vạch trần để anh có thể nhìn thấy được phần nào những khó khăn của người cầm bút trong quân ngũ

1 – Như tôi đã nói ở phần trên, Quân Đội đã không biết đặt người Văn Nghệ Sĩ vào đúng vai trò chuyên môn của họ khi nhập ngũ. Người viết văn không viết được khác nào người nông phu không có ruộng cày. Làm sao họ có thể chiến đấu hữu hiệu khi mà khả năng của họ bị Quân Đội chìm vào bóng tối. Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị và cục Tâm Lý Chiến hiện nay thử hỏi đã qui tụ được bao nhiêu Văn Nghệ Sĩ có thực tài. Y UYÊN một nhà văn kém sức khỏe, kém khả năng tác chiến lại được Quân đội chuyển đến phục vụ tại tiền đồn

No- Ra, một tiền đồn hẻo lánh bị địch quân đe dọa thường xuyên. Anh đã chết một cách thê thảm trong một đêm phục kích, đây là trận đánh đầu tiên của anh kể từ khi rời trường Bộ Binh Thủ Đức. Một số anh em khác không thể cầm bút bởi nhiều bối cảnh đáng buồn. Có anh gặp phải đơn vị thiếu bản ngã văn nghệ, chỉ lo chuyện đánh đấm cho hăng là đủ. Có ông gặp phải ông quan to từ thời Pháp thuộc sót lại, xài lính như tôi tớ, bắt lính làm quá khả năng để mong củng cố địa vị nhơ nhớp của mình... Những nghịch lý tai hại đó đã khiến người cầm bút trong quân ngũ nản lòng, “quăng bút nghiên lo việc nhà binh” một cách bất đắc dĩ.

2- Sở Phối Hợp Nghệ Thuật qua sự cân nhắc kỹ lưỡng là một trở ngại khá lớn cho tất cả người cầm bút trên đất nước này. Tác phẩm xin kiểm duyệt phải một hai tháng trời. Người Văn Nghệ sĩ trong Quân Đội làm thế nào để có thể rời đơn vị một thời gian quá lâu như vậy về Saigon hì hục xin một tờ giấy phép để in một tác phẩm bị cắt xén thành đui mù què quặt. Hơn nữa, trường hợp được thượng cấp “để ý theo dõi” đã xảy ra thường xuyên nếu người Văn Nghệ Sĩ quân đội dám viết sự thật của chiến tranh phi nhân, của xã hội dĩ hòa.

3 – Người cầm bút ngoài dân sự một khi bị chính quyền kết cho một tội trạng nào đó: Có tư tưởng Cộng-sản, tinh thần chủ bại phản chiến, đề cao đối phương, làm suy yếu tinh thần chiến đấu...v.v.. sẽ đương nhiên được đưa ra xét xử công khai trước một tòa án của một quốc gia tự do. Người cầm bút luôn luôn hãnh diện về những điều mình viết, thì hình phạt của chính quyền chỉ có thể là những vòng hoa rực rỡ choàng vào cổ người cầm bút mà thôi. Ngược lại người Văn Nghệ Sĩ trong quân ngũ một khi được qui tụ vào các tội trạng trên, sẽ được giao hoàn về Bộ Quốc Phòng áp dụng biện pháp kỷ luật, công trình nghệ thuật được bội phản ngay trong bóng tối của ghen ghét và chua xót.

Xuyên qua những nguyên nhân và trở lực trên,

tôi nghĩ sở dĩ anh chưa được thỏa mãn về hình ảnh đẹp của người lính chỉ là chuyện đương nhiên, nhất là trong quốc gia mà vấn đề văn hóa chưa được đặt ra, hướng đi chưa được mở đường. Người Văn Nghệ Sĩ Quân Đội chưa biết mình sẽ khởi đi từ điểm khơi mào nào để phục vụ cho văn học nghệ thuật. Hiên nhiên, niềm tự hào vô biên hiện dành cho những người cầm bút trong quân ngũ. Họ đang vượt sóng to, chọi lại cơn bão táp giữa một đời sống phôi pha một cuộc chiến kéo dài tàn nhẫn, một xã hội đầy vô tình.

YÊN BÀNG

(Khởi Hành 32)

Dương Nghiễm Mậu

TẠI SAO KHÔNG CÓ MỘT TÁC PHẨM CHO
NGƯỜI CHIẾN SĨ NGOÀI MẶT TRẬN VÀ VẮNG
TIẾNG HÁT CHO CUỘC CHIẾN NÀY

(trích Khởi Hành số 85)



Cuối tháng Mười vừa qua, trong chuyến đi tại Trị Thiên, sau khi ghé thăm căn cứ Tân Lâm trở về, vừa qua khỏi con đường dốc xuống tới quốc lộ 9, từ đó ngó thấy Tân Lâm Bắc và vùng Khe Sanh, chúng tôi gặp một anh lính bộ binh đứng nơi dọc đường vẫy xe xin quá giang. Chúng tôi ngừng lại, đón người để anh bạn lên, anh trở về Đông Hà với giấy phép 24 giờ. Bộ quần áo trận trên người còn như ẩm nước, anh xách nơi tay một bọc vải nhựa nhỏ trong có chiếc khăn lông xám. Chúng tôi hỏi thăm anh, anh nói vừa ở Tân Lâm Bắc trở về, anh nói tới gió rét, tới con đường lên núi, công việc nhận đồ tiếp tế và nước uống một cách khó khăn, từ trên ngọn núi

nhọn đó anh nhìn thấy sông Bến Hải, nhìn thấy Đông Hà. Anh bạn đồng hành, anh Dũng, nói với tôi về một bài thơ của một người ở Tân Lâm Bắc gửi về, người ở đó da bọc xương, không những thế, trong những tháng trước đó, Tân Lâm Bắc là một mục tiêu mà Cộng quân vẫn thường trực pháo kích cả ngày cả đêm, nơi đây bảo vệ cho vùng Cam Lộ, cho Tân Lâm, Đông Hà và được coi như điểm trấn giữ cho trục lộ 9 lên biên giới Ai Lao. Anh bạn ít nói, nước da đen, vẻ mong đợi hiện ra trong dáng dấp cử chỉ, tôi hiểu rằng với 24 giờ phép nơi anh muốn trở lại là gia đình. Tôi hỏi: mai anh có trở lên không? Anh bạn nói ngay: lên chứ. Tôi cười với ý nghĩ riêng của mình. Khi về tới Đông Hà, anh bạn xuống, anh Dũng vào trong chợ kiếm mua được một chiếc áo nhà binh Mỹ với giá rẻ, anh mừng và không quên mua mấy cái bánh cho đứa con ở nhà. Đó là những cái bánh lấy ra từ trong lương khô của quân đội Mỹ, thứ quà rẻ tiền nhưng chắc những đứa nhỏ sẽ vui mừng khi người cha trở lại nhà sau chuyến công tác. Sau đó chúng tôi đi thẳng về Huế. Chưa kịp trở lại Sài Gòn, trời Huế bỗng đổ mưa và trận bão đầu mùa ập xuống giữ tôi lại trong thị trấn. Trong một chiều mưa tầm tã tôi ngồi đọc hết tờ nhật báo 12 trang, đọc cả những mẫu quảng cáo chẳng ăn nhập gì tới mình và trong những mẫu tin nhỏ tôi gặp một điều mà nay tôi vẫn không quên, đó là đại ý về một lời của tướng Nguyễn Cao Kỳ, với tư cách Phó Tổng Thống và chủ tịch Hội đồng văn hóa giáo dục, lúc đó chừng như hội đồng đang họp trước khi tướng Kỳ qua Tây, qua Mỹ. Tờ báo thuật lại một câu trả lời cho một câu hỏi gì đó liên quan tới văn nghệ, tướng Kỳ có nói đại ý, theo với trí nhớ của tôi: Ông vẫn để sẵn một phần thưởng năm triệu đồng (5.000.000đ) để trao tặng cho một tác phẩm mà khi người lính chiến đọc nó nơi mặt trận thì sẽ hăng hái, phấn khởi tiến lên, nhưng cho tới nay ông vẫn chưa thấy một tác phẩm nào có được điều đó.

Đọc mẩu tin trên, tôi lại nhớ tới anh bạn bộ binh đón đường quá giang xe chúng tôi, hình ảnh của vô số những chiến sỹ khác tôi đã gặp trên những chuyến đi, tôi cũng nhớ tới những câu hỏi đầy đó tôi đã được nghe tới. Tại sao không có một tác phẩm khiến cho người lính chiến ngoài mặt trận phấn khởi hăng hái khi chiến đấu? Tôi đã có nhiều dịp nói lên những ý nghĩ riêng của mình về cuộc phấn đấu của miền Nam, của những người trẻ tuổi đóng góp sức lực xương máu cho đất nước, tôi cũng đã nói tới sự cô quạnh của họ trong một tình thế khát khe, ba bề bốn bên những kẻ thù vây bủa, trước hết là bạo lực của người Cộng-sản và bạo lực của những thế lực đế quốc. Cho nên để được sống, trong thế nhược tiểu của một nước Đông phương, chúng ta thực đã phải đối đầu với những khó khăn to lớn, trước hết với Trung Hoa, sau là Tây phương về mọi mặt. Để được sống, Việt Nam đã phải ở một lựa chọn khe khát. Trong một thế kỷ nay, mục đích của cuộc chiến đấu là chống lại ý đồ xâm lăng dưới mọi hình thức để thực hiện cho được một xã hội tự do, dân chủ, hợp lý.

Tây phương đã đến và thiết lập nền thống trị, sau tám mươi năm chúng ta mới đánh đuổi được thực dân, thì ngay đó Cộng-sản, một sản phẩm khác, một chiêu bài mới của Tây phương lại đến nhằm thống trị chúng ta. Đất nước quá phân, quốc cộng với những hậu thuẫn Tây phương, từ mỗi phe, chúng ta khởi đầu một cuộc chiến mới đau xót hơn. Đó là thực tế hôm nay, đó là thực tế của cuộc chiến. Trong thực tế khe khát đó chúng ta đã phải lựa chọn để đương đầu. Khung cảnh lịch sử, thực tại của một quá trình dồn tụ lại phần nào những điều đó đã có cho chúng ta một cách nhìn, một cách giải thích. Bằng bất cứ sự thiên kiến nào đi nữa chúng ta cũng phải thấy rằng: đối với người Việt, cuộc chiến đấu của họ cùng lúc đối đầu với nhiều phe nhiều phía, điều

họ mong ước không phải là chiến đấu, điều họ mong ước là xây dựng kiến tạo. Họ không muốn đánh nhau, nhưng họ không thể khoanh tay chịu chết trước những thế lực, họ muốn được sống trong tự do, đó là điều dễ trả lời cho những ai muốn xuyên tạc lý tưởng của cuộc chiến đấu này. Chống lại sự khống chế của Cộng-sản nhưng không phải vì thế họ chấp nhận thực tại miền Nam. Họ thấy rõ những bí bưng họ phải chịu, những nhor bần trước mặt sau lưng đã khiến cho họ bần lòng. Nào tham nhũng, dối trá, bọn con buôn bắt nhân và nhiều cấp lãnh đạo bắt tài. Họ chống lại Cộng-sản , đồng thời họ còn phải phấn đấu cho miền Nam thoát ra khỏi tình trạng hiện tại, làm cho đời sống tốt đẹp hơn, và một phần nào họ tin tưởng một diễn trình như thế phải đến trong nỗ lực tự thân của mỗi người.

Hãy nhìn những người lính chiến, trong cuộc hành quân mang theo rau muống, hãy nhớ tới số lương bổng chết đói họ có, hãy nhớ tới sự chiến đấu kham khổ gian nan mà người lính chiến phải chịu đựng, do đó giải thích rõ họ không chiến đấu vì tiền, vì quyền lợi. Họ nhập ngũ như một bôn phận, họ chấp nhận mọi chuyện sẽ đến, có thể họ đào ngũ nhưng không đi với cộng quân, họ đào ngũ vì nhớ vợ con, thương vợ con, thương cha mẹ già, hoặc đào ngũ vì một cấp chỉ huy, vì một đơn vị không điều nghệ với họ, chống đối bất công, tham nhũng, bè phái... Tôi nhắc lại: người lính chiến Việt Nam thực đã ở một cảnh ngộ không người lính chiến nào phải chịu đựng, bốn bề họ là kẻ thù, đó cũng là tình cảnh của khối dân tộc này.

Những nhận định ở trên đã trả lời với tướng Kỳ một điều: người chiến sỹ ngoài mặt trận không muốn thành anh hùng dù là một anh hùng buồn rầu. Bằng ý đồ bành trướng thôn tính và thống trị, trong 20 năm nay, người Cộng-sản Việt Nam trong quỹ đạo của cộng đảng quốc tế đã không ngừng phát động chiến tranh, không phải với chiêu bài Cộng-sản mà bằng chiêu bài dân tộc, dân

chủ, tiến bộ, y hệt như bọn ngoại lai dùng chiêu bài dân tộc. Quyền lợi của Cộng-sản không hề đồng nghĩa với quyền lợi dân tộc. Đứng ở thế chủ động, công việc tuyên truyền gây phấn khởi, gây căm thù với Cộng-sản lúc nào cũng là điều quan trọng trước nhất. Nhưng cho tới nay, với cuộc chiến tại miền Nam công tác ấy đã đạt được những gì, người ta chỉ thấy khẩu hiệu, ngay tại miền Bắc cuốn sách gây tác động tới cán bộ, thanh niên không phải là của Tô Hữu, Huy Cận mà là cuốn VÀO ĐỔI của Hà Minh Tuân, một đại tá. Cuốn sách ấy không phải gây cho chiến sỹ phấn khởi, hăng hái nơi mặt trận mà là một cuốn sách nói lên một điều trái ngược và tác giả của nó bị hạ tầng công tác.

Trong cuộc chiến này, ngay với Cộng-sản đã không thể tạo được một huyền thoại hay những anh hùng cho nó. Trường hợp anh hùng Nguyễn Văn Bé mấy năm trước là một thực tế đau xót.

Vậy thì với chúng ta, chúng ta có nên trông đợi những anh hùng, trông đợi những tác phẩm thúc đẩy người lính chiến xông lên để chết, xông lên, ra mặt trận với lòng căm thù, hiểu chiến không? Tôi khẳng định: không. Người chiến sỹ không trông đợi, và người viết văn cũng không nuôi mộng ước đó. Trở lại với lời tuyên bố của tướng Kỳ, tướng Kỳ là một người thích nói, tôi nghĩ ông thích nói, thích hoạt động hơn là suy nghĩ, vì thế tôi tin tướng Kỳ chẳng có mấy cơ hội để đọc sách, nhất là về văn chương, tôi biết ông cũng có lần làm thơ, thơ khóc bạn, về lời tuyên bố của ông, tôi có thể nói rằng: Ông đừng trông đợi điều đó, ông nên dùng năm triệu ông có vào việc khác. Một tác phẩm văn chương như ý tướng Kỳ trông đợi sẽ không có, nhưng không có nghĩa người cầm bút không làm công việc của riêng họ.

Với chính thực tế khe khát mà Việt Nam phải chịu đựng, như tình cảnh người chiến sỹ, người cầm bút hiện nay cũng ở trong sự lựa chọn khó khăn ấy. Người ta có thể tha thứ cho một người làm văn nghệ không biết gì về

chính trị. Người cầm bút trước hết trung thực với mình, sau với người. Là một người hán phải lựa chọn, hán phải sống. Với lương tâm trước nhất hán khước từ chém giết, hơn đòi cái tốt hơn, cái đẹp hơn, cái hoàn mỹ hơn. Và tất nhiên trong thực tế hán khước từ chủ nghĩa Cộng-sản và đồng thời khước từ Tư-bản. Trong khước từ của người cầm bút ở miền Nam cũng như ở miền Bắc thực sự đã đứng trong một hoàn cảnh mâu thuẫn, bất ưng, lúng túng. Rõ ràng họ muốn tìm một lối thoát, một ra khỏi. Điều đó giải thích vì sao cuộc chiến này không có tiếng hát, không có tác phẩm như một bài hịch.

Thể hiện cho điều này, phản ánh trung thực cho điều này không cần phải tìm đâu, hãy đọc Dấu Bình Lửa của Phan Nhật Nam, Y Sỹ Tiền Tuyến của Trang Châu, những bài thơ của Nguyễn Bắc Sơn và vô số những tác giả đương thời. Với chủ quan của người cầm bút, tôi nghĩ: dù có ác ý gì đi nữa người ta cũng không thể phủ nhận được đóng góp của người cầm bút đối với hiện tại.

KHỞI HÀNH, SỐ CUỐI CÙNG



Số cuối cùng của tuần báo văn học Khởi Hành là số 156 phát hành vào ngày thứ Năm 8-6-1972.

Nó đánh dấu một tờ tuần báo văn học nghệ thuật kéo dài đến 3 năm hơn, với tất cả 156 kỳ ra đều đặn vào ngày thứ Năm hàng tuần.

Trên trang ngoài, không thấy dấu hiệu gì của sự ra đi. Nó trình bày như một số báo thường lệ. Nhưng trên trang 4, có một cột nhỏ với vài hàng ngắn cho biết là tạp chí tự ý đình bản vài tháng vì tờ báo không đủ vốn – hậu quả của 60% số báo gởi đi của KH đã bị trả về vì lý do chiến cuộc. Thêm hí họa của họa sĩ Chóe về chủ nhiệm KH: Anh Việt Trần văn Trọng và một đoạn nhật ký của Viên Linh được viết trong cơn say.



TẠM BIỆT BẠN ĐỌC

Vì tình hình chiến sự, 60% số báo gửi đi của KH đã bị trả về nguyên gói, nhất là các tỉnh Miền Trung, liên tiếp trong 8 kỳ báo vừa qua. Trước tình thế này, chúng tôi đành phải tạm thời tự đình bản, vì tờ báo không đủ vốn để chịu đựng thêm nữa. Thời gian đánh bản có thể kéo dài trong hai, hoặc ba tháng. Tuy nhiên, chúng tôi hy vọng sẽ gặp lại bạn đọc thân mến trong thời gian sớm hơn, nếu tình hình sớm sửa mau chóng hơn. Tạm biệt quý bạn.



BỒN BÁO CHỦ NHIỆM (theo điệu Bến Cò):

— Róc túi... ngày nay... còn chi...
Vân vương... Biệt lý...

Viên Linh

Sài Gòn, ngày 5-6-72

Ông bạn trẻ

Mỗi buổi trưa tôi thường hay tới nơi này, nơi mà nhiều năm qua tôi vẫn tới, với mồ hôi nhễ nhại hay mưa lướt thướt trên mái tóc, để gặp anh hay đọc thư anh. Tôi yêu những buổi trưa Sài Gòn tràn đầy sinh lực, ánh sáng rực rỡ hay như mấy hôm nay mưa tầm tã. Buổi trưa, khi xe cộ chạy ào ào ngoài đường, chúng ta gặp nhau, nhiều khi chẳng nói một lời nào nhưng đó là những lần hội ngộ chẳng thể quên, những lần hội ngộ cần thiết.

Mỗi ngày ở đây, chúng ta trao đổi nhiều điều tốt đẹp. Tôi ít gặp những người đến đây với ý xấu. Những người có ý đó thường chẳng đến đây, họ chẳng muốn nhìn thấy tôi cũng chẳng muốn nói gì với tôi. Anh biết là mỗi ngày tôi gặp nhiều người, nhưng mà không nói chuyện với nhiều người khác. Tôi vẫn ngồi làm việc khi họ tới, nhưng thường là chúng ta hay ra mấy cái quán đầu hẻm ngồi uống cái gì đó. Lúc ấy vui lắm. Tôi thường uống la de đồ phùng mặt và mới nhiều chuyện với anh, những chuyện cho tôi hiểu rằng, nếu không có sinh hoạt, có nhiều điều mình nghĩ, tự cho là đúng lắm. Anh sẽ cho tôi biết là tôi nghĩ sai, hay cái đúng của tôi nên bỏ tức một khía cạnh nào đó mới phổ cập. Khi tôi nhắc tới Cà Mau chẳng hạn. Điều này tôi chẳng những có kinh nghiệm bằng anh khi tôi nhắc đến một địa phương, anh cho tôi biết sinh hoạt anh em ở đó, những bộ mặt và gương soi ở đó. Không có hội ngộ, thư từ tôi biết làm sao được, và như thế là ngu đi một phút.

Tôi nhiều lần nói với anh những điều, ở phạm vi chuyện

trò rất ích lợi. Nhưng đem chuyện coi như trò phát biểu, như thế là nhẹ dạ, và có thể bị hiểu lầm là có ẩn ý. Chẳng bao giờ nên như thế, nó chẳng phải chuyện bút mực quan trọng lắm, phải không? Tôi cảm bút khó là như thế. Bút mực không nói đến những cái tầm phào, nhỏ nhoi. Bút mực không nhắc đến những chuyện dạy vợ, chơi gái, chuyện chỉ trích bạn bè, chuyện của một đám cãi vã. Nó có tinh thần ta phải tôn trọng phải không?

Thế nhưng, khi tôi viết những dòng này cả chuyện trò lẫn bút mực đều đã gián đoạn. Từ ngày mai, tôi sẽ vắng mặt ở nơi này. Ít ra là hai hay ba tháng. Nhưng mà tôi vẫn muốn đến, trong nắng hừng hực hay trong mưa xối xả. Tôi muốn đến, bởi vì tôi biết giá trị của sự sinh hoạt, của các cuộc hội ngộ, đó là những hội ngộ thâm lặng.

Trưa nay, khi tôi viết những dòng này, có người đang uống một mình ngoài quán đầu hẻm, đợi tôi. Có thể là anh chỉ đi ngang đây, chẳng có gì để phải gặp tôi cả, nhưng anh (???) đang đợi tôi. Có bạn cùng uống vẫn vui hơn là uống một mình, dù là chúng ta uống và thỉnh thoảng nói một câu tầm phào.

Những ngày sắp tới, chúng ta vẫn làm việc để không có dịp trao đổi nữa. Tư tưởng, kinh nghiệm, bản khoản hay sung sướng. Nhưng cứ làm việc đi, ông bạn trẻ. Tôi cũng vậy, tôi vẫn làm việc như thường, tôi vẫn sửa soạn như thường. Không lâu đâu, chúng ta sẽ thấy sự làm việc đó.

Ông bạn trẻ,

Tôi vừa ra uống với người bạn ở Tuy Hòa vào. Trong khi uống chúng tôi nói chuyện vui vẻ. Và trong một lúc im lặng, tôi làm được mấy câu thơ. Để tôi viết ra anh coi. Có điều, đây là mấy câu thơ tầm phào, nó không

phải văn chương đâu. Nó là thơ tầm phào:

*Trong tôi có cái gì thừa
Cái gì lại thiếu, cái vừa như in?
Trong tôi có cái ư chìm
Cái gì lại nổi mà tìm không ra?*

Thơ này thế nào cũng có kẻ kêu là không hiểu, để tôi làm tiếp:

*Ngó vào Trời Đất bao la
Trước gương lộn cổ hồn ma vú dài*
Đó, tôi đã bảo, là thơ tầm phào mà. Văn chương chó gì khi mình nói chuyện linh tinh sau vài ly la de sông. Gọi nó là văn chương chỉ có mấy anh đã chết. Làm tiếp nữa cho coi:

*Trong tôi la hán nghìn tay
Phạm Nhan phạm thủ tối ngày lo toan
Ngó ra Trời Đất bàng hoàng
Sau gương tự ái hồn oan mấy người*

Ông bạn trẻ,
Tôi chưa say đâu. Tôi còn làm dài dài loại thơ này được, nếu anh gọi nó là văn chương. Anh có biết bài thơ “Những người thắt đáy lưng ong” không. Những người thấy dây lưng cong - Nước - tát mấy gầu xong chưa vơi. Nếu anh gọi đó là văn chương, thì tôi xin phép.

Thôi giờ đây không còn văn chương, tạm biệt.

Phạm Ngũ Lão, 5-6- 1972
Tuần Báo Khởi Hành

MAI THẢO

TRÊN KHỜ KHỜ HÀNH

LTS: Trong khi sưu tập, chúng tôi bị mê đắm bởi những bài văn ngắn của Mai Thảo trên Khờ Khờ Hành. Bài của ông hầu hết được đăng ở trang cuối, nửa trang khổ lớn. Số lượng rất nhiều. Chỉ riêng trong 31 số báo của năm 1969, có tất cả 17 bài tùy bút của ông xuất hiện.

Nhận thấy những bài tùy bút này rất giá trị và khó tìm, chúng tôi xin đăng lại 12 bài, để được chia sẻ cùng bạn đọc về những áng văn tuyệt vời của Mai Thảo. (TQBT)

1. Trong một tiệm sách
2. Một buổi tối
3. Thả thuyền
4. Tử hình cho màu xanh
5. Tháng hoa lên đường
6. Thăm và tiếng động
7. Quán bệnh
8. Mặt phẳng
9. Một cảnh tượng kỳ ảo
10. Hoạt cảnh
11. Mưa đêm
12. Những ngày cuối năm

TRONG MỘT TIỆM SÁCH

Buổi sáng ở đây chừng như vừa thức. Lười biếng và muộn màng. Một sự thức tỉnh không tiếng. Một mình. Giữa một rừng sách còn yên lặng ngủ. Trên những giá gỗ thẫm màu chạy suốt chiều dài những phiến tường mát hút vào những xó góc tối thẫm lấp, khuất sau những hàng cột lớn, những lớp gáy sách mạ vàng đứng thẳng, quay lưng lại với đời, ngủ với từng thế giới ngôn ngữ chìm nhòa, những thế giới đã hình thành và đã chết. Trên những bàn nghiêng như bàn học thuở nào tuổi nhỏ, giấc ngủ của sách nằm gối đầu lên nhau, mang một vẻ gì thư thái và trẻ thơ hơn. Đưa lên tường cao, kính điện quý đã vào sâu dĩ vãng. Đã đứng cái thế đứng nghiêm lạnh, im lặng của bảo tàng. Bày dưới mặt bàn thấp, trước tầm tay người, và phơi dãi tuềnh toang mọi thứ khung bìa rực rỡ, chất sách tươi hơn, tìm sách còn đập. Và giấc ngủ trên bàn vì thế mà nhẹ và vui hơn giấc ngủ trên giá, như có từng ngọn gió sáng lùa qua, phát phơ bay trên những đài trán lên năm. Sách. Sách đứng. Sách ngồi. Hình ảnh kia của những đỉnh trí thức chụm đầu. Hiện tượng ấy của những vực trí tuệ tản mạn. Sách. Bốn phía. Sách. Chung quanh. Sách trên cao tường và dưới thấp bàn. Những rừng từ chương và những biển suy tưởng. Một nhánh hoa lạ bỗng mọc trên một cánh đồng hoang. Dưới gai độc, chợt rất trong sáng thủy tinh một ngọn suối chảy róc rách. Sách đó. Thực phẩm sau cùng. Hoài nghi thứ nhất. Mậu dịch và phổ quát rộng của thao thức và tìm kiếm bốn biển đã một phần tới đây, bày hàng trước mắt người. Buổi sáng đã hồng. Vòng đời đã

quay. Nhịp đời đã múa. Thành phố bên ngoài từ rất sớm đã xôn xao. Nhưng sách trong này còn nắm chặt tay nhau, những cây ngọc và những trái đau bìa của loài người còn hiền hậu và bần bật ngủ.

Buổi sáng hôm nay rộng. Thời gian sáng nay chậm. Tâm trí người sáng nay là một tâm trí dịu dàng buồn. Và tôi đã lạc tới đây, trong một tiệm sách khuất nẻo, bước lững thững giữa những nỗi hồng trí tuệ. Tôi đã lật nhẹ một trang kia. Ngó hờ một chữ này. Và nhớ đến một hiện tượng dẫn dắt. Của một cánh tay lớn. Giữa chất xám của óc, chất hồng của tim, một số nhỏ trong cái khối lượng phần thư vĩ đại của những thế kỷ ngôn ngữ truyền tiếp đã dẫn tôi đi vào cái thế giới ở đó đã biểu hiện và cấu thành mọi thứ khả năng tưởng tượng, mơ mộng kỳ diệu và chìm đắm nhất của loài người. Tuổi nhỏ tôi hồng. Sách hồng tôi đọc. Những trang sách xưa ôi những trang vàng. Hồn tôi mới. Sách rót xuống từng bình ngây ngất. Thuyền tôi còn đậu bến. Chính là sách đã rút neo đẩy ra khơi thành những chuyến đi đầu. Sách đưa vào phiêu lưu. Chữ đẩy thuyền thành sóng. Sách vừa là gió đẩy. Sách vừa là triều dâng. Khả năng mơ mộng và tưởng tượng mà tôi cho là cái khả năng đáng có nhất của một đời, nơi tôi, đã nhờ sách mà có. Với sách, tôi đã mơ mộng. Bằng sách tôi đã tưởng tượng. Nghĩ và nhớ lại một thời kỳ niên thiếu của đời mình, mỗi tuổi tôi đến, mỗi tuổi tôi qua, hình như đều có một khung tâm hồn và thể chất đóng khuôn với một cuốn sách đã đọc. Đọc và thấy mình đổi khác. Sách đến với tuổi thơ một đời là những cuốn sách quý nhất. Và cũng nguy hiểm nhất. Chúng cây chất sinh tử phù vào thật sâu da thịt, khắc những dấu chàm trong óc non, và trong tim mới. Và cái thành của anh, của tôi, phải thế không, đã một phần bằng sách mà thành.

Tập thơ đầu tôi đọc suốt một buổi chiều trên một bờ

đê Hung Yên. Nhớ mãi, nhớ mãi buổi chiều hôm ấy. Sách đưa tôi vào một cảm giác lâng lâng. Lẫn tiếng sóng sông Hồng với tiếng sóng trong hồn. Lẫn cỏ dưới thân với cỏ xanh trong cánh đồng của sách. Lẫn đất với trời. Lẫn hư và thực. Sách sáng chói từng trang và hồn cũng chói lòa một giải. Tôi ngày xưa úp cuốn sách đầu trên lòng ngực, nằm rất lim dim, thả hồn bay lên. Yêu biết chừng nào, nhớ bao giờ quên, những trang vàng thứ nhất. Sách đẹp như chiều trên đầu. Chiều tím thẫm và chiều cao vút. Sách xa như biển. Biển hoang đường những bến bờ tưởng tượng. Tôi nằm trong cỏ. Tôi say như rượu. Tôi nằm với sách. Tôi nhẹ hơn khói. Những trang sách ngày xưa là những động lực chấp cánh. Đọc là một ảo huyền và say đắm... đọc. Bởi vậy mà mỗi chúng ta, khi bắt đầu biết khám phá và yêu mê cái đẹp, đều có như tôi, những tờ rời ngầy ngất ấy là những cuốn sách tình nhân, những cuốn sách hành lý, những cuốn sách gói đầu, sau này không còn nhìn thấy đầu bởi cái lẽ giản đơn là đã nhuần nhuyễn đã thấm hòa trong máu.

Rùng sách vây quanh, lớp lớp từng từng. Tôi đứng đây, trong yên tĩnh một tiệm sách chất đống. Giữa những ngọn đỉnh cao vút của tinh hoa trí tuệ nhân loại. Nhưng buổi chiều đã qua, và cầm một cuốn sách trong tay, mà tôi không tìm lại được cái cảm giác thần thánh cũ. Cuộc sống nào ngọt ngào tới đâu, cuối cùng rồi cũng giết chết ở mỗi người, mọi khả năng mơ mộng và tưởng tượng. Buổi chiều tôi không còn nhìn thấy nó tím. Những trang sách nói. Nhưng sách thôi hát. Sông bây giờ đầy chật tiếng động. Sông bây giờ vắng dần những tiếng hát. Đọc, đã hết như người xưa, phải tới chữ trang trọng bằng những hàng bạch lập. Nghìn cửa ngõ đã mở cho thiếu đi một cửa ngõ hoang đường. Triệu chân trời đã dựng cho mất đi một góc nhỏ mơ mộng. Trên những cái làm nên gấm vóc và châu ngọc thườ nào, đã lả tả những nắm mồ bụi phấn phủ xuống. Những cuốn sách

xưa trong tôi hãy ngủ. Hết những hành trình. Thôi những bến bờ. Qua một cảm giác lạnh lùng về sách, tôi ném cuốn sách cầm trên tay xuống mặt bàn cho ngủ tiếp giấc chìm. Và đi ra, nghe chết dần trong hồn cái nhịp đẩy đưa dịu dàng và kỳ diệu ấy của một tiếng sóng ngày xưa.

(KH số 3)

LÊ VĂN TRUNG

Ngày xa

Em nào hiểu giữa cơn say
Ta chiêm bao thấy một ngày rất xa
Tình không không cửa không nhà
Lòng như mây trắng bay qua biển chiều
Sẽ tan vào cõi tịch liêu
Một đời cát bụi cuốn triều bão lên
Ta là bóng của hư không
Tình em là nẻo vô cùng khói sương
Em nào hiểu giữa tai ương
Ta như mây gió trên đường chim bay
Bù em một cốc sầu đầy
Uống cho ta thấy một ngày đã xa.

(KH 41)

MAI THẢO

MỘT BUỔI TỐI

Phòng khách người bạn gái ở trên một tầng lầu cao. Dưới chân, những hành lang dài vút, tối thẫm, những bóng cột, những lưới sắt nghiêm nặng. Và thang máy. Điềm đỏ nhấp nháy. Chiếc thang rung mình, vụt vụt đưa lên, tạo cho tôi trong một khoảnh khắc cảm giác đứt rời ngây ngất với cái phẳng vững yên tâm của một mặt đất vừa bỏ lại. Còn sớm. Một người chưa tới. Bàn ăn phía bên kia những bông hồng tươi thắm đã dọn sẵn. Ly pha lê xếp hàng trên khăn trải bàn trắng muốt. Và buổi tối bắt đầu với tôi, êm ả, nhẹ nhàng bằng màu đỏ huyết dụ của một ghế bành thên thang thấp lùn tôi đặt mình ngồi xuống, với ly rượu khai vị đợi chờ vào tiệc trên tay. Chắt muscat chính cống, trong suốt, mang nhãn hiệu một hầm rượu danh tiếng, nữ chủ nhân nói là quà tặng của một người thân vừa trở về sau một chuyến công du hai tháng ở Ba Lê, tôi nhấp một ngụm thấy cái vị ngọt ngào thấm lan trên đầu lưỡi phảng phất giống với mùi vị rượu lễ tôi đã uống ở nhà người bạn công giáo đêm giáng sinh một năm nào. Tựa lưng vào thành ghế, giữa huyết dụ vây bọc và sóng sánh của khai vị tôi yên lặng ngắm nhìn một bức tranh tĩnh vật trên tường. Đã lâu lắm, tôi mới lại có được cho tôi một trạng thái ung dung, thư thái như buổi chiều này. Những buổi chiều hốt hoảng, tâm thức xao xuyến không nguyên nhân, khi một dáng hồng quái dị chợt đầy xa đi một nền trời, chiều lọt vào hồn bằng một ngách gió, cái buổi chiều hoang mang những đường đan phiến muộn, những buổi chiều chuyên chở theo nó những khối sầu chất núi không tên, tôi đã

bỏ chúng đâu đó, dưới kia, và chiều nay nhẹ thênh, cười rất dịu dàng nụ cười hiền hậu.

Tôi đang ngồi với những người bạn. Chiều nay, họ cũng khác với mọi chiều. Họ ngồi đó, chung quanh tôi, cũng mỗi người một ly rượu trên tay, trong không khí trò chuyện thân mật chia thành từng toản nhỏ. Những người bạn tôi, tôi gặp họ hàng ngày. Ở một ngã tư, trong một tòa soạn. Dưới nắng một vòng bùng binh xe lẫn hồi hã. Trong mưa ào ào, cái cổ áo tôi kéo cao tới gáy, lướt thướt qua đường. Ban ngày, chúng tôi lẫn vào biển người, rượt theo cuộc sống, đầu óc chất ngất trăm nghìn chuyện vặt, vướng chân vào những cái lưới hệ lụy dày đặc, vượt qua nhau không nhìn thấy mặt, có thấy nhau cũng chỉ là thoáng thoáng mà thôi.

Tối nay, nhìn quanh mình chỉ thấy những khuôn mặt hồn nhiên rạng rỡ, nghe thấy những lời nói không còn muốn tỉnh khôn, những tiếng cười không còn muốn ác độc, tôi lĩnh hội được cái huyền nhiệm bất thường thật lâu lắm mới một lúc nào, một không khí nào tạo được cho người. Có như là cuộc sống đã ngậm ngùi chấp nhận mọi chứng tật và trở chiều phản phúc khôn lường của nó, một phút nào đã được bỏ lại dưới gầm một thang máy. Có như là, hạnh phúc như một bình dị không viết hoa, thì hạnh phúc, được Sagan gọi tên như một cánh buồm vô định, cánh buồm kia cho tất cả mọi người có mặt, đã chiều nay tình cờ buồn ghé tới nơi. Những khuôn mặt bạn sáng láng từng nét trẻ trung đơn giản dưới ánh đèn ấm áp, trong gió đêm chờ tới những thuyền đầy, đang nói cho tôi biết, là một buổi tôi vui đã được bắt đầu bằng những triệu chứng tốt.

Khung cửa mở rộng. Những tấm rèm phản phạt đập gió. Trời đầy sao bên ngoài. Thật xa, ở bên kia những hàng cây và những mái nhà thấp của khu phố còn kéo dài cuộc sinh hoạt về đêm, là những khung ánh sáng

chồng chất, xa gần của một nghìn cửa sổ. Từ cửa sổ này, nhìn sang những khung cửa ấy, tôi vui, tôi yêu, tôi ngọt, tôi hiền, đã muốn tin là trong từng khung vuông ánh sáng, cũng có những lòng ghé bành thên thang đưng gió, những hộp mặt thân mật, những vòng nhạc quay tròn trên đĩa, một bàn ăn được dọn, cho thứ hạnh phúc bình thường đơn giản nhất cũng đến được với người, thôi thì một đêm, nhưng nhiều và đông như những chùm sao. Dưới những mái nhà kia, tôi không muốn tin đang diễn mãi những thảm kịch. Đời phải vui đi, từng lúc, những mê hoảng hăng hà. Trong những lòng ngõ tối kia, tôi không muốn tin đang xảy ra những án mạng. Đời phải mất đi, đôi khi, những hố thẳm. Trên một tấm tối hoa mắt, kín trùm, dài khí tượng đời đời lúc cũng phải báo cáo tin hồng của một giọt nắng. Gai độc một rừng, thì rừng gai chiều nay xem chừng như đã có một diện tích được khai quang.

Người bạn đến muộn, tới rồi. Có lẽ anh đã lỡ một chuyến xe, vương một công chuyện. Có lẽ cái khối sống trái núi trên anh hôm nay có nặng có đau hơn khối sống mọi người. Tôi nhìn người mới đến. Cặp da nghiêng vai anh. Tóc rớt trên dài trán. Trong trông mặt còn thấp thoáng những bóng hình mê hoảng chưa tan. Và cái dáng đi lật đặt chưa có một con thắng hiền hòa nào làm cho khoan thai hẳn. Nhưng hề gì. Buổi tối đã được khởi đầu bằng một không khí tốt. Những ưu tư riêng tây nơi chân thang bỏ lại. Ngồi xuống ghé vuốt lại tóc, cười vui đi, khai vị đây, duỗi thẳng chân ra, ngả hẳn lưng vào, thở một hơi dài, cho một thuyền gió đêm vào đầy lồng ngực. Những tiếng nói chuyện lại rì rào như mưa xuân trên từng góc một. Cái trang báo hàng ngày kín đặc những hàng tin hung dữ, tối nay đã được gấp lại. Ném đi không đọc. Tôi nhận lấy cho mình ly rượu khai vị thứ hai. Và giữ nó trong lòng tay, qua khung cửa mở toang như một màn ảnh đại vĩ tuyến, nhìn xuống thành phố.

Nghe nó... Lao xao, xa gần, thoát bỗng dâng lên, thoát vừa rút xuống, thành phố dưới chân trùng điệp tiếng hồng từng lớp dâng lên. Tối nay, không có một đám cháy nào. Bình yên được gìn giữ. Trong những căn nhà bếp, không có một ngọn lửa nào bén tới, lan đi. Trên những khe tường, điện không chạm điện. Buổi tối đẹp không bị nhàu nát bởi những tiếng kêu cứu thất thanh, tiếng còi hú địa ngục âm ty, tiếng xe vòi rồng chạy bay như những con trâu rừng điên cuồng mất trí giữa một biển người bàng hoàng tránh dạt.

Một phi thuyền đã an lành lên đường, an lành về đất. Nền trời thành phố đêm nay, không sáng lòa một ánh hỏa châu. Sao rực rỡ sao muôn vàn thế kia, mưa và bão cất sang những buổi chiều chưa tới. Tầng cao nhẹ. Căn phòng ấm áp. Tranh tĩnh vật trên tường. Và bữa ăn mà ly rượu khai vị làm cho ngon miệng kéo dài với cái không khí đôn hậu, dịu dàng của khởi đầu chập tối.

Câu chuyện nhảy nhót trên những đầu mối tươi vui. Chúng tôi nói đến một bản nhạc, nghe đã hai mươi năm, nghe đã nghìn lần, nhưng một tác phẩm tuyệt vời vĩnh viễn còn vĩnh du trong tâm tưởng người, nên bản nhạc cũ nghe còn yêu thích. Đến một chuyến đi chơi xa sắp được thực hiện. Chuyến đi mới được hình dung tới, đã những nắng vàng, những cỏ cây, những hoa bướm trên mỗi dặm đường. Đến một người bạn, lành rồi, nước biển già từ, đang ăn trả bữa. Đến cái nghệ thuật ném rượu siêu việt của những tửu đồ tây phương hợp thành hàn lâm viện, đến nho xa được mùa ủ thành men tốt, cất dẫu trong hầm thành rượu quý nhiều năm. Bao nhiêu chuyện vui cho một buổi tối. Trước mỗi người, chừng như có một ngọn nến sinh nhật, thấp mừng cho một hạnh phúc nhỏ, nhưng bởi hiếm quý bao lâu mới có, nên là một hạnh phúc đầy.

Tiếng nổ, nổ lên, long trời lở đất. Sức ép dữ dội đập vào những bờ tường, làm rung rinh những khung cửa.

Tiếng nổ bất thành linh, có thể từ khá xa, nhưng nghe thấy thật gần, bao trùm lên một bàng hoàng tê liệt chưa kịp thời phản ứng. Cái bình hoa từ trên mặt bàn phòng khách rớt xuống. Tiếng vỡ tan của những mảnh vụn. Những bông hồng trên nền đá hoa thất kinh. Những ngọn nến của những sinh nhật và những tặng vật tưởng tượng đồng loạt tắt phụt. Ly rượu khai vị chợt trở lại, trái ngược, với một vị đắng dị thường đọng trên đầu lưỡi. Một khoảnh khắc im lặng. Chúng tôi buông tay ngồi sững nhìn nhau. Rồi là cái hình thái thường hằng tưởng như tuyệt tích và đã chìm vào quên lãng trở lại. Những tiếng chân người rầm rập. Cánh cửa sổ mở rộng ngó xuống một khu phố chân động cùng khắp. Từ rất xa, nhỏ như một âm thanh sợi chỉ nhọn hoắt, tiếng còi cấp cứu đuổi gấp theo những vòng bánh lăn miết tới tận cùng tốc lực, lớn dần thành một rú thét kín trùm.

Không, cơn đau chưa hết đâu, đừng vội vã giã từ nước biển. Những trời cao và những thuyền chiều chờ gió. Những tấm rèm mùa bay trên một thành cửa mở. Đi qua không gian sao xuống với người. Hạnh phúc nhỏ, thật thật nhỏ cũng còn là ảo tưởng. Cho một buổi tối có những bình thường, có những hành động, có tiếng cười trong tiếng còi cấp cứu, tôi đi xuống. Thang lao như tên. Những cột nhà lạnh lùng. Hành lang đưa ra đường tối thăm.

(KH 16)

THẢ THUYỀN

Vậy là thêm một đêm nữa, bằng diu dàng xanh những phiến lá trong vườn, bằng menh mông dãi trên những bến bờ sóng đập, bằng đọng lại trên thành cửa sổ, bằng ngủ yên trên một mái lầu, bằng tắm thắm vàng tôi lột xuống làm cái chiếu ngọc cho gót rất mềm những cặp tình nhân đi, bằng mùa hạ như một giòong sữa, bằng mùa thu như một giải lụa bạch, tôi lại xuống với anh đây. Xuống với anh, người thi sỹ như một đời trắng khác của nhân gian. Xuống với anh, hắt hủi, hổ thẹn, náo nê, vớt người thi sỹ vừa dính bản án tử hình lên một con trắng không còn huyền thoại.

Việc phải tới đã tới. Nghìn cổ hoang đường chết. Thần thánh cũng đã vậy. Sấm sét bị chế ngự. Vô tận trong tâm tay. Không có gì là loài người không làm được nữa. Việc phải tới đêm qua đã tới. Không có gì ở ngoài ngôn ngữ thi sỹ. Con trắng cũng thế. Đã nằm trong lòng đời. Đã sẵn trong dáng người. Phóng lớn kích thước, kim chỉ nam của khoa học trên đầu, loài người bây giờ là hiện thân của một hiệu lực thập toàn khủng khiếp. Nó biết hết, và tới hết. Dưới đất anh, đã những đỉnh Hy Mã bị chinh phục. Địa hạt của những bất khả xâm phạm thu nhỏ lại. Trí thức nhân loại vô tận và vĩ đại, đường tri thức tới xa hơn đường trắng đi. Những giới hạn siêu hình dưới ấy đã vượt qua. Núi chỉ còn nghĩa đời. Biển là ao nhỏ chật.

Và tôi, con trắng huyền thoại trên này, vậy là một

đêm kia, chân người đặt xuống. Việc phải tới đã tới. Cái muôn vàn lớn và cái tận cùng nhỏ đã được nối lại, bằng sợi chỉ hồng trí thức, cái áo anh mặc bây giờ quả là đã được may bằng kim và chỉ của tạo vật, vũ trụ hằng hà bây giờ mang cái chiều nghiêng của một mái nhà người. Và con trắng khôn nạn, con trắng thâm thương, con trắng vừa bị nhốt chung chuồng như gà vịt và mèo chó anh nuôi, con trắng chỉ còn ngang cái giá trị sinh hoạt của ngọn đèn anh thấp và tắt đi trong phòng ngủ. Trên một chiếc xe tang, con trắng tới nhà xác. Như một thời phong kiến đã chết, mũ miện và ngai vàng ngủ với bụi bảo tàng. Lời anh cuối cùng về trắng, là hoa. Anh thả xuống tôi lời chót ấy của một bài thơ cuối.

Những huyền thoại rụng. Phi thuyền trở về đất. Từ đêm nay, nhân loại trên một đỉnh văn minh mới đích thực là khai thiên lập địa của người.

Thi sỹ, tôi biết từ đêm nay, trên bàn viết anh, đã một chao đèn, một ánh đèn khác. Đã những chân tướng và những huyền ảo mới. Không còn một Lý Bạch nào ôm trắng đáy nước của Hoàng Hà mà chết. Suối của trắng, anh đã đứng trên bờ. Mộng của trắng, người đã đẩy trắng đi, đã ra khỏi mộng. Trên một tần số lạc, vô tuyến người đã dẹp bỏ một đài trắng vi âm. Sự kỳ diệu đang làm nên nguồn kiêu hãnh hân hoan tốt đỉnh của người, là đứa trẻ nhỏ một đêm kia đã lỡ thả đi một con thuyền giấy. Ngờ đâu mà tới. Vậy mà con thuyền không ngờ còn chuyên chở trong nó ý nghĩa ở ngoài ý nghĩa một hành trình, đã tới. Thuyền không ngừng nữa. Trái đất từ phút này đã khai tử mọi giới hạn. Con thuyền giấy đang trôi qua, sẽ trôi qua từng hành trình một. Mãi mãi như thế. Từ cuộc hành trình đi vào vô tận này mà trí thức và ngôn ngữ thi sỹ trở chiều. Phân thân, nó treo căng trên hai đầu thăm thẳm. Vừa mang ý nghĩa của cái chưa dẫn chưa tới cũng lại xem như đã nằm trong cái đã. Và bởi vì trí thức đã vượt thoát đến tận cùng đến không làm chủ được nó, ngôn ngữ hết là một đội dập, một vang vọng,

mất biến hình dáng và thể tích. Nó trở thành vô cùng. Nói một cách khác, ngôn ngữ đã bay lên, đồng thời đã tuyệt tích đường về. Không còn điểm tựa, ngôn ngữ đã phóng thể.

Thi sỹ, trên một mảnh Biển Im Lặng, phi thuyền tri thức anh đã đáp xuống. Sỏi và đá của huyền thoại đang lỏa thể trong một phòng thí nghiệm nhân gian. Và tôi, con trắng bị hạ bệ, từ đêm nay, tôi thấy đã thế này. Anh và ngôn ngữ anh đang ở trên một toa tàu. Tàu thần tốc lặn qua những ga sao. Trước cửa sổ tàu, những cột sắt hiện.

Đối tượng biến thành một trạng thái vô hình thể. Nửa phần nơi cái chưa tới, nửa phần kia nơi cái đã hư không. Giữa khoảng cách của hai cột điện, mà hiện thể cùng khoảnh khắc và cùng ảo ảnh như nhau, tầm mắt anh chỉ còn là cái chong chóng hình, cái thoang thoảng bóng, ở đó ngôn ngữ tán mạn vỡ tan thành những ly ty vô tận rời cánh. Ngôn ngữ hết thành một chủ thể. Ngôn ngữ cũng lang thang, cũng bất tận như cuộc hành trình. Hết ngợi ca một vàng trắng, không lẽ anh đi ngợi ca một ngọn nến? Và cái chuyện tôi muốn nói xuống với anh đêm nay, là những phi thuyền lớn hơn có thể đã khai hỏa trên những dàn phóng, và chiếc thuyền giấy đầu tiên mòng mảnh nổi trôi trên giòng vô tận có thể đã là một mẫu hạm, thì thi sỹ, kẻ định bản án tử hình lên con trắng hèn mọn, anh chưa tìm ra được một ngôn ngữ mới cho đời. Hết thấy mọi quy ước, mọi ký hiệu một chút lật nhào rồi, từ một con trắng anh không thêm thấy nữa. Amstrong khi đặt bước đầu tiên xuống một huyền thoại giấy chết, nói với hăng cửu (từ nay chẳng bây giờ, từ nay là hăng cửu): “Đây là một bước đi nhỏ của người, nhưng là một bước đi tới của nhân loại.” Đúng. Nhưng chỉ là nói cho và về một bước chân thôi. Với Andrin: “Đẹp. Đẹp. Tuyệt đẹp.” Đã khác. Thế nào đẹp? Đẹp thế nào? Đẹp như một bông hoa, một giòng suối? Rõ ràng là

trước một vũ trụ mới, ngôn ngữ xử dụng vẫn là ngôn ngữ cũ. Tiếng đẹp thốt ra lấp bắp và ú ớ. Rõ ràng là thơ phút đó đã chết trong ngôn ngữ bất biến của người. Rõ ràng là từ một dàn phóng, trên đầu một hỏa tiễn, qua Ngân Hà, khỏi quỹ đạo, từ cái phút trầm trọng và căng thẳng của Đêm Lùi Ngược Lại kia, ngôn ngữ vũ trụ chỉ còn là một ngôn ngữ kỹ thuật. Chỗ nào có vươn phóng, có khát vọng, có ảo tưởng, chỗ đó có thơ. Quê hương thơ ở đó, nơi những viễn du tâm thể còn nằm trong mơ tưởng của đời người. Con trăng chỉ còn là một ánh đèn. Nhanh sao, chòm sao cũng vậy. Cũng vậy mặt trời. Đẹp. Đẹp. Đẹp. Thế ư? Thảm hại chừng nào cho cái ngôn ngữ thán phục. Anh không hát nữa đâu. Mười bốn rồi mới mười ba. Số nghìn rồi mới số hết. Nhưng anh đang đếm làm ngược lại. Và cuối cùng vẫn chỉ là cái chơi với kia của những cột mốc thoáng lùi ngược, nhìn ra từ một toa tàu chở chàng hiệp sỹ của thời đại mới, con tàu đi rồi, ngôn ngữ anh chỉ là thứ ngôn ngữ của một thổ dân miền núi. Những bài ca và những bài thơ anh đã chết, dưới chân một dân.

Thi sỹ, chia ra đi. Làm hai. Như thơ nhân gian chia ra nhiều trường phái vậy. Bây giờ, một con trăng bỏ lại, nhân loại mới đích thực đội lên hình hài và tâm linh nó cái hiện tượng nhị trùng bản ngã. Đừng có đập tan gương. Sẽ mất nốt bóng mình. Ngôn ngữ mới chưa. Đừng xa huyền thoại cũ. Đất cát tôi đã trong phòng thí nghiệm. Trên trăng mai sau, sẽ những siêu thị và cảnh sát chắn đường. Nhưng một phía kia, nếu bàn tay tri thức anh đã mở rộng cho tung bay muôn triệu hạt vàng tán mạn, thì một phía này, bàn tay trái anh còn cần nắm lại. Cho lưỡi liềm và đĩa ngọc của trăng và huyền thoại vẫn thom hương. Trăng không thể xa người. Nó vẫn óng ánh trên những dòng suối mệnh mông trên những bến bờ. Làm giải lụa cho đêm mùa thu. Làm giòng sữa cho đêm mùa hạ. Vẫn có những lúc với anh tôi hết, chỉ ánh

trắng vào khuôn cửa thôi. Đừng nhốt tôi vào khoảng sân sau của trí thức lớn. Giữ tôi lại, trong cái địa hạt huyền ảo. Đi lên tôi, nhưng mơ mộng tôi nữa, xin đừng thôi mơ mộng. Quê anh còn là đất thì con trăng còn là bến. Mãi mãi. Thi sỹ, làm một bài thơ nữa về trăng đi, tôi tới đây, vẫn ngủ đêm nay trên mái lầu người. Một thi sỹ nào, như anh, đã hát, phải thế không: là ta đời nay không bao giờ biết ánh trăng nghìn năm trước, nhưng tới bây giờ và tự nghìn năm trước, vẫn một ánh trăng đuổi mãi theo người.

(KH số 15)

HOÀNG NGỌC CHÂU

Như không

Em ơi, chiều đã mịn như nhung
Hãy nắm tay anh dạo một vòng
Như cỏ, như cây, như trời đất
Ta đi nhau đến cõi như không.

(KH 41)

TỬ HÌNH CHO MÀU XANH

(KH số 22)

Tôi còn nhớ năm ngoái, cũng vào tháng này, trong một buổi tiếp tân tại tư thất một người bạn làm phóng viên cho nhiều hãng thông tấn quốc tế, một nữ phóng viên Gia Nã Đại đã tươi cười trả lời, lập tức, khi tôi hỏi cô về những vẻ đẹp hàng đầu đáng ghi nhớ nhất về thủ đô và thành phố chúng ta: “Thì đó, những cái đẹp tươi sáng của một thành phố nhiệt đới, gần biển. Cái đẹp rực rỡ của những mái ngói đỏ chói, rười rượi của những bức tường nắng vàng. Cái nắng trên thành phố này vạm vỡ và nhảy múa. Bởi vậy mà Saigon không phải là một thị trấn buồn rầu.” Rồi im lặng một giây và nghìn lần yêu thích hơn: “Đẹp nhất là màu xanh. Phải, đẹp nhất là cái cối lá xanh, bóng xanh đậm, nhạt, bát ngát của Sài Gòn. Đâu đâu ở đây, tôi cũng gặp những con đường mát lạnh dưới lá, những thảm cỏ ngon mắt, những hàng cây cao vút, những công viên um tùm. Ít có một kinh thành thế giới bây giờ còn giữ gìn được trên nó nhiều màu xanh và nhiều cây cối như vậy. Anh không thấy sao?”

Thấy. Nhưng từ một mùa mưa năm ngoái đến mùa mưa năm nay, những vẻ đẹp của Saigon, mà người nữ phóng viên ngoại quốc khả ái kia đã đáp tàu về nước và đã mang theo, những vẻ đẹp ấy không còn nguyên vẹn nữa. Thành phố chúng ta vẫn đẹp. Cái nắng buổi trưa ở đây vẫn rực rỡ, cái nắng buổi sớm vẫn óng ánh, cái nắng buổi chiều vẫn dịu dàng. Đường Hồng Thập Tự, đường Hiền Vương, vẫn những mái ngói đỏ chói, những bức tường vàng nắng nằm dưới những tàng cây xanh lam. Trên những con đường đi vào Chợ Lớn, khởi từ phía Ngã Bảy, vẫn những hàng cây cao vút xếp hàng. Sài Gòn

còn hoa trên những gờ mái, còn lá trên những đầu cổng, và con phố của nhiều khu vực vẫn tươi xanh như thể cỏ đồng. Nhưng cái lưới xanh, cái thảm lục, cái mái biếc, cái vòm bóng mát bóng râm um tùm đậm đặc ấy đang ngày lại ngày thu nhỏ mãi lại. Loạt án tử hình thứ nhất đã dính vào những thân cây. Những cỗi xanh trên cành, những cỗi xanh ngang trời, những vòm xanh trên đầu đang rụng xuống. Tan vỡ. Nứt nở. Không phải là ở những cánh rừng biên giới, những mật khu sinh lý, những độc đạo hành quân, mà đã lan nhập vào đây cái hiện tượng khai quang. Tôi nghĩ mỗi gốc cây khô, mỗi đờn cây chết, mỗi vì cảnh héo rũ và mỗi đỉnh cây chặt cụt của Sài Gòn nếu cùng được, trước giờ hóa kiếp đồng loạt kêu lên, cái tiếng kêu của tập đoàn xanh lam đang chịu án tử hình sẽ là một tiếng khóc lớn lao kín trùm và thâm thiết hơn hồi còi báo động về đêm.

Khu phố tôi ở từ đầu năm nay cũng có thật nhiều những tiếng khóc nứt nở không tiếng ấy của loài cây phố. Từ một năm nào, lòng đường ở đây đã được mở rộng một lần. Con phố hẹp chật một chiều mang trong nó cái ngưng đọng thơ mộng của một linh hồn ngõ đã biến hình. Hai mái tóc cây song song thành linh mất đi một mái. Những hàng giây điện ở một phía, thôi hết thấp thoáng. Những lũ mái nhà, ở một phía, chẳng còn vồng xanh. Cũng phía đó, từng buổi sớm nắng, bóng lá thôi nhảy múa trên tường, và từng buổi chiều mưa, những bức thềm, những đầu cổng hỡi đầu đã mất đi cái âm thanh va đập lạt sạt. Xe cộ có chảy vào đông hơn. Thành một giòng suối mới. Nhưng lòng phố cũ mang hình ảnh của hai bờ xanh lam ôm ấp, cái con suối cũ đã một bờ cái áo lá dịu dàng lướt thướt bay đi. Và bây giờ, thì trên cái phía còn lại bên này, là những cây đờn chết tiếp. Thật là một cảnh tượng tội nghiệp. Thâm thảm. Và phản mỹ thuật. Từ cửa sổ buồng tôi ngó ra, nhìn dọc theo một hè đường chợt quang đãng bằng một quang đãng bất thường, từng buổi sớm thức dậy, tôi đã chứng

kiến cái tiến trình ghê rợn ấy của một hàng cây phố trút thoát dần dần mọi thể loại sinh khí. Những cây đời rụng tóc đen dần. Khô dần. Chết dần. Cái trạng thái rũ liệt đồng loạt này của thảo mộc đứng thẳng chậm, và chắc chắn. Nối đuôi nhau, bước từng bước một, cây chịu tội tiến vào phòng hơi ngạt. Xếp thành hàng dưới trời xanh, cây thoi xanh, cây vào pháp trường. Đêm hôm qua, đã hàng chục khúc cành khô teo ngã xuống. Lá đã chết từ lâu. Cái chết đầu của lá chỉ còn là kỷ niệm. Trơ trụi, đen thui, mang toàn vẹn cái cảnh tượng ngao ngán của một khu rừng đốt rẫy, cành hỏa thiêu chết đứng một hàng dài. Và tôi nghĩ đến đoản thiên “Chiếc lá cuối cùng.” Đến cô nhỏ tê liệt nhìn ra từ một bờ cửa sổ. Cái cây trước khung cửa là người bạn duy nhất. Mùa đông dài. Tuyết đời hung dữ. Mỗi buổi sớm một phiến lá rụng xuống. Trên một đầu cành, chỉ còn một phiến lá cuối cùng. Chiếc lá cuối chót ấy đậu lâu hơn. Được một buổi sáng thêm. Thêm một buổi sáng nữa. Chỉ là gã da đen làm vườn nhân hậu đã lén buộc vào cuống là một sợi chỉ. Nhưng rồi phiến lá cuối cùng một buổi sáng kia vẫn rụng. Và trên một chiếc xe lăn, đứa nhỏ tê liệt đã chết cùng. Vì cả hai đời cây cùng đã chết một màu xanh. Cây cối đang bị đe dọa trầm trọng của thành phố chúng ta đang cần những sợi chỉ ấy của người làm vườn da đen.

Chiều nay, đứng trên cái thượng tầng lộ thiên và cao ngất của một khách sạn bảy tầng ngó xuống, bằng cái nhìn thấy và còn lưu giữ của một ấn tượng trí nhớ quen thuộc chưa rời bỏ, tôi đã bờ ngõ với một cảnh tượng thành phố trải rộng trước tầm mắt. Mới ngày nào đây thoi, cái chung quanh tôi còn là một biển xanh lam. Cối lá xanh là một đại dương mênh mông. Những chùm mái nhà nhấp nhô tự đó ngoi lên, mới chỉ như những vùng quần đảo nhỏ. Thành phố là một khu vườn vĩ đại tràn chiếm. Nhà cửa nghi ngời ở giữa. Mỗi ngôi nhà mang linh hồn một biệt thự. Lá đỡ mái, thành những vòng tay tình nhân. Cành nghiêng tường, thành những mái đầu

bằng hữu. Buổi chiều, gió nổi, cái cảnh tượng um tùm dịu dàng chuyển động. Nắng gổ đầu trên những tàng cây là sóng mùa. Gió thổi qua trên những vồng cây là thuyền trôi. Và buổi tối, và ban đêm, những ánh điện là những vì sao lấp lánh trên nốt nền trời là cái biển xanh muôn trùng rải khắp. Bây giờ, biển ấy đã rút xuống. Trời ấy đã sập rồi. Và trên một hiện tượng khai quang mọc lên, như nấm độc, như gai nhọn, những hình thù quái gở. Đó là những cột thu lôi, từng mũi nhọn hoắt chọc thủng nền trời. Đó là cái rừng giây điện đan dày hoa mắt. Đó là cái biển ăng-ten tua tua lổm chổm. Đó là những cột ống khói thả chất độc vào lênh láng những cống rãnh không gian. Đó là những nóc nhà trọc trời, những cái hộp lớn, lênh đênh vô lối. Đó là những lòng mái lửa thể, những vì tường trần truồng. Thành phố thoát ý. Thành phố hết là cái hiện tượng che nửa mặt hoa. Cái đầu nó trọc lóc. Cái thân nó khô đét. Thay cho một tấm áo lụa xanh dịu dàng của cây, những khăn quàng mềm mại của lá, thành phố đang cảm dân thêm mãi, trên cái hình thể kim khí những chùm lông dím mới. Và dưới thấp, những đời cỏ, những đời cành chết dần trên những nghĩa địa đường.

Những đời cây nhỏ mới ở đâu? Hãy mọc và hãy lớn mau lên. Tơ và chỉ mới, dâu và tằm, kén vàng óng và những thảm họa xanh nõn ở đâu? Hãy may. Hãy dệt. cho một thành phố, cho một thời đại, hãy đặt gấp những khung cửi, dựng gấp những vườn ươm, đan gấp những vồng xanh, thêu gấp những áo biếc. Bởi vì nếu mỗi đời sống chúng ta là hình ảnh một đời cây và nếu thời đại này như thành phố đang đổi thay thì một trận lửa đốt rẫy và một liều thuốc khai quang đích thực đang hỏa thiêu và đang đánh dần từng bản án tử hình lên những màu xanh, những chất xanh, và những tính xanh hiền hậu.

MAI THẢO

tháng hoa
lên đường

Những ngày đầu xuân ấm áp sau một cái Tết Nguyên Đán năm nay chừng như tới thật sớm, qua thật mau, trở lại bàn giấy một tòa soạn, đối diện với những công việc hàng ngày tiếp tục, tôi muốn nghĩ cho tôi là cái giòng sông lặng lặng, riêng tây của mình vẫn trôi đều nhịp cũ. Sao đêm trừ tịch sáng. Vãđã tắt. Trăng Nguyên Tiêu lạnh, xanh mướt, ướt sương. Và trăng Nguyên Tiêu đã lặn. Hồng, cúc, thược dược, cẩm chướng, đào thanh nhã và mai gầy guộc, những đời hoa đòi và đời hoa núi của một tháng hoa tấp nập lên đường ấy đã về đây. Cho một tuổi mới của người, hoa đã đẹp, hoa đã nở, hoa đã về, Tết đã qua, xuân phai tàn và hoa đã chết. Tôi muốn nghĩ cho hoa như thế. Những cơn mơn thoáng chốc. Những rực rỡ một ngày. Hết một chủ nhật rồi. Lại tới những thứ hai. Chuông báo thức reo. Trờ dậy. Đi làm. Chân lại đi hai buổi trên con đường năm trước. Tôi đã muốn nghĩ cho tôi như vậy. Thêm một tuổi nhưng chẳng thêm gì những cái mới. Hết một năm, nhưng tháng giêng không phải là một khởi đầu. Trước cái nhìn hoài nghi, không có con đường cỏ non nào mở ra trước mắt.

*

Vậy mà, trở lại một bàn giấy tòa soạn, ngồi lại

chỗ ngồi cũ, làm lại trong tháng giêng những công việc tháng chạp, những hòa nhập trở lại với giòng sông thường bằng, bằng những hoạt động thường nhật, đã không dễ dàng như tôi tưởng. Mười lăm ngày nghỉ tết mang trọn ý nghĩa một gián đoạn. Đi qua, đi hết một tháng chạp buồn rầu như một vùng bóng tối phiến muộn, thêm một năm nữa, tôi đã rơi vào một tháng giêng mới như một vùng trống trải băng khuâng. Một vòng quay nào đã ngừng lại. Giờ nó khởi quay từng vòng, mệt nhọc. Ngày tháng còn nguyên vẹn của một năm mới bắt đầu cứ là hình ảnh một con đường ngút mắt, trên và tụt, người lữ hành đầy miễn cưỡng và đầy hoài nghi vẫn phải bận tâm đến những bước chân đi tới của mình. Một dấu mốc thời gian ghi trên một tờ lịch vẫn cứ là một đánh dấu, một hấn động. Nó trình bày đời sống trên hai chiều đối nghịch, là cái sau lưng và cái trước mặt. Khiến cho từ một bờ bên muốn cố định, tôi vẫn không thể không nhận thức được cái chung quanh mình vẫn là một giòng sông ào ạt băng qua.

**

Giòng sông đó trong những năm tháng đầu tiên, những mùa xuân thứ nhất của một đời người đã chảy theo những bước chân và cùng một chiều hướng với người đi tới. Giòng sông khi đó với đời người là một. Người vào đời từ một bình minh vui, thì sông cũng theo người, triều vui dậy từ bắt đầu nắng sớm. Không có một chia lìa, một tách thoát nào hết. Và trên một sườn đồi ẩm áp kia, tuổi vàng của người là một nhành hoa núi vừa nở. Hoa lên hạt. Cái hạt khỏe mạnh, căng đầy nhựa sống. đã đợi chờ bao nhiêu ngày trong lòng đất xôn xao. Đêm, những hạt sương, những hạt kim cương óng ánh đậu xuống. Ngày nắng gọi chan hòa. Trong khi một khí hậu và một thời tiết lý tưởng, cái hạt lớn dần, cho tới một ngày, hạt đội được đất mà lên, ngó thấy trời và ánh

sáng.

Bông hoa núi, tuy vậy không thể chỉ nở và tàn trong một bóng núi. Nó mơ tưởng, những đồng bằng những phố phường dưới thấp. Hoa như một giòng suối nhỏ giữa rừng, muốn vượt rừng chảy xuống những vùng đông vui ồn ào lãđời sống dưới kia. Giấc mộng của hoa thành hình. Tháng hoa lên đường sắp tới. Ở những sườn đồi, những thung lũng chung quanh, những bông hoa đồng tuổi cũng vậy, ngày đêm hoa mơ tưởng một lên đường. Một chợ hoa sắp mở. Hoa núi phải về. Một hội vui sắp dựng. Hồng, cúc, thược dược, mai, đào phải tới. Những ngày cuối năm xao xuyến khắp một miền đồi núi bao la, báo tin tháng hoa lớp lớp từng từng lên đường về họp thành một biển hoa, một rừng hoa, một thế giới hoa cho thành phố. Rồi Trừ Tịch. Và hoa đã họp mặt. Thành một tấm thảm màu sắc lộng lẫy. Rồi Giao Thừa. Hoa đã đoàn viên, trên toàn khắp mọi ngã đường. Rồi Nguyên Đán. Hoa trên những bức thềm, trên những thành cửa sổ, trong những phòng khách, ngoài những hành lang. Đâu đâu cũng là hoa. Trước sau, hoa đầy đặc. Tết của người không có hoa không phải là Tết. Hoa chính là linh hồn mùa xuân, một cần thiết cho người.

*

Cho tới một tuổi nào, một năm nào, sự hoài nghi như một cơn gió nửa khuya rất lạnh và rất buồn thối lọt vào tâm thức chúng ta, những kẻ muốn nghĩ mình là những bông hoa núi kia, tự một đỉnh cao về làm thành cái tết và mùa xuân cho người thành phố. Hoa có làm nên Nguyên Đán thật. Nhưng mỗi Nguyên Đán một ngắn hơn. Nhưng mùa xuân bây giờ của người chỉ là những bày đặt và những vẽ vớ hơn là những mùa xuân đích thực. Đêm giao thừa vừa rồi, tôi có đi qua một chợ hoa. Hè đường, lòng phố ngổn ngang, những đồi hoa, những kiếp hoa vô thừa nhận. Dừng lại, nhìn thật lâu

những bông hoa của một chợ chiều tàn tạ, tôi đã nghĩ lúc đó rằng, sang năm, giòng đời sẽ lại chảy xa hơn, về một phương hướng khác, ở đó càng thiếu vắng nhiều hơn nữa, những bông hoa như một tình yêu và một cần thiết của người.

Ngỵ Do Thái

Mây cảm duyên

về đây dạ cũng bơ thờ
tôi quanh gót mỗi ơ hờ nẻo xưa
em mềm tóc chảy tay thưa
tôi trảng giang cũng quanh co nẻo về

mây xưa lỏng lẻo còn mê
áo giang hồ cũng chùng nghe đôi màu
giấc nào khuya thức chiêm bao
dài tay thôi cũng buồn đau một đời

tuổi người thôi cũng xa tôi
tuổi đời thôi cũng xuống trời phiêu du
hồn quên lãng đấng sương mù
đêm ngàn năm giấc muôn thu muôn phiên

nghe trời chợt lộng dáng em
sợi mây thưa rũ chẻ mềm áo son
nghe ngày chợt động héo hon
đời thôi cũng rút tôi còn bã không.
(KH 71)

MAI THẢO

THAM VÀ TIẾNG ĐỘNG

(KH 18)

Không biết bởi nguyên nhân nào- có thể là cái hiện tượng của cảm giác một lần đã nhận chịu một chạm đụng dữ dội, chạm đụng còn vang ngân mãi mãi trong vòm trời trí nhớ, hiện tượng với tôi, còn giải thích cho các vị trí khác thường của một số hình ảnh đặc biệt trong trí tưởng một đời người – tôi yêu lắm những hành lang. Một hành lang khách sạn chạy qua những cửa buồng đánh số, một hành lang lâu dài dẫn lên tháp canh cao vút hay dẫn xuống những cửa hầm tối thăm, một hành lang biệt thự với những tấm gương, một hành lang bảo tàng trầm tư những pho tượng, tôi đều yêu. Cả đến cái hành lang rừng rợn kia, nơi người tù tử hình bước những bước chân cuối cùng của đời y tới phòng hơi ngạt, như những đời hành lang khác, cũng chuyên chở cũng ngưng đọng trên cái thăm thăm chạy dài của chúng những dư âm và những hình bóng dị thường. Cửa một ngôi nhà hành lang là linh hồn. Nó có một đời sống và một định mệnh riêng tây. Cho bất cứ một kiến trúc nào hành lang là cái phần đắm chìm, mơ màng và phẳng phát nhất. Đêm trên hành lang, tiếng chân anh vang động hơn. Đi trên một hành lang, đã thường hằng trong tôi là cái cảm tưởng đi trên một phím dương cầm. Và ngọn đèn đêm kia đổ xuống bóng người cô đơn trở về, ngọn đèn đó chính là con mắt ráo hoảnh của đêm thao thức không cùng mở lớn.

Tuần lễ vừa qua; để thay đổi một không khí, thấy

khác một vùng trời, đến ở mấy ngày tại một khách sạn miền núi, khi rời khách sạn, cái hình ảnh duy nhất còn lại trong tôi vẫn là cái hình ảnh thăm thẳm ấy của một hành lang. Đó là một lối đi rất dài và rất rộng, như một con sông chảy giữa những bờ tường. Lên khỏi cầu thang, sau những cột gỗ nghiêm nặng, cái thế giới ngưng đọng tịch mịch thành linh hiện ra trước tầm mắt. Những bước chân tôi cũng thành linh bật tiếng. Một tấm thảm dày đã thu hút hết mọi tiếng động. Không khí ở đây lạnh buốt. Hành lang nằm giữa lòng một kiến trúc nhiều tầng bát ngát. Ở đây là đêm và ngày không nhận định, sáng và trưa cùng mơ hồ, cái tranh tối và tranh sáng trộn lẫn, tối và sáng cùng vô tính như nhau. Thoạt đầu tôi không phân định được gì. Hành lang nào cũng thế. Phút thứ nhất nó chỉ là một hình thể trống trơn và vô nghĩa. Hai bên, những căn buồng đóng kín. Hành lang chạy ở ngoài, xa lạ với mọi cuộc sống bên trong. Nhưng từng phút rồi từng phút những cái ngưng đọng, những cái vô hình, những cái phảng phất đã quanh tôi dần dần vây kín. Bằng một nghìn con mắt yên lặng nhìn người. Tôi bàng hoàng. Tôi im lặng theo. Và tôi không nhầm được nữa. Tất cả đã tới đây, tất cả còn nguyên vẹn. Thứ hơi lạnh chạy dài trên suốt khắp mặt thảm chính là cái hơi thở của nhiều mùa đã được chuyên chở tới chốn này. Và trong hơi thở ấy, có cỏ, có sương, có rừng có núi. Những chiều mưa làm nhòa nhạt mọi khung kính, núi rét mướt đứng. Những đêm mùa đông, thông một triệu gốc lạnh, lời thác cũng buồn rầu. Những buổi trưa mùa thu, một cánh bướm bay lạc trong nắng, dưới thật xa thung lũng. Những tình sương kín đặc sương mù, rừng mang linh hồn biển, và trên những con đường nhỏ của rừng, lá từng từng rơi xuống, lá dẹt thành một tấm thảm dày, ở đó không một dấu chân nào đi qua.

Không biết bằng một hình thái chuyên chở nào, từ

những con thuyền, từ những giòng suối nào, tất cả đã tới đây. Tất cả. Những màu của trời, những hình của đất. Ở một góc tối kia, tôi đang nhìn thấy chúng. Nhìn thấy cái khuất đi của giải mây vừa mất sau một triền núi, cái hiện ra của những đỉnh thông chột chói lọi mặt trời, cái thoang thoảng của một cánh chim trên nền lá xanh lam, và đêm cái đêm ướt át lung linh của một vì sao trên một nhũ đá. Hành lang này của một khách sạn miền núi đã đón nhận hết mọi ảnh tượng thiên nhiên vào cái bình kỳ diệu của nó như mọi hành lang khách sạn thành phố đã lưu giữ những dấu tích muôn mặt của đời sống phố phường. Tất cả đã tới đây. Không nhìn thấy chúng chỉ thấy chúng đi qua và mất hút. Nhìn thấy chúng, mới thấy chúng còn nguyên vẹn đó. Và tôi đã nhìn, đã nghe thấy. Tiếng một hòn đá cách biệt lặn trên một đầu dốc vắng. Tiếng một đài hoa cựa mình, một nhánh lá thờ dài, những tâm sự thì thầm của cỏ, những dấu chân của một con vật chạy lượn, và đuổi theo nó là cái tiếng động khô gọn của một cành khô vừa gãy.

Tôi không tưởng tượng đâu. Hoặc là có, tưởng tượng tôi, từ chỗ đứng một hành lang, chắc chắn phải thật hơn gấp nghìn lần sự thật. Nếu ngôi nhà là biểu tượng cho toàn thể cuộc đời, hành lang chính là nơi cuộc đời ta đi qua, và để lại những dấu tích muôn nghìn của nó. Hành lang với tôi là cái dẫn tới, dẫn chỉ khoanh khắc. Hành lang là cái mở ra dẫn chỉ rất nửa vơi. Lên hết một cầu thang, trở về phòng mình, cái lối đi dài thăm ấy là ranh giới của cái Riêng và cái Chung, chính là một trạm hẹn, một gặp gỡ. Định mệnh người không thành tựu hay tan nát đều ở đó. Nhưng từ đó mà những định mệnh khởi đầu. Người bệnh nhân trên xe lăn lăn giữa hành lang, ở giữa hai bờ sống chết. Án tử hình vào phòng hơi ngạt, và hành lang là hình ảnh của sự thật cuối cùng.

Tôi rời khỏi cái khách sạn miền núi một buổi sáng mưa phùn. Căn phòng tôi đã đến ở, phút bỏ đi không một chút lưu luyến. Người bồi phòng đã vào, làm mới chăn đệm cho một người khách trọ khác. Người ta đã mở hết mọi khung cửa. Ánh sáng lùa vào, đánh tạt đi hết mọi dấu vết đêm qua. Nhưng bước ra ngoài hành lang, những thước không khí của ngưng đoạn lạ lùng vẫn vây bọc lấy tôi như cũ. Vẫn cái tranh tối tranh sáng thấp thoáng những bóng hình động ảnh. Những mùa thu này vẫn nằm ở một xó góc kia. Những hình núi và những bóng rừng ngoài kia vẫn đầy, trên những thuyền hoa đó. Tất cả đã được chuyên chở tới đây. Hành lang là một lòng giếng. Tất cả còn nguyên vẹn. Tầm thăm dày không vang lên một tiếng chân nào khi tôi bước xuống cầu thang. Vậy mà đi khỏi khách sạn một quãng xa lúc nhìn trở lại, những con mắt của yên lặng và bóng tối từ trên một hành lang mang hình ảnh một lối đời ở đó có những gặp gỡ và những dấu tích để lại của cái tôi muốn gọi tên và những định mệnh tình cờ, những định mệnh khoảnh khắc, còn đăm đăm còn im lặng nhìn theo.

MAI THẢO

QUÁN BỆNH

Ánh đèn tranh tối tranh sáng gọi nhớ lại những xó góc tỏ tình kín khuất của những vũ trường hồi san nhảy còn toàn thịnh, với bấy vũ nữ yêu tinh mang đầy tay những bùa ngải mê ngất lượn lờ giữa những hàng ghế, và thành phố về đêm chưa giới nghiêm. Ở đây, thanh tịnh và trang nghiêm, trầm tư và mơ màng, không có một bóng vũ nữ nào. Cũng không, tuyệt nhiên không, những bàn tay lợi lả lợi dụng bóng tối và kiếm tìm trong bóng tối. Trạng thái đèn lửa chập chờn sáng tối ở đây chừng như chỉ có, vì, và cho một mục đích duy nhất: nhận chìm đi những hình ảnh, cho nổi bật những hình bóng, đánh nhòa những bề mặt rạng rỡ cho phẳng phát một chiều sâu buồn rầu, nỗ lực tạo dựng bằng được một thứ không khí chìm đắm bất thường không đối tượng. Đêm tháng tám bên ngoài bát ngát sao. Trong những lùm cây xôn xao, gió mùa những thuyền đầy. Hè phố bên kia, dưới một khung ánh sáng hình tròn, một bày trẻ nhỏ nhẩy dây. Và la hét. Và đùa nghịch. Trong này, khác hẳn. Tôi lắng tai nghe, tịnh không thấy nổi lên một tiếng cười nào. Chỉ thiếu những ngọn nến lung linh, và những lời kinh cầu, anh có thể lầm nơi chốn này với một giáo đường thu nhỏ. Và thần thánh ở đây chỉ là một số người trẻ tuổi kỳ lạ. Đám người trẻ tuổi này, ngồi chum

đầu thành từng chùm sâu hay từng nhánh đầu, hay xếp hàng, vai sát vai, suốt dọc hai chiều tường, tới đây tự lúc nào không hay, nhưng hết thấy đã tới, kín đặc trên những hàng ghế, hết thấy đã biến thành những pho tượng. Không một người nào nói thừa. Không ai nhìn ai. Kẻ bên ta một đời xa lạ. Không ai nói với ai một lời nào. Tha nhân là địa ngục. Bằng những mái tóc cúi thấp, bằng những vai gầy nghiêng nghiêng, bằng những tròng mắt lim dim, bằng những cặp chân duỗi dài, mỗi nhọc, rất hư vô và rất bóng hình, đám người trẻ tuổi của thế kỷ hoa hồng này, ngồi đó, im sững và bất động, nhặt nhòa dưới một trận mưa không tiếng và vô hình lướt thướt. Như thế thật lâu. Thật lâu. Rồi cuối đáy căn phòng, một phiến tường đột ngột sáng rực. Trước phiến tường, người trẻ tuổi cuối cùng của bảy người trẻ tuổi thỉnh linh xuất hiện. Cái nhánh cây thanh xuân buồn đau thâm thẳm này ôm trước ngực một cây đàn lớn. Những ngón tay gầy nhẵn buông vài phím. Một phút mặc niệm. Và bài hát tang chế bắt đầu với những lời dẫn nhập kỳ dị.

Tôi lắng tai, cố gắng theo dõi, nhưng chịu không tài nào thấu hiểu được ý nghĩa lên dẫn nhập cho ca khúc sắp hát, đang được, cái nhánh đầu, cái khối sâu cuối đáy phòng kia đọc kính cẩn và run rẩy từng lời như những lời kinh. Cái cõi ngôn ngữ quái đản ấy là những chùm gai không hình thù lằng đằng trôi trên một biển sương mù. Tôi sắp hát cho đời nghe đây, một ca khúc tuổi trẻ, người hát nói. Nhạc chúng ta, đau, sâu và đen. Đi tới một cuối đường kia, ta bắt gặp cuộc tình không bao giờ thấy mặt. Chúng con đã trở về đây, giữa lòng quê hương tan nát, hồi cha, hồi mẹ, hồi anh, hồi chị, hồi em, chúng ta đen, chúng ta đau, chúng ta sâu, và mười ngón tay gầy hãy đưa lên, làm mặt trời, che cho kín khắp phiến buồn mười sáu. Đại khái như thế. Vô nghĩa, mê loạn, đồng điệp và mộng du như thế, lời dẫn nhập kỳ dị. Rồi người hát bắt đầu đánh đàn và hát. Anh ta hát, thật mê

đắm, thật sai, thật vờ, thật đau đớn và tội tình hát. Những lời dẫn nhập quái gở vô nghĩa mất tích vào bóng tối, những lời hát đứt rời rơi rụng lả tả xuống mặt đàn. Điều kỳ quái nhất là xem chừng chuyện đó cũng chẳng hề gì. Người hát hát cho riêng mình nghe. Những người đến nghe, không nghe người đang hát. Dưới trận mưa không tiếng, vô hình, những khối sầu tuổi trẻ, những “phiên buồn không tên” vẫn ngồi đó, bất động, như từng pho tượng lạnh. Không có can đảm đợi chờ đến bài hát thứ hai, tôi trả tiền, đứng lên và đi ra.

Như những loài nấm dại, như từng hòn hoang đảo, như “những ga sâu vĩ đại của đêm đen,” tôi mượn một danh từ của Chế Lan viên, những quán nhạc, những phòng trà tuổi trẻ, đang mọc lên, ngày một nhiều giữa thành phố chúng ta. Mỗi buổi chiều, khi trời tím lại sau những tòa nhà chọc trời, tiếng súng ngoài xa vọng về, và hỏa châu sáng trên những địa hình ven đô thành phố, hàng nghìn người trẻ tuổi chúng ta đã tới đó, ngủ tiếp giấc ngủ chiều ma quỷ. Xã hội này thù nghịch. Thời đại này bất toàn. Hiện tại này xa lạ và tương lai kia mịt mù. Đường tuổi trẻ lầy lội. Trời tuổi trẻ mưa bay. Và những người trẻ tuổi của chúng ta đã tới gặp nhau, như những cánh rơi vỗ đập rã rời trong một hầm đá tối thẫm. Họ mới mười bảy thôi. Nhưng đôi trán đã nhăn, chân trời đã mờ, tròn mắt đã tối, hoài nghi đã là. Họ mới mười tám thôi. Nhưng ngón tay đã gầy, khối sầu đã lớn, chủ nhật đã buồn, chần chừ đã lạnh. Họ mới hai mươi thôi. Nhưng tóc thôi rụng gió, miệng chẳng nụ cười, hồn không ánh sáng. Và họ tới ngồi đó, trong những quán nhạc kia, những quán nhạc như nơi trú ẩn cuối cùng, nhận những ca khúc sầu thảm lướt thướt làm tiếng nói của mình, chìm đắm, nhạt nhòa, trong một trầm tư không đối tượng.

Cảnh tượng bảy người trẻ tuổi cúi đầu thành những

pho tượng lạnh, chìm đắm, bất động, tôi gặp trong một quán nhạc điển hình cho sinh hoạt tuổi trẻ kia còn đuổi theo tôi ra tới ngoài đường. Không khí bệnh hoạn, thiêm thiếp, đen như đêm, xanh như lá ở đó khiến tôi liên tưởng tới cảnh tượng khác, lần vào thăm một người bạn đau nằm trong một bệnh viện. Cũng thế. Trong những căn buồng đánh số, giữa mùng màn trắng toát, những cuộc đời nhọc mỏi lim dim. Không ai nhìn ai. Ngôn ngữ là thừa. Không một ai nói với ai lời nào. “Tha nhân là địa ngục.” Nước biển trên đỉnh màn, từng giọt và từng giọt. Trong trưa nắng đã nghe tiếng chiều tan. Mới sớm mai mà trong vườn đời kia đã rụng nhành hoa đỏ. Bệnh viện ấy và quán nhạc kia đều cùng một thể giới. Các thể giới lặng lẽ của những người nằm bệnh. Có khác là ở một nơi, người đau nằm trên giường, ống thuốc cắm trên tay. Và một nơi, những người đau ngồi lặng, yếu đau bằng âm nhạc. Khác nữa, một đằng, người đau thật có bệnh, và một đằng, chỉ là bệnh tưởng đau.

Có phải nói với một lớp người tuổi trẻ của chúng ta rằng những cuộc sống bông hoa phải được trồng cây dưới mặt trời, rằng nêu một khởi hành chưa tới, khởi hành ấy thiết yếu phải có, và tuổi trẻ nào cũng mang trong nó một kho tàng châu ngọc là cái sức phản chống mãnh liệt, bởi vì tuổi trẻ như thế, nó dừng cảm lên đài khi tiếng cồng kinh dị nổi lên? Tôi nghĩ là phải có. Phải nói. Giã từ những lớp chiếu chăn ảm lạnh, ra khỏi mọi trạng thái chìm đắm, thoát khỏi một hầm đá tối, thức tỉnh khỏi giấc ngủ buổi chiều ma quỷ, hành động tự cứu và tự thành của một người trẻ tuổi là phải làm sao ở xa những trận mưa cường toan đang đổ xuống đời mình. Thế kỷ này, xã hội này, thời đại này có thể mang những bộ mặt thù nghịch, nhưng nhất định thể giới của một người trẻ tuổi không phải là cái tranh tối tranh sáng chợ chờn, u uất của quán nhạc kia, ở đó không có gì hơn là những lời dẫn nhập quái đản cho một loại ca

khúc phản bội lại cái thực chất, cái tâm hồn đích thực của tuổi trẻ. Tôi muốn nghĩ và muốn tin rằng một buổi chiều kia, trong quán nhạc ấy, người nhạc sỹ trẻ tuổi ôm đàn hát khúc hát dành cho cõi chết, sẽ ném cây đàn đau và những lời hát bệnh và đi ra. Cuộc đời ngoài kia không sáng hồng mộng tưởng đâu. Nhưng trong đêm, tuổi trẻ sẽ trang nghiêm đốt lên với nhau một ánh lửa nhận đường. Chính ánh lửa nhận đường ấy là vì sao bản mệnh của anh. Từ vì sao nhận đường này, anh sẽ đi tới, sẽ bắt gặp những trời sao khác.

(KH 19)

Nguyễn Tiếp Tục

Trên đèo Lao Bảo

 xanh trướng dộc, ngã lưng đèo
lá buồn ánh mắt trông theo nửa vò
 lửa hồng trí nhớ đêm cô
vượn rừng hoang vắng mấy lời man liêu.

Tiến quân vào Tchépone

 dừng đây nhớ nhớ quên quên
khung rêu nước lũ lênh đênh nổi mình
 bỗng nghe tám hướng lặng thinh
buông tay đánh thức cuộc tình xưa xa.

(KH 98)

MẶT PHẪNG

mai thảo

Người thành phố chúng ta, hồi tưởng lại những ngày chính biến sôi động đưa tới hình thành chính thể mới còn nhớ mãi cái cảm giác lấp vượng ngọt ngào của một tầm mắt tức tối thình lình lại án ngữ. Khi một loạt những chùm tượng lính biểu trưng cho từng binh chủng, chỉ sau một đêm đã đồng loạt mọc, kín khắp cả bùng binh và những công trường. Nhể nhại dưới nắng, uy nghi trên cỏ, ngất ngưỡng trong cây, những công trình điêu khắc ấy, nói chung những ngày đầu có phần nào đã bị những cặp mắt qua đường ngắm nhìn như những gò đồng kim khí kênh càng chướng nghịch. Hiện hữu đột ngột của tượng có phần nào hủy hoại đi cái đẹp cân đối dịu dàng đã quen thuộc nhiều ngày của những khoảng trống cũ. Cảm giác bất thiện cảm với tượng bấy giờ có. Có thực. Không phải vì những hình dáng dững dạc của tuyến đầu và của tiền đồn ấy không xứng đáng phô bày trước tầm mắt và kiến trúc phố phường. Trái lại. Trong mỗi gia đình Việt Nam, đều đã có những mái đầu ra trận. Cuối một con đường độc đạo, dưới một nóc lô cốt biên thù, bằng tao ngộ chiến giữa rừng, bằng phục kích trong đêm, bằng chuyển quân dưới nắng, từng ngày từng giờ đều có những người lính trẻ của chúng ta ngã xuống. Ngã xuống, cho những người khác sống. Với thủ đô an toàn, vì có những vòng đai phòng ngự thịt xương vây bọc, sự có mặt của tượng là một cần thiết. Mang một tác dụng tốt, một nhắc nhở cần. Nhắc nhở đất nước chúng ta vẫn lửa đạn kín trùm. Và người hậu phương

nhìn tượng và thấy tượng, không thể lãng quên rằng một phía Việt Nam có thể đã an toàn, vẫn mười phía khác của Việt Nam là chiến hào và mặt trận. Ghi lại cái cảm giác lấp vướng ngọt ngào của một tâm mắt thành linh bị ấn ngữ bởi vậy chỉ là nói đến cái hiện tượng của một thói quen bị xô chuyển mà thôi. Đời sống và tâm hồn người như thế. Một kết thành thường trực của những thói quen. Trong cái mớ những thói quen đúc lại thành khuôn, gập lại thành nếp, có những thói quen rất tốt lành, có những thói quen cực kỳ nguy hại.

Một buổi sáng của tuần lễ này, đi ngang qua con đường Tôn Thất Thiệp, tôi đã đứng lại, khoảng nửa giờ, trước một ngôi nhà bị pháo kích sau lúc không giờ của đêm hôm trước. Sau một thời gian tương đối im tĩnh, không phận thành phố và giấc ngủ của những người trong chín quận luôn mấy đêm liền lại bị dấy động bởi những tiếng nổ long trời lở đất vang lên. Địch tạm nghỉ mà thôi, Địch chưa ngừng khủng bố. Trong những sinh lầy tối tăm của những ven đô chưa kiểm soát, suốt bấy lâu im hơi mà kỳ thực là phá hoại vẫn chờ rình. Khủng bố tạm nín thính vài tháng, mấy đêm nay lại xuất đầu lộ diện. Cuộc chiến không phòng tuyến vẫn giữ nguyên hình thái cũ. Nó yên một nơi này. Để động một nơi khác. Quy luật và hình thái bất biến của xâm nhập cái răng lược là như vậy. Và thành phố lại đã trở thành mục tiêu đầu mùa cho những đường lửa hỏa tiễn rót xuống phố phường thủ đô những tan nát và những kinh hoàng qua không gian. Ngôi nhà tôi dừng lại trước nó, một trái hỏa tiễn đã xuyên từ mái xuống. Và nổ. Và phá. Gạch ngói tan nát mang hình thể rùng rợn của một vết thương lớn. Một chiếc cầu thang sập. Những trần nhà tan tành. Những kèo gỗ cụt đầu lủng lẳng treo bên cạnh những lòng máng gãy gập. Sức hủy phá kinh hoàng biến những mảnh vỡ thành mũi nhọn, những mảnh vỡ ấy ném khắp bốn phía làm rụng những khung kính, làm nứt những vỉ

tường của nhà cửa chung quanh. Người trong phố kể cho tôi hay là đã có những người bị thương đêm qua xe hú còi mở hết tốc lực chở vào bệnh viện.

Một nửa giờ đứng lại trước ngôi nhà bị pháo kích, tôi đã thấy bên cạnh tôi, một số người qua đường cũng đứng lại theo. Hợp thành một tốp người hiếu kỳ trên hè đường và dưới ngày rực rỡ chúng tôi ngắm nhìn cái cảnh tượng phá hoại ghê khiếp còn phơi bày nguyên vẹn trước mắt, đã bàn tán thật hăng hái sôi nổi đến cái sức ép của không khí vô hình gây thành sức công phá mãnh liệt khôn lường, kể lẫn cho nhau nghe những ngôi nhà đổ và những người chết khác của trận pháo kích đêm qua. Giờ chúng tôi đứng nói chuyện trước ngôi nhà đổ, cũng là giờ hấp hối của những người đang quần quai trên bàn giải phẫu, giờ mà một gia đình này hay một gia đình kia không còn nữa, một đời sống này đã mất, một hạnh phúc nọ không còn, giờ của những chiếc xe tang lăn bánh từ từ đưa những tử thi tới những lòng huyết. Và những tấm khăn xô lại buộc lên những mái tóc. Và những tiếng khóc đã thay cho những tiếng cười. Và những khổ đau mới và những bất hạnh mới lại đã chảy lan thành hằng hà nước mắt. Điều lạ lùng mà tôi nhận thấy ở chính tôi và những người cùng đứng lại trước ngôi nhà bị pháo kích như tôi là thảm trạng bởi tái diễn nhiều lần, có như là một cảnh tượng đã quá chừng quen mắt. Ngôi nhà bị phá đổ. Rồi ngôi nhà sẽ được xây dựng lại. Như cũ. Những người đã bị thương và đã chết đêm qua chỉ là những con số mới cộng thêm vào những thương vong chồng chất đã trăm nghìn. Tiếp nhận bất hạnh đã thành một thói quen. Phản ứng trước bất hạnh bởi vậy, từ xúc động, từ đau đớn phần nộ đã trở thành thản nhiên và bình tĩnh. Tôi không còn nhìn thấy một khuôn mặt bàng hoàng. Tôi không còn ngó thấy một trông mắt căm phẫn. Thói quen, cuối cùng đã giết chết mọi phản ứng. Và cuối cùng là, người ta đã thản nhiên.

Trước thảm kịch. Trước tội ác và trước một bất hạnh.

Sự thần nhiên, trên một ý nghĩ nào, là một dấu hiệu tốt đẹp của trưởng thành. Sống giữa những bất hạnh liên tục và trùm đầu bây giờ, đòi hỏi ở từng người một thái độ trầm tĩnh. Và những xúc động quá khích có khi chỉ là những biểu tỏ xao xuyến của những thần trí dễ dàng bị lay chuyển và bị giao động. Nhưng điều đáng lo ngại là một số thói quen nguy hại đang đẩy dần từng người chúng ta đến một thần nhiên nguy hại, chừng nào đứng trước một bất hạnh, chúng ta hết thấy đau đớn. Chừng nào đứng trước một tội ác, chúng ta hết thấy phẫn nộ, chừng nào đứng trước bạo động, phá hoại, bất công, đàn áp, trước những cái tốt bị những cái xấu hủy diệt, mà chúng ta không còn xúc động không còn phản ứng, thì khi đó, anh có thể tin là giờ tận thế của con người và của nhân loại đã bắt đầu.

(KH số 50)



MAI THẢO

MỘT CẢNH TƯỢNG KỲ ẢO

Anh Đinh Hùng, tôi nhớ năm ngoái cũng vào tháng này, để đánh dấu ngày giỗ đầu cái chết của anh, nhà xuất bản Văn ở số 38 đường Phạm Ngũ Lão Saigon, (chủ nhân là anh Nguyễn Đình Vượng, người đã mở đầu cho nhà xuất bản Văn bằng Người Dao Phủ Thành Đại La của anh) cho in lại Mê Hồn Ca. Tái bản mang ý nghĩa truy điệu thi sỹ này, đáng lẽ phải có, bằng văn tôi, một bài vào tập. Mê Hồn Ca được phát hành sau đó. Nhà Văn đành xin lỗi những người đọc thơ anh, bởi bài vào tập đã báo trước, cuối cùng không có. Tôi không viết được nó. Mặc dầu đã định. Đã muốn. Hết lòng. Không viết nổi vài hàng dẫn nhập cho một tập thơ đến nay tôi vẫn thành thực xem như một trong những đỉnh cao của thi ca tiền chiến, không nói được lời nào về một người, người đó là một nhà thơ sinh thời là bạn, là điều đến nay vẫn còn làm tôi hết sức ngạc nhiên. Không thực hiện được một bài viết tưởng đã có hàng trăm ý nghĩ trong đầu, tôi tìm hiểu nguyên nhân, chỉ có thể đi đến kết luận này: với tôi, Mê Hồn Ca vẫn đích thực là cái thế giới mê hồn kỳ lạ của riêng anh. Và nếu hiểu thơ của một người, cũng phải như hiểu một sự vật, một đời sống, nghĩa là thấu triệt được những quy luật cấu thành biến chứng của sự vật và đời sống, thì cái chân tướng của Mê Hồn Ca lung thoát, mơ hồ, tôi không nhìn thấy được cái từ đâu mà thành, bởi đâu mà có. Văn học sử Việt Nam sau này tất yếu sẽ phải làm thay tôi việc đó.

Tôi nói tắt yếu. Cối thơ, tiếng thơ, một ngôn ngữ thơ mang tên Đinh Hùng, đích thực vẫn còn hay sẽ mất với những liên hệ chặt chẽ với thơ của cả một thời kỳ, một thời đại. Thơ anh là thơ của một người. Còn là thơ của một thời.

Thơ Việt Nam bây giờ chuyển lưu sang một trời thơ khác, chứng minh điều đó. Nhận cho thơ Đinh Hùng như một động lực đưa tới một hóa thân, một tiến trình mới của thơ, thì cũng cứ vẫn phải công nhận thêm một điều này: thơ anh nếu có khép đóng lại một giọng thơ thì cũng chính từ khép đóng này mà thơ đã mở đi những giọng thơ khác.

Anh Đinh Hùng, tôi kể lại anh nghe chuyện nhỏ này. Nghĩ nó, tuy cũng trả dư tửu hậu mà thôi, có chiếu sáng cho tôi phần nào về một vài bình diện thi sỹ. Một buổi chiều tuần trước, tôi cùng Thạch Chương và Thanh Tâm Tuyền đến chơi một người bạn. Ở đây, chúng tôi tình cờ gặp lại nhà thơ Bùi Giáng. Với tôi, cối thơ Bùi Giáng là một trong những cối thơ bát ngát nhất hiện nay của thơ ta. Thơ Bùi Giáng là một vực thăm không cùng. Một cánh rừng đầy đặc.

Nó òa tới, làm nhạt nhòa Xuân Diệu. Nó vụt qua làm mất biến Xuân Xanh. Dẫm đạp lên mọi thể loại ngôn ngữ tinh tại, sáng hồng, đồn hậu, toàn vẹn, đã xong, thơ Bùi Giáng là cái tang trống kinh dị treo căng trên hai đầu cọc nhị trùng: từ một băng hoại tận cùng tới một thăng hoa chói lọi. Thơ nguy nga như thế mà con người bệnh quá. Mỗi nhọc, già yếu, Bùi Giáng ngồi đó, bóng chiều lẳng đặng, như hình như bóng, mang trên hình hài âm u cái hiện tượng dị thường của một cối ngôn ngữ khi bình lặng thì thêm thiếp, hư không, khi dấy động là dấy động bàng hoàng một trời giông bão. Chùng như tôi điên, một năm vài tháng, Bùi Giáng nói. Thế nhưng khổ nhất cho Bùi Giáng lại là lúc tỉnh. Tỉnh thức, ra khỏi những quần quai ghen ngào, những nhức nhối đốt lửa,

Bùi Giáng mới biết là có thật nhiều điều, đầu biết phải nói, chẳng nên nói ra bằng giấy trắng mực đen. Nhưng rồi những cơn lốc kinh hoàng hết như những cơn say sượng sần mê ngất chập bắt lầy. Và khi đó thi sỹ lại nói hết. Nói hết những niềm quái dị, những nỗi hoang vu bất chợt sáng ngời, bằng một Ánh Sáng Lạ, trong tâm linh và tiềm thức. Tôi nhớ chiều hôm đó, Thanh Tâm Tuyền, yêu mến Bùi Giáng lắm, đã giải thích cái trạng thái bất bình thường nơi Bùi Giáng như một hòa nhập quá thể say đắm, quá thể trầm trọng với ngôn ngữ. Rằng đó là tại vì anh coi trọng ngôn ngữ quá. Rằng anh muốn phá tan ngôn ngữ còn muốn phá tan chính Cuốn Sách là cái biểu tượng cái thể tích thường hằng được chấp nhận cho ngôn ngữ, cho thơ.

Anh Đinh Hùng, cái “ca” đặc biệt của Bùi Giáng trở lại trong trí tưởng tôi lúc này tôi nói chuyện với anh về những cõi ngôn ngữ dị thường ấy là những cõi ngôn ngữ thi sỹ. Nếu Breton định nghĩa cái đẹp như một bàn hoàng, bàn hoàng đó đã sấm sét, đã địa chấn bao nhiêu năm dưới trời siêu thực, và nếu ngôn ngữ ở Bùi Giáng là những lượng chất nổ thả dần bằng những ngón tay thơ rất dỗi dẹo dàng vào cái tôi nhìn thấy rõ nhất ở Bùi Giáng là một cõi tâm linh mê ngất – chúng ta đã thấy nhưng không thể tan tành và toàn vẹn bằng, ở cõi thơ trái điên và mật đắng của Hàn Mặc /từ- tôi muốn nhìn thơ anh, như nỗ lực một đời của ước muốn đến với cái phía bên kia đã mất của thực tại. Đó là cái nỗ lực cài dính trang trọng lên một nền trời những vì sao đã rụng. Sự vật tất yếu nằm trong vận động của một sinh thành và một hủy diệt. Quy luật ấy, đích thực anh đã không chịu chấp nhận nó. Đã muốn phản chống lại bằng thơ. “Khi miếu đường kia phá đổ rồi. Ta đi về những hướng sao rơi.” Trời thơ anh nằm gọn trong mười bốn chữ đó. Giữa một thời đại ào ạt vươn tới những biển vàng chưa gặp. bây giờ người ta đã nghĩ đến những ngọn cỏ đường

cho năm 2000, vẫn có những nhà bác học nghiêm túc phủi đi những bụi phấn trên một đồ vật chôn vùi cũ bằng đất nung. Cho sáng rõ trở lại cái nghệ thuật tạo tác của một hơi lửa tiền sử. Anh là một trong những nhà bác học đó. Vấn đề tưởng rằng lớn lao và ngọt ngào nhất cuar hti ca là ngôn ngữ không đặt ra với Mê Hồn Ca và Đường Vào Tình Sử tiên thiên tuy cũng là một nỗ lực biểu hiện tới tận cùng một định mệnh ngôn ngữ. Nhưng ngôn ngữ với Đinh Hùng đôn hậu, ngoan ngoãn. Nó chỉ là một phương tiện. Cái phương tiện dẫn đi. Cái phương tiện chở về.

Vào thơ anh trước hết tôi nhìn thấy một vũ trụ một thế giới không tiếng động, không ánh sáng, Nó là một cánh rừng chết. Im phắc. Rất đen và rất đêm. Rồi lửa thơ ngang đầu, thi sỹ đi tới. Thi sỹ vào. Đánh thức những bản bật. Lay tỉnh những thiêm thiếp. Gõ cửa những chôn vùi. Như một ngọn đèn pha trên một con đường tối, ánh sáng lướt. Những sự vật hiện. Nhặt những “sao rơi” anh đang cài đính từng chùm một, lên một nền trời đã nghìn triệu năm tắt nghỉ mọi cuộc đời tinh tú. Người ta bảo thơ Đinh Hùng là một thất bại trong ý hướng tạo dựng và làm sống lại một thế giới đã vĩnh viễn tịch mịch. Người ta nói Đinh Hùng không làm sao đón được đời sống vào vũ trụ mình giản đơn là bởi vì cái vũ trụ đó không có. Tôi muốn nghĩ khác.

Tôi muốn nghĩ khác. Tri thức và trầm tư nơi một bản thể rục rờ như Đinh Hùng, ít nhất cũng là đã mở được những cửa ngõ hòa nhập dư thừa vào hằng cửu và tạo vật, hiểu được thế nào là chân thân kia của một hạt cát sông Hằng, tri thức đó nhất định không đến nỗi rơi ngã vào ảo tưởng mùa lòa về những cái đã chết, đã mất, phải làm cho sống lại. Bởi không thể. Cài đính trang trọng những nhánh sao rụng lên một nền trời kia, ở Đinh Hùng chỉ là đốt lửa đêm cho cuộc đời nhìn thấy cái mặt sắp kia của một đồng tiền. Cái mặt không reo không

nhảy. Cái phía đã im phắc. Đã bắt động. Đã thành tượng.

Thành tựu của thơ Đinh Hùng ở nơi anh tạo được những vì sao rụng trên mặt cỏ hằng cữu. Và không, khi nào “miếu đường” không phá đổ được miếu đường còn đứng đó, cản ngăn đường ngưng về một hướng sao rơi. Thơ ở một phía khác thơ Đinh Hùng, thơ ngợi ca đời sống, thơ đầm ấm hơi thở, thơ tươi tắn máu hồng, thơ trái tim trên tay, thơ như một thâm nhập tràn đầy và dữ dội của ngôn ngữ, thơ trên mỗi tảng đá, mỗi ngọn cỏ, để lại cái dấu khắc đau đau tươi màu của hiện hữu và tri thức người, khác ở nơi nó không vấp phải một miếu đường nào. Sao cũng rơi trên chúng ta đầy chữ. Nhưng sao rơi gần. Với Đinh Hùng, đã cách một miếu đường thực tại, sao còn nghìn dặm.

Thả hòn đá xuống một lòng giếng thăm, vang vọng mất biển. Ném ngôn ngữ đi quá xa tới những vùng trời biệt tích ngoài mình, ngôn ngữ biệt tích luôn. Mê Hồn Ca tuyệt nhiên không đắm say cái ý tưởng mù lòa làm sống lại những đồ vật đất nung được tạo tác ngày nào bằng hơi lửa tiền sử. Chỉ Đinh Hùng muốn dẫn chúng ta tới đó. Tới những cõi chôn vùi. Tới những trời hủy hoại. Tới một lối đi xưa. Tới một cửa đền cũ. Cái khác là chúng ta đã tới và đã trở về. Riêng Đinh Hùng ở lại.

Anh Đinh Hùng, bây giờ thì với anh miếu đường kia đã đích thực phá đổ. Tôi nhìn thấy trời thơ anh sáng dần. Thi sỹ đã tới. Trên một nền trời kia, từ một bàn tay ấy, những vì sao đang được khoan hòa và trang trọng đính cài lên. Cảnh tượng này đối với tôi và với thơ, đã dư thừa một cảnh tượng kỳ ảo.

(KH số 17)

MAI THẢO HOẠT CẢNH

Một buổi tối, từ một tiệm ăn ở đường Lê Lợi đi ra, tôi đã đứng lại với một người bạn ngoại quốc, một lát, trước cái bồn nước của bùng binh Nguyễn Huệ. Hôm đó là một buổi tối thật đẹp trời. Sao dãi lân tinh trên đầu chúng tôi. Từ ngoài bến Bạch Đằng, không khí thoáng mát thênh thang chờ tới những con thuyền đầy của gió. Một bầy trẻ nhỏ đứng vây thành một vòng đai đặc kín lấy cái bồn hình tròn, ở giữa là những cây nước chảy ngược chiều, nở tung thành phơi phơi một trận mưa hoa. Từ mấy tháng nay, phía sau lưng pho tượng hai người lính thủy quân lục chiến cao ngất cầm súng hướng về mặt tiền tòa nhà Quốc Hội, những người làm công tác vẽ những đường son và kẻ những nét lông mày mỹ lệ cho khuôn mặt thành phố, đã cho nước chảy ngược lên trời ở bùng binh này. Nước nở hoa. Nước khiêu vũ. Và cái hoạt cảnh ngoạn mục tối tối, chiều chiều, đã cuốn hút được cái nhìn mê thích của hàng nghìn em nhỏ. Người lớn nữa. Người lớn cũng thích. Những buổi sáng Chủ Nhật, đi qua khu ngã tư này, tôi đã nhìn thấy những người lính trẻ của chúng ta, những người lính sáng láng, đỉnh ngộ, về từ Quang Trung, về từ Thủ Đức, dắt tay người yêu, ngắm nhìn nước múa. Nhiều đêm mưa, tôi còn thấy, tuy đám người lớn tuổi đã bỏ đi nhưng bầy trẻ nhỏ thì vẫn còn đứng lại. Những mái tóc lên sáu lượt thướt. Những cặp mắt thỏ non mở lớn. Đám nhi đồng thành phố chịu trận mưa rào, đứng đó, nắm chặt tay nhau, nhìn nước ngược chiều, khiêu vũ giữa không gian.

Người bạn ngoại quốc khi nghe tôi thuật lại là chiều chiều, khi nắng Saigon đã nhạt trên nóc những tòa nhà chọc trời, bao giờ cũng có một đám đông thuộc đủ mọi lứa tuổi của chúng ta đến ngắm nhìn cái cảnh tượng nước chảy ngược chiều như vậy, đã lấy làm ngạc nhiên lắm. Thành phố anh có không biết bao nhiêu cảnh tượng ngoạn mục gấp nghìn lần hơn nữa, anh ta nói. Những cây hoa nước này tầm thường, có đẹp nhưng đẹp chẳng bao nhiêu, anh ta nói, thế mà trẻ nhỏ và người lớn ở đây đã lấy làm thích thú lắm sao?

Xong câu hỏi, người bạn khác biệt với tôi một vùng trời sinh trưởng đã bỏ đi, để mình tôi đứng lại. Tôi đứng lại, tôi nhìn, một lần nữa cái hoạt cảnh của nước chảy ngược giữa bùng binh kia sở dĩ chiều nào cũng có hàng trăm người tới ngắm, bởi vì chúng là hình ảnh khao khát, biểu tượng của một chờ đợi. Hoạt cảnh của nước mùa là một cảnh tượng thái bình. Và dân tộc chúng ta, từ hai mươi năm nay, đã chỉ nhìn thấy những hoạt cảnh khác. Phải, từ hai mươi năm nay, trẻ nhỏ, người lớn, nhi đồng tóc xanh và phụ lão tóc bạc của chúng ta, đã chỉ được nhìn thấy những hoạt cảnh rừng rợn. Tôi cũng vậy. Quá khứ và hồi tưởng tôi, từ hai mươi năm, trong muôn vàn cảnh tượng, chỉ toàn khắp, chỉ kín trùm những cảnh tượng chiến tranh, mà không hề có ghi lại được, dù là thấp thoáng, dù là khoảnh khắc, một cnahr tượng hòa bình. Tôi đứng nhìn nước mùa. Và tôi đã nhớ lại. Hết thấy. Trong một lần. Nhớ lại, trước hết là cái cảnh tượng của Hà Nội lúc thiên đô. Cây sập sau lưng. Nhà cháy bốn phía. Chiến lũy dựng trên những đường phố. Giao thông hào đào trong những lòng nhà. Trên những con đường mở ra năm cửa ô, những bầy người thất đảm kéo nhau đi, với những ngày tháng núi rừng điêu linh đợi chờ trước mặt. Ra khỏi thành phố, những cảnh tượng hãi hùng đồng loạt của chiến thời mưa bão, phơi bày kín đặc theo từng dấu chân. Những cây cầu đổ gục chết

chìm theo những giòng sông là mộ. Những con đường đào. Ụ đất cao ngất. Hầm hố chữ chi. Cầu khỉ chênh vênh vắt qua những vực thẳm choáng váng. Những phiến kính vỡ nứt nở, óng ánh nằm trong cỏ hoang ngút ngàn trên những thành phố tiêu thổ tôi đã đi qua. Những bụi thềm rêu phong, những vườn hoang và những bờ dậu đổ, những bức tường tàn tạ và những thân cây cụt đầu, ở những thị trấn ven đường tôi đã dừng chân lại. Nói đến hai mươi năm, hai mươi năm đau khổ vô chừng, nói làm sao cho hết. Những dấu tích cũ hủ hoại tan nát, lỗ chỗ trên toàn khắp hình hài và tâm thể ba miền đất nước, là bấy nhiêu hoạt cảnh quái đản của một trường kịch tối đen của chúng ta đã nhìn ngắm, như thể suốt hai mươi năm trời, chưa cần nói đến những người chết. Đừng nói vội đến những quan tài, đến những lòng huyết, cái chiều dầy của những tờ khai tử, cả chiều cao của những tử thi. Hãy chỉ nói đến những xóm làng, những con đường, những thửa vườn, những cây cầu, những vi tường, những sự vật và những tinh vật mang tên Việt Nam, những hoạt cảnh phơi bày trước tròng mắt mê hoảng của chúng ta, hết thấy chỉ là những hoạt cảnh khốc liệt an nát, của một cơn mộng dữ kéo dài chưa dứt.

Anh bạn ngoại quốc, tôi nghĩ anh đã hiểu tại sao, những vòi nước chảy ngược trên bùng bình kia, những vòi nước tầm thường chỉ mới là một chút đỉnh biểu tượng cho một cảnh tượng hội hè và một không khí thanh bình đã những tàn nắng và những đêm sao của Saigon thu hút được một đám đông cả những người lớn cả những trẻ thơ chúng tôi như vậy. Hai mươi năm nay, tên quê hương của lục bát, xứ sở của ca dao, vòm trời của đũa son và của ngôn ngữ năm châu, tại chúng tôi đã đầy chật những tiếng nổ, mắt chúng tôi đã ngệt ứ những hình ảnh rợn người. Chúng tôi thèm khát những tiếng động khác, bình yên hơn. Như tiếng chim trên mái

nhà một ban mai thức dậy, tiếng suối lăn trong đá, tiếng gió trong cây, tiếng cười trong nắng. Chúng tôi đợi chờ những kinh ảnh khác, yên tâm hơn. Như hình ảnh của cỏ non trong vườn, biển trắng ngoài đồng, đứa trẻ trong nôi, và như lời một bài hát mới: “giây thép gai đã hết rào quanh đồn phòng ngự.” Hòa bình mới có được, thành phố này sẽ hết đi cái cảnh tượng biển người. Thôn dã Việt Nam mất an ninh, hàng triệu người của làng xóm và ruộng đồng đã phải tới đây. Chuông vàng hòa bình mà đóng lên, họ sẽ trở về. Với ngô. Với hoa. Với đất. Với cỏ. Hai mươi năm nay, người dân quê Bắc Ninh mỗi mùa xuân còn tưởng nhớ một dáng đu bay và người Nam Định tương tư cái hình ảnh cao vút của một cây nêu Nguyên Đán, và người Châu Đốc thì thiếu cái tràn đầy của Cửu Long bát ngát và người của Thừa Thiên đi tới đâu, cũng không xa được bóng nước Ngự Bình. Hòa bình mà có được, tôi cũng sẽ trở về. Nằm dưới mái hiên cũ. Nhìn lên hình cây xưa. Thăm một con thuyền nhỏ, viếng thăm lại những bến bờ thơ ấu. Buổi chiều tôi sẽ ra đứng đó, trên cây cầu gầy bấy giờ chắc đã được vớt lên cho hai nhịp nối liền qua một giòng sông. Gió chiều từ biển xa thổi vào. Hết bóng những máy bay phản lực gần rú tan nát, không gian thôi tiếng súng chỉ còn êm ả tiếng sáo diều bắt tận; và những ngọn cỏ không xém nữa, và những cánh cây không khô nữa, sẽ mọc rất xanh thành một cảnh tượng xanh lam. Vì khi đó, sao sẽ sáng hơn trên một nền trời mới. Và đêm thôi giới nghiêm, đêm dài đủ cho những giấc mộng dịu dàng.

Cho tới những giờ phút này, Việt Nam còn đánh trận. Từng người, từng người còn những đường lửa và những ngõ khói đi tới. Giây thép gai vẫn rào quanh đồn phòng ngự. Những nghiêng hết định mệnh vào chiến tranh, mà cái khả năng tâm hồn và đời sống dành cho hòa bình tương lai, khả năng đó xanh ngắt trong ta, vẫn còn là một kho tàng nguyên vẹn. Tôi nghĩ cái kho tàng

còn nguyên vẹn này là điều kiện bảo đảm rục rờ và yên tâm nhất cho hòa nhập rộng lớn của chúng ta vào đời sống khi đời sống có hòa bình. Phía bên kia, không phải như vậy. Chỉ ở phía bên này, chúng ta có được hành lý cho cuộc hành trình ngày mai.

(KH 24)

TUỆ SỸ

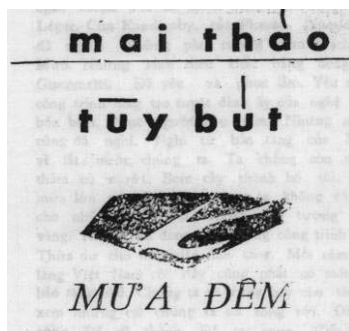
Nhớ tuổi vàng

Đôi mắt ướm tuổi trẻ vàng cung trời hội cũ
Áo màu xanh không xanh mãi đời hoang
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ
Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn

Từ núi lạnh biển im muôn thuở
Đỉnh đá này hạt muối đỏ chưa tan
Cười với nắng một ngày sao chóng thê
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng

Đêm tóc bạc tuổi đời chưa đủ
Bụi đường dài gót mỏi đi quanh
Giờ ngó lại bốn bức tường ủ rũ
Suối rừng xa ngược nước xuôi ngàn.

(KH 27)



Trận mưa đầu mùa nào cũng dấy lên bất chợt, về đêm. Trong tĩnh mịch hoàn toàn. Lúc khuya nghiêng về sáng. Mưa đổ. Giữa chiêm bao chập chờn chưa dứt mộng. Mưa bay. Trên bàn bật giấc thiếp lãng quên đời. Qua những ga sao và những trạm trời, chuyến xe mưa lẫn bánh sâu của một nghìn hạt lệ, chở theo nó những tầng cao và những không gian, thường, bằng đêm, đến với cái bến đất này như vậy. Êm ái mà bàng hoàng. Dịu dàng mà kinh động. Từ một đáy vực, bỗng ào ạt kín trùm lên giấc ngủ ta.

Khởi dấy này, như mọi hiện tượng khởi dấy khác là một giọt sương hoa nửa năm tròn trong quy luật thường hằng của tạo vật. Bởi ngày là của những thể hiện. Trên một bề mặt. Đêm mới là của những báo tin, những đánh thức, thành hình. Từ một chiều sâu. Cấu thành của một giao hợp, bắt đầu nào của đời người cũng thế. Không giữa một trưa vàng. Mà từ một đêm kia. Đóa hải đường thức ngủ và nhành thược dược mơ màng thụy vũ trong cái cõi thơ lạnh và khuya cực điểm ấy của Nguyễn Gia Thiều cũng là cái rừng mình lướt thướt kỳ ảo của một trận mưa đêm. Một trận mưa đêm đánh thức. Làm mới. Cho héo hon kia bỗng sáng lóa mặt trời.

Tĩnh thức trong đêm, bằng đánh thức của mưa, giác quan còn hoài nghi thoát kỳ thủy là cái gợn gợn mơ hồ

của một đụng chạm phẳng phất. Như có. Như không. Như mới đó mà. Như vừa biến mất. Giọt thứ nhất, nhấn chỉ nửa vơi. Và bỏ lửng. Giọt thứ hai thêm một chút thăm dò. Một giọt phân vân, một giọt lưỡng lự, đã những giọt vàng nghìn triệu mưa theo. Nằm nghiêng tai, nghe những chân mưa hững hững hờ hờ rồi trùng điệp tới, cảm giác kỳ thú nhất là thay vì một im lặng nào trước đó một giây, mưa đã làm thành một im lặng mới. Mênh mông. Thứ im lặng vẫn nghe thấy nơi phía sau của một nhịp động đều. Như tiếng động nào cũng rơi trên một cái nền im lặng. Rồi mưa. Tật lớn. Lấn chen. Cuồng quýt. Thành tràn ngập tường. Thành lênh láng mái. Thành rũ rượi lá. Thành lướt thướt đường. Suối chảy trong nhà. Biển đầy quanh gối. Người xem như đã chịu trận là lúc trời xem chừng càng làm dữ hơn lên. Cái nền im lặng mất biến, trôi băng đi. Và lúc đó, mưa rất tươi, mưa rất hồng, đã nhịp trống rền trong ta dậy dậy.

Mưa sinh động, mưa nhiều bộ mặt. Chỉ những trận mưa nhỏ nhỏ mới buồn. Thứ mưa chưa đi làm mờ một ánh mắt. Thứ mưa thiếu thảng, gầy và xanh, không đánh ngã nổi những hạt bụi trên một khung kính. Đó là thứ mưa đàn bà, thứ mưa thở dài, khiến hồn người vì thế phải mưa theo, bằng thả ra giữa lát phất trời, những hạt lệ tâm sự. Bằng đọc lại những tờ thư cũ. Mưa thật lớn, cái trận dạt dào không cúi đầu thương. Mà trán cao, mặt ngửa, ngực bồng, mưa hát. Mưa tới tận cùng sức mưa mưa được, bao giờ cũng là cái trạng thái sáng khoái vạm vỡ không cùng của một tràn ngập hân hoan.

Kỷ niệm tôi có đổ xuống, bay qua, đọng lại, không biết bao nhiêu lần mưa Hà Nội. Những trận mưa vừa, lẫn giữa mùa nước. Những trận mưa phùn, thì thăm không dứt. Những trận mưa chiều, lẫn vào bóng tối. Ra trước điện đường. Động trên vành mũ. Những mưa đêm, mọi cửa ngõ hôn đón hết mưa vào một nghìn chân tóc, tới sáng rồi còn cái lưới mưa đan. Mưa Hà Nội của một tuổi

còn lãnh mạn, rõ luôn từng giọt trong tách cà phê. Không đậu xuống mái nhà mà đậu trong lòng. Đã có được cái chiều ngang tường tượng của một bức màn, còn có được cái đường cong mơ mộng của một đời dương liễu. Mưa nghiêng trên Hàng Đào. Mưa trôi vào Hàng Quạt. Chụp mũ ngọc trên ngọn cỏ đầu ô Quan Chương. Đem Hồng Hà lên trắng xóa dốc Long Biên. Nhặt nhòa Hồ Tây, mịt mù Yên Phụ, mưa Hà Nội bay. Sang từ Gia Lâm, rất ướt át những toa tàu chờ hàng, tới từ ga, Hàng Cỏ, rượt theo những đường sắt, mưa Hà Nội đẹp. Đi thành bảy chữ trong thơ Trần Huyền Trân. Rượu rồi nâng cổ áo lên cao. Chở núi rừng về, bằng Huy Cận nhớ bạn. Mưa Hà Nội chuyển lưu theo một nhịp mùa, nhưng thực phẩm anh ăn, mùa nào mưa nấy. Nhưng lớn, nhỏ kiểu nào, thì người Hà Nội cũng không bao giờ quên được những trận mưa xuân. Một giọt kia trên một nhánh thủy tiên mới gọt, một hạt này trên một lộc đào vừa hé cánh. Thành phố là một sàn nhảy cho mưa tháng giêng khiêu vũ một mình. Múa, uốn và lượn. Một hạt ngọc ném đi, rất tròn, lại thu về thành những đường tơ trắng vút. Đùa nghịch trong không khí, bay ngược lên cao trời, những cánh bướm và những tà áo uyển chuyển ấy là cái hình dáng rất âm nhạc của mưa xuân Hà Nội. Thứ mưa làm cho một cô gái Hàng Bạc muốn mặc áo nhung. Ra đường. Thứ áo nhung nà còn óng ánh thêm một lần kim tuyến.

Trận mưa lớn đêm qua có phải là trận mưa vào mùa đấy không? Có lẽ. Vì tôi đã thức dậy đêm qua với một cảm giác rất mùa. Và bởi vì tiếng mưa tôi nghe, còn nghe thấy rất xa, trên một bến bờ im lặng.

(KH 7)

NHỮNG NGÀY CUỐI NĂM

NHỮNG ngày cuối năm, cõi tâm thức thường ngày bình lặng lại bất chợt dậy động xao xuyến vô cơ, với tôi, chừng như cuối năm nào cũng vậy. Cái chông chênh của thời tiết chuyển mùa, một giọt nắng tàn, một hơi gió thoảng, một tiếng động nhỏ, rất cao, ngoài trời, hạt im lặng thành linh trong suốt, từ một sợi đến một chớp mắt, hết thấy những sự việc nhỏ tầm thường, vô nghĩa ấy của một thường nhật bằng phẳng không chuyện, tới những ngày cuối năm bất chợt gọn gọn trước mắt, xôn xao trong trí, xao xuyến trong hồn thành ý nghĩa khác. Và riêng. Tâm trạng lạ thường này mỗi tháng chạp với tôi là một lần có, như sự trở ngại của gió mùa, một đợt gió mùa khô sắn, dịu dàng và buồn bã. Trong tôi, một kẻ gây rối nào đó đã thức dậy, mơ hồ với tôi về liên hệ giữa mình và cuối năm như thế mà không bao giờ đích thực tìm hiểu ra nguyên nhân. Chỉ chứng như nhịp đời tới. Đoạn đường cuối chót mãi miết, xô chen hơn. Và con sóng lớn dậy bất thường của nó, đã đẩy dạt tôi xa thêm chút nữa trên một đường đi. Chỉ chừng như những tờ lịch mỏng dần, cái vít kim đóng gáy lịch chìm lặng trong một chiều dày của giấy đã hiện rõ, có mang trong nó nghĩa một ngậm ngùi. Và còn hình như cái khoảng trống lớn là năm mới phía bên kia, khoảng trống đó lồng lộng gió sáng, dào dạt mưa chiều, tôi là kẻ lữ hành ngại ngùng tới gặp, chỉ muốn quần quanh trong cái bình năm cũ quen thuộc.

TÔI sửa soạn rời khỏi một tòa báo. Lúc này là bảy giờ. Đèn đã tắt. Quạt trần trên đầu đã ngừng quay. Một bài

viết nữa trong cái Sổ Nhiều thờ ơ quên lãng của những bài viết trong năm, lay lắt từng trang, miễn cưỡng từng hàng, cuối cùng cũng được viết xong. Tôi đẩy mấy trang giấy có văn chương và hình tích một đời ra đầu bàn, chỗ nhất định của bản thảo cho người tùy phái một tờ báo ngày sáng mai tới lấy. Buổi chiều cuối năm xuống ở phía sau lưng, đang rất lặng lẽ đặt cái bàn chân mệnh mông vô hình của chiều lên một thành cửa sổ. Căn phòng tòa soạn tối lại. Tiếng gầm gừ của những cỗ máy đen nặng từ nhà in phía dưới đều nhịp vang lên. Đầu óc trống rỗng, tâm thể u uất, tôi châm một điếu thuốc lá, có gọi lên bằng thần kinh nhòa trùng của mình, một vài hình ảnh, đề sống với chúng. Sống với một vài tiếng động. Sống với một vài hình ảnh. Trông mắt choáng váng thả xuống cái điểm lửa sáng lên trong cách biệt tối thăm của một điếu thuốc, với một ý nghĩ về cuối năm xám ngắt trong đầu, tôi nhìn thấy trước hết một quầy hàng.

ĐÓ là cái quầy hàng của một người mại bản Phúc Kiến trong một tiệm chuyên chở hàng hóa Trung Hoa trong đường Khổng Tử Chợ Lớn. Nhiều năm trước đây, tôi đã ngày ngày đưa một chiếc xe vận tải bảy tấn tới cửa tiệm này, nhận hàng, đưa hàng ra giao cho những đại lý của tiệm ở mấy tỉnh miền Nam Trung phần. Cửa tiệm buổi sáng nhộn nhịp, hàng hóa chất đông, ra vào không ngớt. Tối buổi chiều một chuyến xe đã chở hết hàng lên đường, kho hàng trần trụi mệnh mông, chỉ còn người mại bản Phúc Kiến ngồi một mình sau quầy với một cuốn sổ lớn. Cái quầy cao, vây bọc lấy người ngồi bên trong như một hòn đảo. Chiều Chợ Lớn vào những giờ phút phai tàn của sinh hoạt cũng hắt hiu, xa vắng như một buổi chiều thôn quê. Một cái quán giữa đồng. Một quán chợ không người. Những rác rưởi lẫn lóc. Những chó mèo lang thang. Nắng chiều thoi thóp. Gió lộng trên bờê. Trời cao vút, mắt hút. Cảnh tượng thô lương dàn

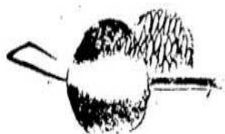
rộng, lặn lặn, chìm chìm đó, tôi cũng thấy, với người mại bản Tàu biệt xứ ngồi cô đơn sau một quầy hàng. Mỗi chiều, y tính sổ một lần. Máy tính lách tách. Sổ lật từng tờ. Những con tính trừ phân minh. Những con tính cộng chính xác. Bóng tối xuống dần. Kho hàng u minh. Chỗ ngồi cách biệt. nhưng mà người mại bản Phúc Kiến thì hình như không còn nhận thức nào khác về đời sống đã chiều, về cửa tiệm đã vắng, về bóng tối đã lắng, về không khí đã lạnh, ngoài những con số trên cái bàn tính lách tách nhầy nhót không ngừng.

CHIỀU nay, ngồi một mình trong một tòa báo, với điếm thuốc lá làm điếm tựa cho một thần trí thẳng thốt, tôi thả từng ngum, bóng tối của một tà dương cuối năm xuống hồn mình, cũng đang bắt gặp tôi với một bàn tính, một cuốn sổ. Như người mại bản Trung Hoa sau cái quầy hàng ở đường Khổng Tử kia. Sống, trên một phương diện tích cực nào của sống, là tích lũy những kinh nghiệm, tập hợp những dữ kiện, trong đêm tối đốt lên một ánh lửa nhận đường, trong sớm mai lựa chọn một phút khởi hành tốt đẹp đặt bước chân tới chính xác bằng giao nghiệm lại những bước chân cũ và những đoạn đường đã đi qua. Tôi biết vậy. Tôi muốn tính sẽ chiều nay, cho mình, cho đời, cho cái riêng của tôi, cho cái chung của người, bằng toán học tích cực đó của một thái độ nghiêm chỉnh và đi tới. Nhưng ngày đã chiều, lưới ngày đã tím, một năm nữa của đời đang tàn, thời gian mù sương, và cho một đáp số vui, những con số màu hồng chiều nay không có. Những hình ảnh khác hiện lên. Mỗi cuối năm đều tro tro như một cây rạ chết cứng giữa cánh đồng rộng, mỗi tháng chạp đều có cái tiếng sóng trầm trầm của hư vô lắng dâng vỗ đập vào những bờ bãi thần trí chập chờn. Và mỗi buổi chiều, mỗi buổi chiều cuối năm, tôi đều chỉ nghe chỉ nhìn thấy như một thả giọt không tiếng vào một cái đáy không cùng, không cùng và mất hút.

DỤI tắt điều thuốc lá, bởi tâm thức phóng túng không thể có một điểm tựa nào hết, bỏ lại những tờ bản thảo trên một đầu bàn, khoác tay một thàng chạp ưu phiền, tôi đi xuống cầu thang. Tầng dưới. Đèn vàng vọt trên những cỗ máy đen nặng. Máy gầm gừ từng nhịp. Giấy lăn theo từng tờ. Máy đẩy giấy quay nhanh, cho từng giòng chữ hiện. Bóng tôi xuống đời sống, chiều đi vào văn chương. Thung lũng thời gian cở đại ngút ngàn lại đan khơi đào thêm một cái vũng cuối năm xao xuyến. Lách mình trên một lối đi nhỏ chật, dưới ánh đèn chiều vàng vọt đuôi theo, tôi mở cửa ra đường. Chiều thành phố không có một phiến lá nào rụng xuống. Nhưng lá rụng đầy trong rừng hồn người. Tôi đứng trên hè đường. Nhìn trời. Trời vô tình trên những mái nhà. Gió cuối năm đầu đó, trên những khoảng trống mệnh mông đang lờng lờng thổi. Mưa cuối năm đầu đó, đang bay nghiêng vào đời. Lạnh cuối năm đầu đó, đang từ đất dâng lên. Tôi nhìn khuôn mặt những người đi đường,. Những khuôn mặt chiều cuối năm này, còn xa lạ lắm chiều, khép kín, mù sương, chạp chờn, cách biệt hơn những buổi chiều hôm trước. Tôi nghĩ lát nữa, chờ một ánh đèn xanh cho phép qua đường, tôi sẽ đi tìm mấy người bạn. Làm như Trần Huyền Trân. Rượu rồi nâng cổ áo lên cao. Chờ một vì sao lên. Sống tiếp với đời bằng một tâm tư từ một bình diện khác.

(KH 36)

THƠ VĂN TRÍCH TỪ KHỞI HÀNH



PHẠM VĂN NHÀN

trong khoảng thời chiều

Thư quay qua người trung sĩ dạo dò một vài điều cần thiết trong đêm. Tiếng người trung sĩ dạ nhỏ rồi xách súng đi xuống những bậc thềm của ngôi nhà gạch đỏ nát. Buổi chiều sắp lặn sau những hàng tre bên kia sông. Dòng Cà Ty trước mặt anh như sắp chìm lẫn vào trong bóng đêm mất hút.

Thư mỗi tiếp điều thuốc đi vào trong ngôi nhà gạch. Ngôi nhà bỏ hoang có lẽ đã lâu lắm cho nên có mùi ẩm của mốc meo. Một mùi ẩm nghe khó chịu và lạnh như trong nhà mồ. Anh hỏi người lính xem còn có cây đèn cây nào không. Hắn lục trong xách ba lô và lấy ra cây đèn cây. Thư mỗi lửa. Ánh sáng từ cây đèn cây rọi hắt vào những gương mặt bơ phờ, mờ ảo. Vách tường loang lổ những vết đạn. Từng mảnh vôi tróc ra để lộ những viên gạch màu đỏ sẫm, sần sùi. Không gian thật âm u trong ngôi nhà hoang này. Âm u như trên từng gương mặt của những người dân vừa mới bắt được khi chiều.

Ông trung sĩ Ba kéo cái ghế đầu mà ông tìm thấy đầu đó đến cho Thư. Anh ngồi xuống ghế và hỏi:

- Anh cho anh em canh gác cẩn thận chưa?

- Dạ, xong hết rồi thiếu úy.

Anh yên tâm đảm nhiệm của mình. Và mong sao đêm qua nhanh. Bây giờ anh mới nhìn những người ngồi trước mặt anh. Những gương mặt mét xanh. Những cặp mắt lác thần, âm u không còn cái lạnh lẽ. Thử hỏi người đàn bà có chữa ngồi trước mặt anh bên cạnh người con gái có mái tóc dài mà hồi chiều anh không để ý đến những người bị bắt. Anh chỉ nghe trung sĩ Ba nói lại là bắt được gồm 20 người. Anh báo về ban chỉ huy xin lệnh. Hãy tìm một nơi nào đó giữ họ và chờ ngày mai. Đêm nay, 20 người ngồi trước mặt anh. Hai mươi con người như anh, từ lâu, đã bị loại. Anh hỏi người đàn bà có chữa:

- Tôi nghe ông trung sĩ nói chị không chồng sao có chữa. Tôi hỏi thật, chồng chị đâu?

- Trăm lạy quan thầy, em nói chồng em đi lính quốc gia.

- Chồng chị đi lính sao chị không theo chồng mà lại ở trong vùng bị chiếm?

- Dạ, con nghe nói anh đi lính ở đâu ngoài Bình Định.

- Ở xa như vậy mà sao chị mang thai 5,6 tháng?

Một vài tiếng cười của anh em lính đứng gác gần đó. Người đàn bà nghe hỏi, cúi xuống mân mê vạt áo bà ba đen, đôi dép trong chân của chị buông ra trên nền nhà ẩm. Phú ngồi bên cạnh Thử nóng nảy, nói:

- Thiếu úy để cho tôi. Đ. m giờ này mà còn nói láo. Chồng nhảy núi thì nói nhảy núi. Đi lính quốc gia! Đ. m đi lính cho Vẹm thì nói ngay cho rồi...còn cô kia?

- Ông gọi tôi. Người con gái ngẩng đầu lên hỏi.

- Cô làm cái gì trong vùng này.

- Tôi không làm gì hết.

- Mày lại bướng với tao phải không? Thiếu úy cho tôi mang nó ra ngoài là nó khai ngay thôi.

Thử ngồi im lặng trên chiếc ghế đầu hút thuốc. Dựa lưng vào vách tường. Bên ngoài trời tối đen như mực.

Anh tự thấy chưa bao giờ anh sợ bóng đêm như hôm nay. Anh cố nhắm nghiền đôi mắt mơ màng bên khối thuốc lá...Anh thấy ghê tởm câu nói của Phú: mang nó ra ngoài là nó khai ngay thôi. Anh hiểu câu nói ấy. Giá lúc này anh có rượu để uống một cốc. Anh im lặng không thể nào trả lời câu hỏi xin của Phú. Một tiểu đội trưởng gan dạ trong đơn vị của anh. Bàn tay phải anh vuốt nhẹ trên báng súng M.16. Một sự im lặng nặng nề trong ngôi nhà gạch bỏ hoang này. Anh không ngờ Phú lại có ý nghĩ táng tận lương tâm đến như thế...

Vết thương lòng lại trở về với anh. Phú dục:

- Sao thiếu úy. Cho đàn em trị nó đi chứ?

Người con gái lại càng thấy sợ hơn khi nhìn Phú dữ dằn. Anh nhìn người con gái rồi nhìn Phú, nhìn trung sĩ Ba. Anh lắc đầu, rồi nói: để đây cho tôi. Mai chuyển họ về ban chỉ huy rồi sẽ rõ. Thư không thể nào chấp nhận, cái lỗi chấp nhận của những tên Tây đen rạch mặt của hai mươi mấy năm về trước... Má anh đó. Dì của anh đó. Em của anh đó. Những gương mặt nhor nhóp của những tên Tây đen rạch mặt năm nào như sống lại...Anh còn nhớ một buổi sáng trên rẫy nương, thấy Tây lên cả nhà chạy không kịp nên phải trốn vào bụi dúi bên một cái gò mồi. Thế mà Tây nó vẫn thấy bắt hai người ra khai thác rồi thay phiên hăm hiếp. Hơn mười một thằng Tây thay phiên nhau thỏa mãn thú tính xong thì cả mẹ, cả dì và cả em của anh nữa cũng chỉ là cái xác không hồn. Hình ảnh của mẹ, của em vẫn còn đó thì anh không thể nào thỏa mãn sự yêu cầu của Phú. Bỗng dung nước mắt của Thư như ứa ra. Anh đứng lên, nói:

- Không, không được. Chúng ta không có những hành động khai thác như vậy. Các anh hãy nghe tôi. Các anh hãy để tôi yên. Thư nói có vẻ vừa hằn học vừa tha thiết. Trung sĩ Ba biết tánh anh, im lặng. Còn Phú cũng vậy. Sự im lặng trở lại trong ngôi nhà hoang đầy bụi nhện. Lòng anh se lại như một buổi sáng nào đó trên rẫy

nuơng. Anh quay qua người trung sĩ Ba:

- Anh ra xem anh em gác ra sao. Xem chừng đêm nay đó. Còn Phú lấy tên tuổi của những người này hết chưa?
- Xong hết rồi thiếu úy. Mai chỉ có việc giải họ về là xong.

Thư bắt đầu gọi chuyện với người con gái.

- Tại sao cô phải ở trong vùng này để bị bắt?
- Tôi về thăm nhà thì bị mấy ông bắt.
- Cô ở đâu mà về?
- Ở dưới quận.

- Vậy ai là người bà con của cô. Thư hỏi.

Người con gái chỉ vào người đàn bà có chữa rồi nói:

- Chị của tôi đây. Chị bà con bạn dì ruột.
- Có chắc như vậy không? Thư hỏi.
- Ông không tin tôi đó là quyền của ông, còn tôi có sao nói vậy.

- Cô làm gì dưới quận?

- Đi học. Hôm nay nghỉ về thăm nhà thì bị mấy ông lừa.
- Cô có biết vùng này mất an ninh, sao cô lại còn về.
- Tôi tưởng có Đại Hàn, hơn nữa tôi là gái mà có sao.
- Sao lại không sao. Thời buổi này khổ lắm cô ơi. Giặc già mà cô.

Người con gái nhìn người đàn bà có chữa rồi hỏi:

- Thừa ông, chị em tôi bị bắt như thế này có sao không?
- Chắc là không sao. Mai tôi đưa bà con về dưới đó có gì khai thật, rồi người ta thả về.
- Dạ, cảm ơn ông.

Người con gái nói xong, cúi xuống vẽ những vòng tròn trên nền nhà trong ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn cầy. Thư nhìn thấy trên gương mặt âu lo của 20 người. Những người cùng với anh một giọng nói, một màu da, một dòng máu. Những con người cần cù như mẹ anh, dì anh và em anh. Bây giờ những con người đó đang ngồi trước mặt anh, anh thấy cần phải có một cái gì đó để gần gũi.

Mẹ chàng? Em chàng? Không, mà là tất cả. Chỉ có chiến tranh mới làm cho con người ta thù hằn với nhau, chứ thật ra những con người này có thù hằn gì đâu. Thư ngồi xuống hỏi chuyện với một ông cụ đang ngồi dựa lưng vào vách, có vẻ mệt mỏi:

- Cụ ở đây hẵn là lâu?

- Dạ.

- Máy ông trên núi thường có xuống không cụ?

- Ông hỏi máy ông nào?

- Thì máy ông Cộng-sản đó.

- Ồ! Tưởng ông hỏi ai chứ máy ông đêm nào lại chẳng xuống. Có khi cả ban ngày.

- Không sợ quốc gia lên sao?

- Quốc gia nào?

- Như tụi cháu đây nè. Tụi cháu là lính quốc gia, lính của đồng bào. Đồng bào không sợ gì hết.

- Sao máy ông nói máy ông cũng là lính của đồng bào.

Thư và mấy người lính còn lại trong căn phòng cùng cười theo câu nói của cụ già. Người con gái cũng ngược đầu lên, hất mái tóc ra sau cũng mỉm cười theo những người lính.

Thư hỏi tiếp:

- Đồng bào ở đó cực khổ sao không bỏ đi tìm nơi khác làm ăn?

- Bỏ đi đâu nữa thầy. Tụi tôi sống nhờ chút ít đất để lại. Bỏ đi biết lấy gì mà sống. Xa cái cây cái bừa có nước mà chết đói.

- Thì ở đây cũng chết về súng đạn vậy?

- Quen rồi thầy ơi. Đêm nào cà nông ở dưới quận cũng bắn lên.

- Có khi nào thấy lũ nó chết không? Trung sĩ Ba hỏi.

- Lũ nào thầy?

- Thì bọn giải phóng đó.

- Có chứ.

Thư nhìn bà cụ ngồi bên cạnh người con gái. hỏi:

- Còn cụ, cụ thích quốc gia hay giải phóng?

- Lão già rồi có biết gì là quốc gia là giải phóng.

Người con gái ngồi bên bà lão cúi đầu xuống, tay vẽ những vòng tròn trên nền nhà trong ánh sáng không được rõ lắm của cây đèn cầy. Mái tóc dài phủ trên bờ vai. Anh nghĩ đến Duyên. Nghĩ đến những ngày phép ngắn ngủi. Những buổi sáng trời mù sương hai người đi trên bờ sông. Duyên cũng có mái tóc dài đó. Cũng vóc dáng đó, mảnh mai. Và, đôi mắt. Đôi mắt nhãn lồng đen to. Duyên với những buổi sáng trời mù sương rồi cũng qua đi với những ngày phép cũng hết, anh trở lại với những cuộc chiến, với xóm làng không có người ở, với những cây dừa khẳng khiu không còn bẹ vì thuốc khai quang...Duyên cũng ở trong vùng bị chiếm, nằng theo gia đình bỏ làng mạc về ở khu định cư bên bờ sông. Giá như Duyên còn ở trong vùng bị chiếm thì làm sao tránh khỏi những cuộc hành quân lục soát bắt bớ, hay phải chịu những sự đóng thuế cho những người bên kia. Trăm chuyện rồi cũng trút lên đầu lên cổ người dân, Thư thấy chua xót, ray rứt. Rồi những sự tình nghi bắt bớ. Những cái chết xảy ra thật lẫm ở trong thành phố bởi những trái đạn từ bên kia rớt tới. Cuộc chiến lan tràn. Ba ngày trước anh nhận được thư của Duyên cho hay thành phố bị đến 10 trái bích kích pháo. Có một trái rơi xuống mé sông làm chìm một chiếc ghe máy, khá là khu định cư không sao.

Thư mời tiếp điều thuốc rồi đứng dậy lấy khẩu M.16. Anh nói với đám người bị bắt hồi chiều: bà con ngồi yên ở đây, ai có đi đâu thì nói với lính gác, kéo không họ tưởng làm bắn chết thì ráng chịu. Xong Thư bước ra. Người con gái đưa mắt nhìn theo chàng rồi tiếp tục cúi xuống vẽ những vòng tròn trên nền nhà gạch sập đổ.

(Khởi Hành/ Tháng 1.1970)

TRẦN HOÀI THU



BÊN KIA CẦU

Chúng tôi đến phía bên này chiếc cầu lúc 9 giờ sáng. Chỉ còn một chút nắng yếu ớt từ bầu trời nặng chùng, xám xịt. Phía bên này cầu là ngôi trường làng và tòa miếu cổ nằm trên một mảnh đất rộng đầy cây rậm. Phía sau ngôi trường là một bờ kênh nhỏ và hàng tre đan nhau dày đặc. Thiệu úy Mân, xử lý đại đội, ra lệnh cho đại đội dừng quân. Hắn mới lên xử lý cách đây hơn một tháng, sau khi ông đại đội trưởng bị thương, và ông đại đội phó, thêm trung đội trưởng trung đội bốn ngũ thật. Còn tôi mới xuất viện trở về đơn vị chưa được một tuần lễ. Hắn gọi máy nói các thẩm quyền các trung đội đến ban chỉ huy hợp và cho lệnh ăn cơm tại chỗ. Trí ngồi dựa vào bờ tường của tòa miếu cổ, mốc rêu đen sạm, một tay giữ ống liên hợp, một tay giữ chiếc nón rùng. Trí quay lại hỏi tôi: “Thiệu úy đến gặp thiệu úy Mân”.

Tôi trả lời vậy hả và cầm bản đồ rảo về ban chỉ huy.

Buổi sáng của một ngày mùa mưa làm tôi mơn man nhớ đến một ngọn đồi cao nguyên và quán cà phê sậm tối. Những hạt mưa nhẹ, lất phất trên đầu. Tôi vẫn có thói quen đội đầu trần, để thưởng thức nỗi dịu dàng êm ái của những hạt mưa sương khê chạm vào da thịt. Đám lính thì không vậy. Họ đang trú mưa dưới hàng hiên ngôi trường tiểu học. Những chiếc áo mưa Mỹ rộng thùng thình, những thân người đứng bất động, hầu như thờ ơ với những gì đang chờ đợi, có thể xảy ra trên quãng đường hành quân. Hầu như họ chỉ chờ đợi một tiếng nổ rồi mới biết ý nghĩa của khẩu súng, băng đạn trong tay. Ở trên đường đi dẫn về quận, toán lính nghĩa quân mang súng rời rạc đi. Thỉnh thoảng vài người đi chợ xa, bước vội vàng, và khuất sau bờ tre dày đặc. Những ụ rơm to tướng mập mờ sau các bờ rào. Tôi nói với ông Tướng, trung đội phó của tôi: “ Ông cho anh em dùng cơm, bố trí tại chỗ. Có lẽ chiều về. “ Ông Tướng không đáp, vác súng chậm rãi bước rảo quanh các tổ trung đội. Tròn, tà lợt của tôi, gặp tôi cười: “Cô giáo làng xinh lắm, ông.” Tôi la lên: “Thế à. Để tao tới xem sao?” Phía đầu trường học, đám lính đứng ngó vào trong lớp. Tiếng đọc bài của đám học trò nhỏ vang lên theo nhịp thước. Tiếng đọc như mang tôi về một vùng ký ức ngọt ngào nhưng đầm đầy nước mắt. Cô nhi viện nơi tôi đã sống giữa bầy trẻ quần xanh áo trắng, như một bầy chim riu rít, cùng với những đôi mắt nhắm lại để nghe một bài kinh cầu nguyện buổi sáng buổi chiều. Tôi đứng dựa vào vách hàng hiên. Cô giáo trẻ, mặc áo vàng, gương mặt phẳng phất chút quê mùa đang gõ nhịp thước trên bàn. Không gian đầy những lời học trò đọc bài, nhịp nhàng và tươi vui cùng nhịp thước. Hãy vui đi các em. Cho dù, ngày mai, không biết ngôi trường còn vang lên bài hợp tấu thiên thần của các em nữa không. Và cô

giáo làng của tôi ơi, chiếc áo vàng màu hoa quì nổi bật giữa một lớp học quê như một bông hoa đồng nội. Và tiếng nói của cô thật trong trẻo như tiếng chim mẹ nổi lên giữa những tiếng riu rít của các chim con, với đôi mắt trong sáng mở rộng. Nàng chừng như bắt gặp đôi mắt của tôi, nàng cúi đầu xuống. Kìa, nàng bặm môi, nàng cười, hay nàng làm dáng. Nàng lại gõ thước trên bàn, bắt học trò cùng đọc theo nàng một bài học thuộc lòng.

Có đôi câu tình nghịch, thúc cùi chỏ vào bạn bên cạnh mà miệng thì gào hét. Vâng, các em cứ vui đi nhé, cứ sống cho trọn vẹn tuổi học trò của các em đi nhé. Nàng đã lớn. Nhưng trời gây gây lạnh. Cánh đồng vàng bát ngát. Bên kia cầu hiện giữa màu xanh của dừa, tre là nóc giáo đường. Không có dấu hiệu gì để chứng tỏ là địch có mặt như tin tình báo đã cho biết. Trên đường đi vẫn thấy vài người đàn bà đội thúng mang gánh trở về.

Không biết phòng nhì sư đoàn lấy tin tức ở đâu. Thôi, chẳng cần thắc mắc, bận tâm. Miễn là vô sự, càng tốt. Bình an được ngày nào hay ngày nấy, phải không.

Bây giờ, chúng tôi lại bắt đầu *zulu* (*di chuyển*). Lệnh *go*(*đi*) sớm, để chúng tôi có thể trở về nhà sớm. Trung đội một đi đầu, và trung đội tôi bọc chót. Không có gì đáng lo ngại trong vùng hành quân lục soát. Tiếng cười nói tiếp tục khuấy động cả một vùng. Thằng Hà thấy cô gái quê gánh thúng chuối xuất hiện ở trên con đường làng thì sa ngay vào tán tỉnh. Giọng hấn ngọt ngào: “Em mua chuối về cúng há?”

Cô gái không đáp, lấy nón che gương mặt trắng bầu bĩnh. Giọng Hà vẫn tiếp tục:

”Ngày nay rằm, em có ăn chay không?”

”Cái ông này vô duyên “ Cô gái chột nói. Cả bọn lính cười rộ.

Một đứa la lên:

”Nó có vợ ba con rồi, em ơi”

Một giọng khác phụ vô:

”Đừng tin nó. Tin anh đây em. Anh không có vợ đây em”

Thằng Hà lại hỏi:

”Anh ăn thịt chó, chẳng hay ăn chay được không em?”

Cô gái bước đi vội vàng. Bình Hà vội chạy theo:

”Cho anh về nhà để anh cúng dùm cho”

”Cái ông này vô duyên”

Cô gái tránh được đám lính, vừa đi vừa chạy. Hai chiếc thúng lắc lư theo bước chân. Đám lính nhìn theo cười rộ rỡ.

Khi bóng cô gái khuất sau đám tre trước cổng làng, thì bỗng nhiên một tràng đạn nổi lên ở phía bên kia cầu. Tim tôi nhói lên. Tôi cúi xuống nấp dưới bờ mương. Đám lính dồn cục lại nhón nhác. Rõ ràng chúng tôi bị phục kích hay bị bắn sẻ. Tôi hét lên: Ông Tướng cho anh em bố trí mặt sau đi ! Không cần tôi hét, đám lính đã nhào xuống bờ mô cạnh con kinh tự lúc nào. Trí vừa mang máy vừa nghe. Hấn la lớn: Trung một bị mất hai con rồi. Ngủ thật rồi. Tôi hỏi: Đứa nào đó. Trí lắc đầu, gương mặt tái xanh: Nó không nói. Tôi bò theo con mương. Một thằng lính mới bỏ sung đang ngồi một mình, run rẩy. Tôi đá vào đít nó: Đ M, mày không chạy theo tổ mày à. Tôi nghe văng vẳng tiếng nói: Thằng Tám, thằng Tửu. Trí vẫn chạy đằng sau tôi. Tôi thở hổn hển. Không biết bên kia cầu địch đông hay ít, hay chỉ là vài tên du kích lẻ tẻ. Mồ hôi đã toát rỉ rỉ trên trán. Tôi vẫn chưa biết mình sẽ làm gì. Mọi sự đã diễn ra đến độ sừng sờ. Mới đây, tiếng đọc bài rộ rạng, chiếc áo vàng hoa quì nổi bật giữa lớp què, tiếng thước gõ nhịp vào bàn, và cả bọn chúng tôi đang chờ đợi lệnh rút quân, thì bây giờ bỗng nhiên hai đứa ngã lăn ra chết. Tôi đang chờ đợi. Cả bọn chờ đợi. Tiếng gọi trực thăng tải thương hồi hả trong ống liên hợp. Lão thiếu tá già từ Bộ chỉ huy hành quân đang la lối sao để cho lính chết. Sao không

chịu xung phong. Tôi ra lệnh, phải xung kích bắt cho được thằng bắn, nghe rõ chưa trả lời. Giọng Mận van nài. Xin thẩm quyền gọi trực thăng. Hai đứa con tôi ngủ thật rồi. Phía đầu miếu, viên sĩ quan đề lô bắt đầu gọi pháo binh bắn vào phía làng bên kia cầu. Giọng hấn lớn: Bắc Bình Rạch Giá... Quả điều chỉnh...Đúng rồi... Cho một tràng hai mươi quả. Ở dưới bờ ruộng cạnh chiếc cầu cong vòng bắt ngang con kênh nhỏ, rậm cây, đám lính trung đội một đang ẩn núp và bắn xối xả qua bên kia cầu. Những quả M79 thỉnh thoảng nổ ầm, vang dội, nhúc nhối. Xác hai người lính vừa bị bắn đang nằm úp dưới ruộng, hai tay trải dài. Trí nói đằng sau: Dám bọn nó đông lắm. Trong ống liên hợp, lão thiếu tá vẫn ra lệnh. Những quả đạn pháo binh đã được câu vè sau đó những cột khói đen bốc lên cuộn cuộn. Mận gọi thẩm quyền Phi Long ba (danh hiệu của tôi) cho các đứa con xung phong đầu tiên, sửa soạn sau khi dứt cà nông. Tôi la lên: “ Nhưng hôm nay tôi không trực mà. Ở đầu máy giọng Mận trở nên cứng: Tôi ra lệnh vậy. Anh nghe không? Tôi bức tức chưởi thề. Làm sao bây giờ. Tôi đã mặc nhiên chấp nhận, như chấp nhận quảng đời bất hạnh mà chúng tôi lỡ sinh ra trong một hoàn cảnh thảm thương của đất nước. Tiếng đạn cà nông vẫn còn vang dội, gào xé. Những tiếng đạn réo trên đầu, ghê rợn. Âm thanh khô và khét lẹt. Những tiếng nổ đã khiến chúng tôi muốn nhảy khỏi mặt đất. Đất rung chuyển. Giọng người sĩ quan đề lô tiếp tục: Được rồi, cho thêm nữa đi. Tôi lấy lại bình tĩnh. Địch vẫn không bắn thêm một phát súng nào. Trung đội một báo cáo bắt một tên đàn ông vừa đi qua cầu trước khi tiếng súng địch khai hỏa.

Chúng tôi chờ đợi. Ở phía bên kia cầu đó, có những điều sắp xảy ra. Lòng tôi cảm thấy chùng xuống, nặng nề. Tôi bảo với ông Tướng, khi ông chạy đến bên tôi nghe lệnh. Ông Tướng, ông điều động lính. Minh sắp xung

phong rồi đó. Mình xung phong đầu. Và tôi liếm lưỡi nghe mùi thuốc khét lẹt ở đầu đó. Đằng sau tôi, lũ học trò nhón nháo, nằm dưới những hố đất sâu hoặc dưới gầm bàn. Tôi không thấy cô giáo ở đâu. Có thể cô đang nằm giữa lũ học trò của mình. Người yêu của tôi, em có khi nào trải qua một cảnh bi thảm như thế này không. Mặt tôi nóng bừng. Đám lính đã theo lệnh ông Tướng chạy về phía cầu sau bờ ruộng. Tôi cầm khẩu súng chạy, khổ cực trên đám ruộng đất bùn. Chúng tôi rải rác dưới bờ ruộng cùng xen kẽ với những đứa con của trung đội một. Xác hai người lính tử trận đã được mang lên trực thăng. Người lính nào đó đã khóc. Lệnh cho chúng tôi bắt đầu xung phong. Tôi hỏi ông Tướng cho anhem qua cầu đi.

Trời vẫn ui ui. Trong máy giọng lão thiếu tá vẫn chất chúa. Nhưng chẳng một ai bận tâm. Trung Một lại được lệnh yểm trợ cho trung đội tôi. Đạn vẫn tiếp tục nã qua bên kia cầu. Vào những nơi khả nghi. Và trước mắt những cuộn khói bốc lên từ những ngôi nhà bị cháy. Phía sau, cả ngôi trường như một ngôi nhà mồ. Tôi hét: Bắn hết hoá lực. Trung sĩ Muôn, gốc người Thái Mèo, tiếp tục rót M79 qua xóm. Hàng chục nòng súng thì nhau nhả đạn. Ông Tướng bỗng vụt đứng dậy, khoác tay ra lệnh. Trông ông chẳng khác một dũng tướng. Ông hét: Tổ Một đầu tiên. Chạy mau lên. Binh Hiện nhòm người dậy, vừa bắn M16 vừa chạy. Yên ổn. Hần qua cầu, nhào xuống bờ ruộng. Sau đó lần lượt những người lính chạy tiếp theo như cơn lốc, giữa muôn ngàn tiếng nổ của M16, M79, và tiếng hét xung phong. Chúng tôi cứ vừa bắn vừa hét, vừa chạy vào áp. Thuốc súng khét lẹt, tiếng nổ làm tôi say cuồng. Tôi cũng hô xung phong như những người lính của tôi. Tôi như một tên điên khùng, mắt muồn nổ tròn, cổ họng khan vì gào quá lớn.

Thằng Nha lôi cổ một ông lão từ dưới phẩn lên. Hấn chia nòng súng vào ngực ông lão, rồi gằn giọng:

”Ông nói cho tôi biết bọn nó ở đâu hả?”

Ông lão chấp hai tay vái:

”Bầm các thầy, con thật tình không biết”

Tiếng của một đứa con nít khóc ré lên. Chúng tôi bắt đám dân ra ngồi ngoài sân nhà để hỏi cung. Đám người gồm ông già, bà cả, những đứa con gái, một bầy con nít và thêm một chú tiểu. Chú tiểu chấp tay:

”A Di Đà Phật. Tôi vô tội”

Tròn hét lên:

”Không A Di Đà Phật gì hết. Chú có biết là hai người bạn của tôi bị giết bởi những viên đạn từ nơi này bắn ra không. Chú có chỉ không? “

Nó giả vờ lên đạn lách cách.

”A Di Đà Phật. Bần tăng không biết”

Tiếng súng lại nổ. Những người lính đã bắn xối xả lên nóc nhà, vào các ụ rơm, hoặc các bờ bụi quanh nhà. Còn tôi, không cảm được cơn phẫn nộ, hét:

”Đồng bào chỉ không. Bọn tôi bị chết cũng vì bọn nó. Bọn nó ở đây, núp ở đây để bắn bọn tôi, đồng bào biết không ?”

Và tôi chụp đầu một thằng bé, rút dao găm kê sát vào cổ nó:

”Mày chỉ không. Nấu ở đâu hở?”

Thằng bé khóc ròng. Nó la tức tưởi:

”Con không biết. Con không biết”

”Không biết. Không biết hả? “ Tôi dần dần thằng bé xuống rồi tát mạnh vào má nó. Nó khóc thét lên. Những người đàn bà đang quì dưới chân tôi, lạy tôi.

”Bầm quan, bầm trung sĩ (?!), tha cho chúng con, chúng con vô tội.”

Tôi bàng hoàng nhìn họ. Tôi bất lực. Tôi nhớ đến hai xác chết vừa trùm trong hai chiếc poncho với chiếc đầu bị bể nát máu thấm cả cỏ xanh. Những đôi mắt đã gặp nhau từng ngày từng bữa, đã chứa chan những tình cảm thuần hậu, chất phác. Thật là phi lý. Còn tôi, có nên mừng hay rung nước mắt đây. Nếu giả sử bọn nó đợi tôi đi qua, và qua lỗ nhắm, bóng hình tôi, một thằng trung đội trưởng ốm yếu, từ xưa tới nay chưa hề giết một con chuột, hiện lên. Phải cảm ơn ai đây. Hôm nay ngày rằm. Tôi bỏ đám dân bước ra đằng sau vườn. Mùi khét lẹt của thuốc súng vương theo gió. Buổi trưa dù êm ả nhưng sôi động ở từng vuông đất này. Một đám người nữa ở đâu đó hiện lên. Một bà lão tóc bạc như sương, méo máo khóc lóc. Không. Không thể được. Dù họ là kẻ thù cũng nên. Tôi không thể bắt họ sắp hàng rìa một loạt đạn như quân đội Lê Dương đã làm. Tôi không thể đổ sự căm thù khi đồng đội tôi bị giết lên đầu đám dân quê này. Tôi lắc đầu, cúi đầu nhìn những vỏ đạn đồng đang nằm rải rác trên đất. Hai con cừồng đã sồ lông quanh quần bên hiên nhà. Một thằng nhảy tới chụp. Có tiếng gà kêu oác oác. Tôi chẳng chẳng buồn quay lại. Tôi thấy đám người xung quanh tôi mỗi lúc một đông. Tôi hỏi như khóc: Có đồng bào nào bị lạc đạn không. Không. Quái lạ. Đạn thì bắn như mưa, M79 phóng ra như thác, cũng không ai mắc nạn. Tôi thấy lòng mình nửa buồn nửa vui. Tôi nói lớn: Đồng bào tất cả ra ngoài gò mả kia, để ở đây chúng tôi lục soát.

ĐẶNG ĐÌNH TÔNG

Cái Chết Cạnh Nhà



Tờ báo phủ hết chiều ngang của bàn học dài, lòng thông như rìa thảm trắng. Tôi đọc bài văn phê bình thế giới truyện ngắn của một tác giả quen, đọc từ hôm qua rồi bỏ dở và đọc tiếp trong buổi sáng sau khi tôi đưa Thụy đến trường dạy ngoài phố. Lúc trở lại gian phòng nằm ép giữa những phòng khách và nhà xác của Niệm Phật Đường ở dãy cư xá sĩ quan, tôi thay đồ gấp rút: tròng thêm cái quần kaki vàng phía ngoài, cái quần nỉ xám bên trong độn ống chân to phồng, chiếc áo jacket phủ khuất mấy lớp áo trong (tôi còn run bần bật trên khoảng đường nhiều dốc, giữa đồng trống, kéo ngoặt ngoẹo về trường). Múc tô cháo đậu đỏ, thêm một chén cũng đầy cháo và đĩa đường cát trắng, tôi chụm hai tay mang tất cả sang phòng thẳng Tôi. Thằng Tôi chụm kín chắn, hai nạng gỗ dựa vào tường, đầu nạng vượt quá bờ tường thấp, cạ trên lớp kính vuông tróc sơn (qua lớp kính lõn sơn, con đường phía sau chạy giữa dãy phòng đồng dạng gồm liên đoàn yểm trợ, cơ quan Mỹ, phòng Quân tiếp vụ và những thùng to kênh khóa kín sát vách sau).

-Đêm qua, mày ngủ được không, Tôi ?

-Được, nửa đêm tao khát nước quá.

-Nhức lắm không ?

-Nhức, nhưng ít ít thôi.

-Mày ăn đỡ cháo đậu đỏ với đường cát, tao không kịp làm gì hết. Bây giờ lại phải chạy qua bên trường nữa. Mất công quá. Tao giao mày chìa khóa của phòng tao và chìa khóa cửa nhà cầu. Mày ráng chống nạng qua bên phòng tao nấu nước uống.

-Ừ được rồi, thôi mày đi đi.

Hắn quơ tìm nạng gỗ, nạng ngã lẫn trên sàn, đánh cộp. Hắn gượng ngồi dậy, tay mân mê những lớp băng trắng quần dày cộm trên bàn chân. Hắn nhăn mặt, đôi mắt thiếu kính, trắng dã, lơ lơ như trước mắt lúc nào cũng hiện ra một lớp màng án phủ. Tôi quay đi, quần áo xúng xính vương vãi đã quen chịu. Xe gắn máy nằm nghiêng dưới nấc thang cuối, tôi để cặp da vào giỏ sắt trước xe, mở khóa và bắt đầu thả dốc. Sương còn la đà dưới lũng vàng hoa dại, sương tan trể như một cơn buồn đậm.

Đến trường (một trường quân sự), tôi chạy xe thẳng xuống Câu lạc bộ. Vượt qua nhiều nấc thang đưa ngỗng lên Câu lạc bộ. Uống một ly cà phê đen nhạt, tôi lấy thêm mấy gói thuốc, nói bằng quơ vài câu với người ngồi cạnh, ghi tiền thiếu vào sổ, đốt điếu thuốc và ra khỏi phòng. Bên xa kia, công trường rần rật những xao động đầu ngày. Con đường mòn đưa về bến xe ra phố được ủi rộng thêm, màu đất vàng nghệ, đỏ rõ như màu cò. Đạp liền mấy lượt chiếc xe không nổ máy, tiếng lẹt xẹt bị tắt nghẽn, sau đó như cắt tiết vịt như pháo xì lép. Tôi đẩy chiếc xe một quãng, điếu thuốc trên môi ngo ngoe như

một ngón tay cùi. Một người sinh viên cười khục khục, ra đây hộ :

-Xe sao vậy thiếu úy ?

-Ai biết đâu.

-Thiếu úy mua xe khác đi thiếu úy.

-Ừ mua, anh hùn vốn với tôi nhá. Lúc nào anh muốn đi ra phố, tôi cho mượn.

-Thiếu úy ở tù giùm tôi nha.

-Ở tù hả, ừ ở tù, ở tù.

Tôi nhào lên yên xe. Chiều nay, túi này gặp thiếu úy, chiều nay em thuyết trình giờ của thiếu úy, em trên trung bình nha thiếu úy. Ừ trên, trên. Điềm, điềm: mấy mươi năm bận bịu với điềm, mai một đây lợi sâu trong rừng lầy, ở đó mà anh lo điềm, điềm. Tôi cho anh em trên trung bình hết, anh em thành thật chút ít đủ rồi thành thật được chút nào hay chút nấy. Bây giờ tôi ngán ngẩm lắm, đi đâu cũng thấy phản trắc, lật lọng. Xin lỗi, xin lỗi. *“Trái tim ngậm trong miệng. Tôi hả miệng cười..”* Tôi hát nghêu ngao, hai dây lầu lón nuốt trứng tôi, gọn lỏn như con kiến bò vào một ống nửa rỗng, cửa khúc. Tôi rà chậm xe gần bên những cửa sổ đóng, hé một cánh cửa phòng lớp đầu, trống không. Chổng hai chân trên đất lui xe lại, tôi hé cánh cửa của phòng kế: vẫn trống không, mặt bàn phủ lớp bụi nhẹ. Tôi dựng xe và khóa cô, xách cặp da đây đi nghễnh ngãng như người say duềnh đoàng trên lề đá nhỏ. Mở cửa phòng bước vào, một mình với bàn ghế nằm dài lớp lớp như những nấc thang rầy trắng dày trong mắt, kéo níu lên đòi trông

nhấn. Ngồi xuống góc bàn cuối, móc điều thuốc ra, thiếu lửa, tôi ngậm lật bật như đứa trẻ ngậm không một tờ giấy lịch vo vụn. Chiếc cặp mở nắp, lộn ngổn nhiều tờ báo của nhiều ngày, mấy quyển sách và kẹp giấy trắng vẽ ngoằn. Thăng Thành chạy lo phép, vợ sanh, giấy phép sẵn trong tay, phòng lương không cho lãnh trước, ném phẳng mũ trên góc bàn phía cửa: đ.m. nghèo, nghèo, thua một thằng vá xe ở góc đường, và bỏ đi mất. Thăng Tôi, bây giờ (*mất một hàng*) nằm rên, nhúc nhích nhẩn mặt, đi đâu mang nặng, tiểu trong nón sắt, đổ sau nhà. Hôm bị thương, thằng Tôi được chở qua nằm bệnh xá, không một y tá nào trực buổi chiều. Xe chở bệnh chở nó qua bệnh viện tiểu khu. Gặp ông Trung úy y sĩ trưởng: hứa hẹn đủ điều, anh cứ để đó tôi “may”, ông ấy yếu quá, tôi sẽ vô nước biển cho mà. Và từ chiều đến đêm cũng không có ai, sáng ra nằm đến trưa trời trưa trật, cũng không ma nào đến may chân hần, lại mượn xe chở thăng ra Dân y viện, người y tá la trời nếu trễ thêm một hai tiếng đồng hồ nữa, làm sao vá lành được. Đặt hần nằm trên giường gỗ, viên y tá xỏ kim may lại mấy miếng da lòng thòng, thằng Tôi quần như cây tre non héo lả gió.

Ngồi mãi vẫn chưa đọc được gì. Tờ báo trùm mắt kẹp giấy trắng, tôi cặm cúi, những giòng chữ nhỏ như đàn kiến náo loạn trước mắt, tôi khó tìm lại được con kiến vừa bò rẽ ra ngoài đám. Người lính Thượng kéo lê cây chỏi bóngang cửa phòng, ghé mắt vô nhìn, lập bập ống vô thuốc. Những sợi thuốc khô vươn ra lòng thòng như tóc quăn ở gáy hần. Bước ra cửa, tôi mò điều thuốc, nước miếng thấm ướt đến gần nửa điều, những sợi thuốc ướt đẫm đầu lưỡi. Tôi mê cái ống vô, muốn mua ngay của hần. Còn mấy trăm bạc trong túi, tôi kéo ra ngo ngoe trước mặt hần và chỉ vào chiếc vô. Hần bảo của thằng em để lại, thằng em chết trận vắt thân bên giòng

suối cạn. Một nghìn mới được, ông có đủ một nghìn không? Lấy trước bấy nhiêu đây, đầu tháng trả tiếp, được không? Thôi được, lấy đi, ở dưới đó chắc thằng em tôi nó buồn. Tôi nhìn chăm chăm môi trên, mấy đường chỉ may vụng nổi khằn như gân chiếc lá khô nhỏ. Hấn sờ tay trên đó, cười khắc khắc như mâm thau chạm thùng thiếc bẽ: ông đại tá Vân thích đá gà lắm thiếu úy. Hôm em mang con gà theo ông đi đá trên lăng Nguyễn Hữu Hào, xe chạy ngang núi Lớn, con gà đứt giây, chạy băng lên núi em chạy theo bắt lại, cũng không được, hể em lên núi, con gà chạy xuống núi, em mệt hụt hơi. Phải chỉ có một con gà nữa thì dễ bắt lắm, hai con xáp nhau đá, nhưng mà thiếu úy coi, giữa đường giữa sá, gà đâu tìm ra. Ông đại tá nóng ruột la um trời, may là ở khúc núi không vắng mấy, nếu không tụi cộng ra cắt cổ chết. Cuối cùng, tức khí quá, em dụ con gà lại gần và nhào đại chụp, như chụp banh. Được con gà, em sút môi. Bữa đó, ông đại tá giận về luôn, em đi đền bệnh xá may chỗ sút lại. Vừa đau, em vừa cười khục khục nhớ lại con gà nòi quái ác.

Tôi châm điều thuốc khác, người lính Thượng dứt nói, điều thuốc tôi hút muốn ngún cháy tay. Trở lại chỗ ngồi, mùa quân sự trả bàn ghế trở lạnh. Phía ngoài đường nhiều bước chân rạo rạo trên sỏi nhuyễn, tôi sờn gáy, run người trong không gian âm lạnh của buổi sáng mặt trời giấu sau núi. Kéo trong cặp bài viết đêm hôm ra, tôi đọc chậm và sửa lại, bôi xóa những nhit như những lỗ sâu gặm trên lá. Buổi tối, Thụy chưa kịp đánh máy bài viết tôi viết vào giữa khuya, Thụy ngủ quên bên máy thu thanh quá giờ rề rề. Đêm qua, tôi cũng định thức đánh máy cho xong bài viết. Thụy (*mất 1 giò*) đã lấy chân trùn người, bàn máy không chỗ kê, tôi nhìn lướt trên giấy Thụy đem sẵn vào máy, mấy câu thơ là lạ, tôi cố nhớ, và đành quên trên hai mi kéo sụp dần.

Tôi xếp tất cả vào cặp, mũi giày dẫm những tàn thuốc là đà trên đá hoa. Thoát ngoài màu xanh của những tấm bảng choán kín ba mặt tường, tôi rũ bỏ một lúc đời buổi sáng, và hành lang hút nhần kéo dần ra đầu trống. Tôi quơ tay, vẫy người lính Thượng. Hắn cười. Tôi ra xe bỏ cặp vào giỏ sắt, mở khóa, chào ông đại tá Vân lững thững đi ngang, tôi vu vơ mỉm cười, lầm thầm: Đại tá còn mê đá gà không Đại tá? Tôi đẩy xe đến đầu dốc và thả nhẹ xuống trong tiếng thở hổn hển, rịn mồ hôi trên vành mũ, trong nách kín.

Lướt ra đồng trống, gió, cỏ, đồi, mây, đường mòn, thung lũng, rạch nhỏ: nhào trong hai mắt yếu khép nhỏ tí hí như mắt lươn. Tôi dựng xe bằng chân hông, chiếc xe bé xíu giữa khoảng trống. Nước tỏa đầu vòi tưới rẫy dưới lũng xa như những trận mưa bụi thổi luân ngang đầu tôi và lô-cốt um tùm cỏ bao. Chiếc lô-cốt cỏ mọc lòa xòa như tóc, râu của mấy tháng tôi nằm bệnh viện. Tôi nhìn một lượt chỗ nằm hàng đêm trong lô-cốt: giường gỗ thông bó rom, cỏ ủ tổ chim. Hạ đang nhúng giẻ dầu xoa ổ đạn đại liên hướng hòng về những lùm cây xa, sâu phía lũng.

-Thiếu úy, thằng Vị biệt phái qua đồi bắc tử thương đêm qua. Thiếu úy coi nó nhậu đã, thấy đầu mà bắn. Vợ bỏ, nó buồn gần tháng nay.

-Bây giờ xác nó quàn ở đâu ?

-Bên cạnh phòng thiếu úy chớ đâu, thiếu úy về bên đó thì biết liền.

-Sáng sớm tôi đi có thấy gì đâu

-Nó mới qua đồi bắc. Đêm đó, ông trung úy Vinh bắt nó

đi phục kích liền. Ông ấy bảo còn nhậu say mềm đêm nào ông cũng cắt gác cho nó hết.

Thằng Vị nhậu xếp sòng, cả những lúc vợ nó chưa bỏ. Đêm nào nó cũng khóc, thằng hay khóc như đàn bà. Nó không còn ai hết (một hai người quen xa xa), con vợ nó lẳng lơan vô kể. Tôi bỏ quên chiếc mũ trong lô cốt, xuống cuối dốc chợt nhớ ra. Con ngựa già “thượng sĩ” “Võ chạy lộc cộc trên đường, bơ vơ trong đôi mắt ướt, bờm sụ quặt như tóc đò thả bờ vai của cô gái Thượng tạt qua lối mòn tắt lên bệnh xá. Những con đường mòn kéo tới tấp vào dãy gia binh của người Thượng, ngoài xa. Tôi định hôm nào ra trại gia binh tìm người lính Thượng trả khoản tiền còn lại của chiếc ống vố. Tôi mò tay vào túi lấy vố ra, đầu hút dài như cán muống. Tôi ngừng xe trên đầu dốc, con ngựa già chạy thẳng xuống thung lũng. Xé rời điều thuốc bỏ vào vố. Tôi kéo hộp quẹt cây trong vớ chân trái ra, tôi không còn nhớ lúc ngồi trong phòng, cũng như lúc mỗi thuốc của người lính Thượng lau nhà. Những sợi thuốc cháy dễ như cỏ khô bắt lửa phừng phực giữa trưa nóng. Tôi dựng xe sau chiếc GMC chở xác thằng Vị: Tiếng khóc nức trong nhà xác như tiếng lá khô trên cây chạm trong trận cuồng phong. Vợ thằng Vị kể lể, hối hận, trong những ánh mắt của người ngoài cuộc nhìn nhau lay lắt mi: mười mấy tháng lương sẽ về tay con vợ thằng Vị, sau nhiều hồi vật vã, tỉ tê, khóc lóc.

Đêm nay, chắc chắn Thụy đòi theo tôi ra lô-cốt. Xác thằng Vị dù đem chôn trưa nay, chiều nay, hay trễ lại ngày mai: Thụy vẫn cũng không thể yên lòng trong đêm vắng tôi. Cũng chưa chắc: không Thụy tôi có thể bình tĩnh trong đêm, khi bên kia bức tường ngăn, xác người chết nằm theo chiều nằm của tôi, đầu và chân cũng hướng về chiều đầu và chân tôi hướng. Tôi mở cửa phòng, thay nhanh lớp áo quần ngoài. Thả cửa phòng

toát trống, tôi chạy một mạch ra xe, không nhìn ngoài đám tang, lát sau sẽ có người quen thảng Vị choán một phần phòng ngay cửa vào của tôi: tôi chỉ ở tạm, căn phòng dành tiếp thân nhân người chết.

Đọc đường, tôi có ngừng xe, xé thuốc nhét vào lòng vó lớn, tôi chỉ nhớ lại được bao nhiêu đó, lúc ngồi trong quán góc đường chờ Thụy tan trường. Tôi muốn nói khác những điều tôi nói thường ngày, cũng như tôi thay phiên luôn trên hai con đường đưa tôi, Thụy đến trường, Thụy ngoài phố. Bao nhiêu lần trong ngày và bao nhiêu tháng năm tôi qua, từng ấy quen thuộc, nếu tôi lưu tâm đến khung cảnh quanh quanh, cũng chỉ ngần ấy thôi, khác chẳng: những sự kiện đến không thường hằng, nhưng bi thảm: đêm plastic nổ gần ty dụng cụ, pháo kích rớt ngang nhà ga, cái chết của người lính đã chiến vất ngang lề đường đá đứt (cánh tay chới với về hướng nhà đông con, vợ sâu trông)

Quán trông người, mấy đĩa bánh vàng da đầy ắp. Tôi ngồi trên chỗ ngồi cũ, thường ngày, chăm chú đếm từng lần dao tôi khắc trên kệ đầy kẹo bánh: mười hai lần, mười hai ly cà phê chưa trả, tôi kêu tiếp thêm một ly đen nữa. Có sao đâu: 13 ly; 13 đồng; ngày 13? xui xẻo? cũng đã một đời qua (dù chưa trọn), tôi sanh ngày 13, tháng 3, con số 3 dễ nhớ cho những người chứng giùm khai sanh lúc ra tòa.

Tôi bập bập ống vó thiếu lửa, hộp cà phê trôi đặng cổ họng. Tôi ra sạp hàng, nhìn một lượt báo kẹp lủng lẳng trên sợi kẽm nhỏ, kéo lấy hai tờ tuần báo, quên mang tiền theo (một cái cớ), chiều trả, chiều trả. Tôi đọc bài tôi viết ngẫu nhiên như ăn món ngon vật lạ: tôi hay tâm sự vu vơ, thứ tâm sự nhạt thếch riêng tư, thứ ước vọng của đời riêng. Ngán ngẫm, tôi xếp lại, những hộp cà phê đen quán trôi theo khói thuốc vươn theo tiếng gặng, đặng hăng liền, tiếp nữa.

Trong bụi mưa mù nghiêng nghiêng nhiều đứa trẻ co rút, giấu thân gọn trong áo ni màu, túa trên đường, dày

kịt lộ đá ngấn kéo từ cửa trường. Tôi xếp hai tờ báo giấu trong ngực áo, gõ ống vó vào gót giày. Đầu ống vó văng cộp trên nền xi-măng. Rồi, mấy trăm bạc, lại còn nợ mấy trăm nữa. Tôi vói lấy đầu vó nhét vào vó giày. Mai tôi sẽ đem đến cho người lính Thương xem, hăn nghĩ gì, may ra?

-Anh ra đây bao lâu rồi ?

-Ừa Thụy, em tan bao lâu rồi ?

-Mới thôi, về chưa anh ?

-Em ngồi uống ly cà phê đen hoặc cà phê sữa nhỏ đi.

-Thôi đi về luôn anh.

-Anh ngồi có chuyện chút, em ngồi đây nán chờ anh đã.

-Chuyện gì đây mà bắt em đợi nữa hả ?

-Thụy, trưa trưa chút về em

-Trưa là chừng nào bây giờ, bây giờ không là trưa sao anh, có sớm gì đâu nào.

-Anh có chuyện mà, anh đang mắc chuyện chừng một hai tiếng đồng hồ nữa. Em gắng chờ anh, lâu lâu một lần có sao đâu Thụy.

Tôi gọi cho Thụy ly cà phê sữa nhỏ. Một giờ trưa, xác thằng Vị sẽ được mang chôn. Nhà xác sẽ trống, Thụy không hay biết gì, không đòi theo tôi ra lộ cốt nữa. Tôi gắng kèm Thụy hơn nửa tiếng đồng hồ, đám tang thằng Vị sẽ kéo lướt khuất khỏi dãy cư xá. Tôi giao cho Thụy tờ tuần báo đăng bài tôi. Thụy chăm chú đọc: ghét anh quá, anh cứ để nhân vật của anh chết hoài, để họ sống không được sao anh. Anh ác thấy mò. Tôi muốn nói với Thụy bài văn của anh trong tờ báo này cũng không vượt khỏi được những tâm sự vụn vặt, dù phần nào, nhân vật anh không còn hưởng thụ, vô công vợ vẫn nữa.

Chân tê điếng, tôi đổi thể ngồi. Thụy lật tìm trang tiếp của bài văn. Mới vô chuyện là đã có người chết, đoạn cuối lại một người chết nữa, truyện có vài người, anh làm chết gần hết người ta, anh hứa với em ngày tới anh đừng để họ chết nhiều quá đi. Tôi ậm ừ, ậm ừ (sự thực, tôi đang đói rã ruột), trả lời Thụy không được đủ nguyên

câu, nữa là. Anh vất cái gì trong vớ anh đó? Ồ cái ống vớ đó em, anh mượn của người lính Thượng. Mượn hay mua, em biết tánh anh quá mà, giấu giếm gì cho mất công. Tôi bảo Thụy thôi về em, về đi em. Anh nói anh mắc chuyện gì đâu? Em có thấy gì đâu? Anh quên là anh đã giải quyết rồi, chiều nay, em đánh giùm anh một bài nha em. Ừ nhưng anh hứa tránh bớt những cái chết vô cớ trong truyện đi, cũng như anh bớt thức khuya đi. Được rồi, được rồi.

Tôi chạy xe về cư xá, nói liên miên, nói lần lượt Thụy trong khi cho xe chậm chạp qua đám đông. Tôi càng chạy chậm hơn khi trên đầu dốc chiếc xe tang lăn xuống Thụy sẽ biết? Tôi hát bài Thụy thường hát. Thụy lại không hát theo. Chiếc xe tang trở qua với những người quen mặt. Thụy nói: Anh, em không thèm về phòng nữa, em biết hết rồi.

(Tuần báo Khởi Hành số 75 ngày 15-10-1970)

HOÀNG NGỌC HIỀN

Viên Đạn Định Mệnh



(Nguồn tranh: Khôi Hành)

Con mưa chột đến. Cánh rừng đang trong xanh, đang mát mắt, tôi sầm lại đột ngột. Mặt trời lặn mất. Tôi trốn cơn mưa, bước vội vào phòng thuyết trình hành quân. Một tiếng kêu lên nghe quen (quen ở đâu đó, trong một quãng đời nào đã xa).

-Trung úy ở đây ?

Con mưa đã bắt ngờ đẩy tôi đứng cạnh Ngân.

-Ngân cũng ở đây ?

Nàng cười nhẹ.

-Thôi, tôi tôi hiểu rồi, với ai vậy ?

-Trung úy Phúc.

-Trung úy Phúc về hậu cứ trung đoàn trưa nay... Chắc Ngân mới tới đây hỏi chiều ?

Nàng nhìn tôi, ánh mắt muốn biểu lộ một điều gì.

-Tôi biết, nhưng tôi tới đây với anh. Qua câu chuyện với

Phúc, tôi biết anh ở đây, nên chiều nay...Anh có lấy gì làm lạ không ?

-Tôi hiểu, nhưng đầu sao thì đây cũng là sự tình cờ của định mệnh hơn là tìm kiếm.

-Có lạ gì đâu Ngàn, tôi vẫn còn nhớ cả.

Mưa đã đổ xuống ào ạt, reo mạnh trên mái tôn, làm mờ cánh rừng trước mặt. Tôi không còn nhìn, không còn nghe gì hết. Chúng tôi im lặng. Một vài người trong phòng di chuyển lặng lẽ, không gây tiếng động. Giờ thuyết trình đã qua. Máy hàng ghế đã mất thứ tự, nằm rỗng không, lạnh lẽo. Tôi kéo một chiếc ghế mời Ngàn ngồi. Nàng giấu chiếc chân gỗ trong gầm ghế. Tôi nhận ra điều đó, ái ngại. Chúng tôi tiếp tục câu chuyện khi mưa ngớt hạt.

-Đã từ lâu, tôi không được biết Ngàn thay đổi thế nào.

Tiếng Ngàn trong cổ họng :

-Một lần đi qua cũng đủ biết rồi tôi sống như thế nào.

-Ngàn...Ngàn muốn nói gì ?

-Tôi nhớ đã tâm sự với anh rồi...Tôi là con ngựa què...

Những tiếng “con ngựa què” nhỏ dần và lẫn vào trong mưa. Phải kể cũng đã lâu lắm, kể từ ngày nàng nhập viện lần thứ nhì thay cái chân gỗ mới, có lò-xo cho tiện đi đứng, cử động hơn. Dễ cũng đã hơn hai mùa mưa. Và trí óc của một người xông pha chiến trận không dám chắc mình đã nhớ đúng được điều gì. Vì những kỷ niệm êm đềm đã bị những vùng khói lửa che khuất, cũng như những mơ tưởng đã vội quên vùi bởi cảnh tượng chết chóc và súng đạn thô bạo. Ngàn đã trở thành một nét phác trong số hình ảnh hỗn độn gây đổ đó. Trong một cơn mưa âm thầm kéo dài từ chập tối, không lúc nào ngớt, Ngàn ôm quyển sách kinh, đứng mãi ở nhà thờ Tin Lành chờ tạnh. Mưa vẫn không ngớt. Ngàn kiên nhẫn chờ đợi trong hy vọng, một lúc nào đó, hạt mưa sẽ nhỏ và thưa hơn, để băng qua con lộ. Bỗng súng nổ bốn phía chung quanh, khắp cả. Mới đầu là búa vây, sau đó là vồ

chụp. “Tôi hét lên, không biết lúc đó, tôi đã băng qua con lộ chưa, hay vẫn co ro đứng ôm quyển sách kinh ở cửa nhà thờ? Viên đạn định mệnh nào đã giết đời con gái của tôi? Tại sao người ta lại bắn nhau ở trong khu phố đó? Vô lý quá. Tôi không tài nào hiểu được. Và tôi đã trở thành con ngựa què giữa lòng cuộc đời”.

Trời mưa lớn chừng một giờ mới tạnh hẳn. Vẻ quang đăng sáng sủa đã trở về với cánh rừng ngút mắt. Hình như mặt trời chiều vừa ra khỏi đám mây che, nhưng chắc đã chìm sâu ở chân núi nào, những tia sáng cuối cùng của nó chỉ đủ chiếu lên một khoảng rừng, một khoảng nền trời. Đại đội đi “ăn đêm” ở ngoài bìa lô cao su đã bắt đầu di chuyển lặng lẽ chậm chạp khỏi căn cứ. Ba lô nặng vai, súng cầm tay, mũi súng chúc xuống mặt đất. Chúng tôi cùng nhìn ngắm họ.

Ngàn nói :

-Trông họ hào hùng quá. Vậy mà không biết sống, chết, tàn tật, què quặt lúc nào. Như tôi đây...nhưng thôi, chả nên nhắc tới làm gì nữa. Chỉ thêm ngậm ngùi, vô ích.

Tôi thở dài :

-Ngàn nghĩ thế là phải. Con mưa đã làm chúng ta gần gũi với quá khứ. Một thứ quá khứ đau buồn, nên quên đi thì hơn. Cũng đừng sống tình cảm quá, kẻ nào sống nhiều về tình cảm sẽ chết về bệnh đau tim.

Ngàn buồn rầu :

- Nhưng nào quên được? Vết thương trên thân thể này như một tàn tích, cái chân gỗ, vâng, cái chân gỗ ám ảnh tôi từng ngày, từng tháng, suốt đời...

Tôi tưởng Ngàn khóc. Nhưng không, hai con mắt đã đen vẫn chìm lặng. Chiến tranh không chữa ai, không để ai đứng bên lề. Ngàn có lúc nào thôi hận thù và tìm được một lý do để bình tâm bước xuống cuộc đời? Nàng gặp Phúc bao dung ở đâu đó.

Tôi hỏi :

-Còn Phúc ?

-Phúc chỉ có nghĩa là một người hiện đi qua đời sống tôi. Không biết chàng sẽ đi khỏi lúc nào. Cũng như anh trước kia vậy.

Ngàn như chợt xúc động vì đã vô tình khơi dậy những tro than. Nàng duỗi chiếc chân gổ ra mà từ nãy vẫn giấu trong gấm ghê, nhìn vào nó. Có lẽ nàng đang đau lòng lắm. Hẳn đã nhiều lần nhỏ lệ xót thương nó. Cái chân giả cũng đi vớ nâu nhạt, mang giày đen như chân thật, nhưng ai cũng có thể nhận ra chân giả khô cứng, đã chết.

-Tôi là một nhà ga miền núi, nói như tiểu thuyết, con tàu nào cũng có thể ghé qua trong mỗi cuộc hành trình. Quả thật, tôi bất chúc tiểu thuyết để sống...Anh đã ghé qua nhà ga đó lần đầu tiên trong số kiếp nó, chỉ một lần, không bao giờ trở lại nữa. Chờ mãi...mơ mãi...nhà ga thành một địa danh của tiểu thuyết từ đây. Tôi không trách anh, không trách ai hết, kể cả kẻ vô danh nào đó đã tặng viên đạn định mệnh cho tôi.

Chiều đã xuống thấp. Những người lính cuối cùng thuộc đơn vị đi kích vừa khuất dạng ở cổng trại. Cái bớt gác in hình lên nền cây rừng, cô độc, xiêu đổ. Ngàn đã vừa tâm sự, tôi ngâm ngùi :

-Trước khi Ngàn đứng ở cửa nhà thờ chờ cơn mưa dứt, tôi đã nhìn ngắm Ngàn. Không ngờ viên đạn ác nghiệt lại là viên đạn của định mệnh. Sau đó, tôi ra đi, và như Ngàn biết đấy, chiến tranh kéo dài đến bây giờ vẫn chưa dứt. Gặp lại Ngàn, mừng cho nhau vẫn còn sống được.

Ngàn nhìn đắm chiêu vào cái bớt gác và cánh rừng :

-Vâng, gặp lại anh...Ngàn cũng chỉ muốn nhắc nhở với anh kỷ niệm ấy, trước khi em đứng chờ cơn mưa không dứt. Em đã thấy ánh mắt anh...Bây giờ, thực ra đã từ lâu lắm, em không dám nghĩ đến tình yêu...Tình yêu như một sa mạc, một sa mạc mưa bão, không người đánh xe nào dám khởi hành để đưa em tới đó. Em đã bình yên ở lại với tháng ngày quên lãng, anh Định?!

Im lặng. Tôi đẩy câu chuyện đi hướng khác.

-Tối nay, Ngàn ngủ đâu ?

- Chỗ của Phúc...còn anh ?

Tôi cười :

-Tôi chỉ có cái võng, mắc lên hai cái xà nào đó, ở khu nhà dưới kia. Tôi vẫn sống một đời cô tịch trên những chặng đường dài nên rất giản dị.

-Còn em, em sống những ngày tháng chết...nên em đi người không trong suốt cuộc đời.

Tôi thở dài :

-Tôi không ngờ định mệnh lại như vậy. Nghĩ cho cùng, định mệnh nào cũng ác nghiệt, cũng đẩy chúng ta đi...nhưng rồi cũng phải đến chỗ tận cùng, giới hạn. Ngàn hãy tin đi, thế nào rồi cũng có ngày...

Tôi ngập ngừng...ngày gì đây? Ngày hòa bình cho nhân loại, ngày tươi sáng cho đời Ngàn hay ngày...Tôi không tìm thấy một ngày nào hết trong những cánh rừng dài này, trong những buổi chiều mưa mù ở miền trời này.

- Ngàn còn đến đây làm gì ?

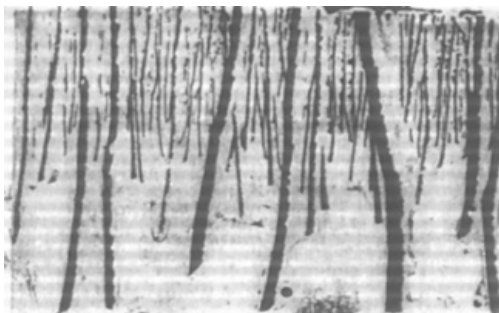
-Em còn những giọt lệ cuối cùng, anh Định...Em vẫn để dành trong khóe mắt. Em muốn được khóc lần này cho hết, anh Định...

(trong tập QUỐC LỘ MUỖI BA)

(Tuần báo Khởi Hành số 154 ngày 24/5/1972

LÊ LẠC GIAO

Mặt Trời Buồn



(nguồn tranh: Khôi Hành)

Người thanh niên dừng lại đầu con dốc cúi xuống hái một đóa hoa dại màu vàng trông như hoa cúc. Anh hái nguyên cả cành có những chiếc lá răng cưa chen chúc những nụ tròn trĩnh xinh xắn. Tần ngần giây lát, người thanh niên ném cành hoa xuống mặt cỏ, thoáng một nụ cười buồn rầu rồi lặng lẽ đi về cuối dốc. Con dốc thoải thoải gập ghềnh, những vũng nước đọng lấp loáng ánh sáng, từ đó người ta có thể nhìn thấy những cụm mây trắng nổi ngập ngừng rung động trên bầu trời cao. Hết con dốc đến con đường bằng phẳng thẳng tắp hơn. Một bên là rừng thông xanh ngắt um tùm, những mái ngói đỏ thấp thoáng với lối kiến trúc Âu Tây vuông vắn. Bên này là thung lũng hẹp chạy dài men theo ven đường. Người thanh niên có thể trông thấy bên kia thung lũng là nghĩa trang trắng xóa những ngôi mộ mới quét. Mặt trời lên cao khỏi rừng thông ném những tia nắng gay gắt xuống mặt đường và bầu trời trong xanh hơn. Đi được một quãng ngắn, người thanh niên cúi xuống

cột dây giày. Ánh nắng sớm mai làm chiếc quần ka-ki màu vàng càng vàng hơn và chiếc áo sơ-mi trắng ngả sang màu nhợt nhạt. Gió từng đợt nhẹ thổi dài theo bờ cỏ tạo nên những con sóng nhỏ lao xao mơ hồ. Người thanh niên nhớ lại những mơ ước tuổi nhỏ, anh thoáng thấy chiếc lá nhẹ nhàng cất khỏi mặt đất xoay tít trong không gian. Anh còn gì bây giờ, anh đã đánh mất tất cả chưa kể chính bản thân anh. Mùa Xuân làm hoa dại nở rục khắp cả núi đồi thì anh lại âu sầu với những thua lỗ chồng chất, phiền muộn nửa vời. Anh nhớ về mái nhà nhỏ xinh xinh, nơi đó có mẹ anh những buổi chiều lặng lẽ gánh hàng từ chợ về trên con đường đất nhỏ hẹp qua những đồng lúa non thơm ngát. Dáng nhẵn nài của một người đàn bà suốt đời an phận góa bụa nuôi con. Anh đã ra đời nơi ấy, bên hàng đậu xanh chen chúc những cánh hoa bạch hạc, hàng vú sữa, hàng me xanh ngát mát lạnh. Ở thôn xóm vắng vẻ đìu hiu đó, anh lớn lên âm thầm theo màu tóc mẹ, theo gánh hàng trĩu nặng trên đôi vai còm cõi vì tuổi già. Anh nhớ đến những buổi trưa hè nắng gắt, nằm mơ mộng trên phản gỗ nhìn qua song cửa từng tầng mây trắng bông bênh trên nền trời xanh hay những đêm tối có những vì sao đôi ngôi...những hoang đường thần tiên của thời thơ ấu. Khi cơn nồm trở về, bầu trời hực lửa, chim cuốc bắt đầu gọi nhau ngoài đầu ngõ hay con cò lửa đỏ rực ở rặng tre xa. Anh men theo con đường vắng quanh co đến bờ sông, leo lên cành gáo đục đưa đôi chân nhìn con bói cá săn mồi trên cành tre chênh vênh. Anh lớn lên trong tình yêu quê hương đậm đà đó, yêu mẹ già tần tảo buôn gánh bán bưng, yêu những giọt mồ hôi trên gương mặt mẹ. Những Mùa Thu Đông giá lạnh, trời mưa tầm tã, anh co ro bên bếp lửa hồng rục rở nhai nắm bắp rang hay vùi đầu trong chăn ấm. Anh nhớ năm ấy anh bắt đầu lên trung học. Xóm làng anh quanh quẩn tiêu điều hơn và mẹ anh mỗi ngày một tàn tạ. Bây giờ anh chỉ có một ước vọng vụng dại là mong mình chóng lớn gánh vác bớt mẹ một tay. Nhưng

ngày ấy anh làm gì biết được rằng đường đời có lắm bất ngờ. Anh buồn bã không muốn hình dung lại những đồ vỡ những hải hùng của một ngày cuối thu năm anh bắt đầu vào đệ tứ...Người thanh niên bỗng rùng mình, con đường trước mặt như dài thêm ra, ẻo lả đung đưa và hui hui lạnh. Anh thọc tay vào túi đi nhanh hơn. Anh đi mãi miết và trong lòng anh một nỗi buồn nào đang tràn ngập.

Đến ngọn đồi, người thanh niên ngồi nghỉ ở một góc cây. Người yêu anh chưa đến, có lẽ còn sớm, anh nghe vắng có tiếng trực thăng cất cánh ở phi trường bên kia, bụi đỏ bốc cao ngất mù mịt. Từ chân đồi đến phi trường trơ trọi chỉ có cây thông già anh đang ngồi và xa hơn nữa là một góc cây đã bị đẵn gần sát gốc thoát trông như chiếc ghế được bào tròn nhẵn khéo léo. Anh ngồi dưới cây thông khá cao tàn rộng, anh thấy thoải mái khẽ duỗi chân và nghe hai bên thái dương mát lạnh. Những giọt mồ hôi bắt đầu khô, thoảng ở đầu gió có mùi cỏ dại.

Người thanh niên lặng yên có vẻ buồn ngủ, nhưng thật sự anh không muốn ngủ tí nào. Anh còn phải chờ người yêu của anh nơi đây. Anh cúi xuống nhìn một cánh tay, cánh tay phải gầy ốm hằn đong đưa như cành củi khô chờ vợ trong cơn bão tố. Anh khẽ lúc lắc nó, trong đầu óc anh mơ hồ nghĩ đến một cái gì kỳ dị nơi cánh tay. Anh chột nheo mắt, cánh vật trắng xóa như một lớp sương dày che trước mặt. Con mắt trái bị hư, vết sẹo nhỏ chạy dài một phía thái dương đến đuôi mắt. Ba mảnh vụn của một tiếng nổ. Tiếng nổ không lớn lắm, anh đã quen đi đến độ chán chường, nhưng buổi sáng hôm ấy tiếng nổ khắc nghiệt cắt đứt liên lạc vĩnh viễn của đôi mắt. Con mắt ấy ly khai hắt ánh sáng, ba mảnh gang nhỏ nằm trong hốc mắt, giá nó nằm trên một tí thì anh đâu phải lo nghĩ đến ngày giải ngũ, đến những vụn vật của đời sống.

Người thanh niên không buồn sửa lại thế ngồi, mặc dầu một chân đã tê cứng. Anh chột nhồm dậy, một thằng bé

đang thoăn thoắt chạy ngược về đỉnh đồi. Khoảng mười hai tuổi gầy yếu và đen đúa, anh buồn cười vì đầu nó trọc tều và đầy sẹo. Đang cúi chạy, nó ngẩng đầu chợt nhận thấy người thanh niên ngồi bất động dưới gốc cây, nó dừng lại. Nó trừng mắt đến gần người thanh niên rồi lại lảng ra xa. Thấy anh ta vẫn im lìm nó đi dần về phía gốc cây bị dẫn leo lên ngồi, nhảy xuống rồi chạy vòng quanh như chơi trò cút bắt với một thằng bạn tưởng tượng. Một lát có vẻ mệt, thằng bé muốn chạy lại bóng mát để nghỉ, nhưng thấy người thanh niên ngồi đó nó e ngại. Người thanh niên đưa tay ngoắt, ê, lại đây chơi nhỏ. Mày điên hay sao mà chạy lòng vòng một mình hà.

-Ông điên hay tui điên. Ai đòi lên đây ngồi một mình như ma. Thằng bé vừa xán lại gần dăm dăm nhìn người thanh niên như quái vật, rồi nó dừng lại ngồi bệt xuống đất xuýt xoa, nực quá xá.

-Mày lên đây làm gì, chơi với ma chắc?

-Sức mảy, tui lên đây bắt đé. Rừng chà là đằng kia đẻ nhiều xếp sòng. Nó đưa tay chỉ đám cỏ vàng cháy trước mặt.

-Xạo mày, trông trơn mà mày nói chà là ở đâu.

-Thuốc khai quang đó ông ơi, ông đến ngay chỗ thung lũng kia mà coi, người ta rắc thuốc cây cối chết hết trơn. Chà là người ta chặt về làm củi hết. Thằng bé loay hoay móc túi lấy chiếc hộp sắt tròn. Nó dở ra nhìn vô rồi đẩy nắp lại. Người thanh niên tò mò :

-Đế hả, sáng giờ được mấy con rồi.

-Đâu phải đế, kiến đế như đế, thằng bạn tui nó đi đâu mà giờ chưa tới, trời nóng quá xá. Nó vỗ lia lia cái lon xuống đất, hết ngẩng lên nhìn trời nó lại nhìn xuống chân đồi.

Nắng ràn rụa chung quanh gốc cây, người thanh niên có vẻ sốt ruột, anh ta cũng nhìn xuống chân đồi, nhưng chả có gì lạ. Con đường dẫn vào thị xã nhỏ và thẳng như một sợi chỉ căng . Một đoàn công-voa đang rời thị xã và

khuất hẳn về phía một góc đồi, đám bụi đỏ phía sau cứ tung lên mãi. Anh nhớ đến những thằng bạn ở ven đường quốc lộ - xa lắm, tận mãi ở tỉnh Q. đang lẫn lộn giãy chết trong những hào quang ma quái của cuộc sống, đang tranh tối tranh sáng với những lý tưởng làng nhách viên vông. Ngày xưa khi còn sống chung với đám bạn bè, anh cũng từng cổ vũ những lý tưởng, những khẩu hiệu ngọt ngào hấp dẫn. Anh chạy đôn chạy đáo lo từng cái giấy phép hội họp diễn thuyết nào là đề tài nhân bản, giáo dục, cách mạng văn hóa, quay về truyền thống dân tộc...Giấc mộng nửa vời tan như hơi sương sớm. Hành động của bọn anh như viên đá ném xuống mặt bể, chao động một tí rồi lặng yên. Lặng yên và ù lì, chán nản và vô ích. Anh thất vọng đâm ra bi quan trong những bế tắc thường xuyên của tư tưởng. Ngày đó anh lỏng lẻo vì trí não, vì mớ kiến thức nửa mùa cho đến khi cầm cái giấy nhập ngũ trên tay anh mới bắt đầu chăm chú nhìn vào thực tế, những đôn đáo nhất thời tàn lụi, anh bớt mộng mơ (tuy rằng mộng mơ một tí cũng chả hại gì) và con đường trước mặt anh được vẽ bằng nét vẽ của người say rượu, hết đi xuống rồi lại vượt lên, ngoặc ngoẹo rồi gãy đổ. Anh tàn tật trí não. Đầu óc phẳng lì và cuộc sống lạnh lẽo buồn tênh đó cũng bắt đầu chấm dứt bằng cái giấy phép xuất ngũ. Rồi yêu đương vớ vẩn, hẹn hò qua ngày và tin tưởng bằng một con mắt bên phải còn an lành. Anh tin tưởng vào con mắt độc nhất ấy, bám víu nó như con tàu thấy ánh hải đăng trong đêm giông bão.

Bây giờ người thanh niên muốn ngủ, anh móc thuốc ra đốt. Thằng bé đi đâu mất, chiếc lon đựng kiến vẫn còn để đằng xa. Anh thoáng thấy cái đầu trọc đang lúi húi sau gốc cây bị dẫn. Có lẽ nó đang rình dế, anh hút điều thuốc một cách chậm rãi, khoan khoái. Thằng bé đứng vụt dậy chạy về phía anh, tay chân đầy bùn đất trên tay nó là một con dế nhỏ đen bóng. Nó đưa lên khoe :

-Được một con dế mun, rình mãi mới được

-Có lông dưới cánh nữa chứ. Nó vạch cánh để lên chỉ vào mớ lông trắng dưới bụng, thứ này đá vô địch, làm hang sâu lắm, có khi nó ở chung với rắn hoặc nhện.

-Mày bắt nó bằng cái gì đó ?

-Tui dãi xuống hang nó mới chịu lên. Thả kiến sức mảy mà nó lên, thứ này lì lắm. Lúc nó mới gáy tôi biết ngay. Thằng nhỏ đặc chí gặt gù cái đầu đầy sẹo, nó lôi cái lưng quần ra cái hộp con, khế kéo nắp ra nhẹ nhàng thả con dế vào rồi thổi phù phù. Cái đầu trọc cứ lay động trên cái cổ đen sì đây ghét. Cái áo vàng nó mặc như áo ông sư và cái quần xanh rách bươm ở đít. Thằng bé chùi tay dơ vào đầu gối thấy người thanh niên hút thuốc nó chìa tay :

-Cho xin điếu thuốc coi.

-Mày còn bé hút làm gì. Người thanh niên cầu nhàu nhưng vẫn moi túi lấy thuốc và cái quẹt diêm đưa cho nó.

Thằng bé đốt thuốc thật lành nghề, nó khum tay che gió, rít hơi thật dài lim dim đôi mắt lem nhem ý chừng khoan khoái lắm. Cái đầu trọc lại lắc lư, người thanh niên cảm thấy buồn cười.

-Đầu mày thiệt giống trái dừa khô, chắc mát lắm hả ?

-Lạnh thấy mẹ, nghĩ sùng ông già, đi bụi đời có mấy bữa đem cạo cha cái đầu.

-Bộ mày không đi học hay sao.

-Học đệ thất chứ sao không, học chán quá trời, vô lớp thấy ông thầy ngồi hút thuốc thèm chảy nước miếng học không được. Tui thích đi bụi đời hơn đi học. Ông già bắt đi học lại, chắc tui trốn quá.

Thằng nhỏ xoa cái đầu trọc lia lịa trả lời uể oải.

-Đi học sướng hơn, mày ngu thấy mẹ. Hồi nhỏ tao thèm đi học mà học không được. Ráng thêm vài năm nữa cho tới tú tài rồi lúc ấy hãy đi chơi.

Người thanh niên xuống giọng khuyên bảo nhưng thằng bé cười dài:

- Sao ông nói giống ông già tui quá. Sức mảy mà tui

nghe cho. - Nó ngang ngược trả lời. - Tui sợ chết lắm, chết mất đi chơi. Mới cách đây mấy bữa, thằng bạn tui đang ngủ trưa ỉnh một cái, nó chết thẳng cẳng, chết kiểu đó thì hơi sức đâu mà chờ tới tú tài, bây giờ tui đi bắt đé là may lắm.

-Chớ mày không bắt đé, mày làm cái gì ?

-Tui đi bụi đời chứ làm gì. Đi bụi đời được tự do mà còn có tiền xài.

-Bộ mày ăn cắp hay sao, cỡ tuổi mày làm gì mà ra tiền.

-Khỏi phải nói, tui ăn cắp của Mỹ chớ đâu phải của Việt Nam. Tụi tui thường xuống C.H chờ công-voa Mỹ đến, khi nào tụi nó ngủ quên là cứ việc leo lên khiêng đồ hộp xuống rồi đem bán. Từ lúc Sư Đoàn 4 về nước đến giờ tụi tui thất nghiệp.

Thằng bé trả lời hùng hồn như biểu diễn một chiến công hiển hách. Nó có vẻ căm thù chuyện học hành, nói đến chuyện bụi đời là nó thao thao bất tuyệt. Lúc này trông nó như một tay ăn cắp chuyên nghiệp, nó tỉnh bơ hút thuốc, hết nó ném tàn xuống đất, đứng dậy đá cái lon kiến ra xa, rồi cầm cái hộp đựng đé bỏ vào túi. Bộ dạng nó lúc này như muốn đánh nhau. Người thanh niên im lặng không nói một lời, anh lẳng lẳng buồn rầu với cái gì khôn khổ hết sức trong đầu. Anh lại nghĩ đến mẹ anh già nua còm cõi ở cái thôn xóm hẻo lánh xa xôi và anh cũng cố nhớ lại hình ảnh cha anh người mà lúc ra đời cho đến khôn lớn anh chưa hề thấy mặt. Tự dưng anh thấy bơ vơ lạ lẫm. Con gió giữa trưa bỗng lạnh. Thằng bé đã chạy xuống đồi, cái đầu trọc lác lư và chiếc áo vàng phát phới. Anh móc thuốc ra đốt tiếp, nghĩ vẩn vơ đến người yêu. Con đường anh đi qua trơn trượt hết sức, anh đi một mạch chẳng thèm ngoảnh mặt để biết hai bên đường có gì. Anh vẫn thường nghĩ đến những bơ vơ, bất trắc cuộc đời, nhưng điều đó không làm anh chú ý bằng thái độ sống. Sống cho đúng nghĩa cho toàn vẹn hết sức khó khăn. Anh tâm niệm như thế, những lần lảo lác vì sinh kế, anh lại bỏ rơi đằng sau anh những công thức cũ

rich về một thái độ sống sáng chói hào hùng. Cứ như thế anh nhụt đi dần cái đam mê, làm đẹp đời sống thỉnh thoảng anh lại biện hộ bào chữa những sa lầy khốn khổ đó. Anh trở về con số không trống rỗng. Vô nghĩa hết sức. Bây giờ anh đâu còn gì ngoài một mớ kinh nghiệm sai lầm cùng những ước vọng nhàu nát. Anh thâm tiếc rẻ một cái gì đó mà anh đã cho qua đi hết sức vô ý thức. Chính một cái gì đó đã làm anh dờ chết dờ sống những ngày qua... nó gặm nhấm ăn mòn trong xương tủy và sẽ hành hạ anh mãi mãi về sau. Còn những ý nghĩa về một ngày mai hay trong tương lai anh không muốn nghĩ tới. Những ý tưởng trong anh bây giờ không còn hiệu lực nữa, chính xã hội tạo ra nó và cũng chính xã hội làm nó đứng sững ù lì trong tim trong óc mọi người rồi dần dần mất hút. Cuối cùng chỉ còn là hình ảnh cơn mơ đồng thiếp giữa trưa của một con bệnh thần kinh, của một kẻ mù lòa chợt một hôm nằm mơ thấy mình sáng mắt đi dạo phố... Sống hỗn độn trong mớ ảo giác phi lý đó, mớ ảo giác bắt buộc phải có, phải hiện diện bây giờ và những ngày sắp đến tương lai, cho nhân loại để nhân loại có một phút giây nào đó cười với nhau thân thiện siết chặt tay nhau trong niềm an ủi chóng vánh và không cần biết khoảng thời gian sau đó thế nào với họ.

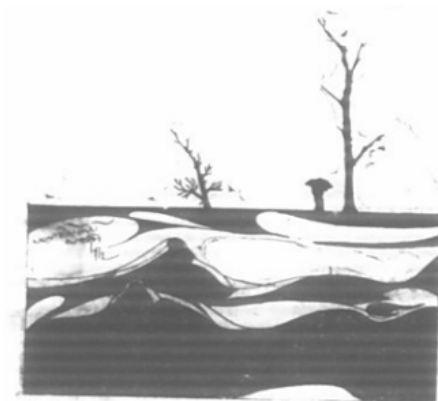
Người thanh niên chờ tình nhân dưới bóng mát cây thông đã bắt đầu thiu thiu ngủ. Anh chả buồn cũng chả vui, cũng chả tìm hiểu tại sao nàng không đến. Lúc này anh lãng đãng như những tầng mây trắng trên bầu trời cao. Anh bình yên trong những hỗn độn vô hình chung quanh, và anh cố mở to mắt lần cuối để thấy đám cây cỏ vàng cháy vì thuốc khai quang bên kia thung lũng. Nơi đó mùa hạ đang thiêu đốt và trong anh Mùa Thu hình như đã có tự bao giờ.

Nắng chói chan ngoài tàn thông, ràn rụa như nước mắt và mặt trời buồn thiu đang đắm nhìn xuống thị xã.

(Khởi Hành số 150 ngày 27/4/1972)

LÊ VĂN CHÍNH

Ngày X ở Việt Nam



QUÁN ĐỜI — TRANH NGUYỄN HỮU NHẬT

1

CHU LAI, *ngày X.*

Xin chào những năm tháng hào hùng của một thời kỳ lịch sử kháng chiến Việt Nam. Xin chào và nói điều già từ những người bạn đường ta đã gặp, đã từng công tác, từ liên khu IV vào liên khu V. Những người đã chết hay còn sống. Những người còn lại bên này hay đã sang bên kia. Với ta bây giờ, người nào theo phía nào, với ta là mặc. Ta đã theo và giờ đã thôi. Ta đã theo và giờ ta đã hết thời của một xuân sắc hăm hở. Ta đã bỏ cuộc và ta đã già. Ta đã già và ta xem như đã chết từ sau ngày 20.7.1954. Từ một lần phản bội ấy và ta đã trắng tay. Ta đã trắng tay và không còn dính dấp một chút hệ lụy nào với lịch sử. Ta là kẻ đứng bên lề. Ta tự cho ta là kẻ đứng

bên lề. Ai có quyền làm gì ta khi lương tâm ta không lên tiếng kết tội ta mà từ nó, lương tâm ta đó, còn ban cho ta những lời phủ dụ thiết tha biết là ngân nào. Một đời như người cũng đã có lúc xứng đáng, và thể thôi cũng đủ. Lương tâm ta nói với ta như thế. Ta yên lòng.

Một ngày X bây giờ, không dung trời chiều nay buồn chùng xuống làm bắt ta nhớ những ngày tháng hào hùng như ta nói ở trên, làm ta nhớ tới những người bạn, những đồng chí của ngày xưa. Như Đặng Thái M., Võ Nguyên G. , Lê D., bên kia. Như Trần Chánh Th., Mai Th., Phạm D. bên này. Và một vài bóng hình đã chết. Rất chết.

Với quá khứ ấy ta đã vẫy tay, đã nói lời vĩnh biệt.

Với trước mặt hiện tại, ta trở về đồng. Ta cảm ơn ông cha ta đã để lại cho ta những thửa ruộng mệnh mông, bát ngát, thẳng cánh cò bay. Ta cảm ơn trời mưa thuận gió hòa cho ta được mùa liên tiếp những năm sau ngày trở về đồng. Một đời trở về như thế như ta âu cũng là hạnh phúc lắm lắm. Amen.

Ta không muốn biết, ta không muốn nghe, ta không muốn nghĩ gì hết lúc này ngoài công việc đồng áng, vườn tược. Ta mong như thế, nhưng nào có thể yên được trong mấy năm gần đây. Bằng chứng là ta không muốn biết, thì ngày nào, giờ nào mở radio cũng nghe nói tới chiến tranh, chết chóc. Và không muốn nghĩ thì làm sao có thể được khi thằng con đầu của ta thì đã thi hành nghĩa vụ quân dịch, hiện đang đóng đồn ở miệt biên giới Việt Miên mà trong thư nó gọi về đề tên là Gò Dầu Hạ. Còn thằng con thứ của ta, thì đã trốn nhà lên núi đi theo Mặt Trận Giải Phóng, và nghe đâu đang trốn chui trốn nhủi ở trong mật khu Lê Hồng Phong gần miệt Phan Thiết, Bình Thuận. Và đứa con gái út của ta, sau ngày hai anh của nó đi, nó sống với gia đình thêm được hai năm, nó bỏ ra Đà Nẵng theo bạn bè làm chiêu đãi viên cho các bar ngoại kiều. Tin mới đây ta nghe người

ở Chu Lai ra Đà Nẵng về nói lại, hình như nó đã lấy chồng là một tên Mỹ đen rồi. Ta ngao ngán biết là chừng nào. Ta bây giờ còn lại một mình. Ta chẳng còn thấy buồn vui là thế nào. Nhưng tình thế bây giờ khó quá. Đêm nào cũng nghe súng nổ bên tai. Sáng nào cũng thấy có người chết ở ruộng, ở ven làng. Ruộng đồng bây giờ thì cũng chỉ canh tác được những thửa gần gũi làng mạc, còn như ở xa thì an ninh đâu có để cấy bừa. Chúng đã trở thành vùng oanh kích tự do. Ai đâu dám bén mảng tới. Ta nghĩ mà nát nước. Ta nghe nói đầu lúc này ở Đà Nẵng làm nghề đập xích lô thế mà khá lắm. Liệu ta có thể đổi nghề một thời gian. Bỏ đồng ruộng lúc này chắc ông cha ta cũng không nỡ trách mắng con cháu. Mai ngày đất nước yên, về đồng lại đâu có muộn.

Thôi, giờ ta quyết định. Ở nán lại cho xong vụ lúa này, thu xếp gặt hái xong, ta đem lúa bán hết. Đem số tiền đó lên Đà Nẵng mua lại một chiếc xích lô cũ. Có xe dù được nhiều hay ít vẫn đỡ hơn phải thuê xe mỗi ngày. Ta tạm thời sống tà tà. Gặp thời thế thế thời phải thế. Chắc ông bà tổ tiên, xóm làng không nỡ trách cứ, chê cười gì ta.

Tôi không biết gì hết. Thực sự tôi không biết gì hết. Buổi sáng tôi thức dậy thực sớm, tôi vác cuốc ra đồng, tôi định ra trở nước vào ruộng lúa đang chớm ngã màu vàng chín, tôi bị người ta đuổi trở vào. Tôi thấy lính nhiều lắm, cả lính Việt lẫn lính Mỹ. Họ đuổi tôi trở vào. Tôi trở vào và khi đã đến bờ tre đầu làng, tôi nhìn trở lại tôi thấy xe bọc sắt nhiều lắm. Đứng đó lâu cũng không được, lính họ đuổi chúng tôi vào sâu trong làng. Sau đó tôi nghe tiếng súng nổ nhiều lắm, tiếng xe chạy ịch ịch nghe rần rần nữa. Tôi ngồi trong hầm suốt cả ngày hôm đó. Tôi ngồi mà run như con thằn lằn cụt đuôi. Tôi cũng là một thứ thằn lằn cụt đuôi từ khi những người con tôi tuần tự bỏ đi. Tôi là thằn lằn.

Tôi tôi tắm mặt mày không biết gì hết nữa. Thôi thế là xong giấc mơ đổi nghề tạm thời trong tình thế bó buộc. Mùa lúa đang chín, vốn liếng cuối cùng của đời tôi đã nằm tan nát, nằm sập xuống dưới làn những chiếc xe bọc thép làm thành một hàng ngang mà chạy không còn sót lại ở một ô ruộng ruộng nào. Thôi thế là xong. Vĩnh biệt mãi mãi những ngày tháng trong trí nhớ về mọi thời kháng chiến hào hùng. Vĩnh biệt mãi mãi những xóm làng Chu Lai nơi mở mắt của ta. Vĩnh biệt mãi mãi những thửa ruộng thân yêu của ta. Hỡi tổ tiên cha mẹ ta đang ở một nơi nào đó hãy tha thứ cho ta và chờ ta. Hãy chờ ta.

2

GÒ DẦU HẠ (Biên Giới Việt Miên), ngày X.

Tính từ ngày lên đường nhập ngũ, rời khỏi quân trường, trấn đóng ở đây, Gò Dầu Hạ, biên giới Miên Việt, đã gần 2 năm. Bằng thời gian đó, mình chưa được về phép lấy một lần. Phần thì hành quân liên miên, phần thì quê nhà Chu Lai xa chi mà xa nguy sự, thêm nỗi hao tổn tiền bạc, làm mình chẳng thấy hăm hở muốn về thăm chút nào. Lâu lắm chưa nhận được thư của ông Bố mình. Lá thư sau chót mình nhận cách đây dễ chừng đã 2 tháng. Trong đó ông Bố mình cho biết đưa em mình đã trốn lên núi theo Mặt Trận. Biết đâu bây giờ nó chẳng đang rình rập quanh đồn mình. Biết đâu có ngày mình bị nó bắn neho chết ngã cù đôi. Đứa em gái mình nghe đâu cũng đã ra Đà Nẵng bán bar hay làm điểm không chừng. Mình nghĩ mà chán mớ đời mà mình vừa nói ở trên. Những lúc hết say, tỉnh người trở lại, mình thấy thương ông Bố mình ghê.

Một đời ông đã như thứ đại bàng gãy cánh. Mà ông cũng lạ thật. Những ngày ở nhà mình thấy ông sống

thầm lặng, nhẫn nhục chịu đựng, không một chút kiêu hãnh nào tỏ ra cho mọi người biết về quá khứ kháng chiến. Mà dù ông có tỏ ra như thế cũng đâu phải là chuyện quá. Chán gì người như ông bấy giờ đã không tham gia kháng chiến dân tộc đánh đuổi thực dân Pháp mà còn theo bọn này làm tay sai, bồi bếp mà đến nay còn vênh áo, còn eo sèo mọi người, làm khổ cả một khối dân tộc nữa là đằng khác. Chẳng là ông Trời không có mắt. Mà mình nữa, liệu có ông Trời hay không mà bảo có mắt hay không. Chẳng lẽ có ông Trời mà tình thế lại đảo điên, lật lọng như thế này. Hay là không có ông Trời thật. Đôi khi mình thấy mình cũng là một thứ ông Trời. Mình chẳng là ông Trời là gì trong một đôi khi mình cũng nắm quyền sinh sát với kẻ khác. Mình nói thật, trong cái đồn heo hút biên cương này, là lằn ranh này, mình muốn chém giết ai đâu phải là chuyện khó. Chẳng qua là mình không say máu đấy thôi, chứ cái ngữ vượt biên giới mạo hiểm lên chợ Trời đó, mình chỉ cần lia một tràng đạn là ngồm bà chè hết cả lũ. Nhưng bọn cũng giỡn mặt mình ghê. Nhiều lần mình lên tiếng hay ngoắt tay gọi mà chúng cũng bỏ đi. Có lẽ mình cũng nên làm ông trời một lần cho chúng biết mặt. Coi chừng tính mệnh các con nghe các con.

Mấy lần ra khỏi đồn đi tuần biên, đôi khi mình chợt nhớ tới thằng em của mình ghê. Liệu nó có lớn vồn trong vùng biên cương này không nhỉ. Mình nhớ nghe đâu đó nói, thì những thứ như nó chỉ được dùng trong bộ đội du kích địa phương thôi. Nhưng chắc gì.

Con nhỏ hồi chiều gặp ở cổng đồn trông ngộ thật. Lâu rồi mình không tu mà cũng như thầy chùa. Thấy nó mình thêm nhỏ dãi. Con trông ngộ ngộ ghê. Giả như ông thiếu úy chỉ huy không thúc giục thì mình đã xàng vô nói ba điều bốn chuyện rồi. Biết đâu nó chẳng bằng lòng nhận của mình nửa tháng lương rồi kéo vô bụi vô bờ gần đó. Cái ngữ như mình thế là hiền lắm đó. Hai

năm trần biên giới heo hút này mà chưa hiệp ai là nhất. Minh còn kỷ luật chán. Hoan hô mình một phát.

3

MẬT KHU – LÊ HỒNG PHONG, ngày X.

Có thực ông là một người phản bội đoàn thể. Nhiều lần tôi vẫn tự hỏi như thế khi một vài người trong làng Chu Lai này đang có chân hoạt động trong một vài cơ sở của tổ chức phía bên kia rất bí mật. Theo những người này, tôi là con của một thứ địa chủ bóc lột mới có nhiều ruộng nương như thế. Và bây giờ, theo họ, để tôi chuộc lại một phần tội lỗi đó, cho chính tôi và Ông, tôi phải theo hoạt động trong tổ chức bí mật này. Tôi ở đâu và làm gì khi một mình, trong làng cũng như ngoài đồng, thường có người đến khuyên tôi như thế. Khi thì họ nói xa, khi thì họ nói gần, lúc như khuyên lơn, lúc như đe dọa.

Cuối cùng tôi đã bỏ nhà ra đi. Trước có mấy ngày tôi có nói với Ông về ý định ra đi này xem thử Ông nói sao. Đêm tôi nhớ như còn in trong trí, là ông Ông có vẻ buồn với nhiều dăm chiêu hiện ra trên mặt. Im lặng lâu lắm từ sau khi tôi nói, Ông mới trả lời với tôi. Theo Ông, Ông không nói được gì, vì hoàn cảnh bây giờ không giống như hoàn cảnh mà thế hệ Ông đã lên đường tham dự từ trước, trong kháng chiến đánh đuổi thực dân Pháp. Trong lần đó tôi nghe Ông nói nhiều về tình hình khó khăn và những đổi thay ghê gớm (ông dùng chữ ghê gớm) sắp xảy ra ngay trong đời sống chúng ta, bên cạnh chúng ta chứ không đâu xa hết. Sau cùng Ông nói tùy con. Và ông nói thêm, dù sao thì Ba cũng rất lấy làm buồn để con đi xa nếu con lựa chọn điều đó, và điều mà Ông cho là ân hận nhất trong đời là đã không nói được cho tôi những lời chỉ bảo dứt khoát nào và Ông xem đó như là một sự bất lực hay sự thất bại của thế hệ Ông

trong thực trạng khó khăn hiện nay.

Sau ngày bỏ nhà theo tổ chức bí mật, tôi được đoàn thể cho theo học một khóa học quân sự, và sau đó một lớp dành cho những chính trị viên. Tôi cần phải học tập thực nhiều cho thấm nhuần đường lối và tổ chức của đoàn thể. Anh em trong tổ chức nói với tôi như thế.

Hiện tôi đang chờ đợi trong sâu của mặt khu Lê Hồng Phong. Ngày lên đường công tác đã đến rồi. Ở đây dù núi rừng nhưng nhờ đường dây liên lạc và tiếp tế tốt nên tương đối cũng dễ chịu. Điều lo sợ nhất là máy bay của địch phát hiện vị trí đóng quân của ta mà thả bom thôi. Còn ra chẳng bao giờ địch hành quân tới.

Mấy hôm nay có thêm vài chính trị viên ngoài vào nên sinh hoạt trở nên nhộn nhịp.

Từ sau ngày Bác Hồ tạ thế, mình thấy trong anh em công tác chung ở đây tự dưng tinh thần xuống kinh khủng. Đừng nói ai, ngay trong mình cũng thấy điều đó. Những đau đớn, buồn bã khi nghe tin Bác chết rồi cũng qua mau, để lại một khoảng trống lớn lao trong niềm tin của mình trên đường tranh đấu ngày tới. Mất Bác Hồ là mất một gương sáng thường nhật cho anh em noi theo. Liệu thiếu Bác trong cuộc tranh đấu cam go này, thành quả Cách Mạng mà mình hăm hở theo từ mấy lâu nay có đến được không. Mình lo lắng quá. mấy hôm nay máy bay của địch lại vờn quanh trên đỉnh núi đóng quân của mình hoài. Nó phát hiện rồi bỏ bom thì tàn đời anh em.

Đã nhủ lòng là hãy quên, công tác sẽ nhiều hơn lên để quên, nhưng sao đôi khi chợt tới làm mình nhớ ông Ba và thằng anh của mình hiện đang làm lính cho bọn ngụy. Giá như ngày trước mình theo đoàn thể sớm hơn ngày nó đi lính, rồi mình về công tác móc nối hẳn theo mình, bây giờ anh em đã có chung một trận tuyến. Để bây giờ mình thấy khỏi đôi khi chùng bước trước những công tác mà đoàn thể giao phó. Mình phải giữ kín, chứ để lộ

tư tưởng này cho các đồng chí khác biết thì khó khăn cho mình.

Không, không. Mình không nhớ gì hết. Không có tình máu mủ gì hết. Anh em cứ giao công tác cho tôi tôi hoàn tất cho mà xem. Nếu phải giết anh tôi, cả Ông nữa cho Cách Mạng Giải Phóng thành công, tôi đây này, trước anh em, tôi hứa sẽ hoàn thành công tác tốt. Được chưa. Anh em bằng lòng chưa. Tôi. Tôi là cái gì đã chứ. Tôi đang đứng ở đâu. Tôi là ai. Khổ thân tôi chưa. Tôi: Đồng chí Lê Thanh ... Lê Thanh gì nhỉ. Nghị. Tôi: đồng chí Lê Thanh Nghị. Rồi sao?

4

ĐÀ NẴNG, HOTEL HOÀNG MAI, ngày X.

Mấy hôm nay thằng Eaches cắm trại, tôi ở nhà một mình, suốt ngày chơi bài tứ sắc đến quên cả ăn uống. Số thịt hộp và bánh trái mà thằng Eaches mua trong P.X. mang về cũng đã hết nhẵn từ hai hôm nay. Cũng đã hai hôm rồi mãi mê cờ bạc; tôi chưa tắm rửa gì cả nên người trở nên nóng nực. Giá như lúc này thằng Eaches về tôi cho nó thả giàn lồng lộn một mạch rồi tắm luôn cho tiện biết mấy. mấy hôm rồi tôi cũng nhớ nhớ, thấy thiếu thốn một hơi hướng đàn ông. Mà buồn hời của thằng Eaches có lẽ vì ăn nhiều đồ hộp nên có mùi lạ lạ, ngai ngái sao sao ấy.

Cứ cái nhớ nhớ không chừng một tuần nữa mà thằng Eaches không về, mình dám đi ăn vụng lăm lăm, sức mảy mà thằng chả biết, bộ có hao mòn chi đâu mà sợ. Mình chỉ cần liếc mắt tình một cái là mấy trự trong khách sạn này khối thằng nhào tới. Mình còn ngon chán. Lâu rồi mình chẳng biết Ông via mình ở Chu Lai như thế nào. Tình hình này mình không khôn ngoan bỏ đi từ

đạo đó, chừ chắc quê một cục. Không chừng bị chúng hiếp đến chết cũng có. Minh nghe đâu ở đó bây giờ loạn lắm. Chẳng biết ông ra sao. Hai thằng anh thì nghe đâu đã đi lính đi tráng, gì đó cho hai bên. Có ngày chúng bắn nhau chết không chừng. May là hai anh không đóng ở Đà Nẵng, chứ gặp nhau lúc này mình chẳng ưa tí nào. Trời chi mây ngày nay nóng ghê.

Buổi chiều xuống chợ gặp con Lan ở Chu Lai, nó cho tôi tin là Ba tôi đã tự tử chết cách đây gần 5 tháng. Tôi lặng người đau xót trong lòng nhưng không khóc được. Tôi cũng chẳng nghĩ là tôi có thể về lại quê nhà được. Người ta đã chôn ông xong xuôi. Tôi về cũng đã muộn. Vả lại khi còn sống, ông cho việc tôi bỏ nhà ra đi lấy Mỹ là làm nhục ông, tôi về biết đâu ông chẳng hiện hồn về vặn cổ tôi chết đi thì sao. Tôi thì tôi chẳng muốn chết lúc này. Tôi mong chiều thứ bảy này thằng Eaches được mở trại. Cũng là thứ bảy cuối tháng, chắc hẳn sẽ mang lương và nhiều đồ P.X. về cho tôi. Tôi cho hẳn làm gì tôi líp ba ga, thả cửa, tôi đâu có sợ. Tôi gò lắm chứ bộ. Trường túc nữa. Vốn liếng tôi đâu có ít. Phải không Eaches.

(Tuần báo Khởi Hành số 50 ngày 23-4-1970)

NGUYỄN MAI

Cảnh Tượng Sa Đọa

-Bây giờ em nghĩ gì, em nghĩ gì mà hồi chiều em xé bỏ tấm vé như vậy. Lúc đó anh có cảm tưởng em xé rách mặt anh ra.

-Đừng hỏi nữa, tôi không ân hận.

-Vô giáo dục.

-Phải, vì tôi bỏ nhà đi theo anh và bây giờ khôn nạn như thế này.

-Thật ra chỉ vì em đã không để cho anh giải thích.

-Giải thích, tôi vừa đi khỏi anh đã mang về đây, ngay trên chỗ nằm của tôi.

-Anh có lỗi, chỉ vì anh đã mất hết bình thường.

-Tôi hiểu, chính vì thế tôi phải tạm rời xa anh để anh lấy lại sự đó.

-Có lẽ anh tự tử mất, em biết không, đêm qua...

-Không, dù sao anh cũng phải nghĩ là tôi còn yêu anh, tôi không bao giờ muốn chúng ta như thế này.

-Dao

-...

Trong bóng tối, người thanh niên chồm qua kéo thiếu nữ đến gần hẳn. Trong bóng tối, từ đôi mắt với một bên bầm tím vì trận đánh vừa xảy ra, nước mắt nàng đang tuôn chảy, vậy mà người thanh niên đã có cử chỉ tìm cách để cởi bỏ áo thiếu nữ, chiếc áo mà hàng cúc đã bị hắn giật đứt hết, nhưng thiếu nữ, với tất cả sự khinh bỉ, đã co rúm người lại và lùi ra sau.

-Hồi nãy anh nóng quá, thanh niên nói

-Tôi tắm anh, thiếu nữ trả lời.

-Anh đành chịu. Anh biết anh đáng khinh bỉ, nhưng

làm sao em hiểu được...

-Anh đánh đập tôi như đánh đập một con chó rồi anh lại đòi hỏi và giày vò tôi hàng giờ, anh có còn là người nữa không ?

-Anh có lỗi, giọng thanh niên buồn bã và hấn áp khuôn mặt bệnh hoạn xanh xám của hấn vào ngực thiếu nữ. Nàng dịu bớt giận dữ khi nghe nước mắt và hơi thở mê man của hấn ấm nóng ở ngực nàng. Rồi đột nhiên như đứa trẻ, hấn...làm nàng im lặng nghe ngóng, sau đó nàng không hề hay biết nàng đã lùa hai bàn tay vào trong mái tóc dày rậm những tóc của hấn. Nàng lùa hai bàn tay vào trong mái tóc hấn một cách dịu dàng, không còn nghĩ tới cuộc cãi vã gay gắt, tồi tệ sau trận đánh đập mà kết quả là một bên mắt của nàng bị bầm tím, da đầu hiện còn ê ẩm vì bị quăn tóc và lôi kéo trên nền nhà. Lúc đó nàng nhớ nàng phải cẩn răng vì đau đớn, nàng có cảm tưởng từng mảng da đầu bị giật tung ra theo những sợi tóc. Từ mái tóc hai bàn tay thiếu nữ vuốt xuống khuôn mặt người thanh niên. Nước mắt đầy dần trong hai bàn tay nàng làm nàng thờ dãi.

-Em còn yêu anh nữa không, Dao ?

Giọng thiếu nữ buồn rầu :

-Còn, không có gì thay đổi đâu.

Rồi nàng chợt hỏi :

-Sao tôi vừa đi khỏi anh đã mang người khác về đây?
Tại sao anh có thể làm như vậy?

-Anh cũng không rõ, nhưng anh ân hận nhiều lắm...

-Với ai?

-Em, cả Vinh nữa.

Anh làm gì mà anh ân hận với cô ta ? Anh đốt lên cây nến đi.

Một cây diêm được quẹt cháy và một cây nến đỏ bắt lửa, đứng trên một miếng gỗ tỏa ánh sáng.

Thanh niên cắn môi, cúi xuống khi nhìn thấy mặt thiếu nữ trước ánh nến.

-Anh đang nghĩ gì đó, thiếu nữ hỏi.

-Mình tắt nến, Dao?

-Anh sợ nhìn thấy khuôn mặt tôi?

Thanh niên gật đầu và giữ nguyên thế cúi xuống. Bởi người thiếu nữ ngọn nến tắt. Hai người im lặng.

Trong bóng tối thiếu nữ nghĩ đến tình cảnh của nàng. Tình cảnh của một người vừa làm hỏng một tình trạng tốt đẹp. Lúc này, bởi sau ngày hôm qua, thanh niên bên cạnh không phải là người cuối cùng ăn nằm với nàng, ngược lại, nàng cũng không phải là người sau cùng với thanh niên. Hồi chiều, khi trở về, nàng đã khổ sở và lo sợ, cảm thấy mình bần thủ, nhưng không ngờ tình thế đã lật ngược tất cả. Khi gõ tay vào cánh cửa, nàng chờ đợi, nàng chuẩn bị một vẻ mặt, nhưng nàng đã phải chờ đợi quá lâu và dù phải chờ đợi quá lâu như thế, nàng ngạc nhiên khi thanh niên bước ra, thân thể hầu như đề trần. Và nàng ngạc nhiên trước vẻ kinh ngạc của thanh niên; chàng đứng lại khi nhìn thấy nàng, miệng há hốc sau tấm lưới kẽm, ở bên trong nhà. Tại sao chàng không bước tới mở cửa cho nàng. Lúc đó nàng tự hỏi. Rất lâu, khi nhận ra mình đã bị sự ngạc nhiên chiếm đoạt, chàng vội nói “Dao, đợi anh một lát”.

Đến phiên nàng, chính cái hình ảnh mà chàng vừa xuất hiện dưới mắt nàng, cái hình ảnh ngạc nhiên chiếm đoạt toàn khuôn mặt. Khi chàng đi vào nhà trong, nàng đứng chết trân ngoài cánh cửa và đến lúc chàng trở ra với quần áo trên mình, đột nhiên nàng hiểu tất cả. Chàng mở cửa, nàng đi thẳng vào phòng trong, nàng tìm kiếm, nàng nhặt lên từ mặt giường cái kẹp tóc nằm dưới cái gối vải xanh hoa màu của nàng. Cầm cái kẹp ở tay, nàng hỏi, giọng giận tức :

“Cái kẹp này của ai ?”

Chàng biết không thể chối được, giọng buồn bã :

“Của Vinh đó Dao”

Nàng cười khi nghe trả lời. Nàng nhìn quanh rồi dừng lại ở chỗ cánh cửa sau, cánh cửa còn khép hờ, khuy sắt chưa móc vào khoen. Hiểu ra đó là lối mà một

người con gái vừa mới bước qua, nàng chợt thấy khốn khổ cho cô ta, cho một người khi vào, vào bằng cửa lớn, lúc ra, phải ra bằng cửa hậu, và người đó cũng là đàn bà như nàng. Nàng im lặng, nàng định bỏ đi nhưng chàng đã cố giữ nàng lại. Tưởng có thể làm nàng nguôi giận bằng cách đưa cho nàng cái vé máy bay. Và lúc đó, y như một que diêm cháy ném vào một vũng xăng, lập tức nàng cầm cái vé và xé làm bốn miếng.

“Anh định đuổi tôi phải không ?” nàng hỏi.

“Em quên em bảo anh lấy vé cho em ?”

Nàng khựng lại sau câu hỏi của chàng, bây giờ, bây giờ nàng nhớ lại khi chàng đi đến trạm bán vé thì nàng trên đường đến căn nhà của người bạn nàng. Nàng tính đến đó để nghỉ ngơi. Dọc đường vô tình nàng bị gọi giật, người đàn ông vẫn theo đuổi nàng mang khuôn mặt mừng rỡ dừng xe ở bên kia đường. Hắn bỏ xe chạy qua với nàng. Và sau đó nàng như một vật nổi trên sóng nước...

Trong khi nàng nghĩ về nàng như thế, chàng tự hỏi sau khi bỏ cả buổi chiều, bây giờ ở một chỗ khác, người bỏ về, Vinh đang ra sao. Dù ra sao cũng chắc chắn một điều nàng đang bị tràn ngập, bị chôn dưới sự sụp đổ. Sáu năm với bao nhiêu mộng tưởng tươi thắm rực rỡ và hôm nay sụp đổ tan nát. Sự sụp đổ để lộ ra phía bên kia, một khía cạnh khác của đời sống, của sa đọa một người, của một người sa đọa trầm trọng về xác thịt, là một tình cảnh mà nàng chưa thể thông cảm, hiểu được và sẽ không tin dù được giải thích. Tình thế đã lật ngược tất cả.

-Anh đang nghĩ gì? Nàng hỏi trong bóng tối vẫn dày đặc của căn phòng.

-Anh có lỗi với em, anh chỉ nghĩ được điều đó.

-Anh nói dối, anh đang hối tiếc, anh đang nghĩ về Vinh?

-...

-Ngày mai tôi nhường chỗ nằm này cho Vinh của

anh.

-Chẳng bao giờ Vinh còn đến đây nữa...

-Giọng anh nghe ngậm ngùi quá.

-Không, anh cũng không tệ với Dao khi đem Vinh về đây. Anh cảm thấy anh đã thất lạc hết đầu óc anh mở hoác trống, lúc đó thói quen anh không có em thì phải có người khác, bất cứ người nào, và anh không thể ngờ người ấy lại là Vinh, người đã từng kính trọng anh từ những năm trước đây, y như em...

Trong bóng tối, chàng nói, và chàng tìm kiếm, cảm lấy bàn tay nàng, trong một lúc quên đi tất cả, chàng ép khuôn mặt buồn rầu của chàng xuống khuôn mặt nàng. Hồi chiều, một khuôn mặt khác. Ngược lại, đêm hôm qua, người đàn ông không phải là chàng cũng đã bám riết lấy đôi môi nàng như chàng lúc này...

Và cảm giác sau khi nghe ngóng, sau cuộc, dù còn bờ ngõ, hai người thấy cảm giác do xác thịt mang lại với người này cũng giống với người khác. Việc chung chạ không phải ghê tởm như trong trí tưởng, như khi hình dung ra cảnh mình bị phản bội, việc chung chạ cũng tự nhiên, bình thường...

Đột nhiên nàng hỏi:

-Vinh với anh thế nào?

Câu hỏi làm chàng rơi vào mục đích của nàng. Điên cuồng, chàng nói, dĩ nhiên trong kích thích của tưởng tượng với người khác, của xúc động bất ngờ sôi nổi :

-Cũng như em vậy.

Câu nói của chàng làm nàng nhắm mắt lại và cảm giác rung lên như một giây đàn đứt. Nàng nằm bất động, rã điếng, chết.

Khi xong, giống như những đêm gần đây, chàng chìm ngay vào một giấc ngủ, khi tỉnh dậy, dù ở bên cạnh, nàng hoàn toàn mê thiếp, chàng vẫn lay thức nàng, có nhiều khi nàng không thức nổi, vậy mà chàng cũng không hề dừng lại... Riêng đêm nay, đặc biệt chàng không để cho nàng ở trong tình trạng đó, chàng

hỏi, làm như điều chàng hỏi có thật, chàng đã biết :

-Dao, em đi hai ngày vô cớ, sao em lại mang theo những quần áo trông khêu gợi nhất?

Câu hỏi làm nàng tỉnh ngay lại, vì nó chạm đến sự thật của nàng. Nhưng rồi nàng làm bộ như không chú ý đến câu hỏi. Giữa lúc đó thì câu hỏi đã đặt ra, chàng chợt đau đớn cảm nhận đó là đầu mối của sự thật đang bị giấu diếm. Với bản chất hời hợt, chàng không ngừng lại được trước điều chàng vừa cảm nhận :

-Em ở đâu hai đêm qua ? Giọng chàng câu giằn :

-Ở nhà Bảo Trâm, anh không tin thì tới đó mà hỏi. Nàng trả lời với cố gắng cứng cỏi.

-Em ở với thằng nào phải không ? Chàng bắt đầu hỏi như một tên thô lỗ.

-Không, anh có thể nghĩ về tôi như vậy sao, nàng phóng lớn vẻ cố gắng cứng cỏi thêm lên.

-Tôi thấy cô lạ lắm.

-Anh đừng tưởng tượng chứ. Anh bị bắt gặp quả tang mà anh lại định sắm vai gì đây. Xong đi cho tôi còn ngủ. Anh thấy như thế này có kỳ cục không ?

Quả là kỳ cục bị đặt thảm thương vì tất cả đang xảy ra ngoài tầm kiểm soát của người thanh niên, và trong sự việc hẳn là nạn nhân của một đời sống thống khổ, đã trốn lủi vào những cảm giác xác thịt. Chính vì thế người thanh niên buồn bã phải nhìn thấy hẳn bị phơi bày phần bản chất thuộc về cái xấu. Thuộc về cái xấu, đen tối như lúc này, sau khi tra gặng đến mức hết có thể chịu đựng, nàng đã nhìn nhận hai đêm mà chàng đã nghi ngờ trùng khít lên câu hỏi của chàng, nghĩa là nàng đã phản bội chàng. Khi được trả lời như vậy, lập tức nàng không thể ngờ nàng bị nhả nước bọt vào mặt, tiếp đó là một cái tát tàn bạo cục súc. Bắt đi một lúc như đứa trẻ bị ngã xuống từ độ cao rồi nàng hét lên :

-Đồ tồi, không ai tồi như mày hết.

-Mày hả?

-Mày đó!

-Mày phải không? Nhắc lại một lần nữa xem.

-Mày, mày.

Lập tức, không còn là những cái tát, mà giận dữ đã biến cái giường thành một võ đài. Bởi vì họ chồm đứng lên, và chàng, một tay nắm tóc, một chân thúc gối vô bụng nàng. Nàng “ư” lên một tiếng rồi rũ xuống chân chàng, biến cái giường thành một sân khấu của hai kẻ sa đọa, trong một cảnh tượng bi đát trần trụi nhất.

Nàng nằm im và nghe nước mắt mình ứa ra, trong khi chàng thần thờ như một người bị mộng du trên cái sân khấu tối đen của họ, của hai người trẻ tuổi. Và trong những cơn tình cảm tồi tệ ngập lụt họ, hai người ở thật xa với ngày thứ nhất, những ngày họ cùng hướng vọng tới tương lai, nghĩa là những ngày bây giờ bằng thứ mộng tưởng rực rỡ và xanh tốt nhất. thay vào cái mộng tưởng đó, bây giờ họ không kiểm soát được rằng họ đã rơi vào một tương lai của lúc đó, nghĩa là những ngày bây giờ, một cách tồi tệ, khốn khổ, đau đớn. Nàng nằm im sau khi hung bạo chống cự hoặc chống trả. Thấy nàng nằm im, đột nhiên chàng như rũ xuống, và hai bàn tay rờ rẫm tìm kiếm thân thể nàng. Bây giờ nàng nằm sấp, mặt úp vào hai bàn tay đặt ngửa trên vải gối. Nàng nghe từng lúc nước mắt đầy lên ở hai lòng bàn tay. Đột nhiên nàng nhớ đến khuôn mặt cha nàng, đến mái tóc trắng, đến tấm hình của mẹ nàng trên bàn thờ ; và tự hỏi không biết lúc này ai thấp nhang, thay hoa thay nàng. Anh Đặng, anh Thừa hay cha nàng ? Không biết lúc này cha nàng có còn tìm kiếm cảm giác trong những canh bạc thâu đêm và hay say sưa nghiêng ngã trên sự đổ nát vì người vợ trẻ của ông, người đàn bà mà nàng còn thù hận cho đến chết. Khi nghĩ chính cái chết của mẹ nàng đã ảnh hưởng một cách khốc liệt đến đời sống nàng, nàng bỗng nấc lên. Dù vẫn nghĩ, chỉ vì trong một tình trạng đọa lạc, và vì yêu nàng với một tình yêu mãnh liệt, nên chàng mới cư xử với nàng như lúc này, nàng cảm thấy nàng cần phải bỏ đi...Nghe tiếng nấc của nàng,

chàng vội lay nàng, gọi tên nàng và chàng bảo nàng có thể cứ khóc cho hả. Sau đó, chàng nhẹ nhàng kéo bỏ thế nằm sấp. Chàng cúi hôn khuôn mặt đầy nước mắt của nàng. Thật tội nghiệp cho nàng, chàng nghĩ, và chàng cảm thấy chàng thật tội tệ. Nàng đã bỏ cả gia đình để đi theo chàng, điều này có nghĩa nàng đã từ chối một hoàn cảnh đầy đủ và phải sống thiếu thốn vì chàng, vậy mà bây giờ nàng còn phải chịu dày vò, hành hạ. Đành rằng chàng không muốn như thế cũng như chàng không hiểu vì sao chàng đã độc đoán, chủ quan và ích kỷ, nhưng sự chịu đựng của nàng cũng phải có một giới hạn...”Mình phải ngừng lại” chàng tự nhủ.

-Đốt một ngọn nến lên đi, đột nhiên nàng lên tiếng.

-Tôi muốn nói chuyện với anh, nàng nói tiếp.

Chàng sờ soạng tìm kiếm, ngồi lên, đánh diêm. Chàng nhìn vào chỗ thường để cây nến, nhưng không thấy đâu. Que diêm tắt, để lại một khúc than hồng nhỏ cong queo rồi tắt hẳn. Chàng đánh một que diêm khác. Nàng đưa cho chàng cây nến mà nàng vừa tìm thấy ở dưới chân giường, đã gãy làm ba khúc. Lửa cháy, chập chờn.

-Anh hãy cố bình tĩnh, đây là lần nói chuyện sau cùng của chúng ta. Tôi muốn nói hết và tôi cũng muốn được nghe anh nói hết. Chúng ta sẽ nói hết với nhau.

-Em bỏ đi ?

Nàng gật đầu.

-Em định đi đâu khi em rời đây ?

-Anh không nên biết, nếu biết anh sẽ đến tìm tôi.

-Anh không thể sống một mình lúc này được, Dao.

-Anh phải cố.

-Anh sẽ cố, nhưng bây giờ anh chỉ bằng lòng để em đi, nếu em trở về với ba.

-Việc ấy có dễ không, theo anh ?

-Nhưng em định đi đâu ? Em đến đâu khi rời đây ?

-Tôi về bên chị Nữ

-Em để anh đưa em đi ?

-Anh quên là bà ấy không muốn nhìn thấy mặt anh, cũng như ba tôi.

-Nhưng nếu anh không tin được em đến với bà ấy, anh sẽ giữ em ở lại đây.

-Để tiếp tục như thế này. Không, không bao giờ.

-Dao, em đi mới có hai ngày mà anh không chịu nổi, anh phải thú thật bây giờ anh mong em ở lại. Anh sẽ bình tĩnh như trước. Anh hứa.

-Nếu anh không chịu nổi về điều cần thiết một người đàn bà, anh đi tìm và đem cô Vinh về đây thay tôi.

-Em quá đáng... Chuyện về Vinh chỉ là một trường hợp đầy sự ngộ nhận, anh không ngờ, anh chỉ nhận ra khi thấy em đứng ở bên ngoài cánh cửa, anh đã làm hỏng tất cả, giữa anh và em, giữa anh và Vinh.

-Giọng hối tiếc của anh đáng được thông cảm, nàng nói, nét mặt bình thản làm chàng không hiểu nàng, nói theo một nghĩa nào, bĩ thữ hay thành thật. Sau đó chàng xem như thành thật. Và chàng nói :

-Trong ý nghĩ Vinh bây giờ và bây giờ của ngày hôm qua trở về trước anh là hai hình ảnh rục rờ và nhơ bần.

-Dù anh vẫn là anh, vẫn là một người. Đáng buồn thật. Lần này nàng nói, rõ ràng với giọng dè bịu.

Chàng im lặng.

Nàng với tay lấy bao thuốc lá ở góc giường, lấy một điếu, tự đánh diêm. Khói thuốc tỏa ra trước khuôn mặt đẹp, hốc hác, thiếu ngủ của nàng. Nhưng chàng không nhìn thấy như thế, chàng bắt đầu nghĩ đến Vinh, chắc đêm nay nàng thức trắng, khôn khổ vì vết thương vừa mắc phải.

Trước mặt chàng, điếu thuốc trong tay người bên cạnh sau những hơi dài, đã cháy gần hết. Nàng dụi mẩu thuốc trong cái gạt tàn bằng sành. Nhìn thân thể nàng thân nhiên, tro dạn, chàng chợt liên tưởng tới hình ảnh của những người con gái đọa lạc trong các nhà chứa hoặc trên màn ảnh. Hình ảnh của nàng lúc này trùng khít với hình ảnh của những thiếu nữ đó. Buông hai ngón tay

khỏi mẫu thuốc đã dụi tắt, nhìn chàng, nàng hỏi từng tiếng :

-Anh không còn gì còn cần nói nữa ?

-Em vẫn nhất định ?

Nàng gật đầu.

-Anh sẽ giữ các cửa, anh phải làm như thế.

-Tôi không ra bằng cửa sau đâu. Tôi nghĩ từ lúc này tới sáng chúng ta sẽ thỏa thuận để tôi rời đây.

-Nếu anh bình thường, em nói thế, anh sẽ không ngăn em. Nhưng anh đang cảm thấy anh phải có em.

-Để làm gì ?

-Một vật nổi cho anh khỏi chìm xuống.

-Không, tôi đi, anh sẽ nổi lên.

Sau cùng, nàng thuyết phục được chàng bằng lời hứa nàng chỉ đi để chàng lấy lại bình thường, sau đó nàng sẽ trở về... Tim xong quyết định cả hai người trong một lúc cảm thấy như được bay lên khỏi tình trạng bò sát trên bùn lầy như những con vật.

Nhưng ý nghĩ đó của người thanh niên chỉ có giá trị nhất thời, chỉ tìm thấy được trong một lúc, sau đó, như ngọn lửa bùng lên để tàn lụi, hai ngày sau khi người thiếu nữ vắng mặt trong căn nhà, những người ở các căn nhà kế cận, vì mùi tử thi, đã phát giác ra cảnh tượng thuộc về người thanh niên : Xác anh ta trần truồng với hai ống chân ở trên mặt đất, trong khi cổ bị siết lại bởi một sợi dây có những con ruồi đậu im lìm, đầu sợi dây thấy cột vào thanh sắt nằm ngang với trần nhà. Không ai biết một điều riêng tư thuộc về người thanh niên : trong mùi tử thi có mùi dục tình mà người chết đã tự tìm thấy.

(tuần báo Khởi Hành số 153 ngày 18/5/1972)

MANG VIÊN LONG

Nếu có một ngày

Quay lại nhìn, Thước thấy chiếc xe Lam đã nổ máy trên xe chỉ có vài ba người, mấy người lính vẫn còn ngồi trên nền lều chợ, trước cổng trụ sở áp lui tới những bóng áo đen, ánh nắng buổi trưa mùa hè khiến cho tất cả trở nên yên lặng, lười biếng, và có chút gì như là buồn bã. Chiếc xe đã rời khỏi khu chợ, tiếng máy nổ rú lớn, kéo dài nhỏ dần, nhỏ dần tan biến rời rạc yếu ớt trong bầu không khí oi gắt, tĩnh mịch. Chiếc xe đã chạy, không còn một âm vang nào vọng lại chỗ Thước, chiếc xe quay đầu trở lại thị xã để đón những khách bộ hành trở về muộn màng; Thước bỗng đứng thấy sự vắng vẻ ngộp ngạt bao trùm. Nàng bắt đầu cảm cúi bước, giục những bước chân cùng lúc những ý tưởng lơ mơ hiện rõ dần trong đầu.

Qua khỏi ngã rẽ qua Long Tường, Thước dễ thấy đồng ruộng hai bên đường thực quang đãng, trồng trái vắng ngắt trong ánh nắng chói thánhtư. Cánh đồng mênh mông, trơ gốc rạ cháy nham nhở, chỗ vàng chỗ đen, cánh đồng trông bằng phẳng. Đồng thời nàng cũng nhận thấy rằng con đường đất trước mặt nàng cũng thật là thấp, chỉ cao hơn mặt cánh đồng một chút. Con đường lồi lõm gập ghềnh, nhưng so với những đường quê khác thì đó là một con đường khá rộng. Hèn gì tới mùa mưa, chỉ mưa vài ngày, con đường lầy lội và có những quãng ngập nước. Bây giờ con đường đã khô khốc, đất sét màu vàng, thỉnh thoảng có vài cơn gió làm bụi thóc bay vút lên. Gió từ hướng Tây Bắc, phía núi, gió khô nóng làm cho da mặt se se khô rám khó chịu.

Thước tình cờ quay lại nhìn quăng đường đất phía

sau: Một người lính vác hai cây mía trên lưng đang bước tới, có vẻ vội vã, lật đật như chạy. Thước lại ngó trông ra cánh đồng phía trái, những đám ruộng đã gặt gốc rạ cùn thấp có nhiều trũng chầy, đám tre lơ nhố bu quanh một khúc nương cạn, bờ lau không còn bóng tối hay rườm rà của mấy tháng mưa. Không còn màu xanh nào trên khắp cánh đồng ngoại trừ hai cụm núi ở giữa đồng như những gò đất cao. Ngó lâu, Thước tưởng tượng hai cụm núi như hai con rùa bò lồm cồm trên mặt nước đục vàng. Tiếng lũ nhỏ mò cá ở khúc nương chốc chốc vắng lại nghe mơ hồ và không tạo được một vang động nào lâu dài. Buổi trưa vẫn nắng. Bầu trời xanh cao. Con đường cũng vắng tênh. Tuồng như là ánh nắng chói gắt của tháng hạ đã khiến cho cảnh vật trở nên im ắng vắng một cách dễ sợ.

-Cô, cô à ...

Tiếng người lính gọi phía sau, Thước nghe nhưng chân cứ bước xuống trũng nương. Mấy tấm vỉ sắt bắt qua dòng nước đục, đoạn đường gồ ghề, bờ lau hai bên nương khô vàng ngã rạp, chỗ đất dưới mặt nương khô nứt nẻ. Hồi tháng mưa, tới chỗ này Thước đã phải cuốn quần lên trên vế mà cứ bị ướt, có kẻ sợ phải chờ ghe. Hai thằng em nằng nặt khúc nương này lắm vì mẹ lấy lý do khó đi, lỡ sẩy chân nước cuốn ra giữa đồng mênh mông nước thì sao, nên dằn ứ mà chúng vẫn không có cách nào hơn là buồn bã ngó theo Thước. Lần này thì bà kêu nắng, ở nhà học thi vào lớp sáu cho đỡ, đỡ rồi mày muốn đi bao nhiêu lần thì đi. Thước rất muốn đem chúng cùng đi cho vui khi nghĩ tới chặng đường dài vắng vẻ, sẽ rủ chúng ghé qua Mậu Lâm mua mía, thăm thím Tím xin bắp về nướng; nhưng không muốn làm phiền mẹ và mất giờ học của em nên đành ra đi một mình. Thước đã nghĩ, nếu vắng chúng, nằng sẽ không ghé qua Mậu Lâm, đi thật nhanh để trở về trước buổi chiều.

-Cô, cô à ...

Thước quay lại :

-...

Người lính đã qua khỏi mấy vĩ sát, bước lên trũng nương thấp, hai cây mía vẫn còn vác trên vai như lúc nãy. Trông bộ anh ta như mệt. Thước nhớ tới tiếng kêu của anh lần đầu khi nàng bắt đầu qua nương. Nàng cảm cúi bước , bước, bước, bước. Nặng đồ chéch từ trên đầu, bóng nàng gãy gập, nhỏ, chập chòn trên mặt đường đất gồ ghề.

Người lính kêu :

-Cô về đâu ? Cô sợ tôi à ?

Tự dưng Thước đi chậm lại. Nàng tỏ vẻ không sợ. Ngược nhìn lên dãy núi trước mặt, nàng quay nhìn cánh đồng hai bên đường như thể là không chú ý gì tới tiếng kêu của người lính đi sau. Thước lại nghĩ tới ý định đem theo đứa em, giá có đứa nào ở đây chắc là nàng không bối rối quá như thế.

Người lính nhìn nàng, cười – nụ cười tự nhiên niềm nở quá : “Cô về Mậu Lâm chắc?”

-Không .

-Cô lên Ngọc Đồng à ?

-Không.

Người lính lại cười – lần này thì tiếng cười anh vang lên một cách vui mừng :

-Không về Mậu Lâm, không lên Ngọc Đồng, chắc là cô tìm lên rừng, lên núi?

Thước cười. Nhìn. Nàng chợt nhận thấy nét hiền hậu dễ thương trên đôi môi cười cợt của người lính lạ. Dầu chỉ nhìn một thoáng, khuôn mặt, nụ cười, ánh mắt kia tự dưng tạo cho nàng một nỗi tin tưởng nhanh chóng đến nàng cũng ngạc nhiên. Ở khuôn mặt, vóc dáng, lời nói của anh ta như bộc tỏ ra một sự chân thực khác lạ, dễ gây cảm mến tin yêu nơi Thước. Nàng băn khoăn tự hỏi, sao lại có thể dễ để lòng tin tưởng vào một người chưa hề biết mặt một lần? Nàng nhìn. Người lính cười : “Cô thăm ai trên ấy chứ gì ?”

-Tôi thăm ai ông hỏi chi ?

-Tôi xin lỗi vì quá tò mò, nhưng hỏi để quên nắng mà, nắng khó chịu quá.

Thước nhìn lơ đãng tới dãy núi Miếu phía trước, những cụm đá trắng nổi trên màu đen sậm của cây lá đây, ngôi mộ nằm trơ trọi bên đường phía xa, chân bước phân vân. Nàng đã làm cho khuôn mặt người lính nóng đỏ, bộ áo quần mốc trên người anh thêm xốc xếch, hai cây mía lắc lư trên vai anh trông nặng nề. Họ đi bên nhau một quãng đường. Con đường nắng.

-Quê cô ở trên đó chắc ?

-Không, ở dưới chợ.

-Cô về thăm bà con ?

-Thăm bà con.

-À, cô nói ở dưới chợ, ở dưới chợ sao tôi không biết?

-Ông làm như ai ai ông cũng biết hết.

-Biết chứ.

-Quê ông ở đâu ?

-Quê tôi ở đây.

-Tôi không nói chuyện với ông nữa, nghe giọng nói cũng biết ông ở đâu rồi, hỏi là hỏi vậy thôi.

-Cô giận tôi là phải, nếu cô ở vào hoàn cảnh như tôi thì sẽ nói như tôi: Xưa nay tôi đi tới đâu đều cho là quê của mình. Nếu không nghĩ thế thì buồn chịu không nổi. Giờ thì biết tới khi nào tôi được trở lại quê nữa? Thước quay nhìn người lính, đôi mắt có vẻ gì thương xót. Nàng nghĩ tới nhận xét tin tưởng lúc đầu, thấy mình không hời hợt hay nghĩ sau lăm. Ở giọng nói như lơ đãng, như buồn bã kia Thước tìm thấy rất nhiều lòng thành. “Giờ thì biết tới khi nào tôi được trở lại quê nữa.”

Thước chột ngược lên nhìn người lính, thật lâu. Nàng hỏi : “Ông có nhớ quê không?”

-Không.

-Sao lạ vậy?

-Tôi đã nhớ quá nhiều rồi nên giờ không còn nhớ được nữa. Ở cái cảnh tôi mà thêm một sự nhớ thương

nào cũng khổ. Chắc cô chưa lúc nào nghĩ vậy?

-Chưa - Thước cười, quanh quần mãi ở nhà thì làm sao biết nhớ thương gì?

-Cô nói chuyện nghe hay quá.

-Ông đừng có nhạo tôi à.

-Không, tôi nói thiệt. Có lẽ cô còn đi học?

-Nghỉ học lâu rồi, ông có nghĩ là con gái học hành chi cho nhiều không?

-Không. Tôi chắc không có ai nghĩ vậy đâu.

-Có chứ, mẹ tôi nghĩ vậy, tôi cũng nghĩ vậy nên nghỉ học, để cho hai thằng em trai học. Con trai thì nên học hơn.

Hai người đi gần tới ngôi mộ cổ. Ngôi mộ khá lớn, xây tường bao bọc cẩn thận, có chiếc cổng vôi dẫn vào bên trong. Cỏ cây mọc lan tràn, quanh quẽ. Sau lưng ngôi mộ là dãy núi Miếu đá trắng lờm chờm, cỏ cây ít màu xanh, màu nắng ở đó trông thực chói mắt. Người lính bỗng dừng lại, mặt hướng nhìn ngôi mộ, quan sát một cách thích thú. Anh quay lại hỏi Thước:

“Cô biết ngôi mộ này của ai không?”

-Nghe mẹ tôi nói của dòng họ Tạ nào đó, tôi không biết nữa.

-Chắc là giàu lắm mới dựng được ngôi mộ thế này?

-Mẹ tôi kể lại dòng họ này giàu lắm, chỉ thua ông Bang Liềm một chút.

-Sống có cái nhà, chết có cái mồ. Được cái mồ thế này là nhất rồi phải không?

Thước bỗng thở dài :

-Lúc còn sống thì còn thứ này thứ nọ, chứ chết rồi mà cần chi nữa, cho khổ ?

Người lính nhìn thực nhanh lên mặt Thước, có vẻ xúc động vì câu Thước vừa nói. Anh nhìn lơ đãng ra cánh đồng : “tôi cũng nghĩ như cô vậy”, rồi cung tay bẻ gãy cây mía.

-Mời cô ăn cho vui...

-Cám ơn, tôi không khát !

-Đâu phải khát mới ăn, ăn cho vui mà.

Thước đỡ khúc mía từ tay người lính, đôi mắt hơi bờ ngỡ, và như nàng cũng đang e ngại điều gì nữa. Người lính thần nhiên xiết từng lóng mía, nhai ngoàm ngoàm, trông anh ta đứng đưng và sung sướng. “Ăn đi, còn một cây nữa”, người lính thúc.

-Ông đến đây lâu chưa ?

-Gần một tháng, tới để thay cho tiểu đoàn trước phải dời đi Pleiku.

-Chắc ông đi lính đã lâu rồi ?

-Cũng lâu rồi.

Thước cười ngập ngừng:

-Đi lính khổ nhĩ?

Người lính cũng cười:

-Khổ.

Dừng một lát, anh hỏi:

-Cô có sợ khổ không?

Thước nhìn người lính với đôi mắt trêu mến, vui thích:

-Mẹ tôi thường nói có khổ mới nên thân.

-Cô ngoan ngoãn quá. Tôi nghe cô cứ nói “mẹ tôi nói” chớ ít khi nghe “cô nói.”

-Tại tôi còn nhỏ. – Thước che tay lên miệng cười, còn nhỏ phải nghe người lớn nói chớ?

-Biết nghe lời vậy tức là ngoan ngoãn rồi, còn gì?

Họ đã ăn hết hai cây mía, cả hai cùng muốn bước đi một lúc khi thấy sự im lặng trở nên nặng nề. Đi được vài bước người lính thấy tiếc những giây phút dừng lại trước ngôi mộ, nửa muốn tìm cách dừng lại một lần nữa, nửa thấy ngại ngùng. Anh nghĩ tại sao không rủ cô gái vào nấp dưới cổng ngôi mộ một lúc cho đỡ nắng? Được vậy, có lẽ, anh sẽ gần gũi hơn với cô ta ngoài những câu nói xa xôi xa cách. Giờ thì biết còn dịp nào có thể đi trở lại đoạn đường êm ả này một lần nữa?

-Ông đi Mậu Lâm à ?

Người lính chợt ngẩng lên, trước mắt anh chiếc cổng

gỗ nhỏ có viết “Ấp Mậu Lâm”, phía trên có hàng chữ xanh viết trên nền sơn trắng “Chào Mừng Quan Khách”. Anh cười : “À, tôi đi Mậu Lâm”.

-Thôi ông đi ...

Thước nói vừa dứt câu, nôn nã bước lên dốc núi rẽ qua Ngọc Đồng. Đoạn đường dốc đá trắng, nắng chói lòa, hơi nóng ngột ngạt khó chịu. Ấp Ngọc Đồng, những căn nhà tranh trét đất nhỏ xíu, vùng đất cát cằn cỗi, những cánh đồng lặn đận, người đi góa bụa với bầy con nheo nhóc lam lũ, núi đồi bốn phía hoang vu bất trắc; Thước cảm thấy lâng lâng buồn với những hình ảnh sắp hiện ra trong mắt nàng. Nàng ngược lên nhìn chiếc cổng gỗ một cách vô tình : “Chào mừng Quan Khách”, nghĩ rằng có con ma nào chịu quá bước đến đây đâu - chỉ có những người khách như nàng mới bước qua chiếc cổng, để tìm thăm một người bà con đang khốn đốn mà thôi.



Có chị Thước ở nhà không Nguyên?

-Dạ không. Chị Thước mới đi Tuy Hòa rồi.

-Tuy Hòa với má hả ?

-Đi với má với anh Tín,

-Chị vậy Nguyên ?

-Chị em cũng không biết nữa.

-Bộ má không nói gì sao ?

-Má có nói ở nhà coi nhà một chút má về.

Toàn nhìn lên mặt đồng hồ, một giờ mười, anh nghĩ sẽ đợi Thước cho tới hai giờ, còn năm mươi phút nữa. Anh ngồi ở tấm phảng kê ngoài hiên, bồn chồn nhìn ngó khắp sân nhà: Chiếc lẫm đất kín mít chứa lúa, những chậu hoa vạn thọ, những cột rom cao, bầy chim sẻ chập chòn, chiếc võng mắc dưới hai cây dừa, nắng hanh vàng buồn bã. Anh ngồi dựa lưng lên vách, lấy thuốc hút, đặt cả bao thuốc và chiếc máy quạt lên phảng. Anh nghe rõ sự hồi hả, buồn phiền mỗi lúc một dâng lên lồng ngực nặng, đôi mắt hoa mờ, đầu óc quay cuồng những ý

tưởng nhập nhằng rối loạn. Thước đi Tuy Hòa làm gì, bao giờ mới về kịp? Nhiều lần anh định kêu thẳng Nguyên lại hỏi, nhưng cũng vừa chột nhớ là nó cũng không biết : “Chi em cũng không biết nữa”. Thước với khuôn mặt bầu bầu đôn hậu, mớ tóc cột bằng một sợi dây vải hoa, những lời lẽ né tránh tội nghiệp với câu mở đầu “mẹ tôi nói, mẹ tôi...” trong buổi sáng đầu tiên tìm tới nhà, những quyển tiểu thuyết của Võ Hồng, những tập báo quay ronéo cũ lúc còn đi học với những bài thơ sâu tình, những nụ hôn bột chạc giấu giếm phía sau bờ giềng, mơ ước theo chuyến tàu lửa đầu ngày chạy thẳng vào Nam theo chân người tình với một đứa con tình nghĩa (...); anh nhớ lại hết thấy những hình ảnh mơ tưởng rời rạc quanh Thước với một tâm hồn yên tĩnh, đắm chìm vào một cõi mộng mơ hồ. Thước đã nói:

-Em mơ hồ thấy đời em giống như Thanh Phương trong truyện “Đôi Ngã”, em có một tâm trạng như cô ta: “Số em long đong lắm. Yêu nhầm những người không thể cưới mình được. Người yêu mình thì mình không yêu lại nổi”.

-Không có điều gì là chắc chắn em sẽ như vậy cả. Đừng có để cái cảm tưởng hay định kiến theo kiểu tiểu thuyết để làm khổ đời mình. Cái số của em, theo cái tài coi tướng của anh, thế nào rồi em cũng sung sướng.

-Anh vin vào cái gì ?

-Cứ nhìn vào khuôn mặt, với lại ngoan ngoãn hiền hậu như em mở miệng ra là “mẹ tôi nói, mẹ tôi dạy...” thì chắc hẳn phải sướng...

-Thầy tướng như anh thì kỳ cục hết chỗ nói. Ai lại vin vào mấy cái có mơ hồ đó mà bói?

-Vậy mà anh còn hơn em.

Bây giờ Toàn mới thấy rõ điều mà Thước “mơ hồ thấy” trước kia, nay đã dần trở thành một sự thực: chuyến đi chuyển đột ngột bằng trực thăng hai giờ chiều nay đã bắt đầu cho cái số long đong, phiền muộn của

nàng. Không ngờ, những gì thuộc về linh tính của đàn bà, đều có thể xảy ra. Xảy ra thực tình cờ và gọn gàng như một cái lệnh ngắn, một buổi chiều.

Toàn đột nhiên đứng dậy, rời phảng bước vào nhà. Căn nhà ẩm thấp hơi tối, hai chiếc bàn thờ với ảnh hình khung gỗ phủ vải đỏ lư đèn yên tĩnh, chiếc ghế bố gần cửa sổ bày lộn xộn những tập báo cũ, tấm áo ngắn tay màu xanh sửa từ chiếc áo dài thời còn đi học đã cũ bỏ cạnh giường, bình hoa trên kệ sách đã khô héo. Anh bước tới ngồi ở ghế bố, chỗ nằm của Thuộc, cầm một tập báo cũ lên xem: Những tập báo quay renéo của những năm còn trọ học ở Tuy Hòa, những bài thơ Thuộc làm với những cuộc tình buồn, mấy đoạn văn viết cho tuổi nữ sinh thơ mộng. Tự dưng Toàn thấy tình yêu thương Thuộc ngập tràn trong hồn anh. Nghĩ tới đi vắng xanh mộng và hiện tại cô quạnh của nàng, anh nghe tim mình se sắt, quặn buốt. Rồi những ngày kế tiếp mà nàng bước tới sẽ như thế nào?

Một tấm giấy có viết bài thơ đang còn dang dở rơi xuống mặt vải giường, Toàn cầm lên – chăm chú đọc :

*“Ngồi nhìn những đốt tay dài
Cuộc đời tẻ lạnh hai vai trắng gầy
Môi hồng nhuộm thắm men say
Như hôn rữa nát đắng cay tuổi đời
Tương lai không nói nên lời
Ngàn năm giấc ngủ giữa trời cô đơn...”*

Anh xếp tờ giấy bỏ vào túi áo, đứng dậy rời khỏi cửa sổ, đi lững thững ra phía sau vườn, đi quanh thềm giếng rộng, ngược nhìn những tổ chim sẽ treo lủng lẳng trên cành tre, nhìn ngó vu vơ ra cánh đồng bên kia hàng rào, đầu óc miên man nhớ Thuộc quay quắt: Thuộc của buổi trưa bên ngôi mộ cỏ với hai cây mía xa lạ kín đáo, Thuộc của buổi sáng đầu tiên gặp lại bờ ngõ sợ hãi, Thuộc của những lần riêng rẽ sau bờ giếng nồng nàn,

Thước của những nụ hôn sôi nổi nhưng ngậm ngùi, Thước của hy vọng một ngày nào theo chuyến xe lửa vào Nam (...) Thước bây giờ sao chưa thấy về? Toàn vội vã trở vào nhà - Anh lấy một tờ giấy trong vở học của Nguyên viết cho Thước một cái thư. Chỉ còn cách đó. Đã hai giờ mười phút.

“Bạch Thước yêu dấu,

Có lẽ em sẽ buồn khi nghe anh báo tin này: Anh phải rời xa đây ngay buổi chiều hôm nay. Đó là một sự tình cờ đã khiến anh khổ sở, Anh đã nói với em hôm gặp trên đường đi Mậu Lâm rằng ở cái cảnh anh mà thêm một sự nhớ thương nào cũng khổ. Bây giờ phần anh, anh đã nhận sự khổ đau này như một an ủi để luôn luôn nhớ tưởng em đâu ở phương trời nào. Còn em, điều anh muốn nhắn nhủ sau cùng là em đừng để cái định kiến long đong hay buồn bã gì đó của Thanh Phương làm em buồn rầu, khổ sở thêm. Hãy để cho sự đau khổ nung nấu thành sự hy vọng, và hãy coi sự xa cách là để bắt đầu cho một ngày nào gần gũi tha thiết. Cũng sẽ có một ngày nào xe lửa khởi hành. Xa anh, em hãy cứ viết những bài thơ gửi cho anh đọc như bài thơ anh vừa đọc được chiều nay. Đó là một cách bày tỏ, an ủi nồng nàn để em không còn thấy rằng chuyến ra đi của anh là biệt biệt. Anh sẽ trở lại, một ngày nào, em hãy cứ tin như vậy. Anh muốn em có nhiều niềm tin tưởng hơn là sự buồn phiền. Em có nghe anh ?

Gấp gấp quá, Bạch Thước yêu dấu, anh chưa thể nói hết cùng em nỗi lòng anh trong giờ phút xáo trộn đột ngột này. anh sẽ viết tiếp cho em những cánh thư, những cánh thư dài đầy ánh nắng của con đường đi Mậu Lâm, Ngọc Đồng; những ánh mắt nụ cười ngây ngất, và những nụ hôn kỷ cục nhưng quá hân hoan sau bờ giếng. Cho anh gửi lời từ giã má, Tín và Nguyên. Lần chót: Mong em buồn nhưng đừng bao giờ thất vọng.”. Toàn xếp thư, gọi Nguyên vào dặn: “Chị Thước về, em đưa cho chị Thước cái thư này giùm anh, nghe chưa?”

- Nguyên hỏi lại:
-Đưa cho chị Thuộc à ?
-Cho Chị Thuộc.
-Có nói gì nữa không?
-Thôi, khỏi nói gì nữa, có dặn cũng dài dòng em không nhớ hết đâu.
-Em nhớ mà.
-Biết rồi, thôi anh đi nghe Nguyên, ở lại mạnh giỏi?
Ra khỏi vuông sân, chợt anh hồi hải chạy vào trong nhà. Anh đi thẳng tới chiếc giường bố cạnh cửa sổ. Anh cầm tấm áo ngắn tay màu xanh của Thuộc lên, vội vàng xếp bỏ vào trong túi quần. Quay đi...

1972

(Tuần báo Khởi Hành, số 151 – 1972)

Thơ trích

LTS: Những bài thơ trích sau đây phần lớn được trích từ Bộ Thơ Miền Nam trong thời chiến do Thư Ấn Quán xb.

Duy chỉ có bài thơ “người ngoài hoang đảo” của Tô Thùy Yên chúng tôi không tìm thấy trên NET, nên đăng lại để chia sẻ cùng bạn đọc.

TÔ THUYỀN YÊN

người ngoài hoang đảo

Việc lớn không thành
Chí lớn không tan
Hận lớn không nguôi
Thân giam đảo hoang
Bốn bề biển xanh
Một mái tóc vàng
Nước đựng ống tre
Cơm đựng vỏ sò
Xương đựng da nhẵn
Ngày tháng lê thê
Mưa không thay phiên
Gió mùa đổi hướng
Cười khóc một mình
Tâm sự ai hay
Cụm mây trôi qua
Đâu còn thấy lại
Chim bay giăng giăng
Sáng sớm chim đi
Chiều tối chim về
Đôi cánh thông dong
Ta ngắm đôi chân

Thời gian quá dài
Cuộc đời quá ngắn
Muốn nhớ không nhớ
Muốn quên không quên
Muốn đi không nơi
Núi đã đập tan
Hận chẳng hạ mòn
Sầu không nát vụn
Ta giấu đôi tay
Tên họ một người
Lược sử một đời
Khắc trong vách núi
Ghi trên thân cây
In vào vịnh cửu
Thách thức hư vô
Trăng trôi thời gian
Xương mòn thịt nát
Trả ta cho đời
Trả ta cho người
Trả ta cho ta
Mặt vợ đã quên
Mặt con chưa biết
Mặt ta rữa dần
Những người ở lại
Một kẻ ra đi
Chết có gặp nhau
Địa ngục nơi nào
Vong linh thông dong
Đầu ghềnh cuối bãi
Đứa con lớn khôn
Xe tuột dốc mòn
Mặt trời đứng đỉnh
Mặt trăng lên đèn
Thủy triều漲漲
Cây đứng trơ vơ
Bóng rợp xoay quanh

Lá cành biển sắc
Thương ai thương ai
Hữu hạn van nài
Vô hạn làm ngơ
Sống ở nơi đây
Chết về tận đâu
Còn gì nối tiếp
Hỏi ai hỏi ai
Trăm năm núi cầm
Đời đời biển kín
Mây ơi chim ơi
Mây còn trôi đi
Chim còn bay đi.

(Khởi Hành số 10)



TỪ THỂ MỘNG

Lời kêu gọi quyến rũ của thác

Những con số không lần lượt chạy vòng tròn
tôi bỏ trốn những vũng sâu im lặng
trưa Blao rất nhẹ như mù sương
rừng, tôi và một vùng thác trắng

Những dòng nước luân lưu trên mặt ghềnh
bằng những dòng valse lá lướt
rồi nhịp rock quay mau
cuồn cuộn dòng chân của nước
Rồi ào ào, ào ào tung đầy sương bọt trắng
roi menh mông, gần lại phút mơ màng

dưới triền xa một dòng tơ cỏ nắng
êm đêm trôi vào bóng tối mệnh mang

Tôi chòm ngợ trong nỗi mừng kỳ dị
với một niềm mong ước rất xôn xao
buông nhẹ hai tay, ôi thần trí ngột ngào
tôi sẽ mới giữa vô cùng sáng láng!

Không khí trong suốt
dòng nước chảy hoài đến mơ hồ
valse, rock, ào ào, ào ào, dòng nước nhỏ trôi xa
valse, rock ào ào ào ào dòng nước nhỏ trôi xa
valse-rock ào-ào-ào-ào-dòng-nước-nhỏ-trôi-xa
valserockaoaoaoàodòngnướcnhỏtrôixa

Tôi rừng mình
vụt bỏ chạy ra khỏi vùng mê sảng!

(Khởi Hành số 15)



Trịnh Cung

bài thơ cho con đầu lòng đã mất

Buổi sáng trở về đơn vị
Ba đem con theo
Trên chiếc xe Vespa già
(Chiếc xe mua bằng tiền của bà nội)
Ba đi lính không có tiền dư
Chỉ dư những ngày phạt
Chiếc xe thì rung và ba thì bàng hoàng

Mà con thì ngủ
Ôi giấc ngủ con
Không bao giờ thức dậy
Khi mặt trời mới nở môi hồng
Là khi trái tim ba sụp tối

Buổi sáng trở về đơn vị
Con đường qua nhiều dòng sông
Ba chọn một dòng sông nhỏ
Nhỏ như giấc mơ
Của mẹ của ba
Cho con yên nghỉ bên bờ
Có cỏ xanh và những bông lau trắng
Dòng sông sẽ cất tiếng hát khi con buồn
Và vỗ về khi con khóc

Những sáng về đơn vị
Những chiều từ đơn vị về
Ba sẽ kể với mẹ
Dòng sông đang nâng niu con
Bằng đôi tay mẫu ngọc
Dòng sông đã trở thành bạn hiền
Như những nhánh cỏ xanh
Và những bông lau trắng

Những sáng về đơn vị
Những chiều từ đơn vị về
Chiếc xe Vespa già
Sẽ cùng ba dừng lại
Gởi cho con cùng dòng sông
Những nhánh cỏ xanh
Và những bông lau trắng
Nhiều nụ hôn lặng yên.

(Khởi Hành số15)



Nguyễn Lương Vỹ

Tim tôi

Nhựa cây nhỏ thấm bãi hoang
sâu trong ngọn cỏ ướt ngàn lệ tôi
xua từ bóng độ bên đời
đã đưa tay trộm tiếng người làm quen
nghe em bước lạc một miền
nên trong máu cũng gọi chim về rừng
mạn sông dội một tiếng chuông
thôi đêm chưa hiện lửa cuồng bên tôi
thôi đêm lá gục bên trời
hương trắng xưa ngọt khướt lời ở đây
rớt từ một cốc trên tay
tim tôi thành sữa pha đầy ngực em

(Khởi Hành số 54)



TRẦN YÊN HÒA

Lời xin

Cho tôi được ngủ nhà đêm nay
cho tôi ngủ nhà một đêm rồi mai đưa tôi đi đâu cũng
được
bao nhiêu tháng bao nhiêu năm
tôi sẽ xa thành phố sẽ xa mái tóc em xa những đứa con
yêu dấu
hãy cho tôi ở nhà đêm nay
không còn gì để van xin
sao đây tôi đi quá xa như vậy, quá xa như vậy
hỡi chiến tranh loài người ?
Cho tôi được bế Bé Bảo một lần trong buổi tối gia đình
ba sẽ làm ngựa cho con phi nước kiệu
con đâu biết một đời ba làm ngựa
một thời của Việt Nam loạn ly
Ba sẽ làm ngựa cho con suốt đời
Nhưng ba không là ngựa cho loài người
tiếng cười các con trong như thủy tinh
ba làm sao quên được
rồi ngày mai ngày mốt và những ngày sau đó
ba sẽ ở một tiền đồn xa xôi nào đó
thật ngoài tầm nhìn của con, của mẹ, của nội ngoại
con không bao giờ biết
không ai có thể biết được
một đời làm lính thú như ba

Cho tôi ngủ nhà một đêm
để nghe hơi thở của vợ, của con mùi nước tiểu thương
yêu đã từ lâu tôi thèm muốn
âu yếm nào trên môi

hãy cho tôi lời xin thật nhỏ
một lần rồi thôi
đã từ lâu ba hằng nhớ các con
như đã khóc cho mình

(KH 65 ngày 2-7-70)



THÀNH TÔN

dạm mặt

Cõi chiều chuyên cuối, hư không
Hồn treo biển đợi trời hồng ráng xa
Nhá nhem một cuộc đời ta
Chân như phách thể gian tà tẩm thân
Trở về giáp mặt, phân vân
Trăm năm nháp bản một lần hất hơi
Trăm năm, ngày dặm chân đời
Hoãn trì kiếp kẻ đầy vui tình người
Soi ta, kéo xích môi cười
Gương bày mặt nạ buồn phơi cõi hồn
Ngâm lòng một cuộc, bôn chôn
Sầu ta kín mái hiên mòn chân mưa
Mịt mù cảnh sắc sau xưa
Cứng thân tượng gỗ chờ, chưa nhập thân
Sống mãi nhẫn cuộc ly thân
Xác ngay bóng ngã thể dần hồn thiêng
Cõi ta kẻ dữ người hiền
Nhân gian dặm mặt oan khiên một đời.

(Khởi Hành số 75)

Lê văn Trung

Đã hết phiêu bồng

Từ trăm ngàn cõi phiêu bồng
Ta về đây với chút lòng lãng quên
Xe qua mấy nẻo gập ghềnh
Quan đời ta dựng bên triền núi cao
Sẽ còn lại với mai sau
Một hồn lãng vãng chia sầu cỏ cây

(Khởi Hành số 54)

██████████

TRẦM KHA

TRẦM KHA LÀ BÚT HIỆU CỦA HẢI QUÂN TRUNG ỦY NGUYỄN VĂN ĐỒNG.
ANH ĐÃ HY SINH TRONG TRẬN THỦY CHIẾN HOÀNG SA VỚI HẢI QUÂN
TRUNG CỘNG VÀO NĂM 1974



DẤU VẾT

khi dĩ vãng héo khô dòng tóc ứa
nỗi buồn xưa hóa đá nửa đời tôi
em có mất tuổi thơ trong huyết lạnh
trong nắm mồ ký ức lạnh tăm hơi

lòng sông cạn cuồng lưu ngày biển dậy
đã dập vùi bờ bến tuổi thanh xuân
tình cuồng nhiệt tan mau trong phút chốc
nỗi đau đời trên thác đổ gập ghềnh

khi sầu muộn tìm dư âm ghé đá
lối đi xưa, cỏ mọc ngút tầm vai
vườn đã cũ, chim muôn về hợp tổ
hót rất buồn, đón những sáng thu phai

thôi hãy dấu mười ngón tay mỗi một
trên mí gầy trĩu nặng bước thời gian
ôm gối ngủ như con mèo phạm tội
trong điệu tàn lữ lối vết vong thân

rồi một sáng mở bừng đôi mắt lạ
lửa bình minh sẽ đốt cháy thân em
em phản bội cúi đầu mang thánh giá
lên thiên đàng xin ân phúc lãng quên

Khởi Hành số 30 năm 1969



Yên Bằng

gửi người vợ lính sư đoàn 21 bộ binh

nghe ta chết ở một nơi nào trong rừng U Minh
em rót rượu uống mừng nhau nhé
hỡi người vợ lính ở Sư Đoàn 21 Bộ Binh
có nhìn thấy mặt trời mỗi khi lặn khuất
là cuộc tình ta đó
trên tháng ngày chờ ôm tấm mộ bia
nên mỗi sáng ngồi uống chung cà phê
ta bỗng thấy tim hồng rướm máu

em hãy nhận dùm ta tấm thẻ bài
ở đó có số quân cùng loại máu
vì máu ta đã chảy
trong khu rừng vàng úa cỏ vô tâm
chẳng biết rằng khi chết có vui không ?
nhưng chắc hẳn em buồn quá đôi
vì ở Đầm Dơi có nhiều chuyện lạ
người chôn người như thể thù nhân

em hãy lãnh dùm ta 12 tháng lương
sau khi trừ đi tiền nước tiền trà
đem đổi lấy thịt da người chết trận
khi em vắn khăn tang tìm vào đơn vị
hãy nhớ cho rằng ta là một bóng ma
nhận của thừa cúng kiến
em như người chơi hụi bao năm
mong được hốt nơi kỳ thăm chót
nên vẫn thăm an ủi
đến một ngày nào ta buông vũ khí
để nhận căn phần người vợ lính Việt Nam

hỡi người vợ lính của ta ơi
hãy sống vì nhau giữa đời cơ cực
bằng nhà thương thí
khi dễ khi đau
khi vào thăm chồng quần băng trắng toát
năm giữa băng ca hơi thở hao mòn

bởi mình giao hoan giữa núi rừng
con đã chào đời bên hàng rào giấy kẽm
nụ hôn đầu chứa đầy tạc đạn
thật vô tình bên trái tim khô

mỗi sáng nào em ra mở cửa
từ khu gia binh bùn lầy nước đọng
máu đã chảy ngoài hè
đối diện em là căn nhà thuốc súng
và xác anh nằm chết như thơ
như sự hóa thân thoát từ lòng đất
ta trở về từ một hỏa sơn
là lửa đỏ
là máu tươi
là nỗi đau thương của người vợ lính.

(Khởi Hành số 146)

ở biên giới Việt Miên

GIANG HỮU TUYÊN

không dung mà lạnh thật đây
với hồn thương tích với thầy ma người
chiều lên ôm súng nhìn trời
bâng quơ ngó xuống cuộc đời buồn tênh
rượu đầu mà uống cho quên
người đầu mà họp đủ phiên chợ nghèo
lá rừng ai đốt đen thui
chim về ngơ ngẩn ngày vui năm nào
hỡi em tình thoáng chiêm bao
giờ không khí đó đã vào cổ họng.
(KH 133)



Nguyễn Miên Thảo

Từ núi rừng lục tuyết

1.
dấu thế nào đi nữa
ngày mai ta cũng về
thời rừng xanh ở lại

với mắt sầu sơn khê

đây hầm sâu núi đá
nơi dấu yêu ngàn đời
dấu ngày nào ly biệt
đừng buồn chi núi ơ

đây suối rừng lục tuyết
nơi hẹn hò nghìn năm
dù mai này xa cách
ta nhớ hoài vạn năm

đây ngôi trường lá mộng
gió bốn bề hương đưa
lũ học trò ngu độn
khổ ảm, hồn tiêu sơ
(các em là tiền sử
của loài người hôm nay)
dấu mai kia ở lại
các em đừng lệ rơi
hãy nhìn dòng suối đỏ
cuộc đời cũng thế thôi.

đây căn nhà gỗ quý
lá mây che mưa nguồn
một đời ta khốn khó
về đây làm trích tiên

đời một vạn gian nan
biết làm gì thêm mệt
ta trốn vào rừng thẳm
dạy các em làm người
một điều ta nhắc nhở
đừng tin gì hôm nay

dấu mai này vắng bóng

nhà trống với vườn hoang
nhớ những đêm mưa đổ
mà nằm ru trắng vàng

hãy hân hoan như biển
dầu ngàn đời hoang vu
hãy xanh tươi như lá
hãy dịu dàng như sương
hãy bền lâu như đá
dù hợp tan như mây
có ngày ta trở lại
thăm rừng hoang rừng hoang

2,
đây những hạt mưa nguồn
ta gọi tình xuống biển
nhấn người yêu dấu ta
chớ có thành tượng đá
ngày mai ta trở về
môi xưa rồi sẽ đỏ
nhấn với bè bạn ta
hãy tin ta còn sống
nhấn với anh em ta
ta có lời xin lỗi
ngày nào ta sẽ về...

ở đây rất bình yên
bom đạn không thể tới
ta ăn toàn thú rừng
gạo đổi từ miệt dưới
có rất nhiều mật ong
thứ mật ong nguyên chất
ta có cái ống điếu
đẹp hơn đồ văn minh

3

đây những giọt sương trong
sáng mặt trời dậy muộn
ta nằm nghe mưa hồng
đổ từ trời ảo mộng
mà nhớ tới lời ca
của một thằng bạn thiết
giọng buồn như lá non
và hay như lục tuyết
cháy hoài từ núi xa

4

đây rừng cây khẳng khiu
đứng ngàn năm ở đó
mà nhớ tới bạn bè
thằng nằm ôm sương khói
kéo cuộc đời lê thê
thằng cầm súng giết người
thằng nằm ôm ảo vọng
chết dần thời thanh xuân
thằng lặn đạn áo cơm
thằng đua đòi chữ nghĩa
thằng ở tù mục xương
thằng rong chơi trên núi
còn ta đang nằm đây
ngó rừng cây trụi lá
mà mắt buồn rung rung

5.

những hôm trời đứng gió
cây yên như tờ
ta nghe mình lạc lỏng
hồn quanh quẽ hoang sơ

rừng già ơi có chết
ta chết với rừng già
cây rừng sao trụi lá
ta chạnh mối hư sinh

mà nghe chừng bão tới
trong hồn ta lên đên
một cánh bướm trôi dạt
biển rừng ôi mông mênh
những lá vàng bức tử
ta thấy mình hồi sinh

bạn bè chừ ở đó
bây giờ ta ở đây
những đêm ngấm trăng vàng
mà nhớ về cố quận...

(Khởi Hành 32)

VĂN HỌC MIỀN NAM (Bàn Về Người Lính Trong Văn Chương Và Nhà Văn Đô thị)

TRẦN VĂN NAM

Liên hệ trong nước-ngoài nước hiện nay đang manh nha có sự phân biệt Văn Học Miền Nam hay Văn Học Đô Thị (đối với nền văn chương trước 1975 tại Miền Nam Việt Nam trước đây); đồng thời nhưng chỉ tại hải ngoại mà thôi cũng đang có sự phân biệt nhà văn nhà thơ nơi tiền tuyến khói lửa và nhà văn nhà thơ may mắn sống nơi đô thị, dĩ nhiên cũng trước 1975. Từ ngữ Văn Học Đô Thị để chỉ những người làm văn chương trong sách báo dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, bị gọi là vùng địch tạm chiếm (Miền Nam Việt Nam) để phân biệt với người làm văn chương trong vùng Mặt Khu chống chính quyền Miền Nam, được gọi là vùng giải phóng. Người cảm tình chế độ Miền Nam trước đây không chấp nhận danh hiệu Văn Học Đô Thị và khẳng định đó là Văn Học Miền Nam, còn văn học thuộc vùng chống chính quyền Miền Nam trước đây theo họ là Văn Học Chi Có Trong Mặt Khu hay Trong Rừng. Vấn đề phân biệt này còn đang tiếp diễn, vì đây thuộc về lãnh vực hai nhân-quan với phạm vi rộng. Phạm vi giới hạn hơn, đó là sự nhìn lại ai là nhà văn nhà thơ nơi khói lửa tiền tuyến trước 1975, ai là giới văn chương may mắn chỉ sống nơi đô thị an ninh.

Một số người muốn phân biệt như vậy, vì trước đây họ là những quân nhân tác chiến, vào sinh ra tử, nay dù đã bao năm sống nơi hải ngoại nhưng hồi tưởng vẫn làm nhức nhối, nhất là nhớ một số bạn đã gục ngã nơi chiến

trường. Cụ thể, họ đã cố gắng làm những sổ báo tường niệm bạn văn, như tường niệm các nhà văn tử trận Đoàn Dân, Y Uyên; Hoàng Yên Trang, Song Linh... Một người trong số có ý kiến phân biệt ấy là nhà văn Trần Hoài Thư. Nhà văn này trước 1975 đã ba lần bị thương do đụng trận, một lần đào ngũ rồi không chịu nổi cuộc sống trốn chui trốn nhủi mà phải đi trình diện (nhờ vậy, chỉ bị xuống cấp). Nhà văn Trần Hoài Thư vẫn còn ám ức những lần hành quân như bị bỏ vào rừng để tự đối phó với hiểm nguy, vì các đơn vị thám-báo là những toán quân nhỏ biệt lập có nhiệm vụ thăm dò tình hình quân địch để báo cáo với trung-đoàn-trưởng hay sư-đoàn-trưởng, nếu có đụng trận là do tao-ngộ-chiến mà thôi: *“Nói là lấy tin, báo cáo, dò thám thì không đúng. Họ ném chúng tôi vào rừng để bảo đảm an ninh cho vòng đai của đơn vị hơn. Họ để chúng tôi tự đối phó lấy. Trên nguyên tắc chiến thuật, nếu đụng trận thì lập tức sẽ có quân tiếp cứu, trực thăng yểm trợ bốc chúng tôi, hay phân lực đội bom. Nhưng cái chiến thuật ấy chỉ áp dụng ở đâu đó trên sách vở, hay lý thuyết... Phương-giác trên địa-bàn là 2300, có nghĩa là người ta bắt chúng tôi phải vượt cả một ngọn đồi thấp để qua phía bên kia rừng già. Những người lính đang nhìn tôi. Vâng, tôi biết rõ từ những ánh mắt ấy. Chắc chắn họ sẽ nói: Đừng ngu dại, thiếu úy. Cứ tìm một chỗ nào an toàn. Làm sao người ta biết mình ở đâu... Tôi cảm thấy tội nghiệp cho chúng và cho ngay cả bản thân tôi. Khôn thì sống và dại thì chết. Tôi có thể đem cả toán ra khỏi rừng, tìm một chỗ an toàn, rồi báo cáo láo. Hay tôi có thể dừng lại ở đây, không tiến xa hơn nữa...”* (Trích trong truyện **“Thám Báo”**). Nhan đề này và những đoạn trích như trên làm ta tưởng “Thám Báo” chỉ là hồi ký, nhưng đây là truyện, nhờ tác giả hư cấu ở đoạn cuối: cả đội quân thám báo một ngày đi dò tình hình địch quân, bỗng nghe tiếng hát giọng nữ văng vẳng trong rừng, và họ thấy một cặp nam nữ thuộc Bắc quân đang tình tự

bên suối nơi núi rừng sâu thẳm. Tiếng hát thần tiên lãng mạn ấy làm cho ông rung động, hiểu được thế nào là sự tương phản giữa chiến tranh và tuổi trẻ, và cả đội quân rút đi để tiếng hát văng vẳng nói giùm “những điều tâm nín từ những con tim của tuổi trẻ”. Ta nghĩ đây là hư cấu, vì Bắc quân có khi nào cho quân xé lẻ như vậy, khi mà biệt-kích thám-báo thường được trực thăng Mỹ rải khắp nơi ở núi rừng Trường Sơn. Quyết định đào ngũ của Trần Hoài Thư ở vào thời điểm bị trọng thương (không biết đây là lần thứ hai hay lần thứ ba), tưởng đâu khi lành vết thương sẽ được giải ngũ, nhưng hội đồng giám-định y-khoa xét sức khỏe thấy ông vẫn đủ tiêu chuẩn đi tác chiến. Ông quyết định không đi tác chiến nữa mà đi theo tiếng gọi đến một nơi nào bình yên xa xăm, không còn chiến tranh.

Giai đoạn đào ngũ có thật này và vài yếu tố hư cấu đan quện vào nhau trong truyện ngắn “**Bãi Xương Rồng**”. Truyện kể: Toán quân thám báo do Trần Văn Be chỉ huy đụng trận trên một ngọn đồi, tan tác. Ông bị hai vết thương, may nhờ có sư đoàn Mãnh Hổ của Đại Hàn tiếp cứu, đưa về quân y viện ở Bình Định. Tưởng được giải ngũ, nhưng lại phải ra trận mạc như trước. Ông quyết định trốn lính. Nghĩ đến một trường cô nhi trên đỉnh đồi ven biển mà thời niên thiếu Trần Văn Be học ở đó, tin tưởng cô hiệu trưởng ngày nào hiền dịu như một thánh nữ sẽ chở che đùm bọc cho người đang trốn tránh. Trường đang thiếu người dạy học, nên ông được làm thầy giáo, đúng như ước nguyện. Tại đây, có một em bé gái tật nguyền hai chân, mà theo lời kể của cô hiệu trưởng thì truy ra chính là do lính của Trần Văn Be bắn làm, mà ba người lính bắn làm lại chính là do ông cắt cử phục kích trong đêm xảy ra. Họ bắn vì cha cô bé làm đèn tắt, không để đèn sáng suốt đêm theo quy định giữ an ninh. Tự thâm định chính mình là thủ phạm gián tiếp, nên thầy giáo Trần Văn Be không thể mỗi ngày phải chứng kiến tật nguyền khổ ải của cô bé, nên ông lại

quyết định rời trường học. Sau bốn tháng trốn lánh thì nhận được thư của cha khuyên can nên trình diện để được giảm khinh, nếu để bị bắt sẽ bị đưa đi làm lao công đào binh còn hiểm nguy gấp bội phần đòi quân nhân tác chiến. Trình diện kịp thời quy định còn được ân huệ, chỉ bị giáng gần hai cấp từ chuẩn-trung-ủy xuống thành chuẩn ủy, nhưng phải đi phục vụ đơn vị lao công đào binh chuyên đi gỡ mìn, hoặc khuân vác đạn dược nơi nào đang là bãi chiến trường. Nhà văn Trần Hoài Thu (qua nhân vật Trần Văn Be) cảm nghĩ mình có lý khi quyết định đào ngũ, cái lý này vẫn đeo đuổi ông để có sự phân biệt nhà văn nơi tuyển đầu khói lửa và nhà văn mãi sống nơi đô thị. Cái có lý bênh vực cho sự đào ngũ như sau: ... *Giã từ để tiếp tục bước vào một chuyến đi tăng phái khác. Nghề của trinh sát là phải vậy. Cứ chỗ nào khó, cần là bóc trinh sát, là bắt trinh sát dẫn đầu* (Trích trong: **Ban Mê Thuật, Ngày Đầu Ngày Cuối**)... *Muốn bắn hết cấp số đạn để khỏi nghe máy cha nội ở hậu cứ mở nhạc nhảy đầm. Muốn bắn vào đoàn xe chở mấy nàng vũ nữ Sài Gòn ra tiền đồn ủy lạo. Ủy lạo gì, chỉ biết mấy tay tướng tay tá, chưa bao giờ ôm một tay lính trơn, còn tao phải dẫn “con cái” đi nằm đường bảo vệ an ninh...* (Trích trong: **Bãi Xương Rồng**)... *Điều thuốc được đốt lên. Đây là điều thứ bao nhiêu, cho voi đi bao nôi sâu muộn lê thê của kiếp làm người Việt Nam. Trường Sơn, đỉnh cao chót vót. Bầy ngày gạo mang theo, bầy ngày gạo tiếp tế. Những bước chân thất thủ, những bộ quần áo trần phơi tả...* (Trích trong: **Ga Đêm Quạnh Quẽ**)... *Rồi chiếc xe Dodge chở cả toán ra phi trường trực thăng. Người lính truyền tin kiểm soát lại các đặc lệnh, mặt mả một lần cuối. Rồi hoàng hôn, con tàu bốc chúng tôi lên đường. Gió lộng vào khoang. Nghĩ gì. Không. Chỉ có băng khuâng. Chỉ có sợ hãi. Chỉ có nỗi buồn đến ứa nước mắt. Cũng vẫn là những chuyến đi. Cô đơn. Người yêu thì không. Cơ nghiệp thì không. Cái bằng đại học thì cũng đã trả lại*

(Trích trong: **Thám Báo**). Mặc dù nhà văn Trần Hoài Thư muốn thực hiện chủ đề “Nhân Vật Người Lính Tác Chiến Trong Văn Chương chứ không phải Người Lính Văn Phòng trong guồng máy Tâm lý Chiến”, nhưng một số truyện của ông vẫn phảng phất những từ ngữ thuộc chính trị. Điều này dường như sẵn sàng được nhắc đến do hệ quả bao nhiêu năm lãng vãng những điều thuộc về ý-thức-hệ mà hai bên dùng đả-kích nhau. Chỉ có vài truyện trong toàn tập gồm 19 truyện ở tác phẩm “Ban Mê Thuật, Ngày Đầu Ngày Cuối”, kể như thuần túy văn chương không đan chen ý tưởng chính trị thuộc bên này hay bên kia. Ví dụ ở truyện “Ga Đêm Quanh Quê: Truyện một ngày một đêm về thăm cha mẹ nơi căn nhà gần khu máy nước thuộc ga xe lửa Nha Trang, vội về và vội ra đi vì đang thời kỳ đào ngũ. Khu máy nước nhà ga xưa sinh hoạt nhộn nhịp, nay hoang phế với những toa tàu rỉ sét bị bỏ quên, từ ngày tuyến xe lửa Sài Gòn-Nha Trang ngưng chạy vì hoàn toàn thiếu an ninh dọc đường. Mẹ đã bỏ đi từ ngày cha đem bà mới làm sờ Mỹ về nhà. Người em gái nhà kế bên vẫn còn đó, vẫn đậm đà mối tình cũ, nhưng biết làm sao nắn ná ở lại thêm một thời gian vì chắc chắn đã có lệnh tâm nã kẻ đào ngũ trong thời chiến.

Xin kể thêm một người lính dạn dày chiến trường, qua sự hiểu biết khá hạn hẹp của người viết bài này về những nhà văn thuộc quân ngũ Miền Nam Việt Nam trước đây: đó là nhà văn Cao Xuân Huy của binh chủng Thủy Quân Lục Chiến. Vài hiểu biết không qua cuốn sách thường được nhắc nhở “Tháng Ba Gãy Súng” của Cao Xuân Huy mà chỉ căn cứ một số nét qua tập truyện “**Vài Mẫu Chuyện**”. Nhà văn Cao Xuân Huy cũng có kinh nghiệm xương máu về trường hợp bị bỏ quên, nhưng không lẻ loi như đội quân thám báo lạc trong rừng, mà là cả lữ-đoàn Thủy Quân Lục Chiến gồm tới bốn ngàn người bị bỏ lại trên bãi biển trong cuộc rút quân, khi lữ-đoàn-trưởng và lữ-đoàn-phó đào nhiệm

(Chi tiết này trong bài “**Tựa**” do Cao xuân Huy viết nơi cuốn “**Tháng Ba Gãy Súng**”). Như vậy thì nhà văn Cao Xuân Huy không có sự bất mãn của kẻ suốt đời lính rày đây mai đó phải đi tác chiến, và người một đời viết văn về lính về tranh đấu mà cứ ở mãi nơi thành phố an-ninh; hoặc bất mãn giới chỉ huy cứ ra lệnh đánh chiếm mục tiêu từ những nơi rất xa, họ không biết rõ thực địa hiểm nguy đến tính mạng người lính như thế nào. Cả lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến bị bỏ lại là do có sự tính toán sắp đặt gì đó (có nhiều tin đồn đại ở thời điểm tháng 3 tháng 4 năm 1975); hoặc do sai lầm chiến lược không thể đảo ngược tình hình thuộc trách nhiệm của những cấp cao hơn lữ-đoàn-trưởng rất nhiều bậc. Giống như binh chủng Nhảy Dù thời đó, Thủy Quân Lục Chiến là những đoàn quân trừ bị sẵn sàng di động, nơi nào xảy ra đụng trận lớn thì họ được phái đến tiếp ứng hay giải vây, xong nhiệm vụ lại được trở về hậu cứ nơi một thành phố lớn hay Sài Gòn, vì vậy có lẽ họ không thấm thía cái buồn lẻ loi của lính thám báo. Đời lính thám báo cứ mãi ở nơi heo hút, vì thị trấn sơn cước (trại đóng quân) và núi đồi rừng rậm đầy gian nguy (nơi hành quân) thì cũng chỉ là một, một nơi xa biệt quê hương, xa biệt người thân, xa biệt người yêu, xa biệt thành phố tuổi trẻ thời sinh viên mang nhiều ước vọng tương lai. Cái buồn rày rứt khi so sánh khiến họ dễ có ý tưởng đào ngũ. Cũng trong bài Tựa của cuốn sách “Tháng Ba Gãy Súng”, nhà văn Cao Xuân Huy nói mình tình nguyện gia nhập binh chủng Thủy Quân Lục Chiến chuyên nghiệp tác chiến, chỉ vì “cái máu ngông nghênh của tuổi trẻ”, vì ham thích “cảm giác mạnh của chiến trường”. Đọc nơi cuốn “Vài Mẫu Chuyện” trong đó có truyện “**Chờ Tôi Với**”, ta bắt gặp cái gan dạ này của người lính tình nguyện Thủy Quân Lục Chiến, khi bị trúng đạn sắp lìa trần còn biết nói đùa với đồng đội mà họ coi như anh em hay thầy trò đầy thương mến, do họ có nhiều phen vào sinh ra tử cùng ở bên nhau. Ta trực giác nhà văn Cao

xuân Huy không đặt điều dễ giỡn với độc giả mà nhắc lại để chan chứa tình thương đồng đội đã mất ấy. Nhưng ta cũng nhận ra chính trong truyện đó một đoạn kết mang tính hư cấu: Toàn bị trúng đạn, rớt cái nón sắt, cố gắng rướn mình lấy lại vì ý thức mất cái nón sắt kể như khó toàn mạng sống, nhưng khi lấy lên được thì chỉ là cái nón cối gắn nhiều hình kỷ niệm của một lính trẻ phe Cộng-sản . Lúc ấy, Toàn biết mình đã chết, và nói với hồn ma người lính trẻ Bắc quân cũng làm rớt cái nón “hãy chờ tôi với” để cùng đi về cõi âm, cõi không còn có chiến tranh. Mặc dù nhà văn Cao Xuân Huy nói mình tình nguyện đi thử lính vào sinh ra tử không vì ý-thức-hệ Cộng-sản hay ý-thức không Cộng-sản , nhưng đọc qua các truyện ngắn trong “Vài Mẫu Chuyện”, ta vẫn thấy đôi lời phân biệt chế độ. Chỉ truyện “**Vải Bao Cát**” hầu như không hiện hữu những từ ngữ về chủ nghĩa. Truyện này có lẽ xảy ra trong thời gian tác giả bị bắt làm tù binh sau khi Lữ-đoàn Thủy-Quân Lục-Chiến bị bỏ lại và tan tác vào tháng 3 năm 1975, trong đám tù binh có một bác sĩ. Bác sĩ này thường ngày băm giã lá khoai lang để nấu cháo cho đàn heo nuôi của bộ đội. Một đêm kia, người ta đem đến một thiếu nữ nông dân bị kích ngất do cuộc phải mìn. Cô ngất đi vì khiếp sợ tiếng nổ chứ vết thương chỉ nhẹ, không nguy hiểm đến tính mạng. Người lính tù binh Cao Xuân Huy có nhiệm vụ cầm đèn (vì đây là nơi vùng hẻo lánh giam giữ tàn quân Thủy Quân Lục Chiến nên không có đèn điện) và nhiệm vụ coi quần áo thiếu nữ cho bác sĩ coi xét vết thương. Coi như một dịp may gần thân thể cô gái tuy nông dân mà da thịt trắng nõn. Trong lòng chất chứa nhiều ám ảnh trai gái, nhưng khi cởi đèn manh quần lót bằng vải bao cát thì tác giả tràn ngập những xúc động (Quần lót có lẽ bằng loại vải bao cát mịn, vì với loại thô nhám thì làm sao may thành đồ mặc. Dù là loại gì thì điều đó nói lên những nghèo nàn thiếu thốn do chiến tranh). Con xúc động khiến tác giả đi từ những ám ảnh

không mấy tốt, tuy cũng bình thường thôi, đến cảm thức thương xót con người Việt Nam qua cuộc chiến tranh quá dài). Điều làm mắt tác giả như dại đi vì vải bao cát làm tác giả nhớ lại những cái chết trên bao cát: “*Trong đầu đập chùng chùng hình ảnh. Giao thông hào, lô cốt, hầm chữ A, hầm chữ T. Tiếng bom, tiếng mìn, tiếng lựu đạn, không giật, sơn pháo. Những đợt tấn công, phản công. Những xác người, xác ta, xác địch, xác bạn... Và bao cát, những bao cát đầm máu người dân, người thiếu nữ chết banh thây trên nóc một hầm trú ẩn... Và bao cát, phương tiện thô sơ tận cùng, có mặt khắp mọi ngõ ngách của chiến tranh, bảo vệ người sống, chôn vùi người chết, đầm máu người banh thây, mà lại còn có mặt như thế này hay sao? Phải thôi chứ, phải hết rồi chứ. Bao cát, sao lại bao cát, chiến tranh đã hết rồi mà, đã hết lâu rồi mà... Toàn dụi mắt, quẹt mồ hôi trán, cổ trần tỉnh nhìn thêm một lần nữa miếng vải duy nhất còn lại trên thân thể cô gái. Và bỗng dưng thấy tràn ngập trong lòng một niềm cảm động, xót thương... Yên tâm đi cô bé, vết thương cô sẽ lành. Mọi vết thương đều phải sẽ lành. Ngủ yên đi cô. Thôi nhé, hãy ngủ yên và đừng sợ hãi. Sẽ không có ai làm gì cô đâu... Một ngày nào đó, chúng ta sẽ không còn phải dùng bao cát để làm gì nữa. Không dùng bao cát để làm hầm trú ẩn, không bao cát để đắp giao thông hào. Và, như những phụ nữ may mắn được sống trong những nước không bị tan nát bởi chiến tranh như đất nước chúng ta, cô sẽ có lựa là mềm mại để mặc lên thân hình con gái, chứ không còn phải dùng bao cát để che thân nữa!”.*

Trong Tạp chí Thư Quán Bản Thảo mới đây (số 61, tháng 10 năm 2014), nhà văn Trần Hoài Thư kiểm điểm lại Văn học Miền Nam trước 1975, những nhà văn thơ sau đây được coi như giới văn chương được may mắn viết văn làm thơ ở đô thị, gồm có: Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu, Tạ Ty, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên,

Viên Linh, Trần Dạ Từ, Trần Tuấn Kiệt, Lê Tất Điều, Nguyễn Xuân Hoàng, Huỳnh Phan Anh ... Những người ngoài tuổi quân dịch nên không thuộc diện so sánh sống Vùng Đô Thị và Vùng Khói Lửa, gồm có: Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Lê Xuyên, Hoàng Hải Thủy... Cũng trong số báo ấy, nhà văn Phạm Văn Nhân (vốn là sĩ quan huấn-luyện-viên cho tân binh tại một số Trung Tâm Huấn Luyện, trước 1975) cũng có ý phân biệt như vậy: “*ngôi La pagode (một restaurant lịch sự ở Sài Gòn, góc đại-lộ Lê Lợi/Tư Do) mà có những tác phẩm Đô Thị này*”. Gọi là tác phẩm sáng tác nơi đô thị, nhưng họ viết nhiều đề tài khác nhau. Chỉ riêng nhà văn Mai Thảo thường viết tiểu thuyết lấy bối cảnh đô thị, như cuốn “**Để Tưởng Nhớ Mùi Hương**” lấy bối cảnh ở Đà Lạt; cuốn “**Sau Giờ Giờ Nghiêm**” lấy bối cảnh ở Sài Gòn. Chỉ những tiểu thuyết tình mới như vậy; còn ở thể truyện ngắn nhà văn Mai Thảo có những đề tài với không gian rộng rãi hơn như “Người Thầy Học Cũ” hoặc “Chuyến Tàu Trên Sông Hồng” hoặc “Căn Nhà Vùng Nước Mặn” với chất liệu ký ức sống ở vùng quê hương của tác giả khi chưa di cư vào Nam năm 1954. Chính vì có sự tiết lộ ông được tài trợ từ Phòng Thông Tin Hoa Kỳ để đứng ra làm tờ Tạp chí Sáng Tạo năm 1956, tờ Tạp chí vừa có khuynh hướng ý-thức-hệ chống Cộng-sản, nhưng đồng thời có công mở đầu một nền văn nghệ mới muốn vượt hơn Tự Lực Văn Đoàn, vì vậy có dư luận ám chỉ đến ông và tờ Sáng Tạo: “*Nền Văn Chương Ngoại Lai Viễn Mơ Của Các Thế Lực Đế quốc Trá Hình*” (một trích dẫn nằm trong bài “Hướng Về Miền Nam Việt Nam” của giáo sư Nguyễn Văn Trung). Những người từ buổi khởi đầu đã làm được cái mới trong văn chương: Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng, Tô Thùy Yên... Những Tạp chí tiếp nối sau đó như “Hiện Đại”, “Văn Nghệ”, “Thế Kỷ 20”, “Văn”. “Bách Khoa”... đã làm xuất hiện thêm những

văn tài mới nữa. Riêng Tạp chí “Khởi Hành”: bây giờ Tạp chí Thư Quán Bản Thảo dự định thực hiện một số báo đặc biệt (số 62, chủ đề **“Khởi Hành Và Tôi”**, tháng 12 năm 2014)); không biết nhà văn Trần Hoài Thư có tiếp tục đào sâu sự phân biệt người làm văn chương chôn đô thị và chôn khói lửa? Tạp chí này của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội với chủ nhiệm là nhạc sĩ Anh Việt (đại tá Trần Văn Trọng” và Thư ký Tòa Soạn là nhà văn Viên Linh), số khởi đầu xuất hiện vào tháng 5 năm 1969. Có một điều, nhiều người đã ghi nhận: chính trên Tạp chí Khởi Hành, các bài thơ mang tính chất ngao ngán chiến tranh của Nguyễn Bắc Sơn đầu tiên xuất hiện, có vẻ như những bài thơ ấy “đi lạc” vào một cơ quan quân đội trong thời chiến. Ngao ngán mang tính cá nhân, không phải chủ trương phản chiến mang tính chính trị chống chính quyền Miền Nam lúc ấy, cho nên Thư Ký Tòa Soạn cho đăng. Cũng như ông đã cho đăng một bài viết làm ra về cường điệu vị-nghệ-thuật đứng ngoài thời thế, và đứng ngoài Triết lý Hiện Sinh lúc ấy còn đang lai vãng tâm thức thế hệ. Đôi lời trong bài viết ấy như sau: “... *Mai Thảo thuộc nhóm các nhà văn dăm chiêu về việc viết văn... dăm chiêu với văn chương để làm gì, chẳng phải là đi tìm một tương quan đẹp của từ ngữ phối hợp hay sao?... Những đề tài như “Đêm Xuân Trăng Sáng”, “Kể Chuyện Trong Đêm” (của Võ Phiến) đã biểu lộ tính chất và nguồn rung cảm mỹ thuật của nhà văn sau những bắn khoăn thời cuộc, những lo toan chính trị... Khi mà nhà văn Thế Nguyên của Tạp chí “Đất Nước” ca tụng giá trị thực tế của sự truyền thông bằng vệ tinh nhân tạo, nhà thơ Viên Linh của tuần báo Khởi Hành (trong số đặc biệt: Một Vùng Trăng Khác) tuyên bố từ nay thi ca xin rút chân ra khỏi thiên thể này khi khoa học đã đặt chân xuống nguyệt cầu, làm lộ liễu hành tinh ước mơ của nhân loại. Trong ngày nguyệt tận của vũ trụ, nhà thơ đi tìm một vùng trăng khác... Trong khi những nhà văn lớn đã lần lượt vượt qua thời kỳ (thời*

kỳ màu xám của Thanh Tâm Tuyền; màu đỏ của Võ Phiến, màu đen của Nguyễn Thị Hoàng) thì các nhà văn nhỏ hơn lại tiếp tục làm văn chương nổi loạn siêu hình của hư vô chủ nghĩa. Họ tiếp tục làm dáng văn nghệ hiện sinh với văn đề dục tính. (Trích trong bài **“Văn Chương Tươi Mát Đã Đi Vào Thời Đại”** của Trần Văn Nam, đăng trong Tạp chí “Khởi Hành” số 42, số ra ngày 26 tháng 2 năm 1970). Chỉ làm thơ tình trong thời khói lửa đâu có phải không bị chỉ trích, có khi bị chỉ trích từ hai bên chiến tuyến. Nhưng khi một bên ca ngợi thơ tình thì lại hàm chứa tính chính trị đối chọi với “tính chiến đấu” không chấp nhận lãng mạn trong thời chiến của phe bên kia. Nhà thơ Nguyên Sa nghĩ rằng những lý luận quy định đóng khung sẽ không nói đúng thực chất của bất cứ lãnh vực nào; nhất là không đúng với khuynh hướng của một nhà văn nhà thơ nào: họ có đủ những chiều cạnh trong tác phẩm (Ví dụ Mai Thảo, thật phiền diện khi nói ông là nhà văn của văn chương Vị-Nghệ-Thuật; khi cố ý chỉ mãi bàn về bút pháp muốn làm mới trong văn xuôi. Cách chấm câu ngắt đoạn của Mai Thảo thật ra không thấm vào đâu đối với những câu văn dài lê thê không chấm không phết, có khi bỏ lửng, của William Faulkner trong tác-phẩm “Âm Thanh và Cuồng Nộ”). Nhà thơ Nguyên Sa đã xác nhận “Văn Chương Viễn Mơ” là từ ngữ mới của khuynh hướng “Vị-nghệ-Thuật” thuở trước (Chủ-trương Vị-Nghệ-Thuật thuở xa xưa ấy không nằm vào bối-cảnh chiến-tranh ác-liệt như ở thời-gian trước 1975). Ông viết như sau về những “cường điệu đóng khung” không đúng với thực chất phức tạp, không có văn chương thuần túy nào xa lìa thời thế, không có khuynh hướng làm thơ tình rồi lãng quên những khô đau trong khói lửa của đất nước. Ông viết như sau trong **“Hồi Ký Nguyên Sa”**: *“Tôi cũng nhớ ngay lúc đó, khi đọc bài văn nói về văn chương viễn mơ của Mai Thảo, một năm trước, tôi thấy văn chương viễn mơ không phải là mục tiêu mà tôi nhắm tới, văn chương*

viễn mơ không phải là tôi... Tôi mơ hồ cảm thấy làm thơ mà cứ phải dấn thân triền miên thì mệt quá... Tôi mơ hồ cảm thấy tôi không muốn trở thành một nhà thơ dấn thân. Tôi cũng mơ hồ cảm thấy tôi không phải là một đệ tử trung thành của nghệ thuật vị nghệ thuật. Tôi là một người làm thơ tình mà vẫn xúc động trước những khổ đau của quê hương, dân tộc tôi”.

Các phạm trù Văn Học Miền Nam hay Văn Học Đô Thị; Nhà Văn Nơi Tiền Tuyến hay Nhà Văn Ở Hậu Phương, tùy theo vị-thế đứng nhìn ngắm mà thấy những khía cạnh; không làm sao xóa bỏ được sự quy định. Điều căn cứ trên sự kiện quá khứ chiếu rọi trong nhãn quan, đã là ẩn dấu thì làm sao không có như chưa từng xảy ra. Phân biệt Văn Học Miền Nam hay Văn Học Đô Thị còn đang tiếp diễn, phản bác hay bổ sung? Phân biệt do tình cảm nhức nhối dù đã lắng cạn về Hậu Phương-Tiền Tuyến chắc rồi sẽ qua đi, vì thời thế ấy thực sự không còn tồn tại sau năm 1975.

TRẦN VĂN NAM

City of Walnut, California, tháng 10 năm 2014

NỮ SĨ TRẦN THỊ NGH VÀ NGÔI NHÀ CỦA KHÔNG KHÓA TRÁI

Người viết: Nguyễn Thị Liên Tâm

Ra Giêng. Xuân đã muộn. Nhưng tiết trời Sài Gòn vẫn còn se lạnh. Phải quấn thêm khăn ấm. Lúc 18h. Cửa nhà không hề khóa trái. Khoảng sân nhỏ. Những sợi liều từ trên tầng một buông dài, có sợi chạm đất, được buộc lại như tấm rèm cửa thiên nhiên. Hình ảnh ấy khiến khách thơ chợt nhớ đến một câu hát cũ: “ *Ta... sẽ sống trong một túp lều tranh. Lấy trúc thưa làm cửa. Lấy tơ liều làm màn*”. Cửa nhà rộng mở. Ánh đèn vàng nhạt, mờ mờ hắt bóng loang phủ cả một góc sân. Cảm nhận đầu tiên: cảnh vật như tranh vẽ. Một nơi chốn hình như chỉ dành riêng cho hội họa thi ca.

Chủ nhân bước ra đón khách với nụ cười vừa lạ lẫm, vừa thân thiện. Bởi, đây là lần đầu gặp nhau, từ lời giới thiệu của Giáo sư Đặng Tiến. Ba vị khách đến trước đã yên vị bên chiếc bàn nhỏ được trang điểm bằng một chậu hồng xinh xắn. Màu hồng quý phái đã làm cho bức tranh NGƯỜI ĐÀN BÀ NGÔI RỜI treo trên tường sống động, ấm áp hơn. Chiếc đàn Piano phủ vải thổ cẩm màu đỏ có hoa văn màu vàng ngự giữa gian phòng. Những bọc ghế kẻ sọc đủ màu. Nhiều bức tranh vẽ phụ nữ được treo lên tường. Có bức chỉ diễn tả đôi mắt. Có bức chỉ mô tả hai cánh tay buộc vào nhau bởi sợi dây thừng Vừa cổ kính, vừa hiện đại. Vừa dân dã, vừa sang trọng...

Con hẻm nhỏ ở Phú Nhuận thật yên ắng. Ngôi nhà nhỏ 3 tầng cũng khá yên ắng. Nhưng, bây giờ đã có 4 người rồi, kể cả chủ nhân- nữ sĩ Trần Thị NGH. Khách

mới đến chào một người quen biết – nhà phê bình văn học Đặng Tiễn, người có đôi mắt như nhìn thấu tâm can người khác. Chào một người nữa - Phan Nguyên PSg - có nước da ngăm đen và búi tóc gọn gàng sau gáy. Và bắt tay nhà văn Cung Tích Biền - một người có mái tóc xoắn nhẹ, bạc phơ.

Bây giờ thì chủ nhân đã thân mật kéo tay tôi bước lên mấy bậc tam cấp, ranh giới giữa phòng khách và phòng ăn để phụ chị sắp xếp các đĩa thức ăn. Tré, chả bò, rau tía tô, bánh hỏi, thịt băm, nước mắm chấm... Tất cả được dọn lên bàn tiệc ở tầng 3. Thêm người mới đến, đều là dân văn chương: Hoàng Kim Oanh với giỏ hoa hồng vàng, Phạm Việt Cường, Nguyễn Thị Từ Huy... cũng hòa vào không khí bận rộn... Bước chân lên, xuống... mấy tầng lầu bằng gạch bát trắng đo đỏ. Mắt ngắm những giá vẽ, những bức tranh nằm dọc các hành lang. Tranh như người. Ấn tượng. Nhưng tranh yên lặng còn người thì không. Nữ sĩ Trần Thị NGH thật vui, thật gần, thật hoạt bát... giữa những người bạn văn chương hội họa... khác hẳn những điều nghe nói.

Sinh trưởng tại Cà Mau trong một gia đình học thức, nữ sĩ Trần Thị NGH đã nhập cư đất Sài Gòn từ thuở lên 5. Bốn chị em gái đều là những người nổi tiếng tài hoa. Chị thứ ba thông thạo tiếng Pháp; nay đã trên 80 vẫn đọc, dịch truyện Pháp, thường đăng trên tạp chí Văn nghệ Cà Mau với bút danh Yên Chi. Chị thứ năm là nhà nghiên cứu dân ca Lê Giang (vợ của nhạc sĩ Lưu Nhất Vũ). Người chị tiếp theo là Trần Thị Kim Lan, cũng là một văn sĩ nổi tiếng ở nước ngoài (Mỹ). Và chị, với bút danh thật gợi sự tò mò: Trần Thị NGH. Sau TTKH, có lẽ là NGH, bút danh được ghi bằng những chữ cái. Qua một mối thâm tình trong giới văn chương mà tôi biết đôi điều về nữ sĩ đa tài, mới biết Trần Thị NGH chính là Trần Thị Nguyệt Hồng.

Trần Thị NGH đã xuất hiện trên văn đàn Miền Nam trước 1975 với tác phẩm xuất sắc một thời: *Những ngày*

*rất thông thả (1975) ... Văn phong của chị cũng đặc biệt như bút danh của chị, khác hẳn với những cây bút nữ Việt Nam ngày ấy và bây giờ. Nhiều độc giả quen thuộc với chị. Nhiều trang mạng đã viết về chị. Sau mấy mươi năm vắng bóng, chị xuất hiện trên văn đàn với *Tập truyện ngắn Trần Thị NGH (1999)*, Ngày 19/1/2013, chị đã làm một cuộc trở về mang tên: “*Trở về mái nhà xưa*” do Phương Nam tổ chức. Ba tác phẩm đánh dấu sự trở lại là: *Lạc đạn & 10 truyện ngắn (2000)*, *Nhà có cửa khóa trái (2012)*, và *Nhãn rúm (2012)*. Những người yêu văn chị sẽ nhớ những truyện *Mùa hè một mối*, *Chủ Nhật*, *Người đàn bà nằm ...* và nhất là truyện ngắn nổi tiếng: *Nhà có cửa khóa trái (2012)*. Hiện, chị vẫn đi- về giữa Sài Gòn và Paris, vì bên trời Tây có gia đình nhỏ của cô con gái. Và chị vẫn viết. Nhưng, bây giờ, chị lại thêm một đam mê khác: vẽ tranh. Giá vẽ nằm dọc hành lang tầng 1, tầng 2... Tranh treo trên tường, tranh dựng trên sàn gạch tàu... Nét vẽ mộc, nhưng tâm trạng nhân vật lại biểu hiện thật sâu. Hình ảnh người phụ nữ trần ngập ngôi nhà, dù rằng, chị một mình trong căn nhà ấy. Nhà không có bóng hoa, nhưng đầy ắp màu xanh của lá cỏ...*

Buổi tiệc đầy hương vị Quảng Ngãi, Hội An và cả Sài Gòn. Rượu, cây xanh, cỏ lá, gió mát... và luôn rạng rỡ tiếng cười. Cả bàn cuốn vào một chủ đề mà nữ sĩ đã đặt ra cho lớp Anh Văn chị giảng dạy tại nhà, khi trong nhà có một người bạn văn chương về trú tạm: “ Có một tình bạn thật sự giữa một người đàn ông và một người đàn bà không?” Thế là, bỗng dưng, chủ đề ấy đã làm cho không khí bàn tiệc sôi động lên. Bỗng dưng, cả bàn tiệc, giống như học trò của chị, nhao nhao phát biểu. Hai nhóm đối lập. Phạm Việt Cường là người say sưa phỏng vấn mọi người, say sưa tranh luận bậc nhất. Lại chọc phá nhau cho Từ Huy đỏ mặt. Lại chọc phá cho Phan Nguyên cười xòa... Và cuối cùng, chủ đề ấy chỉ dừng lại khi giáo sư Đặng Tiến phán: “ Tình bạn cũng có cái “ mùi bạn”

để dẫn dụ nhau”. Tiếng cười vỡ. Vén mây tìm nhau.

Rồi những câu chuyện về Hoàng Trúc Ly, về Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Bắc Sơn, về những người phụ nữ tài hoa trong gia đình chủ nhân, về những bức tranh độc đáo của họa sĩ Trần Thị NgH... cứ nối nhau, nối nhau... cho những tiếng cười đồng điệu, cho tình bạn văn chương- dù ở cách xa nhau- vẫn thật gần nhau trong cảm thụ và sẻ chia. Và tất nhiên, cũng không thể thiếu những tấm ảnh ghi lại những khoảnh khắc hạnh ngộ đáng quý. Ghi hình từ bàn tiệc đến phòng tranh, từ sân trước đến sân sau, từ trên lầu 3 đến tầng trệt. Hết trẻ con. Nhưng có lẽ, ấn tượng nhất vẫn là những hình ảnh bạn bè chụp cùng họa sĩ bên bức tranh NGƯỜI ĐÀN BÀ NGỒI RƠI.

Cuộc hội ngộ nào cũng phải đến lúc chia tay. Chia tay để lại hẹn nhau hội ngộ. Là phụ nữ, nhưng hình ảnh người phụ nữ tài hoa: Trần Thị NgH, đứng bên mảnh liễu thiên nhiên, tiễn chúng tôi ra về, cứ khiến tôi xao động không thôi...như tiếng đàn Piano thánh thót ngân dài trong đêm thanh vắng.

Sài Gòn, ngày 6 tháng 3/2014

ĐẶNG KIM CÔN

Nơi Mùa Xuân Thôi Hẹn Đến



Ở Việt Nam tôi chưa từng biết đến loại chim này, thấy nó có cái mũ, tôi tạm đặt nó là chim chào mào, ở đây người Mỹ gọi nó là chim Cardinal, màu lông nó sẽ thay đổi tùy theo vùng nó sinh sống. Loại này là Northern Cardinal, chỉ ở Miền Bắc Mỹ nó mới có màu đỏ, chào mào đỏ, Hồng y, vì ngoại trừ một túm lông đen như cái nơ duyên dáng khoảng cổ, toàn thân nó đều khoác một màu đỏ, mà màu đỏ này đặc biệt hấp dẫn tôi, nó vừa rực rỡ vừa đậm thắm, mỗi lần nhìn nó, tôi có cảm giác chung quanh chỗ ngồi của tôi ấm hẳn lên, nhất là những ngày trời lạnh xuống.

Cũng như mọi loài muông thú khác, giống chim cũng có những tập quán riêng. Chim Cardinal ở vùng này không nhiều, chúng xuất hiện ở thủ đô nhiều mỗi khi xuân đến khí hậu mát mẻ cây cỏ xanh tươi, và nhất là trước khi

mùa hoa anh đào nở. Đôi chim ở vườn nhà có lẽ là một đôi chim ham vui, có lẽ chúng đang đi hưởng tuần trăng mật, một lẽ khác là chắc tại vườn nhà có trồng một hàng cây hoa anh đào mà mỗi năm đến tháng 3,4 mới trở bông. Theo quán tính, nó đánh hơi theo gió và biết mùa xuân sắp về trên những cành anh đào mới nhú bông, trơ trụi lá, từ đâu đó nó xuất hiện trong vườn vậy thôi.

Từ khi về với con gái tôi, nó sắm cho mẹ một bộ bàn nước xinh xinh ở vườn hoa, đặt ngay nơi cửa sổ phòng ngủ của tôi nhìn ra. Những ngày trời âm, tôi hay ra ngồi tắm nắng nhâm nhi bánh ngọt uống trà cúc ở đó. Nơi đây nó cũng treo lủng lẳng một bộ đồ “nuôi chim trời”, mà mục đích chi để dụ bầy chim ruồi về hút nước trong mấy cái chai, để xem chúng đập nhẹ đôi cánh lấp lánh sắc màu, như chiếc trực thăng đứng yên trong khoảng không, rồi, nếu thấy không đủ thì chúng có thể ghé qua những cây hoa trong vườn hút tiếp mật của những bông hoa đang hàm tiếu trong vườn (mà đúng ra, nếu là tôi thì tôi phải ưu tiên “ăn” mật hoa trước, khi nào không đủ mới nhớ tới cái món nước lã pha hóa chất vô bổ kia), và lắm khi, chúng vừa vỗ cánh vừa chúi mỏ vào cái bông ngay trước mặt tôi, chùng như tôi có thể đưa tay ra chụp nó dễ dàng, và cái hình ảnh chim hút mật ngay tầm tay mình này, là cái điều tôi thích nhất. Thường thì mỗi ngày, nửa buổi sáng, nửa buổi chiều, cuối giờ chiều, là chúng bay về... thăm tôi, hay là cho tôi thăm nó, tôi không biết có phải mấy giọt mật hoa, có đủ cho nó sống không, không lẽ nó cậy nó nhỏ con, chỉ nhìn hơn con ong bầu ở Việt Nam chút xíu, là nó chẳng cần ăn gì ngoài mấy giọt nước đó sao?

Nhưng cái bình nuôi chim đó lại không lọt vào mắt xanh của đôi chào mào đỏ, có lẽ là một đôi vợ chồng (đang hưởng tuần trăng mật, hay có phần chắc là một đôi tình nhân mới quen, tôi thấy chúng “còn” quấn quýt nhau lắm), có lẽ chúng nó không thể bay đứng yên một chỗ để cắm mỏ vào bình nước được chăng? Tôi chỉ thấy thỉnh

thoảng chúng sà xuống cái hòn non bộ ở góc vườn uống nước hay tắm tấp chút đỉnh rồi bay đậu lên mấy cành cây ven rào rìa lồng. Những lần tôi mới ngồi vào nơi bàn nước ấy, chúng nó riu ra riu rít trên cây đào nhỏ gần tôi, như vừa hỏi han tôi, vừa giới thiệu hạnh phúc của chúng. Sau đó chúng mon men bay cả đôi đến đậu lên bàn và nhìn tôi... dò dẫm. Tôi cho chúng ăn một ít vụn bánh ngọt, đôi khi là vụn bánh mì, nhỏ vài giọt trà cúc, có khi café hay rượu nho lên bàn, và chúng cũng... vui vẻ dự bữa với tôi. Tôi nói chuyện với chúng, và mỗi ngày, mỗi ngày sau đó, thật lòng, cô rất vui với sự quen biết này, các con hãy cứ là những người bạn, hãy tâm tình, để cô cùng vui lây với hạnh phúc các con, thứ hạnh phúc mà lúc nào cô cũng khao khát và trân quý. Hãy biết gìn giữ lấy những gì mình đang có được, cuộc đời mong manh, và những gì cô tưởng là chắc đó thì cũng chỉ... mong manh. Khi cô còn trẻ như các con, cô đã trải qua những năm tháng bất hạnh, không bao giờ, đúng hơn là chưa bao giờ, cô có được những nụ cười, ít nhất là ánh lên trong mắt như các con, hay những lúc yêu đời, buột miệng hát lên một vài câu tình ca như các con...

Đôi chim vừa nhún nhảy trên bàn, vừa kêu chip chip, đôi lúc liếc nhìn tôi như chia sẻ, rồi bay lên rào, chuyển từ cây đào qua hàng liễu, có khi lại trở lại bàn, có khi bay lòng vòng đầu đó... chắc để đỡ buồn, đỡ phải nghe những tiếng thở dài của tôi.

Tôi không nghĩ là chúng vì những miếng ăn thức uống trên bàn mỗi ngày, tôi cũng không nghĩ là tôi đã dùng những thứ đó để dụ chúng, mà đơn thuần là tình cảm với nhau, chúng muốn chia sẻ câu chuyện của tôi, hoặc là vì lịch sự, có thể là tôn trọng người lớn, nên chúng đến hẹn đều đặn mỗi lần tôi ngồi vào chiếc bàn gỗ kia. Hôm nào nắng quá hay lạnh quá, tôi không ra vườn, thì hình như là tôi quên chúng chứ chúng không quên tôi, có lần tình cờ nhìn ra khung cửa sổ, tôi thấy chúng vẫn bay về đậu trên bàn ngoài vườn, buồn buồn nhìn vào phòng

tôi, làm tôi xôn xang hiểu là có biết bao lần tôi đã vô tâm đến nỗi quên cả kéo rèm cửa lên, để biết những người bạn của mình đang lo lắng cho mình, không biết người bạn trong phòng ấy bị trái gió trở trời làm sao. Những lúc đó, khi nó đã thấy được tôi, hai đứa nó nhìn nhau gật gật cái đầu, như nói với nhau, là cô ấy không sao rồi, rồi vỗ cánh bay đi. Bay đi, rồi bay trở lại.

Bay đi bay về, vậy mà, chúng tôi đã quên nhau hơn một năm, kể từ mùa thu năm trước, tất nhiên là không phải ngày nào cũng gặp nhau, xứ lạnh, năm chĩđầu chừng ba, bốn tháng là có thể dám ngồi ngoài trời thưởng hoa đàm đạo với bạn bè. Và mùa lạnh thì tuyết trắng mênh mông, có khi băng đóng dày khắp trên mặt đất, tất nhiên là mọi ngãđường, xe cộđều tê liệt, mọi người đều ru rú trong nhà, thật lòng những lúc đó tôi có lo lắng cho đôi chim, mà không biết chúng ởđâu. Rất may làđến khi trời ấm, tôi lại thấy chúng trở về tung tăng trên hàng rào, và cũng có khi, chắc vì chúng nhớ tôi, đã bay đến riu rít trên chiếc bàn nước vườn hoa.

... Không phải cuộc hôn nhân nào cũng từ tình yêu và cũng không phải tình yêu nào rồi cũng đến hôn nhân các con ạ. Khổn nạn thay là cả hai nghịch cảnh ấy đều giáng xuống cuộc đời cô, với cam chịu, với nước mắt. Để rồi đến một ngày kia, cô gặp chúáy...

Tôi lại khóc nhưđã từng khóc một mình, đôi chim nhìn tôi, không biết cái nhìn trên gheo, lêu lêu lớn rồi mà còn mít ứót, hay là nhìn một cách vừa ái ngại vừa cảm thông, chúng cúi xuống mấy vụn bánh hạnh nhân, riu rít...

-Năm ấy cô cũng còn đẹp lắm, xin lỗi các con, nếu không phải là nói với các con thì cô không dám nói như vậy, cô đãđến với chúáy bằng tất cả trái tim đã nhiều năm đông cứng của cô, cô yêu như chưa hề biết yêu, và cũng được biết đến thể nào là hạnh phúc, như các con đang biết bây giờ...

Và rồi, vì sao mà cô nhủ các con hãy biết giữ gìn những

gì mình đang có là vì hai cái chữ mong manh mà cô đã dùng trước đây. Cuộc đời, niềm vui thì ngắn ngủi, mà nỗi buồn thì triền miên. Sự khổ đau thường là nó vô chừng, bất ngờ như những tai nạn, cô... đã mất chú ấy, hay nói đúng hơn, là hai cô chú đã mất nhau!

Nói là quen nhau hơn một năm, nhưng thật ra, với cả đời thì chúng tôi chỉ kéo dài hơn nửa năm, khoảng thời gian còn lại sau này, tôi chỉ còn thấy một con chim mái thui thui một mình. Con chim mái và tôi, hai kẻ thui thui giống nhau hình như đã thân thiết nhau hơn. Khi con chim mái đến với tôi một mình lần đầu tiên, nó rũ rượi không thiết giãn uống gì, có vẻ nó cứng rắn hơn tôi, nhưng vẫn không giấu được cái cõi lòng đang tan nát của nó. Nó không nói tôi biết chuyện gì đã xảy ra. Ở Việt Nam, những con chim đẹp thế này mà không bị săn bắt mới là lạ, nhưng mà ở đây, chim muông sống dưới sự bảo vệ trong một vườn địa đàng mê mông, hoàn toàn không có con rắn nào rình rập, cũng không có những quả táo vàng thơm nức mũi cám dỗ từng giờ, nhả dưới những tàng cây cao, sáng sáng chiều chiều các loại chim thi nhau hót, nghe như mình đang nằm trong rừng. Chúng rất dạn dĩ, thấy người chúng thân nhiên đương mắt ngó, thấy xe cũng cứ đứng đĩnh đạc cho ai muốn tránh nó hay muốn cán nó “tùy lòng hảo tâm”. Vậy loại trừ những hiểm nguy đã đến với nó, thì chuyện gì đã chia duyên rẽ thủy đau đớn đến thế? Tôn trọng những phút giây riêng tư nên tôi im lặng cùng cái im lặng của nó. Tôi muốn nói với nó, chuyện gì rồi cũng sẽ qua đi, qua một cách tốt hơn, hay xấu đi thì cũng phải qua, nhưng thấy tâm trí nó đang xa xôi, tôi cũng xa xôi nghĩ tới con chim trống, bây giờ nó ở đâu. Bây giờ anh ở đâu?

Dần dà rồi con chim cũng bớt buồn. Nhưng chúng tôi không gần nhau được bao lâu nữa, trời bắt đầu se lạnh, tôi cũng bắt đầu bớt ra vườn, một trong những lần sau cùng tôi và con chim mái ấy ngồi bên nhau, tôi chỉ nó

cái hộp thực phẩm dưới gầm bàn, nơi duy nhất được kín khuất, khi nào trời lạnh, cô không ra ngoài được thì con cứ tự nhiên dùng mấy cái hạt kê này, hôm nào trời ít lạnh chút cô sẽ đề thêm cho con, yên tâm đừng đi đâu xa, mùa này gió mưa tuyết bão, nguy hiểm lắm con nhé!... Vậy là tôi yên tâm rút vào trong nhà, với áo lớp trong lớp ngoài, với chăn êm nệm ấm, đôi lúc nhớ nhớ vén rèm nhìn ra vườn, vườn vắng tanh, thường thì vào những khi trời đổ lạnh, tất cả các loài chim biến đâu mất, sáng sớm không còn nghe tiếng chim hót véo von nữa. Tôi thầm nghĩ bụng, bản năng mà, chắc chúng cũng phải biết tìm nơi an toàn để sống, với lại, trời đã sinh ra sinh vật nào sống ở đâu thì chắc chắn sinh vật đó thích hợp với thời tiết nơi đó, từ thời ăn lông ở lỗ chưa có máy sưởi, máy lạnh, con người vẫn sống hàng ngàn năm đến giờ ở những nơi nóng đến 45 độ C cho đến những nơi xuống dưới -50 độ C. Nghĩ ra được điều này, tôi thờ phào nhẹ nhõm.

Nói rút vào trong nhà không có nghĩa là cố thủ, thỉnh thoảng tôi cũng ra ngoài để mua sắm, đi bác sĩ hay đi bưu điện... Có điều chỉ hơi lạnh chút lúc bước xuống xe, từ chỗ đậu chạy vào nơi mình cần, còn trên xe thì lúc nào cũng ấm nhờ máy sưởi, tuy nhiên, có đi thì cũng là những khi thời tiết khá khá lên một chút. Ý là, khác với hôm nay, ngoài trời vẫn đang lạnh tương đương 4, 5 độ C, lòng tôi bỗng xốn xang nhớ tới con chim mái, đã lâu, không gặp cũng buồn, tôi muốn thăm lại cái bàn nước, chỗ hẹn thường ngày, như ngày ấy... Ngày ấy, sau khi mất anh, tôi cứ loay quanh đi tìm lại những con đường...

Vườn lạnh lắm, chỗ ngồi càng lạnh hơn. Tôi ngồi xuống một chút để bỏ thêm thực phẩm vào cái hộp cho con chào mào đỏ, tá hỏa, cái hộp trống trơn, chỉ còn sót lại trong hộp vài chiếc lông vũ màu đen, chắc của cái đám sáo sậu vẫn hay ồn ào quanh vườn. Thôi rồi, vậy là chúng nó đã cướp cơm của chào mào bé bỏng cô đơn tội

ngiệp và thân thiết của cô rồi. Sao chúng nó biết cái góc khuất riêng tư của chúng mình? Sao chúng tìm thức ăn nhanh nhậy vậy? Con có bị chúng đánh không? Lâu nay con lấy giần? Đồng ý là chúng cũng cần sống, chúng cũng tội nghiệp, nhưng đầu sao, chỉ có một điều khác biệt duy nhất, là, tình cảm. Tình cảm giữa cô với con khác với chúng mà. Cô vẫn bỏ thêm thực phẩm đây, nếu con còn lẩn quẩn quanh vườn, có khi nào đó con sẽ ghé lại dùng, lúc này cô không nghe tiếng “cãi nhau” ra rả của bầy sáo sậu, có lẽ chúng đã thiên di xa rồi. Cô nhớ con.

Từ lúc biết thực phẩm để dành cho chào mào đỏ bị mất cắp, tôi chú ý nhiều hơn tới chỗ giấu bả. Quả nhiên con chào mào đỏ vẫn chưa đi đâu xa, một hôm trời hảnh, nó bay về đậu trên bàn, nhìn vào khung cửa sổ phòng tôi, mừng quá, tôi đập tay vào kính, báo cho biết cô đây, cô đây... rồi vội vã chụp cái áo khoác, mở nhanh cửa lớn chạy ra vườn thì không thấy nó đâu nữa. Tôi quay vội vào nhà vì trời lạnh quá, quần áo giày vớ dầy cộm, thêm cái áo khoác có mũ trùm đầu và tôi đã kéo trùm kín hết mặt, chỉ chừa đôi mắt, vậy mà không biết gió tìm được lối nào mà luồn vào đến buốt tận sống lưng.

Chỉ lội ra ngoài có chút xíu ấy mà tôi bị cảm lạnh. Chiều tối tôi bị ho, đau trong hốc mũi và trong vòm họng, có cảm giác hơi sốt, để trấn áp bệnh tình có thể diễn biến xấu hơn, tôi uống ngay 2 viên Tylenol, qua một đêm, vẫn chưa thấy đỡ...

Thời tiết đánh lừa con người, đánh lừa tôi, đánh lừa cả con chim, nên nó tưởng trời quang mây tạnh, nó ra ngoài...

Buổi sáng ấy, nó đậu trên cây đào nhỏ, lúc đó đang mới nhú lên những lộc lá non. Nó nhảy nhót rất là vui vẻ, không thấy nó ghé lại bàn tìm thực phẩm, và cũng không biết nó có biết tôi đang bệnh không. Trời đang hấp háy lên chút nắng. Trên hàng rào, những con chim khác cũng thi nhau véo von, những con chim ruồi cũng

đang chờn vờn bên bình nước... lạnh. Thật ra thì chỉ là thấy bất ổn trong người, chứ cái vụ cảm xoàng này không dễ gì làm khó tôi, tôi muốn ra vườn với nó... Tôi lấy cái máy ảnh, hướng về chào mào đỏ bấm mấy “pô”, tiện tay bấm luôn mấy con chim ruồi đang hút nước. Tôi gom một ít sữa, bánh ngọt, rượu nho, quay lại cửa sổ thăm chừng nó, thì một lần nữa, nó đã bay đi.

Đến giữa trưa, nắng bỏ trời đi, và mây kéo trời thấp xuống, nhìn ra ngoài thấy gió phơ phất các cành cây mạnh hơn, không khí trong nhà lạnh hơn... Lạnh dần xuống, nhưng ở nhà không ai nghĩ là tháng này lại còn tuyết rơi! Tôi nhìn mông lung ra cánh rừng thưa sát nhà, thỉnh thoảng một trận tuyết đổ xuống. Tôi chợt dạ, nhưng có phần cũng hơi yên tâm, vì “không thấy gì nghĩa là không xảy ra gì (No news is good news)”, thiên tính đã phú cho các loài vật sống ngoài hoang dã cái bản năng phát hiện và thích nghi với các hoàn cảnh khí hậu thời tiết, chắc nó đã biết tìm (hoặc cũng đã có sẵn) nơi ẩn náu.

Thiên nhiên đã đánh lừa chúng tôi, trớ trêu thay một buổi sáng đẹp trời sau nhiều ngày u ám, làm tôi nhớ một câu phương ngữ Texas “Bạn không thích thời tiết ở Texas, hãy đợi chút” thì ở đây, có khác gì!

Tôi nói chúng tôi bị đánh lừa, vì chính cái buổi sáng nắng hây hây kia là thủ phạm đã dụ dỗ mọi loài cùng vươn mình dậy sau nhiều ngày ủ rũ, giống như là thiên nhiên đã giương một cái bẫy rập, để càng nhiều càng tốt, tiêu diệt các sinh vật dưới bầu trời này.

Tôi không biết các loài chim khác thế nào, có bị gì hay không, trong lúc tôi hoàn toàn yên tâm về nó, thì, buổi chiều, trong cơn bão tuyết mỗi lúc một mạnh hơn, bất chợt nhìn ra ngoài, tôi thấy bên cửa sổ có gì đó động đậy, nhìn kỹ, thì ra là con chào mào đỏ! Không biết sáng giờ nó ở đâu mà giờ còn ở đây? Tôi lại nhìn thấy nó loay hoay bên đồng tuyết dưới mái hiên nhà, tôi vội lấy

tay đập nhẹ vào cánh cửa kính, con chim ngược nhìn thấy tôi bên trong cửa kính, nó lại lắc lư cái đầu có chòm lông lấm tấm mây bông tuyết trắng, trên mình nó cũng vậy, đầy tuyết. Tôi lại gõ gõ vào kính, nghe động, một cách khó khăn, nó ngoái nhìn lên ô cửa rồi từng bước xiêu vẹo bước trên tuyết, nó cứ đi như thế vì hình như nó không còn bay được. Trời vẫn đang đổ tuyết, mà tôi, vì không hề nghĩ nó vẫn bị kẹt trong trận bão tuyết bất thành linh này, cho nên đã không có sự chuẩn bị nào cho việc phải ra ngoài giữa cơn gió bão. Tôi lại khoác vội chiếc áo choàng, lao ra cửa lớn, và khi vừa mở được mấy cánh cửa, gió ào ào thốc vào tôi, đập mạnh cửa, suýt nữa mấy cánh cửa xô tôi bật ngã. Tuyết cũng “hùn gió bẻ măng” thừa cơ hội ngàn năm một thừa, cũng muốn ăn sống một con người, chúng phủ trắng xóa lên khắp người tôi hòng biến tôi thành người tuyết, tôi biết! Tôi kịp thấy con chim, nó đã đi gần tới bìa rừng, cách sân nhà 4, 5 met. Không biết chuyện gì xảy ra, con gái tôi hốt hoảng chạy theo níu tôi lại, “Mẹ, Mẹ! Việc gì vậy mẹ?” “Không con, không có gì”, tôi trả lời, mắt vẫn nhìn theo chào mào đỏ, nó bắt đầu khuất dần sau lớp tuyết trắng xóa của một gốc cây lớn. Tôi đau đầu nhìn theo, ngậm ngùi, như chờ nó một điều hứa hẹn...

Chưa bao giờ tôi thấy nó làm lũi, khắp khiêng đi một cách vô vọng như thế, sau gốc cây lớn đó là rừng sâu hun hút. Tôi hiểu, nơi đó, nó không còn mong mùa xuân sẽ đến.

Cái màu đỏ của con chim cardinal khắp khiêng đi trên tuyết khi đó làm tôi bồi hồi nhớ đến hai bài thơ* của Hàn Mặc Tử, trong đó có câu:
“Kìa ai gánh máu đi trên tuyết

...

Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu”

Hai tháng sau, nắng ấm, hàng anh đào rộn ràng khoe sắc, bầy chim rừng bay đến hót líu lo quanh nhà, không

thiếu cả ba bận mỗi ngày, mấy con chim ruồi lượn lờ hút mật hoa cũng như bầy sáo sậu “ăn quen nhin không quen” lượn lờ chuyền trên hàng rào như muốn nhắc nhở tôi bổ sung thực phẩm!

Chỉ thiếu con chào mào đỏ. Có phải mùa xuân vẫn chưa thực sự về? Hay mùa xuân thôi không hẹn đến? Có thể nào mùa xuân đang ầm áp nơi góc rừng phía sau gốc cây thông lớn?

Nắng mỗi ngày một chói chang hơn, nhưng không đủ ấm nơi chiếc bàn nước tôi ngồi với tấm ảnh con chào mào đỏ tôi lồng trong một cái khung bằng bạc.

* *Hàn Mặc Tử: Cuối Thu & Những Giọt Lệ.*

Tháng 1/ 2014

Lưu Thủy Hương

Vùng đất Dracula - trích đoạn nhật ký của Harker

Ngày 3 tháng 5, Bistritz

Vùng đất mà tôi tìm thấy trên bản đồ nằm ở miền Đông xa thẳm, lưng chừng trong khoảng biên giới ba nước Transylvania, Moldavia và Buconiva, giữa dãy Karpaten. Một vùng đất hoang dã ít được biết tới nhất ở châu Âu. Tuy nhiên, không có một bản đồ hay cuốn sách nào giúp tôi xác định được vị trí chính xác của lâu đài Dracula.

(Jonathan Harker)

Ngày 5 tháng 7, Constanta

Tôi gấp cuốn nhật ký của Jonathan Harker lại, nghiêng đầu nhìn ra ô cửa sổ máy bay.

Mặt đất bên dưới hiện ra hình con đong lửa hung tợn từ đất liền trườn ra biển rộng. Nó đẹp và kỳ vĩ hơn tất ảnh ở văn phòng mua bán bất động sản của cha tôi rất nhiều. Sau khi cha tôi tự quyên sinh, tôi đã bỏ nhiều ngày tháng để nghiên cứu những tấm hình lạ lùng mà ông chụp được trên máy bay trực thăng. Nhưng những thắc mắc bất tận về cái chết bí ẩn của Patrick Harker chỉ chồng chất thêm theo ngày tháng.

Chiếc airbus A318 đổi hướng, hạ độ cao chuẩn bị đáp xuống phi trường. Tại tôi ừ đặc khi máy bay vùn vụt đâm cánh xuống đầu con bò sát. Qua màn mây mỏng, con mắt đỏ rực độc ác của tên quái vật mở ra, nhìn xuyên qua cửa kính. Nó nhận ra tôi, bộ vây nhọn bên hông dựng đứng như đe dọa.

Máy bay dội ngược lên chạm chân vào mặt đất. Hệ thống thắng gào thét dữ dội khi con chim sắt vẫn lao ầm ầm về phía trước. Tôi rùng mình nhìn ra kè đá chắn biển. Sóng hung hãn tràn lên như muốn cướp lại phần đất biển bị con người tước đoạt. Từng mảng bọt trắng xoá tung mình qua kè tiến sát tới tận đường băng. Chiếc airbus dừng lại ngay cuối phi đạo ngắn, như một phép màu.

Tôi lấy hành lý và đi tìm chỗ ăn chiều. Lịch trình ghi rõ, sẽ có chuyến xe bus khởi hành về Bistritz lúc mười hai giờ đêm. Từ Bistritz sẽ có chuyến xe về Bucovina. Xe gì, số mấy thì không được ghi rõ. Thật ra, tôi cũng không nhất thiết phải tới Bucovina, bởi vì vùng mỏ quặng aluminium nằm trên dãy Karpaten. Lúc đầu tôi rất bức mình vì lịch trình luộm thuộm này. Lẽ ra tôi có thể đáp chuyến bay thẳng tới Bistritz hay Kraków. Từ đó thuê xe chạy về Karpaten. Bà thư ký trả lời tôi dè dặt, thưa ông, phí di chuyển do bên đối tác chi trả nên họ có quyền lên lịch trình.

Chỉ có ba người rời sân bay ra bến đợi xe bus vào giờ khắc oái ăm. Một người đàn ông Á Châu trạc ngũ tuần, đôi mắt đen u buồn, thân hình nhỏ thó lợt thỏm trong tấm áo khoác nhân viên Hồng Thập Tự. Một người đàn bà vóc dáng nông dân, bộ váy cổ truyền xứ Transylmania bằng lanh trắng, khăn trùm đầu cũng màu trắng. Khi giúp bà ta khuân cái va li nặng trĩu lên xe đẩy, tôi thấy họ bà là Costin. Trên va li chỉ có họ, không

có tên, không cả địa chỉ.

Trời đêm mùa hè u ám. Gió lạnh từ rừng thông thổi xuống ào ạt, đánh tóe những bụi cây khô quanh trạm xe. Tôi co mình trong tấm áo khoác thể thao mỏng, nóng lòng nhìn ra con đường đất đỏ đạo dẫn vào sân bay. Con đường ngoằn ngoèo chìm trong ánh đèn vàng heo hắt mang một nỗi cô liêu dữ dội. Tôi bắt chuyện với người đàn ông bên cạnh:

- Ông đi về đâu?

- Bistritz. Còn anh?

- À. Tôi cũng đi Bistritz.

Người đàn ông cười thân thiện, nhưng nụ cười của ông ta có vẻ gì đó rất miễn cưỡng và ủ dột.

- Từ Munich đáp máy bay xuống Constanta để đi đường bộ về Bistritz?

Kỳ lạ, tại sao ông ta biết tôi từ Munich tới. Tôi chợt dạ nhìn xuống tấm thẻ hành lý đeo trên va li, trả lời dè dặt:

- Tôi đi theo lịch trình của công ty.

- Tôi cũng vậy, tới Bistritz để nhận công tác thiện nguyện - Người đàn ông mặc áo Hồng Thập Tự tiếp tục câu chuyện.

Tôi cố cười để xóa tan bầu không khí u ám đang vây phủ.

- Tôi chỉ sợ rằng, tới Bistritz rồi phải đi xe bò về Bucovina.

Ánh đèn đường buông một vùng héo úa trên khuôn mặt xám ngắt. Giọng người đàn ông lạc đi trong gió:

- Tại sao anh muốn tới Bucovina?

Tôi ngần người, không đáp ngay. Tại sao? Có gì bất thường khi tôi muốn tới Bucovina? Cách hỏi chuyện của người đàn ông này hơi kỳ quặc, dù dáng vẻ u buồn của ông ta trong tấm áo Hồng Thập Tự lại gợi nên một sự cảm thông và gần gũi.

- Tôi tới vì hợp đồng mua bán đất đai ở Karpaten.

Tôi nghe tiếng thở hắt của bà Costin phía sau. Người đàn ông Á Châu bỗng “à” lên một tiếng kiêu như, hoá ra là vậy, tên này đi mua đất ở Karpaten. Rồi không cần giấu giếm, ông ta nói về khó chịu:

- Hy vọng anh nhanh chóng hoàn thành công việc.

“Và nhanh chóng ra đi.” Tôi nghĩ rằng ông ta muốn nói thêm như vậy.

- Từ đây tới Bistritz mất bao nhiêu lâu?

- Một vài giờ.

- Thật là thú vị. Một vài giờ vượt qua năm trăm cây số đường núi rừng hiểm trở - Tôi ra về nhả nhặn gặt đầu.

Người đàn ông đáp lại bằng một thứ tiếng Đức rất chuẩn:

- Denn die Toten reiten schnell. Bọn người chết phóng ngựa rất nhanh.

Tôi ngạc nhiên tới nghẹn giọng. Không phải vì nghe một người Á Châu nói tiếng Đức trôi chảy. Ở Bistritz có hơn sáu mươi phần trăm dân số nói tiếng Đức. Tôi ngạc nhiên vì, câu nói này đã được ông cố tôi ghi lại trong nhật ký, khi đứng ở Bistritz chờ xe đưa về Bucovina. Nó mở đầu cho cuộc hành trình ma quái và chết chóc. Tôi cố gạt đi cảm nghĩ đó, nhưng dường như tôi đang bị cột chặt vào cuốn nhật ký của ông tôi.

Bà Costin gằn như co rúm lại vì câu nói của người đàn ông. Tôi đồ rằng, bà ta cũng hiểu nghĩa nó, và hiểu bằng sự sợ hãi. Bà ta tiến tới gần tôi, cặp mắt để lộ con ngươi vàng khè giãn to. Khi đó, dưới ánh đèn đường, tôi mới nhận rõ những nếp nhăn dữ dội trên khuôn mặt lần khuất sau lớp vải trùm đầu màu trắng. Bà ta rất già. Có lẽ, tuổi một trăm đầy vắt và đã ở lại xa lắc phía sau lưng. Bà Costin mấp máy đôi môi mỏng trĩu cong thì thầm:

- Xin anh đừng tới đó, đừng tới đó vào tháng này, tháng bảy này.

Người đàn bà tội nghiệp đang ở trạng thái kích động. Những từ ngữ tuôn ra như bị dính chùm vào nhau. Tôi không tin vào truyền thuyết Dracula. Thế hệ của tôi không còn ai tin vào chuyện ma quỷ bịa đặt. Những kẻ vô công rồi nghề đã sáng chế ra những câu chuyện thương tâm, để biện minh cho cố gắng đầy thất bại của họ trong cuộc sống. Luôn có một thế lực cản trở sự thăng tiến của họ, đó là thế lực u tối của ma quỷ. Không, tôi chẳng bao giờ tin vào những điều đó. Cuốn nhật ký của ông cố tôi chỉ thuần túy là một tác phẩm văn chương, mà loại văn chương giải trí, hoàn toàn không có giá trị thực tế. Tôi tới đây theo lời mời của ngài thị trưởng, nhằm vào vùng đất hoang còn chưa được những nhà

doanh nghiệp đánh giá cao. Mỏ quặng aluminium ở Karpaten là mối quan tâm hàng đầu của công ty chúng tôi.

Tôi lịch thiệp trả lời:

- Thưa bà, tôi vì công việc phải tới đó.

- Tháng bảy là tháng của oan hồn, tháng của những kẻ chết oan, tháng xẻ đất, xẻ thịt người ra bán.

Nỗi kích động của người đàn bà như những mũi tên, chúng ập vào cơ thể tôi bằng một đợt ớn lạnh. Điều này làm tôi khó chịu. Nhưng bà ta có vẻ như suy sụp hoàn toàn, nên tôi cũng không nỡ bỏ mặc bà trong sự sợ hãi. Tôi cố gắng dịu dàng tới mức mà một người đàn ông có thể nguy tạo được. Tôi nắm lấy cánh tay áo của bà Costin và nói nhỏ:

- Xin bà đừng lo, gia đình tôi đã có bốn thế hệ từng tới đó, và yên ổn trở về - Tôi không được phép nói cho bà ta biết, ông nội tôi Quincey Harker và cha tôi Patrick Harker đã chết bất đắc kỳ tử sau khi “yên ổn trở về”.

- Gia đình ông?

- Tôi là Ray Harker.

- Dòng họ Harker?

Người đàn ông Á Châu bắt ngờ kêu lên một tiếng giận dữ.

- Hoá ra là người của dòng họ Harker? Các anh muốn tìm gì ở vùng đất đó? Nỗi lâm than của người nông dân? Hay máu của kẻ vô tội? Hay một cuộc phiêu lưu ti tiện

của bọn nhà giàu?

Tôi không hiểu vì sao giọng nói ông ta bỗng hoá ra cay nghiệt khi biết tôi mang họ Harker. Chế độ phong kiến Mihai đã bị làn sóng đỏ tiêu huỷ vào năm 1947. Những người lãnh đạo phong trào nông dân bị cộng sản xử tử. Đảng dân tộc dân chủ bị xoá sổ. Hình ảnh bá tước Dracula cũng bị những kẻ vô thần đẩy lùi vào bóng tối. Nhưng quá khứ máu me đó, bây giờ có liên quan gì tới tôi. Nỗi đau khổ lắm than của những con người thời tao loạn đó, liệu có dính líu gì tới hợp đồng mua bán sòng phẳng của công ty chúng tôi. Tôi vẫn nhã nhặn trả lời bà Costin, không phải vì lương tâm cắn rứt, mà tương lai của công việc. Hơn nữa, không khí buồn bã ảm đạm đang bao phủ vùng đất viễn du này làm tâm hồn tôi trở nên nhạy cảm bất thường.

- Thưa bà, tôi sẽ cố tránh xa nỗi đau của người khác.

Người đàn bà nông dân có vẻ xúc động vì câu trả lời của tôi, dù nó được nghĩ bằng một sự ích kỷ hơn là thiện chí. Bà lỏng cổng cởi sợi dây tôi tết đeo ở cổ, nhưng bàn tay cứ run lên bần bật làm sợi dây vướng ngang nút thắt khăn. Cái khăn bị kéo tuột ra khỏi mái tóc bạc trắng. Đôi mắt người đàn bà đầm nước trên khuôn mặt đầy những vết đồi mồi nhăn nheo. Bà Costin trao cho tôi cây thánh giá đeo bằng gỗ đeo trên sợi dây tôi trắng. Mẹ tôi là người Đức, tôi sinh ra lớn lên ở Đức, không ăn tỏi, và rất sợ mùi tỏi. Biểu tượng linh thiêng đi cùng với thứ gia vị hôi hám làm tôi thêm bứt rứt.

- Xin anh hãy đeo nó trên ngực. Hãy luôn mang nó theo bên mình. Vì mẹ anh, vì những người thân yêu của anh, xin hãy luôn giữ nó bên mình.

Tôi nắm sợi dây trắng trong tay, không biết phải nói gì

với người đàn bà xa lạ. Bà ta có cái vẻ tốt bụng và chân thật của một người nông dân chân lấm tay bùn. Giữa lúc đó, bốn cái đầu ngựa đen đuôi đột nhiên hiện ra giữa vùng sáng u ám. Chúng lao thẳng tới chỗ tôi bằng một vận tốc kỳ quái, nhanh tới độ, tôi chưa kịp thở ra một hơi, cả cỗ xe đã đứng sờ sờ ngay bên cạnh. Tấm áo choàng đỏ tung phấp phật che cả một khoảng trời đêm. Tôi giật mình lùi lại, bàn tay cầm sợi dây tôi tự động đẩy vào túi áo.

Gã xà ích có nước da trắng xanh xao, khuôn mặt tối tăm. Hắn nói tiếng Đức theo kiểu biến âm u thành ue, âm a thành ae, lại rất nặng ở phần phụ âm. Hắn gọi tên tôi, ánh mắt xuyên qua lớp bụi đường quất thẳng gió lên mặt.

- Herr Harker? Ngài thị trưởng cho xe tới đón ông.

Cặp môi đỏ tươi và hàm răng trắng nhón trên bộ mặt xanh xao, dưới ánh đèn đêm trông thật quái dị. Bà nông dân run lẩy bẩy, cổ ngược cặp mắt ướt đầm nhìn tôi. Đôi môi bà nhấp nháy không thành tiếng. Tôi đọc được ở đó lời van xin tuyệt vọng.

- Xin anh đừng bước lên chiếc xe ma quỷ đó.

Tôi quay sang gã xà ích, nói cho rõ:

- Theo lịch trình, tôi phải đi xe bus về Bistritz. Từ đó mới có xe đón về Bucovina.

Gã xà ích quét cặp mắt sắc lẹm lên hai người đồng hành của tôi. Cặp mắt gã xanh lè như mắt chó sói.

- Ngài thị trưởng không muốn ông bị bọn bắt lương quấy nhiễu dọc đường.

Bà Costin gần như đổ sụp xuống vì hoảng sợ. Bàn tay bà run rẩy bám lấy cột đèn. Người đàn ông Á Châu cũng lùi về phía sau, đưa tay làm dấu thánh giá. Tôi thấy áy náy vì câu nói sỗ sàng của gã xà ích. Nhưng thật ra, không thể đòi hỏi một gã đánh xe vùng rừng núi phải ăn nói lễ độ hơn. Bà thư ký cũng đã nói rõ, phí di chuyển do bên đối tác chi trả nên họ có quyền lên lịch trình.

Sàn xe rất cao. Có lẽ đây là loại xe được thiết kế đặc biệt cho vùng đồi núi. Khó khăn lắm tôi mới đưa được thân mình hơn một trăm ký lô lên xe, cứ rửa thầm trong bụng, hy vọng chiếc xe ọp ẹp này không mất tới ba ngày lọc cọc bò về Bucovina. Gã xà ích bằng cử động của một bàn tay đã ném gọn chiếc va li to lớn của tôi lên khoang sau. Tôi ngẩn người nhìn bàn tay lông lá mạnh mẽ dị thường của gã, bỗng nhớ tới một đoạn trong nhật ký của ông tôi. *“Người đàn ông này có một sức mạnh của ma quỷ.”* Ý nghĩ lạ lùng cũng kéo qua đầu, dường như gã thị trưởng bí ẩn đó biết tôi đứng trò chuyện với những người đợi xe về Bistritz.

Chiếc xe rung lên nhẹ nhàng trước khi chuyển bánh. Cảm giác hồi hận lần đầu tiên ập tới, nhưng tôi vội vã xua nó đi. Phía sau màn bụi, chiếc bóng của người đàn ông Á Châu và bà Costin hiện ra xiêu vẹo. Họ cuống cuống làm dấu thánh giá và chìm dần trong vùng sáng ảm đạm. Mãi một lúc sau tôi mới có thể quên được đôi mắt đầm nước và giọng nói thì thảo đầy sợ hãi của bà Costin.

Chiếc xe ngựa phóng đi vùn vụt một lúc thì chậm dần lại. Con đường bắt đầu đâm vào những khe đá tối đen uốn khúc. Càng lên cao, không khí càng đặc quánh lại. Tôi với gã xà ích không nói với nhau câu nào. Tấm áo choàng đỏ trên đầu xe căng phồng, cuốn chiếc xe ngựa bay lên con đường dốc đá. Lạy Chúa. Có vẻ như chúng

tôi không theo đường liên tỉnh đi về Bucovina như trên bản đồ. Những con ngựa theo đường chim bay, phóng thẳng qua vùng núi đá. Xe bẻ quặt qua một khúc quanh co thất, mấy cái bánh trượt ra sát mép đường đổ đá lăn ào ào xuống vực. Tôi có cảm tưởng như cả chiếc xe đông đưa trên ghềnh vực thẳm. Thay cho sự hoảng hốt, tôi chỉ thấy một mối khủng khiếp. Nhắm mắt thiếp đi trong giấc ngủ u mê, tôi phó mặc sinh mạng mình cho gã đàn ông xa lạ.

Những tiếng gầm thét khủng khiếp từ bên ngoài vọng tới làm tôi tỉnh giấc. Nó giống như tiếng kêu của bầy thú dữ giữa cơn đói khát. Trong cơn mê muội, tôi đánh rơi quyển nhật ký của ông tôi trên đùi, lập cập hỏi:

- Tiếng gì vậy?

Người xà ích ngồi phía trước không nói gì, chỉ vung roi quất mạnh vào không khí. Chiếc roi da rít lên thành những tiếng thét hãi hùng. Tiếng thét của những người đàn bà. Nón trùm đầu của gã đánh xe bất ngờ bị gió giật bay, mái tóc bạc xác xơ như tấm muối trắng dựng đứng dưới ánh trăng.

Tôi nghiêng người kéo tấm màn cửa, nhìn vào màn đêm mịt mùng. Xa xa, ánh trăng đổ lên những cây thập tự giá sơn trắng. Mịt mùng hoang mộ. Những ngôi mộ san sát kéo dài tới tận chân bóng đêm. Cứ như loài người dôn cả về đây để tìm cái chết. Những người đàn bà mặc áo trắng ôm bó hoa tang lễ đứng bên dãy hàng rào nghĩa trang xiêu vẹo, ngược mắt nhìn theo xe. Ánh mắt giận dữ và điên loạn của họ làm tôi rợn người. Giữa gã đánh xe và những người nông dân vùng này e có mối thâm thù truyền kiếp nào đó. Họ có lý do gì để ra viếng nghĩa trang vào lúc đêm hôm khuya khoắt? Hay họ đứng đó để chờ tôi, truyền đi thông điệp của lòng căm thù.

Tùng đàn dơi đen từ rừng thông chấp cánh vùn vụt bay ra. Những cặp mắt trong đêm đỏ rực thèm khát lòng kiếm ánh mắt tôi. Trong một khoảnh khắc thần kinh tôi tê dại như bị thôi miên. Tay chân tôi cứng đờ. Đám dơi xông tới bên thành xe, chúng nhe hàm răng nhọn lều cấn tới tấp lên lớp vải màn. Phía trước có tiếng hét:

- Bỏ tấm màn cửa xuống.

Tôi giật mình rút tay lại, tấm màn cửa nặng nề rơi xuống. Hàng loạt tiếng va đập vào khung cửa kính như là mưa đá. Gã xà ích lại liên tục quất roi vào không khí giữa tiếng la rú đau đớn cuồng nộ của đám phụ nữ. Bàn tay tôi trượt mồ hôi lạnh lần chui vào túi áo. Tôi đung phải sợi dây tôi. Chiếc thánh giá gỗ nổi cộm giữa lòng bàn tay. Trong nỗi cô đơn hoảng loạn, tôi cuống cuống trông sợi dây tôi qua đầu.

Đã quá nửa đêm vài phút. Điều này làm tôi thực sự hoảng hốt. Nỗi sợ hãi vào thời khắc nửa đêm đã liên tục bị những biến cố gần đây khuếch đại lên. Bao tử tôi như căng ra vì thứ cảm giác chờ đợi tồi tệ.

Một con chó bắt đầu tru lên ở một ngôi nhà nông dân nào đó, từ trong chốn xa xăm huyền bí. Tiếng rú dài dằng dặc mang nỗi sợ hãi kinh khiếp. Tiếng gọi của nó liền được một con chó khác hưởng ứng, rồi con này tiếp theo con khác. Gió trên đường mang tiếng rú kinh hoàng lên đôi cánh, thổi lời điên dại vào hoang vu, thổi lên khắp cả vùng đất bao la bóng đêm mông tưởng.
(Jonathan Harker)

Ngày 7 tháng 7, Karpaten

Tòa thị sảnh nằm trên triền núi cao, nhìn xuống bình nguyên tối đen. Chúng tôi tới đây vào lúc cuối đêm. Phía Đông trời ửng một màu xám nhạt buồn thảm. Chiếc xe ngựa không còn phóng đi như vũ bão mà nặng nhọc bò lên dốc. Những con ngựa không biết vì kiệt sức hay vì sợ hãi, chúng cất bước chân nghiêng ngả trên nền đá lào xào.

Lâu đài hiện ra dưới ánh sáng mờ nhạt sừng sững như một pháo đài mang kiến trúc Bhagarh ma quái cô kính. Mặt tiền phẳng phiu bằng đá tảng ngả màu rêu đen với những hàng cột đá lở lói. Những dãy cửa vòm sâu hun hút xen giữa những bờ tường đá đỏ kiểu Ả Rập đồ nát càng tạo thêm vẻ cô quạnh thiếu thân thiện. Vài hàng thông khô cằn cố vươn những cái đầu rắn độc lên trong gió dữ để phô bày vẻ âm đạm thê lương của một vùng đất mang nặng lời nguyên chết chóc. Phần bên phải hướng về bờ tường núi dốc đứng trong tình trạng đổ vỡ tồi tệ. Mái nhà và tường đổ tạo thành những vệt răng cưa xấu xí in trên nền trời.

Xe lăn bánh qua cây cầu đá tiến vào cổng chính. Tôi nghiêng mình nhìn ra, con lạch rộng và sâu, phủ đầy cỏ dại viền quanh tường thành, càng tạo nên cảm giác về một pháo đài cổ thủ. Trên vòm cổng đá đen không gắn một bảng hiệu nào ngoài mấy cụm cỏ khô trồi ra từ kẽ đất. Cánh cửa gỗ mốc trắng tự động mở ra khi chiếc xe tiến tới gần. Con đường dẫn vào pháo đài thẳng tắp giữa hai hàng cây đoan.

Xe dừng trước khoảng sân rộng. Gã đánh xe lừa ngựa đi rồi không thấy trở lại. Bên ngoài trời dần sáng. Tôi tự bắt mình ngồi im, ra về chờ đợi theo đúng phép xã giao.

Thật ra là tôi mệt mỏi rồi, chân nhấc không lên, cứ như cả đêm chưa hề chợp giấc. Buổi sớm mai ở nơi này yên tĩnh lạ lùng. Đó không là không gian bắt đầu một ngày mới. Đó là sự im ắng của cái chết.

Gã xà ích vẫn không quay trở lại. Tôi há miệng ngáp một cái muốn sái quai hàm. Cố cưỡng lại cơn buồn ngủ, tôi leo ra khỏi xe. Toà thị sảnh vào buổi sáng vẫn u ám hoang phế như trong bóng đêm lơ mờ. Hôm nay là ngày thứ ba, nhưng có lẽ, còn quá sớm để nhân viên bắt đầu một ngày làm việc.

Tôi đứng trước cánh cửa gỗ nặng nề đang hé mở, thăm nghĩ tới cuốn nhật ký của ông tôi, đây là giờ phút mà lão bá tước ma cà rồng sẽ đẩy cánh cửa ra và mời tôi vào. *“Ông ta cầm trong tay một ngọn đèn bạc cổ. Nó cháy sáng dù chẳng hề có một cái ống thông gió hay chao đèn nào. Bóng tối như run lên bởi tiếng kéo cửa lách cách của con người này.”* Nhưng bây giờ là buổi sáng. Đó chính là chi tiết khác biệt rất lớn so với phần nhật ký của ông tôi. Tự điều này làm tôi thấy bứt ngời ngại vì khung cảnh u đột và cách tiếp đãi kỳ dị. Tôi bình tĩnh đẩy cửa bước vào.

Khác với vẻ đồ nát bên ngoài, đại sảnh bên trong mang kiến trúc Hy Lạp với một vẻ xa hoa cổ kính. Tường trát vữa thô trắng kéo dài lên tới phần trần nhà chạm trở thanh mảnh kiểu frieze. Sàn nhà lát đá tảng khắc hoạ, bàn gỗ quý mạ vàng với những chiếc bình đất hoa văn. Mặt tường phía sau để trống nhìn thẳng ra khoảng sân giữa vuông vức. Những dãy cột đá trắng peristyl thẳng tắp. Loáng thoáng vườn nho và bồn nước uống phun bọt trắng. Mọi thứ đều trắng trẻo, sạch sẽ và không đáng nghi ngờ. Tôi ngồi xuống chiếc ghế bành êm ái thêu hoa cúc trắng. Chiếc ghế êm tới độ, tôi lún sâu vào lớp vải mềm mại và thiếp đi.

Ngày 10 tháng 7, Karpaten

Tôi tỉnh dậy trong căn phòng rộng cỡ kính, màu đỏ. Ánh sáng xuyên qua tấm màn cửa dày hắt lên mảng tường đỏ một vùng sáng yếu ớt, quá yếu ớt để có thể đoán được thời khắc. Tôi nhìn đồng hồ, mười bảy giờ chiều, ngày 10 tháng 7. Không thể tưởng tượng nổi, tôi đã ngủ liền tù tì hai ngày rưỡi. Cảm giác mệt mỏi vật vờ sau giấc ngủ dài không rõ do đói khát hay do bị nhiễm cảm. Tôi rùng mình ớn lạnh. Bây giờ là tháng bảy, không hiểu sao đã lạnh lẽo như giữa mùa đông. Lò sưởi cháy đỏ trong góc phòng dường như không mang lại chút hơi ấm nào. Nơi này lạnh lẽo như đáy mộ.

Tôi loạng choạng đứng dậy, thấy mình rất yếu. Bàn tay tôi chống lên mép giường xanh lè trong ánh sáng mập mờ. Hành lý của tôi để gọn ở góc phòng. Tôi lục tìm tấm áo len. Đó là cái áo len duy nhất Kathi nhét thêm vô va li. Khi đó tôi đã cầu nhàu, không ai đem áo len về miền nam vào tiết tháng bảy. Kathi cũng đang đi công tác sang Nhật, chắc là cô ấy không quá lo lắng vì từ hai ngày nay tôi không liên lạc. Tôi mở iphon, không có tin nhắn nào mới. Thùng email cũng chỉ có vài thư quảng cáo. Pin sắp hết. Tôi tìm quanh, không thấy ổ cắm nào. Thật là bất tiện khi phải ở trong căn phòng không có ổ cắm điện. Tôi để iphon lên đầu giường, đi tìm người hỏi cho ra lẽ.

Ngoài hành lang và tiền sảnh toà thị chính vắng ngắt. Những cánh cửa gỗ lớn nặng nề đóng im ỉm. Tôi đoán, giờ chiều này nhân viên công chánh đã nghỉ việc. Ánh sáng cuối ngày tắt dần, chỉ còn vài vệt héo úa đọng quanh mép màn cửa sổ. Bụng tôi đói cồn cào và tôi

tưởng rằng mình đang là đi vì đói. Bởi vậy, khi gã xà ích xuất hiện, tôi vui mừng kêu lên như gặp lại người thân.

- A. Chào anh. Tôi xuống đây hỏi chỗ cắm điện.

Gã đàn ông nhếch môi cười khó hiểu. Nụ cười để lộ hàm trắng trắng nhọn lại mang một vẻ độc ác buộc tôi phải ngưng ngay cách chào đón thân thiện của mình. Gã nói:

- Ngài thị trưởng mời ông sang phòng khách dùng cơm tối.

Tôi lẳng lặng đi theo gã qua một dãy hành lang lát đá. Hơi lạnh từ đá toả ra làm tôi run lẩy bẩy, suýt nữa thì tôi phải kêu lên. Bây giờ là tháng 7, giữa mùa hè, không lẽ gì ở vùng đất phía nam này lại lạnh lẽo như vậy. Gã xà ích cầm cây đèn bão vẫn bước đi vội vã. Tôi nhìn ánh đèn lung linh phản chiếu trên vách tường đá hoa cương bóng loáng, kinh hãi nhận ra một điều. Gã xà ích không có bóng.

Sự phát hiện này làm tôi choáng váng, nhưng thật tình, cho tới lúc này tôi cũng không thể tin vào những chuyện ma quỷ nhảm nhí. Tôi theo gã đi vào phòng ăn rộng rãi thấp nền dọc trên tường. Phòng ăn se lạnh dù bốn lò sưởi lớn ở bốn góc cháy đang hùng hực. Đường như chúng vừa được đốt lên vì đám củi phía trên còn chưa kịp bắt lửa. Dãy bàn lớn xếp theo chiều dài phòng phủ khăn trắng xoá, bày biện những đĩa hoa quả màu sắc rực rỡ tươi tốt. Gã xà ích đưa tôi vào chiếc bàn tròn riêng biệt cuối dãy, ở đó đã sắp sẵn những chiếc ly thủy tinh sáng bóng. Cảm giác xa hoa và sạch sẽ nơi này mang lại cho tôi một sự dễ chịu hơn là thèm ăn. Cho tới lúc thức ăn được dọn ra, tôi vẫn không tìm lại được cảm giác đói

bụng như khi vừa thức dậy.

Những món thức ăn nấu theo kiểu Đức cổ truyền, do hai người đàn bà mặc áo trắng khéo léo bày ra bàn. Thịt giò heo hầm rục, bắp cải trắng muối chua. Xúc xích chiên vàng kiểu Bayern với khoai tây rang mỡ heo hung khói. Ragu bò hầm ớt tây và hành củ. Thức ăn được trình bày đẹp đẽ trong những cái đĩa pha lê trắng toát. Gã xà ích mang ra chai rượu đỏ. Bằng một cử động dẹt thường của hai ngón tay, gã giật văng nắp bàn có đóng niềng kẽm. Tiếng nổ bực vang lên đánh động bầu không khí im ắng khó chịu, khi gã xà ích và những người hầu bàn cứ cầm nín một cách thiếu lịch sự. Tôi nhấp một ngụm rượu lơ lợ chua, chẳng rõ là thứ rượu quái quỷ gì.

- Tôi muốn gặp ông thị trưởng ngay sáng sớm mai.

- Ngài thị trưởng đã rời khỏi Karpaten ngày hôm qua.

Tôi muốn nhảy nhồm lên. Thì ra, trong lúc tôi ngủ quên, ông ấy đã ra đi.

- Bao giờ ông ấy về?

- Không ai biết được.

Suýt nữa tôi hất luôn phần rượu còn lại vào bộ mặt xanh lè của gã đàn ông. Tôi theo lời mời của bên bán đất tới đây và hoàn toàn không có ý định ở lại chốn hoang vu hẻo lánh này lâu hơn hai mươi bốn giờ đồng hồ. Chuyện tôi ngủ quên, phần nào cũng là do lỗi của họ. Chính bọn người này đã đưa tôi lên phòng và không hề đánh thức tôi dậy. Tôi kìm nén sự giận dữ, cố nói cho ra lẽ:

- Tôi muốn liên lạc với ông thị trưởng.

- Ông ấy đã rời xa Bucovina một khoảng đường rất dài, không thể đuổi kịp. Mời ông dùng bữa tối.

Gã nói tôi đó rồi biến ra khỏi phòng. Tôi bị rơi vào một cảm giác nghi ngại tồi tệ. Thời buổi này chỉ cần nhắc di động lên là liên lạc được, thẳng điện lại nói “không thể đuổi kịp” là cái quái quỷ gì. Rõ ràng trong chuyện kinh doanh đất đai bọn chúng có những vấn đề mờ ám phía sau. Tôi định ăn nhanh rồi về phòng gọi điện cho công ty. Bây giờ đã là bảy giờ tối, nhưng tôi vẫn có thể liên lạc riêng với Yanick Marrell. Gã làm việc bên phòng điều hành và thường sẵn sàng trả lời điện thoại ngoài giờ làm việc. Bữa ăn vì vậy mà mất ngon. Nhưng có lẽ còn vì lý do khác, thức ăn ở đây chỉ có hình thù mà hoàn toàn không có mùi vị gì. Cả rượu cũng không hề có mùi rượu.

Tôi nhìn ánh lửa đỏ, bùng rợn người. Lửa không có mùi củi cháy. Ánh sáng dường như chỉ là ảo giác. Căn phòng vẫn lạnh căm.

Tôi trở về phòng. Cảm giác khó chịu ập tới. Có kẻ nào vừa ở đây. Tôi biết điều đó vì tấm màn cửa bị vén qua một bên. Gió đang lùa qua tấm kính hé mở. Tôi lao tới bên giường. Iphon của tôi đã biến mất.

Cánh cửa phía sau lưng tôi đột ngột đóng sập lại. Tôi nhào tới bên cửa vặn như điên nắm đấm.

Ngày 12 tháng 7, Karpaten

Tôi bị nhốt trong phòng, như một tù nhân. Thật không tưởng tượng nổi, ở thế kỷ này lại có chuyện bạo hành kỳ quái như vậy. Tôi không nghĩ ra được lý do tại sao mình

bị bắt giam. Cuốn nhật ký của ông tôi cũng không giúp được gì, vì tôi chẳng tin những thứ ma quái nhảm nhí đó lại có liên quan gì tới hợp đồng mua bán của công ty, mà tôi là người đại diện.

Lão thị trưởng biến đi đằng nào, không một lần xuất hiện. Chỉ có hai người đàn bà nấu bếp tới phòng tôi để đưa thức ăn và dọn dẹp vệ sinh. Họ cũng chỉ tới vào ban đêm, nhưng họ hoàn toàn không giống đám thiếu nữ dâm dăng khát máu mà ông tôi miêu tả trong lâu đài của bá tước Dracula. Họ có vẻ nghèo khổ nhẩn nhục và đầy khiếm nhục. Tôi cố trò chuyện với họ bằng tất cả những ngôn ngữ tôi có thể sử dụng được. Họ đáp lại bằng sự im lặng sợ sệt, dù trong ánh mắt của họ, tôi đọc được sự cảm thông.

Tôi nói như là khóc:

- Tôi bị giữ ở đây đã năm ngày rồi, cô có hiểu không? Không biết vì lý do gì.

Người phụ nữ trẻ cúi đầu không đáp. Cô ta để mâm thức ăn lên bàn và lùi dần ra cửa. Trước khi bước ra, ánh mắt của cô ta nhìn một lần nghi ngại về phía tấm màn cửa sổ. Tôi phóng tới, giữ chặt tay áo người phụ nữ trẻ. Bàn tay tôi tưởng như chộp vào lớp vải mịn như bụi. Cả tấm áo trượt đi toàn toạt. Người đàn bà hét lên kinh khiếp, đưa bàn tay xanh xao lên che bờ ngực trần. Trong một phút chốc, tôi nhìn thấy hai vết tím đỏ trên cổ họng cô ta.

Cánh cửa phòng bật mở. Gã xà ích xông vào. Cú đâm kinh khủng phóng tới ngay giữa mặt làm trời đất nổ hoa tím. Tôi ngã vật xuống đất.

Ngày 13 tháng 7, ?

Bên ngoài trời đổ tuyết trắng xóa lên những hàng cây trụi lá. Cái đồng hồ đeo tay là người bạn duy nhất giữ tôi lại với khái niệm thời gian. Nhưng lúc này, tôi cũng không còn tin tưởng vào nó. Khung cảnh bên ngoài bảo với tôi rằng, bây giờ là cuối mùa đông. Tôi vẫn ghi ngày tháng lên nhật ký của mình, dù biết rằng nó rất vô nghĩa. Còn đây là đâu, tôi cũng không biết.

Hôm qua tôi thử xé ga giường bên dây thả qua cửa sổ. Nhưng đoạn dây chỉ được một phần ba đường. Từ đó xuống tới chân tường còn những hơn mười mét. Sợi dây vải cũng sẽ không chịu nổi thân hình quá tải của tôi. Bây giờ tôi lại tiếc là cả đời mình mình không bao giờ chú ý tới việc rèn luyện thể thao. Một tuần bị nhốt trong phòng, chỉ toàn ăn và ngủ, có vẻ như tôi tăng thêm vài chục ký. Không biết bọn chúng nhốt tôi lại để làm gì. Với iphon của tôi, tên thị trường khôn khiếp chắc chắn đã giả mạo email gửi về công ty, hoàn tất công việc mua bán. Kathi sau một tuần không nhận được tin tức của tôi, cô ấy sẽ đoạn tuyệt mối tình năm năm không đem lại điều gì vui thú.

Tôi tuyệt vọng đâm đầu như điên vào cánh cửa phòng. Cánh cửa bật mở. Cú đâm khốc liệt của tên xà ích vào giữa mặt tôi khiến trời đất lại tối đen trong nỗi đau đớn hãi hùng.

Khi tôi hơi chồm người lên cửa sổ, ánh mắt tôi bắt gặp cái gì đó, nó đang chuyển động ở tầng bên trái phía dưới, nơi tôi đoán là phòng của bá tước. Tôi thu mình sau bức tường, thận trọng quan sát.

Tôi thấy cái đầu của bá tước thò bên ngoài. Bộ mặt lão ta tôi không thấy được, nhưng tôi vẫn nhận ra lão qua cái gáy, cách chuyển động của tấm lưng và cánh tay. Tôi biết chắc, không làm lẫn vào đâu được, đúng là cánh tay đó, cái cánh tay mà tôi đã nhiều lần quan sát và ném trái sức mạnh ghê ghớm của nó. Thoạt đầu tôi cảm thấy thú vị mà lại cứ buồn cười thế nào. Dù rằng, thật hiếm khi một tù nhân cảm thấy buồn cười. Nhưng rồi tim tôi sưng lại như ngừng đập, tôi nhìn thấy lão già từ cửa sổ bò ra và trườn xuống bức tường thành, tấm áo choàng tung bay phấp phới. Thoạt tiên tôi không tin vào mắt mình. Tôi nghĩ đó là ảo giác của ánh trăng, là bóng đêm dị thường, hay một cái gì đó. Nhưng khi tiếp tục quan sát kỹ lưỡng, tôi biết rằng mình không hề làm lẫn. Tôi thấy những ngón tay và ngón chân bám vào những ngạnh đá, những kẽ vữa nứt nẻ, tận dụng từng chỗ lồi lõm nhỏ nhất để di chuyển với một tốc độ đáng sợ. Như con rắn mối, lão bá tước bò ào ào xuống chân tường.
(Jonathan Harker)

Ngày 14 tháng 7, ?

Đó là sự thật. Cho dù tôi cương quyết không muốn tin vào cuốn nhật ký của ông tôi thì đó vẫn là sự thật. Tôi đang bị những con quỷ hút máu người cầm tù. Trong toà lâu đài này, trên cửa sổ này, tôi đã tận mắt nhìn thấy bọn chúng trườn xuống từng đàn đi kiếm ăn. Không phải là một tên bá tước như ông tôi miêu tả. Bọn chúng đã sinh sôi nảy nở thành một đàn quỷ đông nhung nhúc. Trong đám bò sát hằng đêm trườn xuống vách đá, tôi nhận ra gã xà ích trong tấm áo choàng đỏ trải rộng và mái tóc trắng xoá. Gã luôn bò ở giữa đàn và ra hiệu lệnh.

Ngày 15 tháng 7, ?

Bọn chúng trở về lâu đài vào lúc nửa đêm, mang theo những chiếc bao tải. Lạy Chúa. Tôi biết rất rõ, cái gì ngọ ngoáy liên hồi trong những cái túi đen đui đó. Cuốn nhật ký của ông tôi đã kể lại chuyện hút máu ghê rợn của bọn ma cà rồng, nhưng khi đó, chỉ có một mình tên bá tước đi lòng bắt trẻ em. Giờ đây, cả một đàn quỷ dữ tràn xuống thôn xóm tìm mồi và chúng trở về với những cái bao tải nặng trĩu.

Những đứa trẻ bị bắt về đang nhảy múa, ca hát âm ỉ ở bên ngoài. Kỳ lạ chưa, chúng hát những bài ca ngợi công đức ngài thị trưởng. Tôi tò mò nhìn qua ổ khóa, loáng thoáng nhận ra những khuôn mặt ngây thơ trong bộ áo quần nhà nông cũ rách. Có vẻ như, chúng hát vì tin rằng, chẳng mấy chốc sẽ được đưa về nhà. Càng hát hay sẽ càng sớm được về. Tôi khiếp hãi, ngồi bệt xuống nền nhà, lắng nghe tiếng đàn đồng ca cứ thừa thốt dần. Cuối cùng chỉ còn giọng hát của một đứa rất nhỏ. Nó nhỏ tới độ, giọng hát còn ngong nghịu và không thuộc lời. Bất ngờ nó ngưng hát và thảng thốt gọi “mẹ ơi”.

Tôi quy xuống sau cánh cửa, máu trong người đông đặc lại.

Ngày 16 tháng 7, ?

Đêm nay tôi phải xé khăn màn trùm kín ổ khóa, trùm kín tất cả các khe hở, nhưng tiếng hát của những đứa trẻ ngây thơ trước giờ bị hành quyết vẫn len lỏi tìm tới. Nước mắt tôi chảy đầm đìa trong lòng bàn tay.

Ngày 17 tháng 7, ?

Một toán nông dân vác cuốc xẻng tới dựng trại trước toà thị sảnh. Mấy chuyến xe bò theo sau chở đầy củi. Người ta bắt đầu đốt lửa lên và đổ vào đó từng thúng tỏi. Đa phần là phụ nữ và người già, dáng vóc nghèo khổ và kiệt quệ. Họ tới để kêu khóc đòi lại đứa con nhỏ đã bị bọn ma cà rồng bắt đi, đòi lại phần đất của ông bà tổ tiên đã bị cướp trắng. Tôi đứng bên cửa sổ nhìn xuống. Trong ánh lửa cháy đỏ, những đôi mắt đầm nước ngược lên nhìn tôi đầy thù hận. Tôi nhận ra khuôn mặt khắc khổ quen thuộc của bà Costin trong hình hài những người phụ nữ bên dưới. Bất giác tôi lùi lại, giấu mình sau bờ tường đá. Có lẽ bà Costin và người đàn ông Á Châu nhỏ bé đó không vô tình đứng chờ xe ở sân bay. Họ tới đó tìm tôi, cảnh báo một chuyến đi đầy bất trắc và tội lỗi.

Trong đêm tối, tôi lắng nghe tiếng khóc bi thảm của những người mẹ bất hạnh. Mùi tỏi cháy từ mặt đất xông lên nồng nặc. Toà thị sảnh trở nên im ắng bất thường. Bọn ma cà rồng trốn ở nơi nào, không thấy chúng bò ra tìm mồi.

Ngày 21 tháng 7, ?

Ở nơi này bóng đêm ngự trị miên viễn. Ban ngày tôi chìm vào giấc ngủ mộng mị và chỉ giật mình thức giấc khi ngày tàn trên cánh rừng trụi lá. Tôi nghĩ rằng thứ nước uống tên là Rakija chính là thủ phạm.

Đám người dựng trại bên ngoài đã cầm cự tới ngày thứ ba trong thời tiết giá lạnh dữ dội. Họ đốt lửa cả ngày lẫn đêm và không thôi kêu gào. Tiếng khóc bi thương của họ làm tôi không ngủ yên được. Màu đỏ trong căn phòng làm thần kinh tôi càng thêm căng thẳng. Huyết áp tôi tăng cao, đôi lúc tôi ngã vật ra giường và không thở được. Những giấc mộng ma quái lại càng thêm khủng khiếp. Đêm qua tôi mơ thấy bá tước Dracula, đôi môi đỏ máu của hắn mở nụ cười tự mãn, “làn sóng đỏ đã lan tới cùng trời cuối đất”.

Tôi nghĩ tới cuốn nhật ký của ông tôi nhiều hơn bao giờ hết. Từ hôm qua tôi đã đổ bình nước Rakija xuống bồn cầu và chỉ ngâm tuyết để cảm hơi.

Tôi giở tấm nắp hòm lên. Một cảm giác rùng rợn tràn ngập tâm hồn tôi. Lão bá tước nằm đó, có vẻ như một nửa tuổi thanh xuân đã trở về. Đám râu tóc bạc trắng đã hoá màu xám sẫm, như màu kim loại. Gò má trở nên đầy đặn. Làn da trắng bệch chuyển sang màu hồng ngọc. Miệng lão đỏ hơn bao giờ hết với đôi môi lấm máu, những giọt máu đỏ còn chảy ra từ khoé miệng lan xuống tận cằm và cổ. Thậm chí đôi mắt sâu bóc lừa cũng căng đầy thịt. Mí mắt và quầng mắt căng mọng. Có vẻ như toàn bộ cái hình hài khủng khiếp này chứa đầy máu. Lão nằm đó, như con đĩa bán thiêu, hoàn toàn kiệt sức sau khi hút no máu.

Chỉ cái ý nghĩ này thôi, cũng đủ làm tôi hoá điên. Lòng tôi dấy lên một ham muốn dữ dội, quét sạch loài ma quỷ này ra khỏi thế giới con người. Không có bất kỳ dụng cụ kim loại nào trong tay, tôi tóm lấy cái xẻng của những người phu huyết, nâng cao nó lên, phóng mũi nhọn xuống bản mặt căm ghét kia. Nhưng tôi gần như không

thể làm được chuyện đó. Khi tôi quay đầu lại, đôi mắt chết chóc chiếu thẳng vào tôi. Ánh mắt làm tôi tê liệt. Cái xẻng tuột khỏi tay tôi, trượt qua mặt lão, chẳng tạo nổi một vết trầy xước. Tôi hoảng hốt đánh rơi cái xẻng vắt ngang mặt hòm. Khi tôi cúi xuống nhấc nó lên, nắp hòm tự động bật ra, rơi đúng ngay vị trí cũ, cắt tằm nhìn của tôi ra khỏi cái thân thể rùng rợn đó. Thứ cuối cùng mà tôi thấy được là bộ mặt xanh lè nhớp máu với nụ cười nhạo báng, mà sự hung tợn chứa đựng trong đó chỉ tìm thấy được ở địa ngục của loài ma quỷ.

(Jonathan Harker)

Ngày 22 tháng 7,?

Phải khó khăn lắm tôi mới bám vào được sợi dây vải, đu xuống cửa sổ phòng dưới. Sợi dây đứt toạt ra khi tôi bám được vào thành cửa. Suýt nữa thì tôi rơi xuống bờ tường lở chồm đá ở độ cao hai mươi mét. Những người nông dân bên dưới sân cũng hồi hộp theo dõi màn đu dây táo tợn của tôi. Họ đứng lặng yên cùng chấp tay nguyện cầu. Thật ra, khi treo giữa ranh giới của cái chết, tôi chỉ thấy căm ghét họ. Những con người thụ động ngu xuẩn kia, lẽ ra phải tự làm điều gì đó để thay đổi số phận, họ lại tin rằng, một tên ngoại quốc xa lạ sẽ mang lại cho họ tương lai. Không, tôi chỉ tìm lối thoát cho riêng mình. Tôi chẳng muốn dây dưa gì với cái xứ sở ma quỷ này.

Tôi phát hiện ra con đường cầu thang bằng đá nằm phía sau cùng dãy phòng chứa bàn ghế cũ. Những bậc cầu thang trơn tuột bị thời gian mài mòn góc cạnh và phủ đầy đất mùn. Phải chật vật lắm, tôi mới có thể lần theo bờ tường đi xuống. Hy vọng con đường này dẫn ra một góc tường thành nào đó bên ngoài, và từ đó tôi có thể

thoát đi.

Qua một khúc quanh đầy cát đá, tôi bước vào khu hầm leo lét ánh nến. Cảm giác rợn người tràn qua con tim làm tôi chỉ muốn thối lui. Nhưng bây giờ không phải là lúc để quay trở lại nữa.

Đây là khu hầm mộ rộng lớn, được soi sáng bằng bốn ngọn nến treo ở bốn góc. Ánh sáng yếu ớt làm cho khung cảnh càng trở nên mờ lung bất tận. Từng dãy quan tài xếp hàng, nối tiếp nhau vào tận chân bóng đêm. Tôi đưa tay lên ngực nắm chặt sợi dây tời, trong lúc này, đó là thứ duy nhất thuộc về thế giới loài người. Tôi len đi giữa dãy quan tài đóng kín, lần sâu về phía sau. Một bệ đá hoa cương nổi cao giữa gian hầm, mà tôi đoán, đầu đó phía sau đó ắt phải có đường ra. Khi tôi tiến tới gần bệ đá, trong ánh nến vàng vọt, tôi nhìn thấy hắc.

Chiếc quan tài bằng kính trong suốt, góc cạnh mạ vàng sáng loá. Hắc nằm đó, trong tấm áo liệm đỏ, thư thái chấp tay lên ngực. Bộ mặt hồng hào no nê và thoả mãn. Nụ cười nở trên đôi môi đỏ mầu, kiêu hãnh giữa thế giới chết chóc do chính hắc tạo dựng nên. Bất giác tôi lùi lại. Nỗi sợ hãi truyền kiếp, nỗi sợ hãi truyền từ đời này sang đời khác khiến tôi tê liệt. Sức mạnh từ cái thây ma đó toả ra ngùn ngụt, dường như nó biết rằng tôi tới gần và muốn tiêu huỷ nó. Từ trong cõi chết, quyền lực bạo tàn vẫn bùng lên trấn áp niềm tin của kẻ đối diện. Tôi nguyên rủa hắc, nguyên rủa cái vùng đất xa lạ đang giam giữ mình. Thật ra tôi cũng không rõ, mình đang ở đâu. Có nơi nào trên thế giới, vào thế kỷ 21 này, vẫn còn câu chuyện ghê tởm, xác chết tiếp tục sống bằng máu người. Người chết là trở về với cát bụi, chỉ có ma quỷ mới duy trì thân xác cho thứ quyền lực tàn ác, phản bội lại con người. Tiếng hát tuyệt vọng của những đứa trẻ vô tội vang lên bên tai, tiếng khóc của những người dân oan mất con, mất đất, tôi tưởng như nước mắt mình

đang trào ra. Trong cơn giận dữ, tôi tóm lấy cái cán cuốc gãy nằm dưới bệ đá, hăm hở leo lên, quyết đâm một nhát chí tử vào tim con ác quỷ. Hắn nằm đó, nhợt nhạt và chết chóc, đôi môi hung tợn lấm máu căng đầy ham muốn, đôi mắt đỏ rực lòng căm thù kinh rợn.

Ánh mắt của hắn mang một sức mạnh ma quái và khả năng thôi miên man dại của loài mãng xà. Tay chân tôi lại nhũn ra. Cái cán cuốc trượt dài lên mặt kính. Tôi đảo mắt nhìn quanh, hiểu rõ hơn hoàn cảnh tuyệt vọng của mình. Trong khung cảnh rừng rợn này, hàng trăm hàng nghìn quan tài nằm chen chúc nhau chỉ chờ bóng đêm đổ xuống là bật tung nắp. Bọn quỷ dữ đã trở thành một lực lượng hung hãn, sức mạnh bóng đêm của chúng đủ không chế cả vùng đất nghèo đói kiệt quệ này.

Giữa lúc đó, tiếng động bên phía phải tầng hầm đột ngột vọng tới. Ánh sáng heo hắt cũng từ phía đó tràn xuống địa mộ. Tôi đoán, bọn chúng có con đường khác để xuống đây. Có lẽ tôi đã loay hoay trên các căn phòng của toà thị sảnh quá lâu, trước khi tìm được đường xuống hầm. Lúc này, ngày đã sắp tàn. Ý nghĩ đó làm tôi càng thêm hoảng hốt. Chỉ trong chốc lát, những cái thây ma sẽ sống lại và sẽ chẳng có bản hợp đồng mua bán đất đai nào giữ cho tôi mạng sống.

Tôi lùi nhanh lại về phía cánh cửa gỗ dẫn ra cầu thang. Ánh sáng phía bên kia đã soi rõ khu hầm mộ. Tôi phóng lên cầu thang chạy tháo mạng lên tầng trên. Phía sau lưng tôi, những tiếng động lục cục bắt đầu nổi lên. Ban đầu đơn lẻ, dần dà chúng trở thành tiếng vang động của hàng ngàn nắp quan tài nổ tung. Tôi phóng đi trong nỗi khiếp đảm, hy vọng sẽ tìm ra được cổng chính. Chẳng mấy chốc bọn chúng sẽ phát hiện ra sự vắng mặt của tôi, và trò mèo vờn chuột sẽ chấm dứt.

Cái bóng to lớn của gã xà ích hiện ra đầu dãy hành lang bên kia. Gã nhìn thấy tôi, liền hét lên một tiếng kêu lạnh lạnh. Không kịp nghĩ ngợi gì, tôi chạy luôn lên những bậc tam cấp dẫn về phòng mình. Nhưng tôi cũng không nhớ rõ, phòng tôi nằm ở đâu. Trong lúc hoảng loạn, tôi chạy loanh quanh qua những hành lang rồi chạy lạc lên sân thượng. Nơi đây chắc đã là tầng cao nhất của toà nhà. Gã xà ích có thể đã chạy vào phòng tôi. Tôi vội vã đóng chốt cánh cửa gỗ chắc chắn. Khoảng sân gạch trên này phủ đầy tuyết, không một dấu chân người. Từ lan can nhìn xuống, cửa phòng tôi ở đâu đó ngay bên dưới. Tôi nhận ra điều này nhờ vào những đồng lửa đang cháy đỏ dưới sân.

Tôi đưa tay vẫy gọi những người đốt lửa, nhưng lúc này trời đã mờ tối nên không ai nhìn thấy tôi. Trong lúc tuyệt vọng, tôi hốt từng nắm tuyết ném xuống đồng lửa gần nhất. Một cục tuyết may mắn rớt trúng mục tiêu. Tôi thấy lửa bắn lên và đám người ngồi vây quanh đột ngột đứng dậy. Họ chỉ chỗ, ra dấu đã nhận ra. Từ trên cao, tôi gào lên tuyệt vọng: “Tôi ở trên này”.

Giữa lúc đó, tiếng chân dữ dội vang lên phía sau cầu thang. Những người nông dân dường như đoán được tình cảnh của tôi. Họ kéo tấm bạt lớn đến bên dưới chỗ tôi đứng. Mười người đàn bà cố căng rộng tấm bạt ra. Cả đám người la lên khẩn thiết: “Nhảy xuống. Hãy nhảy xuống đây”. Lạy Chúa tôi, mấy mục nông dân kia có hiểu gì không. Tôi đang ở độ cao ba mươi mét, với tấm thân hơn một trăm ký. Cái tấm bạt nhỏ bé mỏng manh và mười người đàn bà ốm yếu kia là một kết cuộc bi thảm.

Gã xà ích hét lên man rợ sau cánh cửa. Một tiếng động dữ dội vang lên. Mấy cái bản lề long ra, rung lên lêng xêng. Tôi biết rõ sức mạnh khủng khiếp của gã. Chẳng có cánh cửa nào chịu nổi hai cú đấm của thằng ác quỷ

đó. Tôi nhìn xuống bên dưới. Tự do quá nhỏ bé và mong manh. Tôi nhìn lại phía sau. Cái chết đứng đó sừng sững.

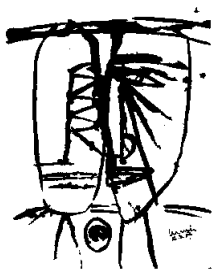
Ngày 31 tháng 10, Berlin

Ghi chú: Nhật ký Jonathan Haker, in nghiêng, là thủ bút của Bram Stoker.

(Lưu Thủy Hương)

TỔ TIÊN LÀ MỘT DÚM BẦY NHẦY DƯỚI BÚA TẠ DAO PHAY

Truyện Nguyễn Lê Uyên



Thằng cha thánh vật lù lù xuất hiện trước mặt. Chả găm ghè mà cố làm bộ tịch nhỏ nhẹ:

-Giờ này ngài đi đâu ngoài đường, mà cứ sao ngài lại ra được chốn này?

-Ta bay.

-Bay? Bay bằng gì?

-Bằng đôi cánh dân tộc xơ xác của ta.

-Thôi, thôi, mong ngài quá bộ về lại chốn cũ cho. Xin mời...

Nói và thằng chả cặp hấn vào nách như lão tiều phu cặp bó củi khô. Những bước chân vững chắc, không vội vã. Thỉnh thoảng thằng cha dòm xuống gã. Xương sườn bị cánh tay rắn như thép ép chặt vào hông làm hấn đau. Tới khung cửa sắt khép hờ, thằng cha ném hấn rơi đánh bịch xuống đất. Máy thằng gác cổng vây hấn và bầy chó béc giê vây hấn và sủa ầm ĩ và đưa vào gian phòng chi

có hai chiếc ghế đầu lỏng chỏng.

Thằng cha phũ hai bàn tay như xoa, ồ ồ:

-Ngài định không làm cho tôi cái bằng.

-Có, có. Ta sẽ tìm cho nhà ngươi tấm bằng tiến sĩ đồ. Nhưng trước hết, hoặc ngươi cạo râu hoặc tỉa tóc sao cho giống Napoléon hay Shakespeare.

-Bia là ai vậy, mà sao phải cạo râu rồi lại để râu?

-Bạn ta. Ta từng tham gia đánh trận Waterloo, từng diễn nhiều vở kịch Hamlet, Macbeth các thứ với Shak. Ta cùng hai ông bạn tận tình hữu hảo hữu nghị vàng đỏ qua tận xứ Scotland uống barcadi các thứ. Cạo râu và để râu là cho ra cái giống người trí thức và rồi sau đó người mang một kính trắng vào.

Gã bực dọc:

-Sao phải mang kính, mắt tôi có thể xuyên thấu lông lá các loại các em, có thể nhìn bên trong kết sắt có bao nhiêu vòng vàng, hột xoàn, đô la các thứ?

-Người không biết đó thôi. Đó chỉ là con mắt của kẻ gian manh, lừa lọc. Còn những người trí thức, tiến sĩ gà ấp đều phải mang kính. Bởi vì, tất cả mọi trí thức đều mù. Chúng rất giỏi suy nghĩ tư duy tư tưởng này nọ nhưng thấy thì không. Trí thức tuyệt đại không nhìn thấy gì cả, cho nên cần phải có cái kính, loại kính nhập khẩu từ xứ sở lũ Chệt trời con đại gian đại háng rộng ấy. Kính trắng lủng lẳng trên sống mũi đích thị là trí thức rồi, nó sẽ còn che giấu những hèn yếu, sợ hãi, run rẩy trước lũ người xấu xa hèn mạt cướp giết như lũ người.

Đám này ngộ lắm đó nghe, đám trí thức ấy. Chúng chính thị luôn luôn rất ư là những con người thỏa mãn mạnh chiếu dưới rách xơ mướp, bị bọn vô học sai khiến điều khiển. Chúng khoái làm tay sai, khoái viết văn tự nghị quyết báo cáo báo chôn lụi tro thuê cho các tên chánh tổng lý trưởng, ngồi chành hăng giữa sân đình hả hợng xỏ hàng tràng chữ nho chữ tây như khắc đại liên đại bác, ra vẻ ta đây là người học rộng hiểu nhiều.

-Cút, làm chó gì kiểu khắc đại liên đại bác, lão toét –

Hắn kinh bị khinh khinh.

-Nè, ngươi là chuẩn gà ấp tiền sĩ đó nghe. Ngươi phải biết cái tội nerd và bookworm luôn hả rộng hòng khi có dịp. Chỉ chừng đó thôi, không làm gì khác. Tóm lại là tội này thích được sai khiến bởi một kẻ duy nhất vô học nhưng thừa mứa ranh ma lọc lõi, vô sỉ vô liêm. Buổi đầu, họ đã trói gà không chặt nên càng trí thức thì càng hèn yếu, càng bị sai vặt và khoái được sai vặt, hỉ hả sướng rơn khi được lệnh viết các văn bản nghị định nghị quyết thuê các thứ để thỏa mãn cơn khát học rộng tài cao, luôn tự mãn về cái đầu uyên thâm uyên áo. Ta quên tên thằng cha vua gì đó, khi lão vua tũn ra khỏi hậu môn, cái đám đại thần tiền sĩ nhất phẩm tứ thư ngũ kinh ngũ tạng lục phủ, vừa bịt mũi vừa khen vua tũn ra mùi thơm rất chi là thơm tho tinh dầu thơm lai láng. Đám đại quan đầy thừa xa các ngươi, giỏi nói mà làm như cứt!

-Nói thật với ngài, ngài nói lung tung vung xích mết gì gì đi nữa thì cái đầu này không chảnh nổi. Chỉ mong ngài sớm giúp tôi, chán cảnh gằm cầu bên xe lắm rồi. Tôi muốn làm người tử tế, làm khóm phùng, trường thôn chẳng hạn. Trình độ lớp tư của tôi chừng đấy cũng vinh hạnh quá lắm rồi.

-Ngươi bỏ ý định bỏ làm bộ trưởng các loại rồi sao? Không sao. Lớp tư dư bộ trưởng. Bởi vì nhà ngươi có thừa sự lừa dối, gian manh các thứ, nay cộng thêm với tám bằng vĩ đại thì ngươi sẽ sống mãi trong sự nghiệp, không chừng ngươi sẽ làm lãnh tụ nữa cơ đấy. Rất nhiều thằng trên thế gian này là thợ sơn, mổ heo, quét sân... các thứ mà rồi lên lãnh tụ không thấy sao? Khi đã tót vời ghế đầu, chừng đó ngươi phải ăn gấp mười hai mươi lần, trăm ngàn lần để cho cái bụng to ra. Tất cả các quan chức đều phải bụng to, nghĩa là bụng có to mới ra quan chức thời đại toàn cầu hóa định hướng toàn tập. Muốn có bụng to, tức quan chức các kiểu thì phải ăn nhiều. Xã hội sẽ định chuẩn quan chức to nhỏ cao thấp bằng cách lấy số đo vòng bụng. Có hiểu không?

-Chút chút, thưa ngài. Ăn no quá phải ngán chứ, sao ăn hoài được?

-Không, người lắm. Càng no càng ăn. Bụng sắp bê, cơm cháo sắp lòi ra khỏi cổ họng vẫn ăn, càng phải ăn nhiều hơn. Đó là nhiệm vụ cao cả được nhân dân giao phó. Nghĩa là tất cả mọi người dân đều phải ới ra để các người ăn. Sự ới là bán cơ bắp, bán chất xám trong não bộ trung khu, gom góp từng đồng bạc cắc để đóng vào các khoản cống nạp cho các người, thì cũng giống như những tên nô lệ với chủ nhân vậy. Nô lệ và nhân dân xứ người là anh em máu mủ ruột thịt nhau.

Còn cái sự ăn thì không bao giờ ngừng nghỉ. Khi đã quen miệng quen tay thì các quan chức lớn nhỏ không dừng lại được. Nó đã được toàn tập cài sẵn phần mềm vào họng rồi.

Nội cái vụ quan chức được xác định là cấp cao hay cấp thấp, đều tùy thuộc vào cái sự ăn nhiều hay ít đó. Tất cả các loại quan chức đều bụng to, đều ăn khỏe và tất cả các trí thức đều bị mù hoặc câm. Người sẽ cai trị bọn trí thức đó, chúng sẽ cố vấn cho người ăn các thứ. Thời đại toàn tập là ăn và mù và câm!

Gã gặm rít trong cổ họng:

-Rõ, nhưng tôi chỉ còn hai ngày thôi – rồi bỏ đi.

-Ta cũng rõ. Loại tiến sĩ gà ấp dễ ợt, chỉ cần đủ hai một ngày là tự nó đập vỏ chui ra, chớ lo!

Tâm thần trần trụi bệnh hoạn lóc thóc theo tiếng động nhỏ dần.

Còn lại một mình, yên tĩnh, hẩn nhẩn mắt và chiêm nghiệm về sự sống, cái chết; về máu me xương xóc về sự ăn các loại của loài người khốn khổ, về nô lệ... các thứ. Không biết trải qua bao nhiêu khắc, bao nhiêu canh giờ mà sự chiêm nghiệm của hẩn cứ rối tung lên, cái nọ xọ cái kia dính lẹo vào nhau không tài nào gỡ ra nổi. Dám chắc bọn mắt kính không gỡ nổi, chỉ giỏi nói mà làm thì chẳng ra chi...

Chùng mở mắt ra, có lẽ cũng đến nửa thế kỷ, một gã

béo ục ịch áo phông quần lửng mang kính đen tóc dựng bờm sư tử, bên cạnh là con mũ tóc nhuộm vàng, môi dày hơn môi trâu miền thượng du, đỏ chót, đứng tréo chân, tay kia ngả lên vai gã ục ịch. Mũ cũng quần lửng áo ngắn hở, bày ra bộ ngực khủng long phồng lên như đỉnh núi Chư Pao và thấy đến tận núm vú bám trên cục thịt lắc lư, đen thui. Hắn thấy cảnh quần nhau giữa bảy người dính bảy toàn thư toàn tập và bảy người cổ tổng khứ đồng rác toàn tập tập thư bốc mùi khăm khăm. Cái núm vú con mũ là đỉnh núi Chư Pao một đi không trở lại, da ngựa bọc thây, hòm kềm và hổ nông. Đỉnh Chư Pao lắc lư lắc lư. Con mũ khoái trá.

Gã móc điều thuốc gắn lên môi, lôi chiếc zippo từ trong túi quần lửng bật kêu “tách” một tiếng như lầy cò súng lục. Không thấy lửa nhưng đầu điều thuốc sáng rực, khói bay ra hai lỗ mũi, nhô ra vài sợi lông đen, thành vòi như vòi rồng.

Hắn liếc nhìn chiếc quần lửng, nhìn những sợi lông râu chân, đen thui lủa tủa như rừng rậm Amazon. Gã có kiểu dáng giống những tay Việt kiều và những thằng Tây ba lô. Bọn họ đều mặc quần lửng áo phông, lòi rún hở ngực tung tăng trên đường phố, trong các đền thờ miếu mạo, chùa chiền, nhà thờ, thánh thất các loại đến là báng bổ rất ư chi là cung kính thánh thiện thánh thần các thứ.

-Thằng kia đâu? – gã hách dịch hỏi.

-Thằng nào? – Hắn hỏi lại giọng kẻ cả.

-Đù má, mày là gì với nó?

-À há, thằng tiến sĩ gà ấp ra đó hả? Bạn ta, camarade, ô là là, my friend. Hắn là một tiến sĩ đang bay lên chín tầng mây cao thăm thăm hoặc cũng có thể đang chui dưới gầm cầu ống cống để nghiên cứu và chiêm nghiệm về tư tưởng ăn, nghĩa là tư tưởng nhất quán giữa tri và hành, tức có thực mới vực được đạo. Đạo ăn. Hắn là trí thức tâm cỡ ở xứ này đây.

Nghe nói, gã ngựa cổ cười ằng ặc, cười đến độ chiếc

kính đen trên sống mũi cũng phải nhảy lật bật vì nỗi sợ hãi tiếng cười ma quái gai góc. Chờ cho gã ngưng trệ cười tả tơi điên đảo, hắn toan tiếp lời bỏ dỡ, nhưng gã kia giờ tay chặn họng:

-Nè, dù má nghe rất giống luận điệu Không Tử.

Hắn mừng khôn xiết, bởi có người nhắc đến anh Không. Và, chỉ chút xíu thôi là hắn bày tỏ cảm xúc bằng cách nhảy tung lên khỏi mặt ghế đầu, theo kiểu nhảy của bày cào cào.

-Đó, đích thị anh Không là hạng xoàng xĩnh vĩ đại có một không hai trên thế gian này, trong cả hàng tỉ năm ánh sáng, cả tầng vagabond thượng hạng ngoại hạng. Anh Không cũng vagabond, cũng hạng ngoại hạng thượng cả tầng thượng đẳng.

Nhưng thật tình, lòng ta không ưa ông ấy chút nào, trông ông ta giống với những tay marketing thời công nghiệp hóa, hiện đại hóa thị trường định hướng chủ chứa ổ rom cuồng dâm cuồng tín và cuồng sát nộ khí xung thiên lời đình hạn hán trệ trệ tôi bởi hoa lá. Ông mang mớ chữ nghĩa suy diễn suy nghĩ lảm càm lảm càm cả chón chống xâm lược, nhốt vào mấy tập dày cộp, đại loại như toàn tập, cứ gọi nôm na là toàn tập thượng cổ đại mịt mờ, đi rao bán tứ xứ, từ nước Lỗ qua Tề qua khắp chốn chốn nhân gian, mà có ma quỷ nào chịu mua, lại bị lão Tàn ác ôn còn đồ nợ máu cướp giết ném vào cầu tiêu hổ xí, nhúng nước và mang hơi trên ngọn lửa rừng rực dâm bôn.

Nhà ngươi có biết không, sau khi lão Tàn tự lấy bím tóc quần quanh cổ tự vẫn, đám bá đạo và vương đạo nổi lên như giặc châu châu bọ chết, thậm thụt và bí mật ngoéo tay nhau móc ngoặc, lôi cái tư tưởng toàn tập nhất quán định hướng xã hội thị trường kia âm thầm và âm mưu cho vào nghị quyết không văn tự để cai trị dân.

Sự thành công của đám vương bá toàn tập là đào tạo được bày trí thức cận thị và vẹo xương sống, mang râu đội mũ xoay tròn quanh thẳng cha bá đạo khur khur chặt

khử trong tay thanh bảo kiếm của các đảng thượng hạ đảng thần tiên vương trao lại. Thanh bảo kiếm là cái trục của chiếc đèn kéo quân, còn bọn cận thị vẹo lưng thì xoay vòng quanh những hình nhân rúm ró dị dạng méo mó kinh dị.

Rồi thì thằng cha này dùng cái tư tưởng bão táp mưa sa đầm đìa ướt hột kia xách động đám dân ngu khu đen dấy lên anh hùng Lương sơn bạc, giật lấy thanh bảo kiếm. Cứ xà quần xà quần như vậy suốt mấy ngàn năm, xương chất cao ngút trời, rồi hóa thạch đội thành những ngọn núi cao Ngũ đại danh sơn; máu, cứt mũi, dãi nhót trăm dân thành sông Hoàng Hà, Dương Tử...

Rồi đến thời đại cách mạng văn hóa tư tưởng vĩ đại của anh Xénh vĩ đại cả đời không đánh răng súc miệng, bị hoa liễu giang mai mãi tính lại âm âm lồi cổ lão trượng phu cột lưng lẳng trên ngọn lửa chín tầng, lại dùng cứt sắt quai ra hai thứ vật lạ trần đời, cùn rì sét sệt, đập cửa đập cửa toi bời hoa lá đến nát tan đời cô Lựu.

Đám hắc vệ binh...

Sử đời sau chép lại rằng: Để thống trị thế giới thì cần phục chức phục trang cho bác Khổng, công khai và âm thầm xây cung điện nguy nga khắp nơi nơi chốn chốn, từ hang cùng ngõ hẻm sức nức mùi phân dơi thơm tho nồn mửa nồn ọe cần thai chí đến những nơi núi cao biển sâu; lại sức cho muôn dân lên núi Ngũ đại sơn xẻ đá tạc tượng đặt đứng ngồi lồn nhồn trong khắp các cung điện nguy nga lủng lẳng mạng nhện. Trên thế gian này, chỗ nào ngây ngô khờ dại là a lê sô tiến lên mang tới đặt làm biểu tượng, đánh dấu cột mốc về sự có mặt hiển nhiên con nhà trời trời đánh thánh vật như nhũ mà không chết hết, lúc nhúc âu ca muối mòng Năm Căn Cái Nước chí đến Mèo Vạc Tô Thị đầm đìa nước mắt nước mũi.

-Đù má, ông đông dài, cà kê cái con mẹ gì mà tôi chả hiểu mô tê muối hột muối tiêu gì cả?

-Người làm sao mà hiểu, bởi người bị đám cận thị vẹo lưng đặt lên chiếc võng kết bằng tóc thắt bím ru hời ru

hời rồi, hồn xiêu phách lạc rồi, đâu còn biết ngõ ngách chun ra?

-Mẹ kiếp, nói phét.

Con mụ môi đỏ tóc vàng, chun miệng:

-Hơi có lý đó bỏ tèo.

-Lý với lẽ, đéo biết. Mà này, sao ông ngồi đây, sao lại ra có sự này?

-Cớ sự là cớ sự gì – Hấn gặng lại.

-Mà mẹ chúng nó, sao giờ này chưa thấy đứa nào... Ồ, hả. Là ông vừa như thằng ăn mày móc túi vừa như một kẻ du côn rất mực trí tuệ ấy mà!

-Nói cho mà biết. Ta đây con nhà nòi từ thuở khai thiên lập địa hồng hoang. Ta có mặt trên xứ này trước cả vua Hùng lẫn liệt anh minh các người. Ta có hơn ba trăm sáu chục mẫu đất châu quận, thuộc loại thượng đẳng điền đẳng sở và chục rưởi đứa con, chưa kể số con hoang rơi rớt trong các ngõ hẻm tối thui, trong rừng sâu, biển rộng và các em nường đang cần thai mấy ngàn năm chưa đẻ vân vân các thứ.

Thằng cả nhà ta, sau khi mãn quân dịch, ta cắt cho nó năm mươi mẫu ở phía bắc thị trấn Tà Con, rồi lần lượt mấy đứa khác đẳng đẳng nhứt phần. Khốn nỗi thằng nhóc ranh, tinh ranh ma mãnh thổ tả nhà ta cầm tinh con dê cổ cù, nó tổng tháo của cải cho cái sự lên giường xuống chiếu chảy tràn tinh dịch hôi tanh.

Hồi nó đi lính đánh đồ chế độ xâm lược bọ dít theo tinh thần quốc tế anh em tha hồ ôm hôn, tha hồ lắc lắc, nó lén phéng hết con nhỏ hỏa đầu quân tới em y tá, rồi chị vợ thằng chỉ huy, thậm chí đến cả bà già góa chồng do ăn đạn từ trời rớt xuống... Mỗi ngày nó không làm chuyện đó chắc cái đầu nó nổ tung như quả đạn cối 82 ly, với lại do bộ bầu dục của nó phải to hơn cái thúng và là cháu trăm đời của chú cố tổ Lao Ái nên phải vậy đương nhiên lý lẽ. Nó cai quản phần đất đó như chim sỏ lồng, bao nhiêu đàn bà con gái Ba Na Ê Ê Chăm H'roi Mường Mán Lô Lô Kinh Thượng một nhà nó đều dề

ngựa ra mà con nào cũng không la làng, chỉ có tiếng rên rầm loài giống cái mùa động dục. Nó biến mấy chục mẫu đất thành khu Eden nồng nặc mùi tinh khí. Hết khoai ngô thóc lúa, dê bò lợn xè... nó vén hàng rào kẽm gai khiêng đồ của tụi GI có khi khiêng nhằm cả thùng đạn M79 tống vào nhà mấy con mụ trời ơi để làm cái chuyện trời ơi thỏa chí tang bồng hồ thi mưa móc tình trùng...

Thằng cha Lý ở khu giáp ranh, có đến ngàn lần mẫu hơn nó, biết tổng cái máu mèo mả gà đồng Don Juan và Zorba thằng nhỏ, lòng tham nổi lên bèn kêu nó qua nhà chơi, đãi rượu nhân sâm và thai bào ở các bệnh viện phụ sản. Loại rượu độc địa hồ mang rần rít chẳng tỉnh này làm thằng nhỏ dựng đứng lên. Lão Lý nở nụ cười phần tư miệng, vác con xăm a hoàn ném vào lòng. Nó títt mắt thấy nhà ngói như nhà tranh, không cần kiểm tra dòm ngó, cứ coi như con xăm a hoàn mặt mũi cũng sáng sủa, các bộ phận cũng đầy đủ không thiếu, bỏ qua chi tiết các thứ ở móng đít toàn ghê ngứa và lác đồng tiền như hoa văn trong đèn thờ bác vagabond homeless toàn tập.

Lão Lý khui trúng máu thằng nhỏ, nó nhắm mắt phang tới, bất kể trời đất. Vậy là sụp lưới lão. Đợi cuộc mây mưa sắp tàn, lão lôi sợi gân trâu thiên nấu chung với bím tóc, dán cứng hai đũa lại, mang tờ văn tự bằng da dê viết sẵn rằng, nó phải nhượng lại cái ao nước ba mẫu và hòn giả sơn sát mép, có nước chảy ào ào như thác nước thật. Không ưng lão la làng nước quốc tế anh em rằng nó hăm hiếp con gái vị thành niên, mà nếu căn cứ vào luật hôn nhân của Toàn tập quốc tế anh em ruột thịt, nó sẽ bị hoạn và cắt đứt quy đầu. Mẹ đời thà mất đất chớ mất bộ tình hoàn và đầu chim thì lấy gì gáy, khắc nhỏ đờm dãi, giống nòi mèo mả tiêu vong là cái chắc trăm rưởi phần trăm. Nó nghĩ ba mươi giây nhanh gọn và phần khởi hồ hởi vui vẻ hỉ hà thò tay điếm chỉ và ký cái rột, ôm con xăm lẩn hai vòng xuống ao nước tiếp tục cuộc làm tình bão táp giông gió, đến nổi nước trong ao

từ trong leo lẻo biến thành màu trắng đục đờm dãi nhót nhau.

Chỉ một nhát nhỏ sượng rên hóa mù và phình phờ dục dẫm, cái lão Lý trời đánh ó đâm có trong tay cái ao bơi tám mươi trượng diện tích và chục mẫu đất thuộc loại thượng đẳng điền, nhưng cũng chưa nhằm nhò gì, so với sau đó lão khám phá ra cái sự cổ nước ao từ trong sang đục.

Nghe tới đoạn chuyển hóa sinh học vụ ao nước, gã lại há họng cười một trận bom nổ thiếu điều đứt hơi. Con mụ cũng cười, nhả hàm răng trắng ỏn, nước bọt phun ra phèo phèo.

Đội trận cười tạnh ráo, gã nói:

-Ngu có nòi!

-Ai ngu? – Hấn hỏi.

-Thằng con nhà ông và cả ông.

-Công nhận. Nó là thằng đại ngu.

-Tới đó là chấm hết, dù má chỉ vậy thì hay hơn gì mà kẻ?

-Ta không rõ sau đó, bởi ta đã thắng hà. Mãi đến hơn hai trăm năm sau, sử nước Đại Vê chép rằng: “Có được phần đất không phải mất nhiều công sức, Lý hăm hở đi tìm Cao Biền thỉnh cho được sợi lông mọc từ bẻm râu cái về cắm xuống các luồng lạch đòi nương các thứ để phân định cương vực.

Lý bươn bả ròng rã cả ngàn ngày dầm mưa dãi nắng, cứ bước tới một bước thì thụt lui hai bước rồi quỳ sụp xuống vái lạy sư tổ, bất kể nắng mưa hay bão tuyết rơi trận trận! Cảm kích trước tấm lòng thành đi cầu bá đạo của Lý, Cao Biền đỡ Lý đứng lên, dắt tới chỗ bầy trâu hoang dã miền sơn cước, đang trong mùa giao phối, đưa cây gậy cỏ củ lên chỉ một phát, lông rụng ra cả đồng. Lý cảm động chảy nước mắt, lạy tạ rồi chạy ào tới hốt bỏ vào vạt áo. Cao Biền bèn ban cho con điều xơ xác lông chờ Lý và đồng lông trâu về cố xứ.

Tới nơi, Lý rang lệnh trên chiếc chảo dầu sôi ục ục, sức

toàn dân đình nam nữ ngày đêm cấm lỏng bao quanh phần đất (có chỗ lén nới rộng thêm ra đến ngàn thước mộc). Xong xuôi Lý lên kế hoạch, mở ra khu du lịch sinh thái sextour, đưa hình ảnh lên mạng trời con quảng cáo. Bọn Tây Tàu ba lô các thứ ùn ùn kéo tới, nhảy ùm xuống ao nước bơi lội thỏa thích như rái cá. Toàn thân, chỗ nào cũng được xoa bóp, nắn thọc đến mê mẩn... Tiền bạc lão Lý thu về chất cao như quả núi... Thằng bán đất đứng bên kia, tâm thần bấn loạn, mê mẩn đến chân tay bủn rủn, bèn tự tay viết tiếp một văn tự khác, ký bán tất cho Lý để được thỏa thuê bơi lội trong cái ao đục lênh tanh tưởi mùi khí mốc...”.

-Sử chép tới đó là hết? – Gã hỏi.

-Ta đọc tới chỗ tanh tưởi mùi khí mốc thì thấy mở ngoặc ghi mấy chữ ngắn ngủi “còn tiếp, xem hồi sau sẽ rõ”.

Mụ tóc vàng quàng cổ gã, hôn đánh chụt lên má, nói:

-Đặt vé tới đó đi bồ tèo. Tao rất thích!

Hắn chen vào:

-Cho ta quá giang với.

-Đề chi – Con mụ hỏi.

-Ta không xuống cái ao đó đâu, chỉ đứng xa xa ngắm phần đất của tổ tiên cho đỡ nát lòng.

-Ô kê... bum... bum – mụ nhảy cẫng và gào lên.

Hắn cũng nhảy cẫng lên.

Gã nghiêng răng quát:

-Thôi đi, đủ rồi. Đù má, giờ thì mày hãy biến đi.

-Đi đâu – Hắn hỏi, ngạc nhiên.

-Kệ xác mày, đéo biết. Vì đây là nhà tao. Tao không muốn thấy bản mặt điên dại trí trá của mày.

-Người là ai mà...

-Tao là con trời. Cút xéo ngay.

Nói và hắn lấy hết sức, tổng hắn một cú đập trời giáng vào bệ sườn. Hắn lão đảo, xoay vòng như gà mắc toi và bắn vọt ra khỏi cửa. Hắn bay là là chấp chới như con chim bị đạn, bay ra qua những cây kiểng có bộ lá lười

kiếm sắc, qua hàng cây cúi khum, qua vòm lá kín nắng và bay tọt vào góc phòng chật cao những thùng các tông. Ánh sáng mờ mờ khiến hắn không thể nhìn rõ mọi vật.

Hắn ngồi thu lu trong góc tối, và đang lúc chịu cơn đau rất, toàn thân ê ẩm thì từ cách đó ba trăm dặm lông tay có tiếng nhỏ to tí tê giọng con gái.

-Từ ngày cây dừa ở xứ em mọc ra ba ngọn thì cả xóm cứ tiêu điều, tàn lụi dần. Mấy người nghèo quá, bỏ xứ ra đi thì sống dật dờ, nhưng những người cứ bám vào mảnh đất chua phèn thì làm thân làm trâu cày cho mấy ông cán bộ thu gom, bữa đói bữa no, thăm lăm chị ơi.

-Chỗ kinh Xáng của mình có hơn gì đâu. Bà con cứ mang ruộng đất bán dần mòn cho mấy nhà giàu dựa hơi cộp, cho cán bộ, khi hết tiền quay lại ở đợ trên mảnh ruộng của mình.

-Em không biết lần này có qua nổi không.

-Bộ đã nhiều lần rồi hử?

-Dạ, lần thứ hai. Đạn trước em thiếu gần hai ký.

-Mình thì mới lần đầu, nhưng thoát được thì cứ thoát. Khổ nghèo là một lẽ, nhưng mình ớn cảnh lấy phải thằng chồng cờ bạc, say xỉn tối ngày về nhà nắm tóc nắm tai đánh đập, tra khảo tiền bạc. Lấy chồng Đài, chồng Hàn hay Tàu... nhục đó, nhưng dù sao cũng có chôn nương thân nếu như gặp được chỗ tử tế. Với lại mình mong kiếm ít khá đỡ dần cha mẹ, cất lại căn nhà dột nát. Thiệt ra mình cũng nghe nhiều người nói qua các nơi đó, cái cảnh bị đánh đập hành hạ không hiếm. Thôi thì cứ phó thác cho số phận. Mình thấy lấy chồng “ngoại” cũng y như đi làm đi ở đợ, nhưng mà làm đi ở đợ xứ xa, chỉ có một thằng một nơi xa lắc, làng xóm chẳng ai hay biết, đỡ xấu hổ.

-Em cũng nghĩ vậy, nhục lắm nhưng phải cắn răng mà chịu. Em phải thức hôm dậy sớm làm trăm thứ hằm bà lằng, giữ lại nay một ít mai một chút mới có đủ để mua

đô đó chó. Vậy mà cũng không lọt, về đến nhà mới hay tụi nó ăn chặn ba trăm ngàn. Hồi lại nó kêu tí giá rất xuống. Thôi kệ. Có hai trăm đi chuyến này coi như cả đời sa một lần vào sòng bài. Được thì phước nhà, mất thì trở lại quê làm thân con mọi đợ tiếp. Sống chết giàu nghèo đều có số, rồi khi chết cũng tan ra đất ra bùn thôi. -Tội nợ gì mà những tụi nhục ê chề cứ trút vào đầu dân nghèo tụi mình?

-Chị nói nghe mắc cười. Nghèo mới ra nông nổi này, chó giàu có ai đi bán thân cho tụi nước ngoài!

-Minh nghĩ là... – câu chưa trọn thì dừng lại đột ngột.

Có tiếng lão xào từ cửa chính. Bốn người đàn ông dẫn theo hơn chục cô gái khác. Tất cả đều áo bà ba nón lá, rút rè, khép nép đi rón rén như thể nếu bước mạnh sẽ làm vỡ hay mài mòn những ô gạch trắng men bóng lộn bên dưới.

Gã mang kiếng đen áo phong quần lưng lúc này cao giọng:

-Tất cả đứng lên, dựa sát vào tường.

Các cô gái lục tục đứng vào vị trí, vai người này tì lên vai người kia làm chỗ tựa. Một bên vai mỗi cô vừa như điểm tựa vững chắc vừa là sự yếu đuối run rẩy phải có chỗ nương vào.

Gã dùng chiếc ba toong đầu nạm bạc, nện lộc cộc xuống sàn:

-Đứng xê ra, người này cách người kia nửa thước.

Cái khối yếu đuối và mạnh mẽ kia chuyển động tuyệt không gây ra một tiếng động nhỏ nào.

-Được, được – Gã quay lại ra lệnh cho con mụ tóc vàng – Bật đèn sáng lên.

Đèn đóm sáng choang. Khuôn mặt các cô gái như nhuộm nước vôi. Gã quay ra nói nhỏ vào tai một tên cao lóng không, phát ra những tiếng ô kê ô kê.

-Bây giờ chúng ta bắt đầu – Gã cao giọng – Tất cả bước tới trước hai bước. Các cô đứng đây, đều qua bước cân đo. Nói chung đều đủ tiêu chuẩn về chiều cao, cân nặng.

Quan trọng nhất là bước này, ông chủ đây – Gã chỉ đầu gậy về phía người cao lổng không – sẽ kiểm tra ngực và “bộ phận” các cô. Người nào núm đen, vú nhão sẽ bị loại. Riêng kiểm tra trinh tiết, ông chủ cũng sẽ đích thân. Người nào thâm đen hay tím tím, “nô he” cũng bị loại. Ai trúng tuyển, ông chủ sẽ làm hồ sơ, lo thủ tục kết hôn tức khắc. Sau lễ kết hôn mỗi người sẽ nhận ba ngàn đô tại chỗ. Còn tiền ký quỹ hai trăm sẽ không được hoàn lại cho các trường hợp bị loại, vì đó là chi phí cho các loại giấy tờ, tổ chức... này nọ.

Cái khối bất động lúc này, giờ mới có chút cục cựa như bầy sâu, trong yên lặng. Không khí nặng nề đè ép sát ngực các cô đến ngạt thở. Chỉ có những cái liếc nhìn nhau, những bàn tay mò mẫm nhau không nắm tới, những tiếng nấc không bật ra khỏi cổ. Tất cả mọi thứ đều bị trói chặt và cảm giác thì co rúm lại, tê liệt toàn não bộ.

Gã kính đen bờm sư tử, giơ cây gậy lên, huơ một vòng trong khoảng không gian nhỏ hẹp trước mặt gã, rồi cúi người đưa tay ra hiệu mời gã cao lổng không. Gã nhòe cười, bước uốn cong như con báo vờn vập, giỡn đùa với những con mồi đang nằm trong móng vuốt. Gã dạo một lượt trước mặt các cô, ra lệnh:

-Tất cả cởi hết quần áo ra!

Khối bất động nhúc nhích. Đó là cú nhúc nhích của loài sâu đo trên mép lá không biết đâu là điểm đến.

-Cởi hết ra. Không còn thời giờ đâu – Gã hét lên,

Các cô lấy bầy cởi cúc áo, kéo chiếc quần. Những động tác ấy kéo dài tê cóng. Áo quần cũng tê cóng cuộn lại nhưng không che nổi các bộ phận trên cơ thể.

Gã hét lên, lớn hơn:

-Ném xuống đất, đứng thẳng người lên.

Những chiếc xù-chiêng, xì-líp là những vật tội nghiệp cuối cùng rớt xuống. Các cô ngơ ngác nhìn vào các khoảng trống như che giấu sự xấu hổ, nhục nhằn; một tay che ngang ngực, tay kia che phần háng. Nước mắt

ngân ngân, cả người nổi da gà. Cái khối trắng trắng nhập nhoạng kia đang chết lịm dần.

Gã lỏng lỏng bước qua một vòng hàng ngang các cô đang cựa cựa sắp dính cựa vào nhau. Gã lúc lắc đầu rần rần mang lướt qua từng bộ ngực. Gã đưa tay nắn bóp, xoắn xoắn núm vú. Gã cúi sát để phân biệt màu sắc trên lớp da. Hết phần kiểm tra ngực, gã lôi ra thước dây màu đỏ chói mắt đo vòng hông... Gã tiếp tục bắt các cô dạng háng để phân biệt màu sắc. Gã ngắm soi như người ta tìm sạn trong rá gạo, tìm vàng trong đồng cát cao. Mắt gã dán sát vào háng đến nỗi những túm lông cháy ngùn ngụt, ngón chân tay co quắp như kẻ động kinh...

Nước mắt từ chỗ bức tường các cô gái dựa lưng chảy xuống, chảy loang lổ ngoằn ngoèo trên mặt sàn, chảy xuôi theo tới tận góc phòng, nơi có những chiếc thùng các tông, nơi hẳn đang co người lại để không lòi ra ống chân khẳng khiu.

Dòng nước chảy có màu của bùn đất, gốc rạ, cua ốc... lênh láng sông suối hồ biển.

Hắn run rẩy cong nhỏ hơn nữa trong thùng các tông, bung mặt nhắm mắt và nôn ọe đến trào cả cả mật vàng mật xanh.

Chất lỏng nôn mửa và những dòng nước mắt kia trộn lại, tức tưởi chảy dài.

Đầu hắn như sắp vỡ tung. Hắn sắp chết, sắp trôi tuột xuống ống cống rác rưởi tanh ngòm giữa căn phòng nhớp nháp, giữa xứ sở nhớp nháp bầy hầy hoen ố rữa mục tanh hôi, nhấn lút bầy người bé nhỏ xuống tận đáy bùn đen.

Hắn và các cô gái đang chết từ từ, không một tiếng kêu, không dây dựa giữa bầu trời thùng lỗ và gậy khúc, nham nhở, hôi thúi.

(Nhật ký thăng thiên)

NGƯỜI CHỒNG MỘT ĐÊM!

Truyện ngắn mới viết của Khuất Đẩu



Phác thảo của Thân Trọng Minh

Năm ấy, tôi mười bảy tuổi. Ở đất Bình Định, tuổi đó đã có người đi lấy chồng. Như mẹ tôi, như cô tôi. Tệ lắm cũng đã có người đi dạm. Nhưng tôi thì chưa. Tôi đang học lớp bảy nên có nhiều mộng ước hơn mẹ và cô. Tôi chưa nghĩ ra người chồng tương lai của mình sẽ như thế nào, nhưng ít ra cũng hơn cha tôi và dượng tôi. Đó là những người đen đúa, tuy không đến nỗi xấu xí, nhưng ai cũng già trước tuổi. Quanh năm gần như chỉ mặc quần đùi để lộ đôi chân khẳng khiu mốc thối. Đó là chưa nói tới cái bệnh sốt rét họ mang về từ rừng núi xa xôi sau khi đi làm nghĩa vụ dân công, tức là đem gạo muối tiếp tế cho bộ đội, hay đi tải đạn. Người nào mặt cũng tái mét, da dẻ vàng vọt như không còn một hột máu.

Thực ra, mẹ và cô tôi cũng chẳng hơn gì. Ai cũng một bộ đồ đen bạc phếch, cũng một búi tóc thiếu chải gỡ, trông xơ xác như một mớ râu bấp. Lũ con gái chúng tôi có khá hơn vì đang là tuổi dậy thì, tự nhiên da thịt hồng

hào dù phải ăn uống kham khổ.

Năm lớp bảy là năm cuối cấp hai, bọn tôi được chọn đi dự trại liên hoan mừng chiến thắng ở Bồng Sơn. Cùng đi với chúng tôi còn có các cô gái chưa chồng trong hội phụ nữ. Vì đã hòa bình, chúng tôi được phép ăn mặc đẹp. Nghĩa là được đội nón trắng không phải quét bùn, được khoe chiếc kẹp mạ bạc óng ánh trên mái tóc. Ai khá hơn được mặc áo in hoa cổ tai bèo hay áo trắng khoét cổ trái tim. Chúng tôi ngắm lẫn nhau, khen lẫn nhau. Biết mình đẹp hơn khi nhìn vào mắt người khác, chứ cái gương tròn nhỏ như chiếc bánh bèo chỉ đủ để soi mặt thôi, làm sao thấy được toàn thân như khi đứng trước gương. Nhưng thế cũng đủ vui quá rồi, nhất là lần đầu tiên được đi xe cam nhông ray, chạy trên đường sắt êm như lướt đi trong gió.

Chúng tôi được bố trí ở những trại đã được dựng sẵn dưới bóng dừa. Cơm nước cũng đã có người lo. Trước mặt trại là một đồng cùi gộc xây hình tháp, hứa hẹn một đêm lửa trại cháy đến tận sáng. Phía bên kia, cũng là một dãy trại đã được dựng sẵn dành cho bộ đội. Họ cũng là những người chưa vợ được chọn từ các tiểu đoàn.

Thế là chúng tôi cứ việc vui chơi, nhảy múa, hát ca. Chúng tôi làm quen nhau thoải mái, cứ ưng ý là bắt cặp nhau mà không sợ bị phê bình này nọ. Ai, chứ với bộ đội trẻ trung mà được thân quen với họ, là ước mơ thầm kín của lũ con gái thời ấy.

Chúng tôi ở đó ba ngày vừa đủ cho trai gái bén hơi nhau. Rồi sau những màn nhảy xôn đổ mì chân nọ đá chân kia, nhảy sạp các các búp bên đồng lửa hồng, tất cả lặng lẽ kéo nhau vào rừng dừa, nơi ánh sáng không còn rõ mặt, cứ mỗi góc dừa là một cặp ngồi ti tê tâm sự. Rồi chúng tôi làm cái việc gọi là yêu nhau tại chỗ. Nếu ai đó không muốn thì cũng đành chịu, chứ biết thừa kiện ai.

Khi Mỹ đến, sau những trận đánh khốc liệt, bọn họ tràn

vào các quán bar cũng là để mừng chiến thắng hay trút nỗi buồn thua trận trên thân xác của các gái bán bar mà thôi. Có điều họ phải trả tiền, mà tiền đô, còn bộ đội thì không ngay cả tiền tín phiếu như giấy vàng mã!

Rồi họ xuống tàu đi tập kết, mang theo những chiếc khăn do chúng tôi thuê làm kỷ niệm. Còn họ để lại cho chúng tôi một thứ nhiều hơn chiếc lược nhôm hay lược gỗ được cất gọt công phu, một thứ có thể họ không ngờ là cái bào thai trong bụng mỗi đứa.

Rất nhiều đám cưới được tổ chức chớp nhoáng. Không hai họ, không đón đưa, chỉ có thủ trưởng đứng ra tuyên bố hai người là vợ chồng. Thế là xong, như cha đạo thay mặt Chúa Trời. Dẫu không mang thai họ cũng đã là những thiếu phụ mòn mỏi đợi chồng dù chỉ một đêm, nhưng có nghĩa vụ lo cho cách mạng rông rã suốt hai mươi năm sau đó.

Tôi được mẹ cha hiểu ra cái trò mừng chiến thắng bằng cách cướp đi cái phần trinh trắng nhất của đời con gái họ, sau khi đã cướp lúa gạo vòng vàng bảo là để cho cuộc kháng chiến thành công, nên đã nén cái đau cái nhục xuống đáy lòng, cho tôi vào trốn ở Sài Gòn.

Từ một xứ nhà quê, lại là vùng Việt Minh, đến một thành phố giàu có đông đúc, tôi hết sức ngỡ ngàng. Nhưng rồi tôi cũng quen dần, người Sài Gòn xởi lởi, tốt bụng, có đủ chỗ cho tôi kiếm sống. Chỉ khổ là cái bụng mỗi ngày một to, lắm khi cũng phải lao đao vì nó. Tuy vậy, đến ngày sinh, cũng có người sốt sắn đưa tôi vào sinh ở nhà thương thí.

Bao nhiêu cực nhục rồi cũng qua đi. Ôn Trời, tôi sinh được một cháu gái. Đó là kết quả của mối tình một đêm bên gốc dừa!

Ngồi ngắm con ngủ, tôi cố nhớ chút gì gọi lại hình bóng của người đã cùng tôi tạo ra nó, nhưng không tài nào nhớ nổi. Tôi chỉ nhớ cái mùi mồ hôi anh ta, nhớ tiếng thở hào hển và nhiều đó cũng đủ làm cho tôi cảm thấy xấu hổ, tủi thân. Chiếc lược mà anh ta tặng tôi trở thành

một kỷ vật đáng cay. Tôi không trách anh, cả tôi cũng không tự trách mình, tôi chỉ trách ai đó đã lợi dụng tình yêu cho dù là xác thịt để đạt tới những mục đích sâu xa của họ.

Cùng một lứa với tôi, những cô gái tươi non khi ấy, sau này đã là những người nuôi giấu cán bộ, đào hầm vót chông, mua thuốc trụ sinh, chuyển vũ khí bằng cách khoét rỗng ruột bí bầu nhét đạn hay lựu đạn vào, khi bị bắt dù bị đánh đập tra khảo đến thừa sống thiếu chết vẫn không chịu khai...Đến khi hòa bình, nhiều người cũ hoặc làm ngơ coi như không biết, hoặc có biết cũng chỉ lén lút mà gặp nhau một lần rồi thôi, vì sau lưng họ còn có những người đàn bà xứ Bắc không dễ gì trả lại chồng. Thì thôi đành vậy, vui chỉ một đêm mà buồn khổ suốt cả một đời!

Sau ngày 30 tháng tư, như bao người miền Nam, hai mẹ con tôi có sống lây lất qua ngày, chạy chợ trên bán chợ dưới, bị quản lý thị trường rượt đuổi như chó săn chuột. Một lần tôi bị bắt, bị tịch thu mấy bao gạo mua từ ga Biên Hòa. Nếu tôi bỏ hết hàng họ mà “xéo đi” theo lệnh họ, thì tôi đã không phải bị giam ở trụ sở phường. Đứng này tôi gào khóc, chửi rủa, cào xé mũ áo nên họ tổng tôi vào như một mụ điên. Sau cùng, họ bảo tôi phải viết kiểm điểm thành khẩn nhận lỗi đã xúc phạm cán bộ, họ mới chịu thả ra.

Thì viết!

Nhưng cái nỗi đau mất của, cái đói đang chực chờ khiến cho tôi cứ ngồi mãi mà chẳng viết được dòng nào, ngoài mấy chữ: Tôi tên là...

Lúc ấy có một người mặc đồ bộ đội không biết cấp bậc gì đi ngang qua, thấy tôi ngồi bên bàn với tờ giấy ở trước mặt liền chòm tới xem thử. Bỗng người ấy hỏi, chị tên thật đó à? Tôi nói, chứ chẳng lẽ tôi viết tên giả. Lại hỏi, chị quê ở Bình Định phải không? Tôi nói, ông định tổng tôi về ngoài đó chứ gì? Ừ, tôi là gái Bình Định,

theo chồng vào đây không được sao? Người ấy nói, đó không phải là việc của tôi. Giờ đã tối rồi chị về đi. Nhưng ngày mai chị nhớ đến đây gặp tôi. Có thể chúng tôi xét mà trả lại hàng cho chị. Nhớ nhé, chị phải tới không thì hỏng cả đấy.

Thế là sáng hôm sau tôi lại tới dù hy vọng rất mong manh. Lại thấy ông ta đứng đợi lù lù ở trên thềm. Ông ta ra hiệu cho tôi vào phòng. Dẫn sao nói chuyện với những người đứng tuổi như ông cũng dễ chịu hơn là với bọn lau nhau mới hòa theo cách mạng. Ông ta chỉ ghé mời ngồi, nhìn tôi, rồi kéo từ hộc bàn ra một quyển sổ. Ông đặt lên bàn, lại nhìn tôi kèm theo một nụ cười khá tử tế. Ông lấy từ trong sổ ra một tấm hình ó vàng đẩy về phía tôi. Đó là tấm hình chụp một anh bộ đội và một cô gái đứng bên gốc dừa.

Trông thấy tấm hình, tôi xây xẩm mặt mày, toàn thân lạnh cóng. Tôi nhớ lại những đêm ở Bồng Sơn, nhớ cái phút giây điên cuồng đại đột. Và sau đó là thấp thỏm lo cha mất mẹ chửi. Rồi kinh hoàng khi nghĩ tới lúc Tây tiếp thu, chúng sẽ thọc lưỡi lê vào bụng những người vợ Việt Minh mà lôi đứa nhỏ ra ngoài!

Tôi nghe ông ấy hỏi: chị có biết hai người trong tấm hình này không? Tôi bặm môi một lúc rồi nói: không biết. Chị không nhớ cái đêm liên hoan trong rừng dừa hồi đó sao? ông lại xoáy thêm vào nỗi đau của tôi. Thế là bao nhiêu uất ức, bao nhiêu đắng cay, cô độc trong hơn hai mươi năm như một con sóng lớn sắp đập vào bờ, tôi muốn đứng dậy chồm qua bàn, nhìn sát vào mặt ông mà gào lên: nhớ chứ, nhớ ông đã làm gì tôi, đã hứa hẹn thề thốt rồi bỏ tôi mà đi đến hơn hai mươi năm, giờ về đây cướp mấy bao gạo của mẹ con tôi. Ông có biết tôi đã khổ như thế nào mới có được nó không? Ông biết tôi là ai sao không bảo lũ lâu la kia đem trả gạo lại cho tôi. Ít ra con ông cũng còn có được hột gạo mà ăn. Các ông vào đây cướp thì có chứ quản lý thị trường cái nỗi gì.

Tôi tức nghẹn, nhưng vẫn cố giữ bình tĩnh nói với ‘giọng rần rỏi chính tôi cũng không ngờ: nếu tôi đến đây chỉ để ông tra hỏi như thế này thì tôi thấy không cần phải ở lại nữa! Khoan đã, ông cũng đứng lên nói, giờ, chị có thể đem mấy bao gạo về! Nhưng tôi trở nên cay nghiệt: đó không phải là gạo của tôi, mà là của cướp giật. Các ông cứ nhập kho rồi chia nhau!

Tôi ra khỏi trụ sở phường, người lão đảo cứ như say. Tôi đi tới đi lui, đi hoài cho đến khi mệt lã mới nằm dài trên một ghế đá ở công viên. Tôi nghĩ đến ngày mai, đến con tôi. Đã có lúc tôi muốn chạy đến trụ sở phường gặp ông ta, bảo rằng tôi biết hai người trong tấm hình đó. Tôi hình dung ra cảnh ông ôm choàng lấy tôi và cả hai cùng khóc. Ông sẽ bảo với mọi người trong cơ quan, đây là người vợ ông đã tìm lại được. Còn tôi sẽ bảo với con, đây là cha của con. Và cuộc đời của chúng tôi sẽ khác.

Nhưng chút tự trọng của một người đàn bà níu chân tôi lại. Ông hẳn đã biết tôi là ai vậy mà cứ vòng vo hỏi tới hỏi lui. Ngày ấy tôi đã mê muội đem dâng hết cả đời con gái cho ông. Giờ đây ông còn muốn tôi quỳ xuống nữa sao? Ông kiêu ngạo hay sợ đảng đến nỗi không dám nhận một con buôn làm vợ?!

Tôi đứng lên, lúi thủi một mình đi về nhà. Con gái tôi hỏi, không xin lại được sao mẹ? Tôi lắc đầu. Tôi nghe nó thở dài giống như tôi cách đây hơn hai mươi năm.

Từ đó tôi thôi chạy chợ, kiếm nghề khác để khỏi phải gặp ông. Lúc đó tôi 39 tuổi, con gái tôi 21. Cũng đã đến tuổi lấy chồng. Cầu trời cho nó không lấy phải người chồng một đêm!

11.11.2014

NGƯỜI ĐÀN ÔNG MÙA THU

ÂU THỊ PHỤC AN



Phác thảo của Thân Trọng Minh

Thật là muốn điên luôn, cú điện thoại hồi khuya đập vỡ biết bao cảm xúc của những ngày lẻ loi..., chàng như nắng của mặt trời đã từng dội những tia ấm áp vào cõi lòng trống vắng, giờ thì chàng đã nói “chia tay đi em”. Cuộc hẹn 9 giờ sáng, nhưng tôi có thói quen không bao giờ trễ hẹn nên 7 giờ đã lui cui sửa soạn. Nào áo nào quần, giày dép, túi xách. Không phải như đàn ông chỉ mặc đồ cái rột là ra đường được rồi, đàn bà sao mà khôn khổ thế này?? Tôi bàn thần trước đồng quần áo.

Thật sự thì tâm trạng không tốt, đang thất tình mà, thôi dọn vào một bộ đồ đơn giản thôi, đi dép kẹp cho nhẹ nhàng bước chân, nổi ử dột được che bằng cặp kính lão. Gặp giới văn chương nên tôi đem theo cái túi xách lớn, đựng trong đó là mấy cuốn thơ tôi sẽ gửi tặng cho người bạn bên Mỹ, mà qua cuộc hẹn này, tôi sẽ nhờ một nhà văn sắp quen đem đi gửi. Vậy là tôi ra đường, lên xe bus trong trạng thái lơ mơ, hình như có những hạt mưa li ti rơi xuống tóc thì phải, ôi, kìa, nắng hay mưa có hề gì.

Nhưng xe chạy được một một lát thì mưa đổ xuống ào ào ngoài khung kính, mưa loang loáng và mưa tả tơi. Giật mình chợt nhớ đã không đem theo áo mưa. Ôi không sao, mưa Sài Gòn mà, Sài Gòn như thiên hạ nói, một cô nàng đồng đánh, muốn nắng thì nắng, muốn mưa thì mưa, cứ là... bất chợt không ai đỡ nổi.

Đang là tháng bảy mưa ngâu, mưa vẫn sục sùi, những cơn gió mang theo từng hạt mưa nhỏ xíu, tôi bước nhanh đến chỗ hẹn. Vài người đàn ông ngồi quanh một bộ bàn ghế thấp ven quán, một người nhồm lên vẩy tay ngoắc và gọi tên tôi, tôi tấp vào, vượt nhanh những giọt nước trên mặt, hai tay vung vẩy, tôi nghĩ thầm “mấy ông này điên, sao không vô trong mà ngồi”. Rồi tôi ngồi xuống cái ghế mà ông bạn vừa đưa tới. Sau một màn giới thiệu, tôi hỏi “mình ngồi đây chờ luôn hả anh Hưng?”. “Chưa biết sao đây, đang chờ phone coi sao cái đã.”

Từng cơn gió thổi tới, tôi ngồi kè né tránh mưa tạt, cổ áo rộng làm phơi ra cái cổ trần trụi, cái áo khoác nhẹ không ngăn nổi sự ướt át như đang thấm vào da thịt, tôi nhấp nhồm, bực bội, còn mấy ông thì cứ ngồi tỉnh bơ nói chuyện gì đó, không thèm để ý đến những giọt nước trên mái hiên cứ nhỏ giọt xuống chỗ ngồi. Tôi đã thấy lạnh. Một chiếc xe máy tấp vào lề, một ông ngồi sau xe leo xuống, trên tay khệ nệ một chồng sách đựng trong túi ni lông, Hưng quay sang tôi nói với “nhà văn X đó, ông chuyên đi xe ôm.” Tôi đứng lên chào ông X, ông vui vẻ chào lại. Hưng giới thiệu hai bên. Ông X và tôi bắt tay. Rồi ông quay sang Hưng nói “thôi mình đi tới quán ăn luôn đi, ông hẹn 11 giờ mới tới được”

Tôi la trời trong bụng, biết vậy đừng đi sớm.

Cả bọn lục đục đứng lên rồi cùng rảo bước đến cái quán ăn nào đó, nghe Hưng nói đi bộ đến đó cũng không xa lắm. Trời vẫn mưa, không gian xám ngắt. Không có gã đàn ông nào trong đám galant chút xíu bằng cách tỏ ý quan tâm đến một phụ nữ đang thất tình phong phanh

tắm áo trong mưa..., họ cứ rào bước. Cái thời đó qua lâu rồi, mình cũng đâu còn tuổi thanh xuân, cả bọn giờ còn tiếc thương mấy cái chữ nên còn cố tìm nhau để chia sẻ thể thôi, và cũng vì thế tôi mới ra khỏi nhà, ôm theo mấy cuốn thơ để gửi cho mấy người quen bên kia, cũng không biết để làm gì...

Một cái quán ăn coi bộ âm cúng hiện ra, cả bọn bước vào.

Trà đá được đem ra, ác thật, khát nước thì cũng có khát nước, mà ngật nổi đang lạnh cóng mà ướp mấy cục nước đá vào! Sau đó là lại chờ và trò chuyện trong lúc... không biết nên làm gì. Điện thoại trong túi Hưng lại được móc ra nghe, rồi lát sau vài người đàn ông nữa lác đác đến. Họ cũng là những cây bút một thời. Tôi cũng không ngờ có lúc lại gặp họ. Tôi đứng lên bắt tay từng người sau khi được giới thiệu. Một chút ấm lòng khi được mấy người trong số họ biết đến tên mình.

Nhưng tôi vẫn thấy lẻ loi giữa một đám đàn ông. Sao không có phụ nữ nhỉ? Tôi ngán ngẩm ngó mãi cái đồng hồ treo trên tường, rồi tôi lại nghĩ đến Tân, người mà tôi muốn gửi cuốn thơ qua để tặng, một ông nhà văn có cái tên lạ hoắc sẽ đem qua giúp tôi, và thế là có cuộc hẹn này, qua Hưng.

Mặc kệ các ông đang trò chuyện râm ran, tôi cứ ngóng ra đường, trời vẫn mưa lất phất. Tôi uể oải, chán nản vì chờ đợi. Cú gọi hồi khuya của chàng vẫn quay quay trong đầu...

Rồi người được chờ đợi cũng đến. Một chiếc taxi xịch đến bên hiên. Hai người trên xe bước xuống. Cả bọn vội đứng dậy đón, tôi cũng đứng lên, góm, có phải nhân vật quan trọng nào cũng cố đến trễ thế không? Vì là người mình sẽ nhờ cậy nên tôi ráng tươi lên một chút. Theo lời Hưng đã nói trước, tôi biết họ là hai vợ chồng, từ Mỹ về, và ngày mai họ sẽ bay về Mỹ.

Người đàn ông bước vô, với vợ theo sau, thật lạ lùng là ông ta bắt tay tôi trước hết, đôi mắt có tia nhìn xoáy nhìn thẳng vào mắt tôi làm tôi hơi giật mình. Hưng giới thiệu. Ông ta nói “chào chị, tôi có biết danh chị, nay mới có cơ hội gặp”. Ông ta siết tay tôi, cái siết tay nhanh mà chặt, ám áp lạ lùng, làm tôi lúng túng chào, cố mỉm cười mà hồn phách thì lơ lửng trong vũng tối không tên. Người vợ gọi món ăn, những món Huế được dọn ra. Cuộc trao đổi sách và văn chương lại râm ran giữa những người đàn ông. Bên ngoài trời vẫn âm ảm vì mưa. Tôi đã quá mệt mỏi nên không hào hứng gì với cuộc trò chuyện, chỉ thỉnh thoảng cười xã giao. Sau đó tôi lịch sự nhờ ông Kim Kha đem giùm mấy cuốn thơ qua cho Tân, sau khi kí tặng ông ta một cuốn. Trong lúc băng quơ nhìn ra ngoài, thỉnh thoảng tôi vẫn chạm phải tia mắt của ông Kha cứ xoáy nhanh vào mắt tôi, nhanh và sắc, ánh mắt như muốn cuốn tôi trôi về một cõi xa nào, ở đó, nhất thời tôi không còn chàng và cú phone đêm qua. Bỗng ông đứng lên chia ra một tờ giấy cho tôi, ông nói to “giờ quý vị ghi cho tôi địa chỉ email nhen”, tôi nhận tờ giấy và đọc thấy một hàng chữ “Tôi tên Trần Tường Duy, đọc rồi xóa giùm”, tôi ngỡ ngàng nhưng cũng làm theo, tôi xóa vội câu viết rồi ghi địa chỉ của mình, sau đó chuyển qua cho người ngồi bên cạnh.

Chia tay, tôi đứng lên cùng đi song song với người vợ ra ngoài, mơ hồ thấy ông Kha lảng xảng bước đi trước rồi lại lùi ra sau lưng chúng tôi, rồi ông lại vượt lên đi đến chiếc taxi đang đợi, khi chúng tôi bước tới gần, ông nói nhỏ như chỉ đủ cho tôi nghe “chị đi một mình à?”. Tôi gật đầu. Ông bần thần muốn nói gì đó thì người vợ hỏi, đi anh, mưa kia. Ông lính quính lên xe. Tôi chào rồi bước đi. Vẫn không có người đàn ông galant nào theo sau tôi lo lắng như ngày xưa..., không hiểu sao khi cảm cúi bước đi, tôi mơ hồ có ánh mắt ai đó đang nhìn theo... Bất chợt tôi thấy có chút gì đó giận dữ, mấy

người có biết hạnh phúc của người này là một sự mai mỉa đối với một người khác, nhất là một người đang thất tình cô đơn, lầm lũi đi dưới những chiếc lá bay, với một cơn mưa đang ập tới.

Mọi người đã tản ra về hết, mỗi người một ngã, mỗi người về một mái ấm hoặc không hề êm ấm, ai biết được, vòng quay của cuộc sống vẫn lặng lẽ tiếp diễn như những cuộc gặp gỡ rồi chia tay. Tôi chợt thấy lạnh, mưa rơi nặng hạt hơn, tôi vội ghé vào một cái quán nhỏ, té ra là quán bún, tôi gọi một tô và thong thả ăn, với nỗi buồn nặng nặng trong lòng. Thì ra sớm giờ mình chả thấy có gì vừa miệng, mà còn tệ hơn, gì cũng thấy... đáng đắng.

Tôi bị cảm lạnh hết một tuần sau ngày đó, cũng là cái cớ để một mình trùm chăn nằm khóc, nhớ, giận, hờn, mà cũng là tức tưởi cho cuộc tình vừa qua. Cú phone chết tiệt đó thật khó tin đó là cuộc gọi sau cùng, và cũng khó tin hơn, là tôi vẫn còn quá yếu đuối để vẫn cứ trông mong có một lần nào chàng còn gọi lại. Có thể nào gọi đó là một cuộc tình? Gần một năm chat qua chat lại trên mạng, biết mặt nhau chỉ có mấy tấm hình, vậy mà cũng mong ngóng nhớ nhung, còn có gì hơn để lấp đầy những ngày ngày, đêm đêm trống vắng đây? Cuộc tình không cần gặp không cần đeo nhẫn cưới không chút mơ mộng điều gì khác hơn là những tối chào anh chào em hôn anh đi hôn em đi em đang mặc áo màu gì anh đang mặc áo màu gì. Vậy mà cũng cả gan nói lời chia tay. Chia hay không chia thì mất mát gì cơ chứ? Bỏ lại tôi một khoảng trống tiếp tục, bỏ lại tôi tiếng tích tắc của đồng hồ, bỏ lại tôi ngơ ngác trống trải trùm chăn hằng đêm tức tưởi chửi thề... Điều đáng thương nhất của loài người (hay chỉ là của tôi?) là không chịu nổi sự cô đơn.

Tôi bỏ không lên máy một thời gian, tôi cố bỏ cái thói

quen khổ hạnh của sự ngồi bần hoạn trước cái inbox vắng một cái nick quen, tôi không dám ngó trừng trừng cái màn hình từ nay đã thiếu đi chàng, chàng đã biến, đã bốc hơi trong đời tôi... Tôi trốn. Trốn cái lối nơi tim. Hình như có chút máu đã tươm ra. Tôi hận. Hận một trò chơi không bao giờ thấy trúng cái vòng vào cổ con vịt. Rồi tôi tự an ủi mình. Dầu sao cũng có được một cuộc hưng phấn dài, dầu sao mình cũng đã được vui về...

Cái email của người có tên Trần Tường Duy chợt hiện ra trước mắt tôi trong một khuya mở lại mailbox. Vài hàng làm quen, vài hàng khen ngợi về những bài thơ tôi suýt quăng bỏ, mà một người bạn văn chương đã gom lại in ra, anh nói bỏ uổng (thì cũng uổng thật, tôi nói, mà in ra chỉ để rồi lại bỏ công vác đi tặng, bỏ công ra bưu điện, dán tem gửi đi...) làm tôi thấy thương những cuốn thơ mà mình lỡ mang nặng để đau quá chùng... Tôi lịch sự trả lời thư, sau khi cũng viết vài lời lan man về tình hình văn nghệ của những kẻ sĩ không có đất để ngồi, tôi còn nói “cái tên của anh làm tôi nhớ đến một người quen cũ trùng tên anh, tên người giống người cũng vui há anh?”

“Cũng vui” anh nói, biết đâu tôi cũng dựa hơi được chút ân tình và cái quá khứ của một người trùng tên nào mà cô đã quen...”

Trao đổi qua lại vài cái thư thì một đêm nọ Duy gọi cho tôi. Toàn nói chuyện văn chương. Thời đại của văn chương. Nỗi buồn của kẻ sĩ. Và nỗi lo lắng cho một tương lai văn học rã rời trôi giạt. Nói trúng tim đen, tôi trở nên hào hứng trò chuyện không thôi. Duy là một nhà văn mới xuất hiện sau này, dù theo anh nói, anh đã viết, đã có bài đăng báo từ rất lâu, từ hồi 16 tuổi. Tôi cười hi hi. Hạnh cũng là cây viết mần non, khi 14 tuổi. Anh biết tờ Măng Non không? Hạnh có bài thơ “Con chim họa mi” vui lắm đó. Rồi cái tùy bút “Khắc

khoải” khi 16 tuổi. Ha ha. Mười sáu tuổi mà khắc khoải cái nỗi gì? Toàn là nói dóc.

Không hiểu sao càng ngày Duy càng “chăm sóc” tôi nhiều hơn, khi Duy thân thiện thì tôi tìm cách đẩy anh ra. Tôi mệt mỏi với loại quan hệ nửa vời này, nói chung là không còn hào hứng với đàn ông. Cho đến một ngày Duy nói: “anh biết em từ khi em ký Phương Ly Tâm, khi em viết cho một tuần báo, anh vẫn nhớ cái truyện em viết, từ năm 1972”. Tôi giật nảy. Trời, cái bút danh chỉ viết có một vài bài rồi bỏ, ngoài tôi ra thì ai biết chứ? Thế là tôi điên lên. “Anh là ai mà biết tên đó của Hạnh”. “Ồ chỉ là tình cờ đến chơi tòa soạn, đọc thấy thích, rồi hỏi mấy ông nội trong tòa soạn, biết luôn tên thật của em, và bây giờ biết cả cái bút danh lầy lùng hiện tại của em. “Tôi gất gổng “tên với tuổi gì chứ, chỉ toàn là phù du thôi”

(Trời, mấy chục năm, tôi chạy vật vờ trong cuộc đời nào hay biết có một người đã, nói như anh, khe khẽ ở bên cạnh mình như một chiếc bóng không rời!) Tuy ngạc nhiên nhưng tôi cũng thấy vui vui, một thời trẻ tuổi viết nhăng cuội là một thời đẹp đẽ ngây ngô, giờ còn có người nhớ đến tên mình làm tôi cũng thấy thích thú. Vậy là tôi cho phép Duy đến gần tôi hơn trong các cuộc chuyện trò, chẳng qua là để không còn thấy cô độc nữa. Và lại, cái tên của Duy giống với tên của một người trong quá khứ, cũng khiến tôi có thêm chút cảm tình. Thỉnh thoảng thì Duy biến đâu mất trong khi tôi có cảm giác mình cũng bắt đầu thấy đỡ buồn hơn với những lần trò chuyện, bắt đầu nghĩ chàng nào cũng chàng, miễn có một người cùng ngồi trước bàn phím gõ gõ với mình, đồng cảm với mình từ chuyện trên bàn viết đến cả chuyện... trên giường, coi như người cũ vẫn chưa bao giờ cũ... (Tội nghiệp tôi, tôi cô đơn đến thế sao?), để rồi, Duy lại bất chợt xuất hiện với những chuyện kể vui vẻ (những khi như vậy tôi mới biết mình đang... thế nào). Tôi không biết gì nhiều về Duy, cũng không quan tâm

tình bạn loại này sẽ đi đến đâu, hay đúng hơn, tôi coi Duy như một Trần Tường Duy năm xưa, hoặc gần nhất, người đàn ông của thế giới ảo kia chưa hề gọi cho tôi cú điện thoại giữa khuya nói lời từ giã hôm nào, để những vòng tay ảo vẫn quấn quýt nhau, ôm chặt em đi anh, hôn anh đi... (Tôi muốn nghĩ vậy, thực tế, với Duy tôi chưa hề buông thả hay có vẻ gì... mời mọc, chỉ là nghĩ, muốn nghĩ ỉ, vì, rõ ràng Duy không hề ảo chút nào, cũng không mơ hồ như khuôn mặt lơ mơ bóng đêm trên đám cỏ ướt lạnh...) Và rồi trong một lần trò chuyện tôi cao hứng kể cho Duy nghe câu chuyện cũ, về một người cũng tên Trần Tường Duy.

Quả thật có một quãng đời không bao giờ muốn nhắc lại, nhưng sự thật rõ ràng là không thể nào quên. Nó đã là một ám ảnh. Đôi khi là những tiếc nuối. Đôi khi là định mệnh. Cuối cùng lại là số phận. Bốn lần vượt biên không thành. Hai lần bị bỏ tù và hai lần chạy thoát (trong đó có một lần suýt chết, trong lần đã qua tới Thái Lan). Tôi nhỏ bé mà lì lợm không chịu thua số phận, để rồi cuối cùng cũng phải chịu thua.

...Có tiếng súng nổ vang, cả đám người trên ghe chộn rộn nhưng nín thở. Một chiếc tàu ào tới. Ai đó la lên” Trời ơi, tụi nó, thân ai nấy lo nhen”. Tiếng bùm bùm của những người nhảy xuống nước. Súng lại nổ cùng tiếng quát tháo như xé rách màn đêm. Tôi đang lính quính thì có tiếng ai đó bên tai.” Cô biết bơi không?”. “Biết”. “Vậy thì nhảy”. Ai đó nắm chặt tay tôi rồi lôi tôi nhảy xuống biển. “Đừng ngóc đầu lên, lặn đi, lặn theo tôi.” Tôi nghe theo giọng nói của một người đàn ông, hít một hơi rồi lặn theo tay níu của ông ta. Đầu óc tôi quay cuồng theo những hơi thở gấp vì mệt. Chúng tôi nhô lên thở rồi lại lặn xuống. Không biết đã bơi tới đâu, có xa cái bãi biển đó chưa?. Thình thoảng người đàn ông ngược lên trời định hướng rồi bơi tiếp, về đâu tôi không biết, tôi mù tịt vùng biển này. Một lúc sau

ông ta thì thảo” thoát rồi, cô nghe đi, im rồi phải không?”. Tôi đứng cổ khi nghĩ tới thằng em trai, không biết nó có thoát?. Hướng về những đám cây đen ngòm ven biển, tôi và ông ta bơi tới. Khi cùng đặt chân đứng lên bãi bùn, cả hai chúng tôi loi ngoi ướt sũng. Nghe trong hơi gió như sắp có mưa, chúng tôi nắm tay nhau bước lúp xúp về phía đất liền, rồi mưa giông ào tới..., chúng tôi chạy..., càn qua cỏ sậy nghe rào rào dưới chân. Tôi run lên vì lạnh.

Có lẽ đã xa vùng nguy hiểm, người đàn ông dừng lại ngó quanh rồi dắt tay tôi bước tới một lùm cây rậm rạp, mưa cũng vừa dứt.

Dùng chân đạp những thân sậy vươn cao rạp xuống để lấy một chỗ vừa rộng cho hai người ngồi, người đàn ông nói” Cô ngồi xuống nghỉ ngơi đi, nếu mệt thì nằm tạm, tôi ra ngoài canh chừng ghen”. Tôi nằm vật ra thờ. Nếu có chết vì cảm lạnh thì cũng là một cái chết nhẹ nhàng và nhanh chóng. Chết vì chết đuối trên biển thì bơ vơ quá. Tôi suýt chết trên biển. Giờ thì tôi chưa chết vì cảm lạnh, tôi chỉ quá lạnh thôi. Không biết tôi có ngủ không vì bỗng dưng tôi giật nảy người khi nghe tiếng quát lớn phía ngoài đám cỏ , rồi có tiếng người lao xao bước vào, tôi ngước lên và kinh hãi nhận ra một họng súng đang chĩa vào đầu người đàn ông đã cứu tôi. Một thằng công an ở đâu lòi ra như một cơn ác mộng. Hắn hất đầu súng về phía tôi. “ Con kia, đứng lên, tội bây vượt biên phải không?” Tội tôi vợ chồng ra coi rẫy mắc mưa anh”.” Coi rẫy gì mà giò căng dính sinh dử vậy, giỡn mặt tao hả?”. Hắn rọi đèn pin vô mặt tôi nhìn lom lom.” Con này coi ngon, tao ra điều kiện, để tao làm tao thả, còn thằng kia, có vàng , tao thả cho đi.”Tôi nói,“Ông ơi ông có bà ngoại không?” Hắn trợn mắt” Hỏi chi vậy, ai không có bà ngoại?”(mẹ mày)”. Nếu ông có bà ngoại bà sẽ buồn lắm”(thằng chó). Tôi lại hỏi” Ông có con gái không?”(chó đẻ mày). Hắn chần chừ, tôi bồi tiếp” Ông để đực cho con gái đi”(mả cha mày). ..Một cú

đá bay tới cánh tay cầm súng của thằng công an, và người đàn ông nhanh như chớp chồm tới quặt hai tay hắn ra sau lưng. Cây đèn pin và cây súng lặn xuống cỏ. Tôi nhanh nhẹn xé áo trói tay hắn lại. Người đàn ông chộp khẩu súng dí vào đầu thằng công an ả xuống. Tôi trói luôn hai giò hắn. Hắn còn có bà ngoại, có mẹ, có con gái...

Người đàn ông ném súng về một phía xa, cùng tôi chạy thêm một đoạn nữa mới dừng lại. Lại dẹt đám cỏ cho tôi nằm, người đàn ông cởi áo ra khoác cho tôi. Tôi run lên vì lạnh. Bàn tay anh rụt rè nắm tay tôi.” Tay cô lạnh quá, cô lạnh lắm phải không?”. Tôi rên hừ hừ. “ Cô cởi hết đồ ra đi, tui trải lên cỏ, có gió sẽ mau khô thôi, để vậy cảm lạnh đó, xích lại đây tui ôm cho cô ấm nhé, tui cũng phơi đồ đây”. Anh nhanh nhẹn cởi hết quần áo ướt ra và cũng trải chúng lên ngọn sậy phơi gió. Trong hoàn cảnh này, tôi im lặng. Anh nhẹ nhàng kéo tôi vào lòng, lưng tôi nằm trọn trong lòng anh, hai tay anh ôm sát tôi, hai bàn tay anh áp lên hai bàn tay tôi. Tôi rùng mình nghe tiếng thở anh sau gáy, tiếng thở gấp nhưng nhẹ nhàng. Hơi ấm từ anh lan tỏa vào tôi, rất ấm, có lẽ anh cũng ấm..., tôi thiếp ngủ...

Trong cơn mơ màng tôi xoay người lại ôm anh, rồi trong cơn ngái ngủ tôi nghe mình thì thào” Anh... ầy em đi, em còn trinh đó”...

Tôi nhớ, nhớ rất rõ, Duy nâng tôi lên trong lòng anh, nâng niu, nhẹ nhàng, anh hôn dài lên ngực tôi. Đôi chân tôi mở ra. Vòng ôm siết chặt nhau. Tôi run rẩy. Và khóc. Và cười. Có lẽ chút hạnh phúc này như một thiên thu sẽ không bao giờ trở lại.

Chúng tôi đi men theo mấy cái rẫy dưa hấu rồi ra tới đường lộ.

Trời chưa sáng hẳn, nhưng ở phía biển xa những dải

mây nhen lên ánh hồng như những tia lửa nhỏ. Chúng tôi sắp chia tay.

Anh nói “Anh chưa biết tên em”. Tôi cười” À há, em tên Kiều Đức Hạnh, em thích viết lách, bút danh em là Phương Ly Tâm, là Cỏ Non, là Họa Mi...”. Anh kêu lên” ồ, hình như anh có biết em đó, thích nhỉ, còn anh tên Trần Tường Duy, anh cũng viết lách nhưng anh viết dờ ọc, anh là lính Việt Nam Cộng Hòa, cho anh hỏi tí thôi, sau này còn đi nữa không? Tôi cười ha hả “Đi nữa ...”

Quả thật tôi còn đi nữa, lần này tôi đi với một bạn học, chúng tôi đi lọt tới Thái Lan, ở đó 4 năm rồi bị hồi hương, khi về lại Việt Nam chúng tôi có một con trai 2 tuổi. Vợ chồng tôi sau đó mở một quán ăn nhỏ lầy lắt cho đến khi chồng tôi qua đời...

Duy cười ha ha qua điện thoại. “Lần đó trong đám cỏ có gì không?”

Tôi nói. “Nếu anh là Duy hỏi đó thì có gì không thì anh phải biết hơn em, phải không? À, mà anh có phải Duy hỏi đó không?

“Không phải, nếu phải thì anh đâu có hỏi em?”
Ừ, chỉ là trùng tên thôi.

Nhưng càng ngày tôi lại thấy Duy tìm cách xích lại gần tôi. Duy có một giọng nói ấm áp và thính thoảng rất gọi tình khi trò chuyện với tôi. Tôi nghĩ. Anh chàng này cũng khéo dữ, muốn tán mình đây! Tôi cũng thấy vui vui qua những câu chuyện mà tôi nghĩ là không ai đời này rảnh rỗi và chịu tốn tiền điện thoại để đi tán tỉnh một người đã lớn tuổi như mình. Duy có cái cách cười nhẹ và gọi tên tôi” Hạnh ơi, Hạnh ơi” rất nồng nàn làm tôi đã bắt đầu thấy lung lay, một lần Duy đã tạm biệt tôi bằng những lời đầy xúc động” thôi , anh đi làm đây, ngủ đi, bye cung!”(quá lâu rồi không ai gọi mình là cung). Có một lần Duy ồm ồm “nếu anh về gặp em, em có cho anh một đám cỏ mới không?”. Nghe Duy hỏi, tôi không

phản đối, chỉ có loanh quanh đánh trống lảng, “Thôi, cái gì để nó ảo ảo vui hơn, phải chỉ mình gặp nhau sớm hơn vài chục năm, bị giờ em ngại đụng phải thực tế lắm, chưa kể là em sẽ không chịu nổi sóng gió...” Tôi bất chợt thấy như lòng bỗng như vừa mới lớn, tôi nhớ đám cỏ sương rạo rực thanh xuân, nhớ Trần Tường Duy xưa quá. Nhớ Duy xưa, tôi cố hình dung gương mặt anh nhưng không thể nhớ nổi, chúng tôi có gần một đêm bên nhau và chỉ thấy mặt nhau khi trời vừa rạng sáng. Có vẻ như Duy coi thường tôi thì phải. Tôi hơi bức. Dầu gì cũng cảm ơn anh đã ở bên tôi trong thời gian tôi đỡ điên dở tình vì thất tình, đã giúp tôi vượt qua nỗi hụt hẫng cô đơn. Bây giờ tôi đã tỉnh táo, đã hiểu. Không biết nhờ Duy giúp tôi hiểu hay như người ta thường nói, thời gian, rồi gì cũng qua. Có nhờ gì thì tôi cũng không còn hứng thú làm trò tiêu khiển cho những anh chàng (già có trẻ có) rùng mớ trên mạng ảo nữa. Kể cả Duy.

Đã là tháng mười. Thành phố vẫn ướt át bởi những cơn bão rút từ những miền xa. Tôi vẫn thế với thời gian trôi qua trên mái tóc và một nỗi trống vắng đôi khi mệt mỏi của tâm hồn. Nửa đêm, chuông điện thoại reo vang. Tôi giật mình cầm máy và hơi bức. Nhưng..., ôi! là giọng nói của Duy. Tim tôi hơi lói. “Hạnh ơi Hạnh ơi”. Tôi lại bị ru hồn. “Hạnh ơi, thôi anh nói phút cho rồi, anh đã suy nghĩ rất nhiều, mấy mươi năm qua anh chưa bao giờ quên em, anh luôn nghĩ về em, anh tìm em trên mạng, rồi anh đã gặp em... trên blog của em, anh... anh chính là Trần Tường Duy xưa đây”.

Tôi giật bắn người, hầu như muốn ném cái điện thoại, tay tôi run lẩy bẩy.

Như bị ngợp thở, tôi thì thào, nước mắt ứa ra “Trời ơi! Anh, anh, Duy, Duy, anh... Sao có thể vậy được?

Anh... dột em hả?” Cùng một lúc, bao nhiêu ý nghĩ ập tới tim óc tôi như sóng xoáy lên bờ. Tôi nổi giận dưng dưng. Sao Duy có thể đối xử với tôi như vậy, hơn ba

tháng qua Duy đã vờ làm quen, vờ chọc ghẹo. Có phải vì Duy không thể đi đến tận cùng với tôi nên đã im lặng cho đến bây giờ mới nói ra sự thật? Duy sợ tôi phải khô, hay Duy sợ cái người đàn bà đi bên cạnh kia? Sợ này sợ nọ thì tại sao phải tìm kiếm để làm gì? Chưa bao giờ quên, đọc em trên mạng, chui vào blog chỉ để hèn nhát lặng im giữa một khoảng cách mênh mông như hai vì sao Hôm, Mai. Và nếu không phải là tình cờ, do chính tôi chủ động tìm đến làm quen, thì khoảng cách ấy còn hư ảo đến bao giờ? Ba tháng! Phải đến ba tháng mới hiểu là mình mừng vui được gặp lại một người mà mình hằng mong đợi ư? Có phải để lại một lần nữa xa nhau? Và vĩnh viễn xa nhau trong nỗi thất vọng tột cùng? Tôi muốn la lên thật to, anh im đi, anh có biết anh chưa bao giờ mất tôi... cho tới hôm nay không? Anh có biết giá như anh nhận ngay từ đầu hay là không bao giờ nhận thì đỡ đau cho tôi biết bao không? Con choáng váng làm tôi buồn nôn, đầu tôi nhức buốt. “Hạnh! Hạnh ! Em còn đó không? Anh xin lỗi em! Anh xin lỗi em!...”

Tháng 8/2014
ÂU THỊ PHỤC AN

THƠ NHIỀU NGƯỜI



Nguyễn Thị Liên Tâm

MẶT TRỜI RƠI TRÊN ĐÔI XÍCH THỐ

Chạng vạng về trên đôi Xích thố
Khói nhà ai thương nhớ quện mây trời
Chần chập thôi, chầm chập... chiều rơi...
Ta đốt lửa, bồi bồi, năm tháng
Khói níu mây, mây níu chiều, phiêu bạt
Ráng hoàng hôn rừng rực cháy trên đôi

Xích thố, ngựa phi về phía chân trời
Bụi đỏ rừng rùng, cuốn mùa thu vào gió ngược
Bụi đỏ bay đi, tình ơi... Ô thước
Giọt mưa Ngâu chạm cõi vô hồi!

Chiều một mình, Đôi Xích thố ...với ta thôi
Vọng mê mãi, vó câu chiều chạng vạng
Ta ngất ngưỡng, ta bới chiều khô hạn
Nặng nặng bước chân, say lúy túy cõi mê người.
Bụi đỏ... ai mang tình ấy đi rồi...

Cà Ty chiều 8/8/2014

ĐÌNH QUÍ NHƯỞNG

Bài Thơ Không Đề

(tặng Từ Thế Mộng)

Dù anh tóc đã điểm sương
Gặp em giữa đường vẫn thấy băng khuâng...

Má em hồng
Bềnh bồng lưng tóc xòa
Nhà em xa
Xa mấy anh cũng theo...
Qua hết ngã tư
Qua cầu cuối phố
Đến con đường cuối chợ , tắt ngang
Anh đứng lại
Chợt thấy mình ngớ ngẩn !

Linh Phương

LÃNG TỬ VỀ ĐÂU ?

(Cảm hứng mấy câu thơ của Tôn Nữ Thu Dung)

Lên đường về đâu ? Ôi ! Lãng tử
Lòng cứ buồn thất ruột thất gan
Sinh bất phùng thời nên ta khổ

Trời ơi ! Đã mấy chục năm ròng

Rượu uống mềm môi sao không khóc ?
Chưa say mà lệ cứ rơi đầy
Trượng phu ta chết ngày giông bão
Còn kẻ phàm phu sống lắt lầy

Oán ư ? Ta oán đời dâu bể
Trường an thất thủ sớm mai nào
Hận ư ? Ta hận đời chó đẻ
Cởi giày saut-nón sắt mà đau

Lên đường về đâu ? . Ôi ! Lãng tử
Không cửa, không nhà biết về đâu ?
Thua trận ta làm tên ngựa tặc
Trả nợ máu xương với đồng bào

Đồng bào lặng lẽ lau nước mắt
Nhìn ta chịu nhục lúc sa cơ
Vô rừng đón củi rồi ra biển
Vá lưới ngồi mơ bóng lá cờ

Người yêu ta mất hôm Xuân Lộc
Khói trắng quanh trời mảnh khăn tang
Khăn tang ta quấn trên đầu súng
Hồn em theo mây khói Sài Gòn

Lên đường về đâu ? . Ôi ! Lãng tử
Mất quê. Ta xuôi ngược giang hồ
Lưu lạc. Ồ ! Thì ta lưu lạc
Qua bến sông đầy nước tháng tư

Tháng tư ta đứng bên góc phố
Ngơ ngác tìm hoài tuổi hai mươi
“... *Túy ngựa sa trường quân mạc tiểu*
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi) (*)

(*)**Lương Châu từ** (凉州词) là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt nổi tiếng của [Vương Hàn](#)

Thái Tú Hạp

AN TRÚ VÀO THƠ

Ngậm ngùi đứng giữa ngàn xanh
Nghe chim pháp thoại trên cành tử sinh
Mùa xuân trải lụa bình minh
Ta như bóng núi soi mình sông xưa

Chiều lên tiếng nắng đông đưa
Bên giòng suối bạc tóc vừa điểm sương
Sớm mai rạng rỡ yêu thương
Chiều hương lửa hóa vô thường bay xa

Đời buồn vui vẫn thiết tha
Trăm năm như ánh trăng tà đầu non
Mai về tỉnh thức nguồn cơn
Nghe sông núi thở trong hồn quê ta

Ngược xuôi dâu bể trầm sa
Tình phương thảo kết đậm đà mai sau
Ngày về nghe quá nhiệm màu
Dù nhau lên đỉnh tinh cầu mộng mơ

Nắng mưa an trú vào thơ
Dầu Tàng-Kinh-Cát bụi mờ khói sương
Cỏ thơm vô tận trầm hương

Nguyên sơ xuân thắm trọn phương ân tình

Ta về qua ngõ trúc xinh
Sông trầm tư hẹn nắng trinh nguyên chờ
Một trời hoa bát ngát thơ
Lòng băng khuâng nhớ dạt dào ý xuân

CÂU THƠ NỐI KẾT TÌNH NHAU

1.

sớm mai đá nẩy hoa vàng
núi non xưa cũng bàng hoàng động tâm
ta về thăm hỏi cô nhân
canh gà hiu hắt chiều hoang vắng buồn
con đường mấy cỗi hư không
tiếng chuông tỉnh thức vọng đồng thu quê
chim qua rớt hạt bồ đề
trăng linh thúu tỏa dặm về non mây

2.

thế gian khổ một kiếp người
câu thơ nối kết ơn đời cho nhau
sá gì một thoáng bể dâu
mong manh như giọt sương đầu cành mai
nụ cười thiêng mở trang đài
dấu chân cát bụi trần ai phiêu bồng
ba ngàn thế giới thông dong
mây và biển có hoài mong cội nguồn

3.

như loài chim ở với rừng
trong tiền kiếp đã một phương ân tình
nhịp cầu nối đoạn phù sinh
nghiệp duyên cửa mở bình minh quê nhà



PHẠM CAO HOÀNG

Mai kia tôi là hạt bụi

*hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi
để một mai tôi về làm cát bụi*
(TRỊNH CÔNG SƠN)

năm tôi vừa mười một tuổi
quê tôi bom đạn tôi rời
bóng ma chiến tranh quay lại
hải hùng ôi tuổi thơ tôi!

lớn lên dưới trời khói lửa
mẹ thương, lo từng bữa ăn
cha thương, lo từng giấc ngủ
chị thương, an ủi dỗ dành

rồi đến ngày tôi giã biệt
đường đời vạn nẻo tôi đi
đường đời trăm may nghìn rủi
vẫn mong có một ngày về

nhớ ngày tôi đi biển khóc
bóng cha tôi ở cuối đường
và cánh đồng trơ gốc rạ
đất còn thơm mãi mùi hương

nhớ ngày tôi đi mẹ khóc
ruộng vườn bỏ lại sau lưng

mây mù che ngang đèo Cả
đường xa mưa gió mịt mù

tôi đi và tôi đi mãi
dừng chân ở lại cao nguyên
tường đầu đất lạnh chim đầu
nào ngờ đời vẫn chưa yên

tôi đi và tôi đi mãi
quê nhà bỏ lại sau lưng
quê người gian nan vất vả
đường xa mây khói mịt mù

những chiều mùa thu lá rụng
những ngày lạnh buổi đầu đông
nhìn mây bay về cố xứ
nhớ quê hương đến thắt lòng

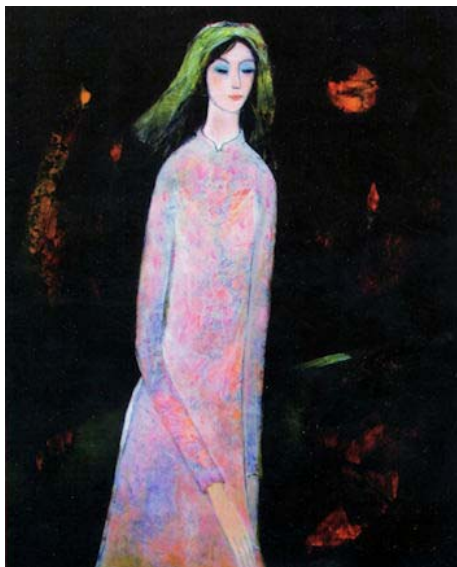
bây giờ còn mong chi nữa
tha phương gửi nắm thân tàn
mai kia tôi là hạt bụi
bay về phía Thái Bình Dương

Phạm Cao Hoàng

Virginia, November 11, 2014

Đình Thắng

CHỜ



tranh Đinh Cường

Buổi sáng
Thức dậy
Nghe trên mùa đông
Có con chim về tránh tuyết
Sao em không về?
Trên đường dây điện
Con chim về muộn
Đậu giữa sương đông
Một sợi nắng hồng
Trông em nhật nguyệt
Cũng đã trăm năm.

GIỮA TÒA SỌAN VÀ THÂN HỮU

* Trong số trước, Tòa soạn đã tường trình về tình trạng của tạp chí TQBT qua bài “Đình bản hay không đình bản”. Một số bạn đọc đã gửi thư chia sẻ và gửi quà lì xì. Xin được cảm ơn tấm lòng của quý bạn.

* Cáo lỗi: Vì số trang kỳ này quá giới hạn nên mục giới thiệu sách tạm gác. Xin thành thật cáo lỗi quý bạn đã gửi tặng sách.

* Một thân hữu ở MD: cái check chúng tôi đã **Void** và xin cất giữ để làm kỷ niệm. Trân trọng.

* Nhà thơ Như Thương: Bài “Bánh Ngũ Cốc” đọc thật xúc động.

Hy vọng sẽ nhận thêm sáng tác mới. Tình thân.

* Nhà thơ MH. Hoài Linh Phương:
gửi tặng chị mẫu quảng cáo tạp thơ dành cho “các cô bé tuổi Ô Mai” của chị do chúng tôi tìm thấy trên Khởi Hành số 114 năm 1971:

TÌM ĐỌC

● các cô bé tuổi ô mai.
● và những người lính chiến từ
quên giành riêng cho mình, cho b
bé, cho người tình

THƠ M.H. HOÀI LINH PHƯƠNG

● tuyển tập gồm 50 bài thơ n
viết về những yêu thương đắm th
và lia xa.

● bìa Trịnh Cung.

● ở xa, muốn có chữ ký của t
giả, viết thư về : cô Huyền thị M
Hương 1067 Trần Hưng Đạo, Saig
hèm bưu phiếu 1504, sách sẽ đư
gửi đến tận tay các bạn.

* Các thân hữu ở VN:

Tòa soạn Thư Quán Bản Thảo rất cảm kích trước những ân cần mà quý bạn đã dành cho tạp chí. Xin xem nó như là một mái nhà chung.

Chúng tôi sẽ gửi E Book và nếu có dịp sẽ chuyển TQBT (giấy) đến quý bạn. Xin liên lạc với anh Phạm văn Nhân hoặc NM.
Tình thân.

